Ký bởi HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

PHỤ LỤC
DANH MỤC NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 59/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Tổng số: 2.047 tên, trong đó 475 tên đã dùng đặt tên cho các đường, phố, công trình công cộng)

I. TÊN ĐỊA DANH NỔI TIẾNG, CÓ Ý NGHĨA VÀ CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU VỀ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐẤT NƯỚC, CỦA TỈNH; ĐỊA DANH ĐÃ QUEN DÙNG TỪ XA XƯA, ĐÃ ĂN SÂU VÀO TIỀM THỨC CỦA NHÂN DÂN; TÊN ĐỊA PHƯƠNG KẾT NGHĨA HOẶC CÓ MỐI QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VỚI THANH HÓA

Tổng số: 903 địa danh, trong đó có 145 địa danh đã dùng đặt tên.

1. Tên địa danh nổi tiếng của đất nước

Tổng số: 10 địa danh, trong đó có 03 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Ba Đình	Ba Đình thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, đây là cụm cứ điểm chống Pháp của nghĩa quân Cần Vương, nằm ở phía Tây Bắc xã Ba Đình.	Ba Đình	Đường, công trình công cộng
2	Cổ Loa	Cổ Loa, là Thành cổ do An Dương Vương xây dựng (khoảng năm 257 trước công nguyên) ở xã Đông Anh, Hà Nội. Cổ Loa là Kinh thành của nước Âu Lạc.	Cổ Loa	
3	Hàm Long	Hàm Long[1]: Tên một di tích cách mạng nổi tiếng, đây là nơi thành lập chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên tại Việt Nam *(gồm 7 người là Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc, Đỗ Ngọc Du, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung và Nguyễn Tuân do đồng chí Trần Văn Cung (Quốc Anh) làm Bí thư)* (tháng 3 năm 1929) - tổ chức tiền thân của Đảng; sự ra đời của Chi bộ Cộng sản - Chi bộ 5D Hàm Long, Hà Nội là một hạt nhân tạo nên sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt thời kỳ cách mạng trong tình trạng bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước; là sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, thúc đẩy sự	Hàm Long	

[1] Hàm Long được dùng đặt tên cho một phố của phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		phát triển của cách mạng cả nước trong đó có tỉnh Thanh Hóa. Từ năm 1959, địa chỉ này đã trở thành di tích lịch sử cách mạng kháng chiến của Hà Nội. Nay địa chỉ này thuộc di tích lịch sử cách mạng thuộc Bảo tàng Hà Nội.		
4	Hoàng Sa	Hoàng Sa (có nghĩa là bãi cát vàng): Là một quần đảo, đơn vị hành chính thuộc thành phố Đà Nẵng.	Hoàng Sa	
5	Lam Sơn	Lam Sơn - nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là đất tổ của nhà Lê, là nơi Lê Lợi dấy quân khởi nghĩa giành lại độc lập dân tộc từ tay nhà Minh.	Lam Sơn	Đường, công trình công cộng
6	Nam Kỳ khởi Nghĩa	Nam Kỳ, là vùng đất phía Nam của Việt Nam, đêm 22 rạng sáng ngày 23 tháng 11 năm 1940, Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo Nhân dân nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp và Phát xít Nhật với khí thế mạnh mẽ và quy mô lớn.	Nam Kỳ khởi nghĩa	
7	Pác Bó	Pác Bó, là Khu Di tích lịch sử cách mạng, thuộc xóm[2] Pác Bó, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng. Ngày 08 tháng 02 năm 1941, khi về nước, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã sống và làm việc ở đây.	Pác Bó	
8	Sông Mã	Sông Mã là một con sông của Việt Nam và Lào có chiều dài 512 km, trong đó phần trên lãnh thổ Việt Nam dài 410 km và phần trên lãnh thổ Lào dài 102 km. Thanh Hóa là địa phận Sông Mã chạy qua theo hướng Tây Bắc - Đông Nam chảy qua các huyện phía Bắc của tỉnh, hội lưu với sông Chu rồi đổ ra Vịnh Bắc Bộ theo 2 nhánh (nhánh phía Nam vẫn gọi là sông Mã, nhánh phía Bắc gọi là sông Lèn) ở Lạch Hới (cửa Hới). Đây là con sông lớn, có tiềm năng lớn về phát điện; thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho khoảng 27.355 ha đất nông nghiệp (của 7 xã: Cẩm Thủy, Bá Thước, Vĩnh Lộc, Yên Trường, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa và thành phố Thanh Hóa (cũ) và thực hiện chống lũ cho hạ du; Sông Mã có chiều dài chảy trên đất Thanh Hóa dài nhất, Sông Mã được ví là dòng sông hồn cốt của xứ Thanh. Hiện "Sông Mã" đã được dùng đặt tên cho một đại lộ trên địa bàn thành phố Thanh Hóa (cũ) là Đại lộ Nam Sông Mã.	Sông Mã	

[2] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng đề nghị thay bản bằng xóm Cao Bằng, Chủ tịch thay bằng Lãnh tụ.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
9	Trường Sa	Trường Sa, là Quần đảo ở biển Đông Việt Nam, gồm hệ thống các đảo thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa.	Trường Sa	
10	Việt Bắc	Việt Bắc, là căn cứ địa vùng chiến khu gồm 4 tỉnh (Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang) trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).	Việt Bắc	Đường, phố

2. Tên địa danh lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

Tổng số: 123 địa danh, trong đó có 05 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Châu Lương Chánh	Châu Lương Chánh[3] tên châu cũ thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa thuộc huyện Lang Chánh (cũ), tỉnh Thanh Hóa). Theo Đồng Khánh địa dư chí, Châu Lương Chánh có 8 tổng (tổng Hoài Chính, tổng Quy Chính, tổng Thuận Chính, tổng Tòng Chính, tổng Tam Lô, tổng An Thọ, tổng Nhân Sơn, tổng Thiện Thổ), gồm 43 xã.	Lương Chánh	
2	Cồn Chân Tiên	Cồn Chân Tiên thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tên một địa điểm khảo cổ học thuộc phường Đông Tiến; đây là địa chỉ khảo cổ đánh dấu sự mở đầu cho giai đoạn văn hóa tiền Đông Sơn ở Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chân Tiên	
3	Bến Phà Ghép	Phà Ghép, nằm trên Quốc Lộ 1A qua địa phận 2 xã Quảng Chính phía Bắc và Ngọc Sơn phía Nam. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Bến phà Ghép là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt nhất, dai dẳng nhất của máy bay tàu chiến Mỹ.	Ghép	
4	Chiến khu Đa Ngọc	Đa Ngọc, thuộc tổng Khoái Lạc (nay là địa bàn xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa). Năm 1941, được chọn làm căn cứ, địa điểm tập kết lực lượng tự vệ ở 3 phủ huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Yên Định (cũ) trước khi lên chiến khu Ngọc Trạo.	Đa Ngọc	

[3] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
5	Chiến khu Ngọc Trạo	Chiến khu Ngọc Trạo thuộc tổng Trạc Nhật (nay là xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hóa), là căn cứ địa cách mạng ở phía Đông Bắc của tỉnh. Chiến khu Ngọc Trạo được thành lập tháng 7 năm 1941.	Ngọc Trạo	Công trình công cộng
6	Di chỉ Gò Trũng	Di chỉ Gò Trũng thuộc xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Di chỉ khảo cổ học Gò Trũng được phát hiện năm 1976, khai quật năm 1977. Niên đại khoảng gần 5.000 năm cách ngày nay, thuộc hậu kỳ đá mới và là di chỉ văn hóa tiêu biểu cho giai đoạn muộn của văn hóa Đa Bút.	Gò Trũng	
7	Di chỉ khảo cổ học Đa Bút	Đa Bút, di chỉ khảo cổ học nằm về phía Nam núi Mông Cù, làng Đa Bút (nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa) - nơi đầu tiên phát hiện ra di chỉ khảo cổ học thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	Đa Bút	
8	Di chỉ khảo cổ học Quỳ Chử	Quỳ Chử là Di chỉ khảo cổ học nằm trên gò đất Đồng Cáo, làng Quỳ Chử, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện năm 1961.	Quỳ Chử	
9	Di chỉ khảo cổ học Đông Sơn	Đông Sơn, di chỉ khảo cổ học phân bố khu sườn núi, ven sông và khu cuối làng Đông Sơn, thuộc phường Hàm Rồng - được phát hiện vào năm 1924.	Đông Sơn	Đường, công trình công cộng
10	Di chỉ khảo cổ học Hoa Lộc	Hoa Lộc, di chỉ khảo cổ học ở xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Cuối năm 1973, tại xã Hoa Lộc đã phát hiện được di chỉ đầu tiên và điển hình cho nền văn hóa này.	Hoa Lộc	
11	Đò Lèn	Đò Lèn, là địa danh thuộc xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là nơi "địa đầu sóng gió" của xứ Thanh nên phải chịu sự tàn phá rất ác liệt của máy bay Mỹ.	Đò Lèn	Phố
12	Hạc Thành	Hạc Thành, tên chữ của thành phố Thanh Hóa (cũ), vào đầu thế kỷ XIX (1804), hồi lỵ sở còn là thành đắp đất ở xã Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (cũ), tỉnh Thanh Hóa.	Hạc Thành	Đường
13	Huyện Cổ Chiến	Huyện Cổ Chiến là tên gọi cũ của huyện Tĩnh Gia (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)), là tên gọi trước đây của Thanh Đô trấn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm 7 huyện, 3 châu (mỗi châu 4 huyện). Tĩnh Gia (cũ) có tên gọi là huyện Cổ Chiến thuộc châu Cửu Chân.	Cổ Chiến	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
14	Huyện Lôi Dương và Tổng Lôi Dương	Huyện Lôi Dương[4] tên huyện cũ thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, huyện Lôi Dương có 9 tổng (tổng Lôi Dương, tổng Kiên Thạch, tổng Nam Cai, tổng Thượng Cốc, tổng Bất Náo, tổng Tam Lộng, tổng Diên Hào, tổng Mục Sơn, tổng Bái Đô), gồm 177 xã, thôn, giáp, sở.	Lôi Dương	
		Tổng Lôi Dương[5] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lôi Dương có 29 xã, thôn, giáp.		
15	Huyện Mỹ Hóa	Huyện Mỹ Hóa[6] tên huyện cũ thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, huyện Mỹ Hóa có 4 tổng (tổng Dương Thủy, tổng Dương Sơn, tổng Lỗ Hương, tổng Đại Lý), gồm 78 xã, thôn, trang, sở.	Mỹ Hóa	
16	Huyện Quảng Tế và Tổng Quảng Tế	Huyện Quảng Tế[7] tên huyện cũ thuộc phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, huyện Quảng Tế có 5 tổng (tổng Quảng Tế, tổng Án Đổ, tổng Cổ Biện, tổng Trường Cát, tổng Phú Ổ), gồm 30 xã, trại.	Quảng Tế	
		Tổng Quảng Tế[8] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Quảng Tế, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quảng Tế có 8 xã, trại.		
17	Huyện Thụy Nguyên	Huyện Thụy Nguyên[9] tên huyện cũ thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, huyện Thụy Nguyên có 8 tổng (tổng Mật Vật, tổng Phù Chẩn, tổng Yên Trường, tổng Phú Hà, tổng Thử Cốc, tổng Ngọc Lặc, tổng Phùng Thịnh, tổng Quảng Thi), gồm 131 xã, thôn.	Thụy Nguyên	
18	Huyện Tĩnh Gia	Huyện Tĩnh Gia (cũ) thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ). Năm Minh Mệnh thứ 19 (năm 1838), các huyện Ngọc Sơn, Nông Cống và Quảng Xương (cũ) thuộc phủ Tĩnh Gia.	Tĩnh Gia	

[4] Dẫn nguồn: Trang 1143, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[5] Dẫn nguồn: Trang 1144, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[6] Dẫn nguồn: Trang 1093, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[7] Dẫn nguồn: Trang 1133, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[8] Dẫn nguồn: Trang 1133, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[9] Dẫn nguồn: Trang 1099, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, toàn bộ huyện Ngọc Sơn trở thành huyện Tĩnh Gia (cũ). Ngày 22 tháng 4 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 933/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị xã Nghi Sơn (cũ) và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ) trên cơ sở toàn bộ huyện Tĩnh Gia, thị xã Nghi Sơn (cũ) được thành lập với 16 phường, 15 xã.		
19	Kinh đô Vạn Lại - Yên Trường	Kinh đô Vạn Lại - Yên Trường hay còn gọi với các tên khác như hành cung Vạn Lại, hành điện Vạn Lại đây là một địa danh thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa; là kinh đô của Đại Việt Nam triều nhà Lê trong giai đoạn Nam - Bắc triều phân tranh của hai họ Lê - Mạc. Tại đây, năm 1546, Trịnh Kiểm đã cho xây dựng hành điện, kinh đô tạm thời của triều đình và rước vua Lê về đó ở. Và cũng từ đó, thế Nam - Bắc triều được hình thành. Vạn Lại thực sự trở thành nơi đầu não của Nam triều trong một khoảng thời gian khá dài, đóng vai trò trung tâm của đời sống chính trị, văn hóa thời bấy giờ. Vạn Lại và Yên Trường đều thuộc đất xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.	Vạn Lại - Yên Trường[10]	Đường
20	Làng Biện Thượng	Làng Biện Thượng thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là nơi phát tích dòng họ Trịnh, có Phủ Trịnh - hành dinh của Trịnh Kiểm và Nghè Vẹt - thờ 12 đời chúa Trịnh.	Biện Thượng	
21	Làng Đạt Tài	Làng Đạt Tài thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa chỉ hoạt động cách mạng của Tố Hữu trong thời kỳ đồng chí chỉ đạo phong trào cách mạng của hai huyện Hoằng Hóa và Hậu Lộc (cũ); làng Đạt Tài cũng là làng được biết đến với nghề truyền thống - nghề mộc nổi tiếng đất nước. Làng cũng đã được Chính phủ nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng bằng có công với nước năm 2001.	Đạt Tài	
22	Làng Gia Miêu	Gia Miêu thuộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa; là quê hương của Nguyễn Kim, ông tổ nhà Nguyễn, là nơi phát tích của Vương Triều Nguyễn và trở thành mảnh đất Quý hương thờ tổ tiên dòng họ Nguyễn.	Gia Miêu	

[10] Vạn Lai - Yên Trường: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
23	Làng Hàm Hạ	Làng Hàm Hạ thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Là địa danh lịch sử của tỉnh Thanh Hóa, là nơi thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên tại Thanh Hóa - Chi bộ Hàm Hạ được thành lập ngày 25 tháng 6 năm 1930.	Hàm Hạ	
24	Làng Mã Cao	Mã Cao, là một làng thuộc xã Đa Ngọc, tổng Khoái Lạc (nay thuộc xã Yên Phú), tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây đã được những người lãnh đạo Phong trào Cần Vương chống Pháp hồi cuối thế kỷ XIX chọn làm nơi xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp, hỗ trợ cho căn cứ Ba Đình.	Mã Cao	
25	Làng Như Áng	Như Áng, tên làng có từ thời xưa ở xã Kiên Thọ.	Như Áng	
26	Làng Yên Trường	Làng Yên Trường, xã Thọ Lập, là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (ngày 29 tháng 7 năm 1930).	Yên Trường	
27	Núi Hùng Lĩnh	Hùng Lĩnh, núi ở xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, thuộc phía Bắc sông Mã và làng Bồng Trung. Nơi đây vào năm 1886, được Tống Duy Tân xây dựng căn cứ chống Pháp và đã gây cho địch nhiều tổn thất.	Hùng Lĩnh	
28	Núi Triệu Tường	Triệu Tường, tên một dãy núi có tên là núi Triệu Tường (còn gọi là núi Thiên Tôn) thuộc địa bàn xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là quê hương của nhà Nguyễn, được liệt kê vào hàng danh sơn của nước ta, được ghi chép trong quốc sử và được khắc trên Anh đỉnh của hệ thống Cửu đỉnh ở Thái miếu, Kinh Thành Huế.	Triệu Tường	
29	Nghi Sơn	Nghi Sơn, tên gọi một xã đảo của phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay gắn liền với tên gọi Khu kinh tế Nghi Sơn - khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; khu kinh tế động lực có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và Bắc miền Trung.	Nghi Sơn	
30	Sân bay quân sự Sao Vàng	Sân bay quân sự Sao Vàng ra đời năm 1965, tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa, do yêu cầu mở rộng mặt trận trên không của Trung đoàn Không Quân 923 vào Nam Khu Bốn. Hiện nay ở vị trí này đã kết hợp cả sân bay dân dụng và Cảng hàng không Thọ Xuân.	Sao Vàng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
31	Tổng Án Đổ	Tổng Án Đổ[11] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Quảng Tế, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Án Đổ có 5 xã.	Án Đổ	
32	Tổng An Thọ	Tổng An Thọ[12] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng An Thọ có 5 xã.	An Thọ	
33	Tổng Bái Đô	Tổng Bái Đô[13] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Bái Đô có 8 xã.	Bái Đô	
34	Tổng Bái Trạch	Tổng Bái Trạch[14] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Bái Trạch có 27 xã, thôn.	Bái Trạch	
35	Tổng Bất Náo	Tổng Bất Náo[15] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Bất Náo có 14 xã, thôn.	Bất Náo	
36	Tổng Bỉnh Bút	Tổng Bỉnh Bút[16] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Bỉnh Bút, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa có 9 xã, thôn, trang.	Bỉnh Bút	
		Tổng Bỉnh Bút[17] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Bỉnh Bút, huyện Thạch Thành (cũ), phủ Quảng Hóa có 6 xã.		

[11] Dẫn nguồn: Trang 1133, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[12] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[13] Dẫn nguồn: Trang 1146, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[14] Dẫn nguồn: Trang 1090, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[15] Dẫn nguồn: Trang 1145, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[16] Dẫn nguồn: Trang 1131, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[17] Dẫn nguồn: Trang 1136, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
37	Tổng Cao Mật và Làng Cao Mật	Tổng Cao Mật[18] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Cao Mật có 13 xã, thôn.	Cao Mật	
		Làng Cao Mật thuộc thôn 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Làng Cao Mật tên nôm là làng Giáng, đến thế kỷ XV có tên chữ là Cao Mật. Từ ngày 06 tháng 12 năm 2020, tên của thôn 3 được đổi thành khu phố Cao Mật - thị trấn Vĩnh Lộc.		
38	Tổng Cao Vịnh	Tổng Cao Vịnh[19] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Cao Vịnh có 16 xã, thôn.	Cao Vịnh	
39	Tổng Cao Xá	Tổng Cao Xá[20] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Cao Xá có 26 xã, thôn.	Cao Xá	
40	Tổng Cổ Biện	Tổng Cổ Biện[21] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Quảng Tế, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Cổ Biện có 5 xã.	Cổ Biện	
41	Tổng Cổ Nam	Tổng Cổ Nam[22] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quan Hóa (cũ)). Tổng Cổ Nam có 5 xã.	Cổ Nam	
42	Tổng Cự Lữ	Tổng Cự Lữ[23] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Cự Lữ có 9 xã.	Cự Lữ	

[18] Dẫn nguồn: Trang 1130, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[19] Dẫn nguồn: Trang 1087, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[20] Dẫn nguồn: Trang 1125, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[21] Dẫn nguồn: Trang 1133, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[22] Dẫn nguồn: Trang 1137, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[23] Dẫn nguồn: Trang 1139, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
43	Tổng Đặc Kiệt	Tổng Đặc Kiệt[24] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đặc Kiệt có 4 xã.	Đặc Kiệt	
44	Tổng Đại Bối	Tổng Đại Bối[25] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Đông Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đại Bối có 14 xã, thôn, trang.	Đại Bối	
45	Tổng Đại Lý	Tổng Đại Lý[26] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Mỹ Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đại Lý có 19 xã, thôn, trang. Làng Đại Lý có từ đầu thế kỷ XIX thuộc tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, trấn Thanh Hóa. Năm 1900, đời Vua Thành Thái thứ 12, làng Đại Lý thuộc tổng Đại Bối, huyện Thụy Nguyên. Sau năm 1945, làng Đại Lý thuộc xã Liên Hoa, năm 1947, thuộc xã Đại Bái. Từ năm 1953, làng Đại Lý thuộc xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa cũ. Năm 2012, xã Thiệu Vân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ), nay thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa.	Đại Lý	
46	Tổng Đăng Trường	Tổng Đăng Trường[27] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hậu Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đăng Trường có 19 xã, thôn, sở.	Đăng Trường	
47	Tổng Diên Hào	Tổng Diên Hào[28] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Diên Hào có 24 xã.	Diên Hào	

[24] Dẫn nguồn: Trang 1137, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[25] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[26] Dẫn nguồn: Trang 1094, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[27] Dẫn nguồn: Trang 1096, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[28] Dẫn nguồn: Trang 1146, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
48	Tổng Đô Bái	Tổng Đô Bái[29] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Tổng Đô Bái có 15 xã, thôn, ấp.	Đô Bái	
49	Tổng Đô Xá	Tổng Đô Xá[30] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đô Xá có 11 xã, thôn.	Đô Xá	
50	Tổng Đông Bạn	Tổng Đông Bạn[31] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hà Trung (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đông Bạn có 11 xã, thôn, trang, phường.	Đông Bạn	
51	Tổng Đồng Xá	Tổng Đồng Xá[32] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đồng Xá có 21 xã, thôn, trang.	Đồng Xá	
52	Tổng Đông Yên	Tổng Đông Yên[33] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Đông Yên có 14 xã, thôn, sở.	Đông Yên	
53	Tổng Du Trường	Tổng Du Trường[34] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hậu Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Du Trường có 15 xã, thôn, trang, sở.	Du Trường	
54	Tổng Dương Sơn	Tổng Dương Sơn[35] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Mỹ Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Dương Sơn có 21 xã, thôn, trang.	Dương Sơn	

[29] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[30] Dẫn nguồn: Trang 1124, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[31] Dẫn nguồn: Trang 1082, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[32] Dẫn nguồn: Trang 1123, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[33] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[34] Dẫn nguồn: Trang 1096, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[35] Dẫn nguồn: Trang 1093, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
55	Tổng Dương Thủy	Tổng Dương Thủy[36] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Mỹ Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Dương Thủy có 23 xã, thôn.	Dương Thủy	
56	Tổng Gia Dụ	Tổng Gia Dụ[37] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Gia Dụ có 8 xã.	Gia Dụ	
57	Tổng Hành Vĩ	Tổng Hành Vĩ[38] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Hành Vĩ có 18 xã, thôn.	Hành Vĩ	
58	Tổng Hòa Luật	Tổng Hòa Luật[39] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Hòa Luật có 11 xã.	Hòa Luật	
59	Tổng Hoài Chính	Tổng Hoài Chính[40] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Hoài Chính có 4 xã.	Hoài Chính	
60	Tổng Hữu Thuỷ	Tổng Hữu Thuỷ[41] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quan Hóa và huyện Bá Thước (cũ)). Tổng Hữu Thủy có 5 xã.	Hữu Thuỷ	
61	Tổng Kiên Thạch	Tổng Kiên Thạch[42] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Kiên Thạch có 22 xã.	Kiên Thạch	

[36] Dẫn nguồn: Trang 1094, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[37] Dẫn nguồn: Trang 1140, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[38] Dẫn nguồn: Trang 1089, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[39] Dẫn nguồn: Trang 1135, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[40] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[41] Dẫn nguồn: Trang 1137, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[42] Dẫn nguồn: Trang 1144, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
62	Tổng La Miết	Tổng La Miết[43] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng La Miết có 22 xã, thôn.	La Miết	
63	Tổng Lạc Thiện	Tổng Lạc Thiện[44] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống (cũ) và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lạc Thiện có 20 xã, thôn, sở.	Lạc Thiện	
64	Tổng Lai Triều	Tổng Lai Triều[45] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lai Triều có 13 xã, thôn.	Lai Triều	
65	Tổng Lân Du	Tổng Lân Du[46] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc đất huyện Nông Cống và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lân Du có 7 xã.	Lân Du	
66	Tổng Lãng Lăng	Tổng Lãng Lăng[47] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống (cũ) và một phần đất huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lãng Lăng có 5 xã.	Lãng Lăng	
67	Tổng Lê Nguyễn	Tổng Lê Nguyễn thuộc các phường Đông Quang, phường Đông Sơn, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là tên một tổng của huyện Đông Sơn đầu thế kỷ XIX, đến năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) đổi tên thành tổng Thanh Hoa, sau đổi thành tổng Tuân Hóa.	Lê Nguyễn	
68	Tổng Liên Cừ	Tổng Liên Cừ[48] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hậu Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Liên Cừ có 16 xã, thôn, trang.	Liên Cừ	

[43] Dẫn nguồn: Trang 1126, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[44] Dẫn nguồn: Trang 1125, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[45] Dẫn nguồn: Trang 1124, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[46] Dẫn nguồn: Trang 1124, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[47] Dẫn nguồn: Trang 1124, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[48] Dẫn nguồn: Trang 1097, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
69	Tổng Liên Trì	Tổng Liên Trì[49] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Liên Trì có 39 xã, thôn.	Liên Trì	
70	Tổng Lỗ Hương	Tổng Lỗ Hương[50] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Mỹ Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lỗ Hương có 15 xã, thôn, sở.	Lỗ Hương	
71	Tổng Lực Canh	Tổng Lực Canh[51] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quan Hóa và huyện Bá Thước (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Lực Canh có 4 xã.	Lực Canh	
72	Tổng Mật Vật	Tổng Mật Vật[52] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Mật Vật có 26 xã, thôn, trang, giáp.	Mật Vật	
73	Tổng Mậu Lâm	Tổng Mậu Lâm[53] tên tổng cũ, một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Mậu Lâm có 23 xã, thôn.	Mậu Lâm	
74	Tổng Mông Sơn	Tổng Mông Sơn[54] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Mông Sơn có 10 xã.	Mông Sơn	
75	Tổng Mục Sơn	Tổng Mục Sơn[55] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Mục Sơn có 7 xã, thôn.	Mục Sơn	

[49] Dẫn nguồn: Trang 1114, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[50] Dẫn nguồn: Trang 1094, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[51] Dẫn nguồn: Trang 1137, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[52] Dẫn nguồn: Trang 1101, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[53] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[54] Dẫn nguồn: Trang 1139, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[55] Dẫn nguồn: Trang 1146, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
76	Tổng Nam Bạn	Tổng Nam Bạn[56] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hà Trung (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Nam Bạn có 15 xã, thôn.	Nam Bạn	
77	Tổng Nam Cai	Tổng Nam Cai[57] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Nam Cai, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa có 5 xã.	Nam Cai	
		Tổng Nam Cai[58] cũng là tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Nam Cai, huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân có 18 xã, thôn.		
78	Tổng Ngọ Xá	Tổng Ngọ Xá[59] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Ngọ Xá có 15 xã, thôn.	Ngọ Xá	
79	Tổng Ngọc Động	Tổng Ngọc Động[60] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Ngọc Động có 9 xã.	Ngọc Động	
80	Tổng Ngọc Xuyết	Tổng Ngọc Xuyết[61] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Ngọc Xuyết có 29 xã, thôn.	Ngọc Xuyết	
81	Tổng Như Lăng	Tổng Như Lăng thuộc huyện Như Xuân (cũ), là tên một tổng của châu Như Xuân, là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Cầm Bá Thước trong phong trào Cần Vương chống Pháp.	Như Lăng	

[56] Dẫn nguồn: Trang 1083, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[57] Dẫn nguồn: Trang 1131, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[58] Dẫn nguồn: Trang 1144, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[59] Dẫn nguồn: Trang 1130, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[60] Dẫn nguồn: Trang 1136, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[61] Dẫn nguồn: Trang 1091, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
82	Tổng Phi Lai	Tổng Phi Lai[62] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Phi Lai có 19 xã, thôn, trang.	Phi Lai	
83	Tổng Phù Chẩn	Tổng Phù Chẩn[63] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Phù Chẩn có 13 xã, thôn.	Phù Chẩn	
84	Tổng Phú Hà	Tổng Phú Hà[64] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Phú Hà có 11 xã, thôn, trại.	Phú Hà	
85	Tổng Phú Ổ	Tổng Phú Ổ[65] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Quảng Tế, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Phú Ổ có 5 xã.	Phú Ổ	
86	Tổng Phùng Thịnh	Tổng Phùng Thịnh[66] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Phùng Thịnh có 14 xã, thôn, trang, giáp.	Phùng Thịnh	
87	Tổng Quan Hoàng và Chợ Quan Hoàng	Tổng Quan Hoàng[67] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quan Hoàng có 14 xã, thôn.	Quan Hoàng	
		Chợ Quan Hoàng thuộc huyện Vĩnh Lộc cũ. Đây là chợ quê truyền thống có từ khá lâu đời ở vùng đất giáp ranh hai huyện Cẩm Thủy và Vĩnh Lộc (cũ) đã từng được dân gian gần, xa của xứ Thanh ví gọi là chợ tình của người Mường - Việt.		

[62] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[63] Dẫn nguồn: Trang 1101, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[64] Dẫn nguồn: Trang 1101, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[65] Dẫn nguồn: Trang 1134, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[66] Dẫn nguồn: Trang 1102, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[67] Dẫn nguồn: Trang 1139, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
88	Tổng Quân Nhân	Tổng Quân Nhân là tên một tổng của châu Như Xuân, là địa bàn hoạt động của nghĩa quân trong phong trào Cần Vương chống Pháp.	Quân Nhân	
		Tổng Quân Nhân[68] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc châu Thường Xuân, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thường Xuân (cũ)). Tổng Quân Nhân có 7 xã.		
89	Tổng Quang Chiêm	Tổng Quang Chiêm[69] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quan Hóa và huyện Bá Thước (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quang Chiêm có 4 xã.	Quang Chiêm	
90	Tổng Quang Chiếu	Tổng Quang Chiếu[70] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc phần lớn huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quang Chiếu có 19 xã, thôn.	Quang Chiếu	
91	Tổng Quảng Thi	Tổng Quảng Thi[71] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quảng Thi có 26 xã, thôn.	Quảng Thi	
92	Tổng Quy Chính	Tổng Quy Chính[72] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Quy Chính có 6 xã.	Quy Chính	
93	Tổng Sa Lung	Tổng Sa Lung[73] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Sa Lung có 5 xã.	Sa Lung	

[68] Dẫn nguồn: Trang 1130, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[69] Dẫn nguồn: Trang 1138, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[70] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[71] Dẫn nguồn: Trang 1102, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[72] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[73] Dẫn nguồn: Trang 1140, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
94	Tổng Sóc Sơn và Làng Sóc Sơn	Tổng Sóc Sơn[74] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Sóc Sơn có 6 xã, thôn.	Sóc Sơn	
		Làng Sóc Sơn thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là quê hương của Trịnh Kiểm. Ông là một tướng tài giúp vua Lê dẹp Mạc thành công nên được phong chức Đại tướng quân, Lưỡng Quốc công và Thượng tướng Thái Quốc công. Trịnh Kiểm đã có công tạo ra hình thái Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam Vua Lê - Chúa Trịnh và ổn định chính trị, mở rộng bờ cõi, tổ chức thi cử kén chọn nhân tài, phát triển kinh tế nông nghiệp, mở rộng giao lưu buôn bán, tạo nên 12 đời Chúa giúp vua điều hành đất nước tạo nên thời Lê Trung Hưng (1533 - 1788).		
95	Tổng Tam Lô	Tổng Tam Lô[75] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Tam Lô có 5 xã.	Tam Lô	
96	Tổng Tam Lộng	Tổng Tam Lộng[76] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Tam Lộng có 30 xã, thôn.	Tam Lộng	
97	Tổng Thạch Giản	Tổng Thạch Giản[77] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nga Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thạch Giản có 20 xã, thôn.	Thạch Giản	
98	Tổng Thanh Xá và Làng Thanh Xá	Tổng Thanh Xá[78] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thanh Xá có 7 xã, thôn, trang.	Thanh Xá	

[74] Dẫn nguồn: Trang 1131, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[75] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí
[76] Dẫn nguồn: Trang 1145, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[77] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[78] Dẫn nguồn: Trang 1130, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Làng Thanh Xá thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa, trước năm 1945 thuộc phủ Ngọc Sơn, tổng Sen Trì (Liên Trì). Làng Thanh Xá là một trong sáu làng của Tân Dân lúc bấy giờ, nay làng Thanh Xá có tên gọi là tổ dân phố Thanh Minh.		
99	Tổng Thiện Thổ	Tổng Thiện Thổ[79] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thiện Thổ có 5 xã.	Thiện Thổ	
100	Tổng Thiết Ống	Tổng Thiết Ống[80] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thiết Ống có 6 xã.	Thiết Ống	
101	Tổng Thủ Chính	Tổng Thủ Chính thuộc huyện Quảng Xương từ sau đời Đồng Khánh (1888) cho đến trước năm 1945, thuộc các xã Quảng Bình, phường Nam Sầm Sơn, xã Tiên Trang, xã Quảng Chính.	Thủ Chính	
102	Tổng Thử Cốc	Tổng Thử Cốc[81] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Yên Định và huyện Ngọc Lặc (cũ)). Tổng Thử Cốc có 22 xã, thôn, trang.	Thử Cốc	
103	Tổng Thủ Hộ	Tổng Thủ Hộ[82] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Quảng Xương (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thủ Hộ có 28 xã, thôn, sở.	Thủ Hộ	
104	Tổng Thuận Chính	Tổng Thuận Chính[83] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thuận Chính có 4 xã.	Thuận Chính	

[79] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[80] Dẫn nguồn: Trang 1140, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[81] Dẫn nguồn: Trang 1099, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[82] Dẫn nguồn: Trang 1120, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[83] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
105	Tổng Thượng Bạn	Tổng Thượng Bạn[84] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hà Trung (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thượng Bạn có 16 trang, giáp.	Thượng Bạn	
106	Tổng Thượng Cốc	Tổng Thượng Cốc[85] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thọ Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Thượng Cốc có 25 xã, thôn.	Thượng Cốc	
107	Tổng Tòng Chính	Tổng Tòng Chính[86] tên tổng cũ, là một trong tám tổng thuộc châu Lương Chánh, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Lang Chánh (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Tòng Chính có 9 xã.	Tòng Chính	
108	Tổng Trạc Nhật	Tổng Trạc Nhật[87] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Trạc Nhật có 16 xã.	Trạc Nhật	
109	Tổng Trung Bạn	Tổng Trung Bạn[88] tên tổng cũ, là một trong bốn tổng thuộc huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hà Trung (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Trung Bạn có 25 xã, thôn.	Trung Bạn	
110	Tổng Tự Cường	Tổng Tự Cường[89] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Tự Cường có 11 xã, trại.	Tự Cường	
111	Tổng Từ Minh	Tổng Từ Minh[90] tên tổng cũ, là một trong năm tổng thuộc huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Hoằng Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Từ Minh có 14 xã, thôn.	Từ Minh	

[84] Dẫn nguồn: Trang 1082, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[85] Dẫn nguồn: Trang 1145, sách Đồng Khánh địa dư chí
[86] Dẫn nguồn: Trang 1150, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[87] Dẫn nguồn: Trang 1135, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[88] Dẫn nguồn: Trang 1083, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[89] Dẫn nguồn: Trang 1135, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[90] Dẫn nguồn: Trang 1089, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
112	Tổng Tuần La	Tổng Tuần La[91] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Tuần La có 34 xã, thôn, phường, giáp.	Tuần La	
113	Tổng Vân Lung	Tổng Vân Lung[92] tên tổng cũ, là một trong sáu tổng thuộc huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Thạch Thành (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Vân Lung có 6 xã.	Vân Lung	
114	Tổng Vận Quy	Tổng Vận Quy[93] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc phần lớn huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Vận Quy có 18 xã, thôn.	Vận Quy	
115	Tổng Vân Tập và Làng Vân Tập	Tổng Vân Tập tên tổng cũ, ra đời cuối thế kỷ XIX, là một trong 5 tổng của huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Tổng Vân Tập có 6 xã. Làng Vân Tập thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng có từ đời Vua Đồng Khánh (1885 - 1888) thuộc tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, trấn Thanh Hóa. Năm 1900 đời Vua Thành Thái thứ 12, làng Vân Tập thuộc tổng Đại Bối, huyện Thụy Nguyên. Sau năm 1945, làng Vân Tập thuộc xã Liên Hoa, năm 1947 thuộc xã Đại Bái. Từ năm 1953, làng Vân Tập thuộc xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa (cũ). Năm 2012, xã Thiệu Vân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Vân Tập	
116	Tổng Vạn Thiện	Tổng Vạn Thiện[94] tên tổng cũ, một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Vạn Thiện có 23 xã, thôn.	Vạn Thiện	

[91] Dẫn nguồn: Trang 1116, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[92] Dẫn nguồn: Trang 1135, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[93] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[94] Dẫn nguồn: Trang 1125, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
117	Tổng Vân Trai	Tổng Vân Trai[95] tên tổng cũ, là một trong chín tổng thuộc huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước và một phần huyện Quan Hóa (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Vân Trai, huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa có 10 xã.	Vân Trai	
		Tổng Vân Trai[96] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia có 31 xã, thôn, giáp, tộc.		
118	Tổng Văn Trinh	Tổng Văn Trinh[97] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Tổng Văn Trinh có 27 xã, thôn.	Văn Trinh	
119	Tổng Văn Trường	Tổng Văn Trường[98] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Văn Trường có 43 xã, thôn, giáp.	Văn Trường	
120	Tổng Văn Xá và Làng Văn Xá	Tổng Văn Xá[99] tên tổng cũ, là một trong mười hai tổng thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc huyện Nông Cống và một phần huyện Như Xuân (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Văn Xá có 28 xã, thôn, giáp.	Văn Xá	
		Làng Văn Xá thuộc thành phố Thanh Hóa cũ, làng có từ thế kỷ XIX. Trước năm 1945, làng Văn Xá thuộc tổng Lưu Thanh, phủ Quảng Xương. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Văn Xá thuộc xã Trần Hưng Đạo, huyện Quảng Xương (cũ).		
121	Tổng Viễn Chiếu	Tổng Viễn Chiếu thuộc huyện Đông Sơn (cũ). Trước năm 1945, năm Bảo Đại thứ 3 (1928), tổng Quang Chiếu đổi tên thành tổng Viễn Chiếu.	Viễn Chiếu	

[95] Dẫn nguồn: Trang 1139, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[96] Dẫn nguồn: Trang 1116, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[97] Dẫn nguồn: Trang 1114, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[98] Dẫn nguồn: Trang 1117, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[99] Dẫn nguồn: Trang 1124, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
122	Tổng Yên Thái	Tổng Yên Thái[100] tên tổng cũ, là một trong bảy tổng thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ)). Theo Đồng Khánh địa dư chí, tổng Yên Thái có 47 xã, thôn, trang.	Yên Thái	
123	Thành Tây Giai	Tây Giai, tên làng cổ ở xã Tây Đô, là một trong 4 làng được Hồ Quý Ly chọn xây Thành đá, Kinh đô của nước Đại Ngu.	Tây Giai	

3. Địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân các địa phương trong tỉnh

Tổng số: 759 địa danh, trong đó 132 địa danh đã dùng đặt tên.

3*.1. Huyện Bá Thước (cũ)*

Tổng số: 24 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bản Kình Lộng	Bản Kình Lộng là một trong những địa danh ghi dấu hoạt động và chiến thắng quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn. Nơi đây, vào năm Tân Sửu (1421) người con thứ của Lê Lai là Lê Lộ từng tham gia các trận đánh ở sách Ba Lẫm, ải Kình Lộng đánh bại Trần Trí được thăng là Tả Trung Quân Tổng đốc Chư quân sự. Bản Kình Lộng thuộc xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.	Kình Lộng
2	Cành Nàng	Cành Nàng (tiếng Mường) là thị trấn huyện lỵ của huyện Bá Thước (cũ), nay thuộc xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.	Cành Nàng
3	Chợ Vạn Cha	Chợ Vạn Cha thuộc làng Cha, xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa, chợ bên bờ sông Mã. Chợ là địa điểm (trạm) đón tiếp bộ đội, dân công tham gia chiến dịch Điện Biên.	Vạn Cha
4	Cổ Lũng	Cổ Lũng, tên xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ đầu tiên của cuộc Khởi nghĩa Lê Duy Mật thời Hậu Lê.	Cổ Lũng
5	Dốc Bàn Đào	Dốc Bàn Đào thuộc địa phận xã Điền Lư, Điền Quang, tỉnh Thanh Hóa. Một địa bàn động - sách ở miền núi phía Tây Thanh Hóa. Đây là địa điểm mà các nhà sử học xác định là địa điểm	Bàn Đào

[100] Dẫn nguồn: Trang 1115, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		Mường Đào - Nơi đây từng là thành trì trong cuộc chiến chống quân Lương giữ nước Vạn Xuân. Vào thế kỷ thứ VI (năm 545), Trần Bá Tiên mang binh lực lớn từ ngoài Bắc tiến vào, để bảo toàn lực lượng, Lý Thiên Bảo (anh trai của vua Lý Nam Đế) đã rút quân về khu vực rừng núi phía Tây Ái Châu (Mường Đào) để xây dựng thành trì chống lại nhà Lương. Hiện nay ở gần Điền Lư, Điền Quang, trên con đường chính đi ngược về phía Cành Nàng (nay là xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa) vẫn còn cái dốc mang tên là dốc Bàn Đào.	
6	Đèo Úng Ải	Đèo Úng Ải là đèo nằm trên địa bàn giao nhau giữa Mường Ống và Mường Ai xưa, nay là nơi tiếp giáp giữa hai xã Bá Thước và xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh gắn liền với hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc chiến chống quân Minh xâm lược. Cuối năm 1421, tham tướng Minh là Trần Trí cất 10 vạn quân, bao gồm cả quân viễn chinh người Minh và ngụy binh từ Đông Quan tiến vào Thanh Hóa đánh quân Lam Sơn; cuộc giao chiến giữa nghĩa quân của Lê Lợi và quân Minh diễn ra ở đèo Úng Ải, quân Minh đại bại. Trần Trí cùng tàn quân thoát chết, rút lui.	Úng Ải
7	Điền Lư	Điền Lư, tên tổng của huyện Bá Thước (cũ). Trước đây huyện có tên là tổng Kim Lư, năm 1862 kiêng đồng âm tên húy của Triệu tổ Nguyễn Kim nên đổi thành Điền Lư.	Điền Lư
8	Đồi Lai Láng	Đồi Lai Láng thuộc xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn. Từ thời xa xưa, vị trí này đều có tên gọi liên quan đến quá trình khai thác kim loại quý, đặc biệt là vàng. Tại địa điểm này, trong truyền thuyết ghi chép nơi xuất hiện khí cụ người Mường gọi cây Chu Đá, lá Chu Đồng - hình tượng cây Chu Đá, lá Chu Đồng là biểu trưng của công cụ kim loại đồng do con người mới phát hiện ra[101]. Lê Lợi đã từng đứng ở vị trí cây Chu Đá trên đỉnh đồi Lai Láng để quan sát quân giặc đóng ở đồn Quan Da. Sau khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi, dân Mường Muồn đã dựng lên ngôi đền thờ vua Lê ở trên đỉnh đồi Lai Láng.	Lai Láng
9	Đô Lung	Đô Lung, tên vùng đất huyện Bá Thước (cũ) thời kỳ Bắc thuộc.	Đô Lung

[101] Theo nhà nghiên cứu Cao Sơn Hải ghi chép.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
10	Đồng Tâm	Đồng Tâm, tên địa danh thuộc xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nằm trên tuyến Quốc lộ 217 đi Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo và tuyến Quốc lộ 15 đi các tỉnh: Phú Thọ, Sơn La, thuận lợi về giao thông, nơi giao thương buôn bán từ thời xưa.	Đồng Tâm
11	Hang Niên Kỷ	Hang Niên Kỷ là hang nằm trên địa bàn xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hóa, căn cứ chống Pháp của Hà Văn Nho, Tống Duy Tân lãnh đạo.	Niên Kỷ
12	Hồ Duồng Cốc[102]	Hồ Duồng Cốc thuộc xã Điền Quang, tỉnh Thanh Hóa, là công trình thủy lợi lớn được xây dựng năm 1961. Hồ được ví như một "Vịnh Hạ Long" thu nhỏ. Hồ có diện tích mặt hồ 57 ha, độ sâu 40 m. Từ trên cao nhìn xuống Duồng Cốc là một bức tranh sơn thủy hữu tình. Nơi đây có nhiều dãy núi có độ cao 1.000 m kéo dài, có nhiều hang động rất đẹp in bóng xuống mặt hồ. Cảnh sắc thiên nhiên nguyên sơ cùng những nét văn hóa truyền thống của cư dân bản địa biến Duồng Cốc trở thành một điểm hấp dẫn khách du lịch.	Duồng Cốc
13	La Hán	La Hán, tên bản, tên cây cầu bắc qua sông Mã, thuộc xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nổi tiếng có từ thời xa xưa.	La Hán
14	Làng Tráng	Làng Tráng thuộc xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Tại làng Tráng, năm 1984, trong cuộc điều tra khảo cổ miền Tây tỉnh Thanh Hóa, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện một loạt hang động cổ sinh hóa thạch và qua các đợt khai quật nhiều hiện vật được xác định là công cụ của "chủ nhân" văn hóa Sơn Vi muộn, kéo dài đến văn hóa Hòa Bình. Năm 2013, hang Làng Tráng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích khảo cổ học theo Quyết định số 4788/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013.	Làng Tráng
15	Lỗi Giang	Lỗi Giang, tên vùng đất Bá Thước thời Trần và là tên sông Chu thời phong kiến đoạn chảy qua địa phận các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc (cũ).	Lỗi Giang
16	Mường[103] Ai	Mường Ai thuộc xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, là vùng Mường cổ của người Mường Trong được nhắc đến nhiều trong sử thi Đẻ đất, đẻ nước.	Mường Ai

[102] Xã Điền Quang: Đề nghị sửa Hồ Duồng Công (tên địa danh tại Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh) đổi thành Hồ Duồng Cốc.
[103] Mường: Là khu vực tự quản của một Lang đạo.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
17	Mường Khô	Mường Khô thuộc xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa. Đây là vùng đất cổ với dấu vết của nền văn hóa Sơn Vi. Vùng đất này lưu giữ nhiều dấu tích văn hóa của người Mường, trong đó có lễ hội Mường Khô gắn với Quận Công Khâm sai Chánh thống lãnh Thượng đạo trấn Thanh Hóa Hà Công Thái - là người có công lao rất lớn đối với vương triều Nguyễn.	Mường Khô
18	Mường Khoòng	Mường Khoòng thuộc xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa, quê hương của danh nhân Hà Thọ Lộc - là đại thần có công giúp nhà Lê Trung Hưng thời chiến tranh Lê - Mạc trong lịch sử Việt Nam.	Mường Khoòng
19	Mường Khôông	Mường Khôông[104] (xã Lương Nội xưa) thuộc tổng Sa Lung. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 có tên là xã Quý Lương. Năm 1964 chia xã Quý Lương thành 3 xã Lương Nội, Lương Trung, Lương Ngoại - thuộc xã Quý Lương, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Mường Khôông
20	Mường Ống	Mường Ống thuộc xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa, là Mường cổ của người Mường Trong được nhắc đến nhiều trong sử thi Đẻ đất, đẻ nước.	Mường Ống
21	Núi Bù Mộng	Núi Bù Mộng thuộc xã Điền Quang, tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong những địa danh gắn với sự kiện chiến thắng Bù Mộng của nghĩa quân Lam Sơn diễn ra tháng 11 năm 1420.	Bù Mộng
22	Quan Gia	Quan Gia, tên của vùng đất Bá Thước, Quan Hóa thời Lê.	Quan Gia
23	Thác Hiêu	Thác Hiêu thuộc địa phận xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa. Thác nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, có phong cảnh đẹp thác nước, núi rừng, bản làng kết hợp với nhau thành không gian cảnh quan sơn thủy hữu tình. Với thắng cảnh đẹp, Thác Hiêu là địa danh được nhiều người biết đến, đã thu hút đông đảo du khách đến tham quan.	Thác Hiêu
24	Trại Ba Lẫm	Trại Ba Lẫm thuộc Chiềng Lẫm, xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa. Đây là căn cứ của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1420 - 1423 do Bình Định Vương Lê Lợi lãnh đạo. Theo sử sách cho biết, tháng 12 năm 1420, Lê Lợi tiến quân đóng ở sách Ba Lẫm thuộc huyện Lỗi Giang (vùng Quan Hóa, Bá Thước). Tại thôn Chiềng Lẫm còn lưu truyền sự tích cây mít buộc voi của nhà vua (Cân mịt tanh voi).	Ba Lẫm

[104] Dẫn nguồn: Trang 18, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

3.2 Thị xã Bỉm Sơn (cũ)

Tổng số: 10 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Cẩm La	Cẩm La, tên làng cổ, làng gốc của phường Quang Trung; là địa danh nơi Đặng Quang luyện tập, chiêu mộ binh sỹ đánh thắng quân Minh trận Bô Cô (Ninh Bình).	Cẩm La
2	Cầu Chuyên Gia	Cầu Chuyên Gia thuộc tổ dân phố số 15, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi quen thuộc, đã in sâu vào tiềm thức của Nhân dân thị xã Bỉm Sơn; vị trí bên cạnh khu tập thể các chuyên gia của nhà máy xi măng Bỉm Sơn đã sinh sống và làm việc.	Chuyên Gia
3	Cầu Đo Đạc	Cầu Đo Đạc thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cầu vượt qua suối Đo Đạc, nối đường Trần Phú, tên gọi quen thuộc đã in sâu vào tiềm thức của Nhân dân thị xã Bỉm Sơn.	Đo Đạc
4	Chín Giếng	Chín Giếng, là tên một ngôi đền (Đền Chín Giếng), thuộc tổ dân phố 5 Bắc Sơn, phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đền nổi tiếng linh thiêng, phong cảnh hữu tình.	Chín Giếng
5	Cổ Đam	Cổ Đam, tên làng cổ, làng gốc của phường Bỉm Sơn.	Cổ Đam
6	Chùa Trạch Lâm	Chùa Trạch Lâm (chùa Khánh Quang) thuộc phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa. Theo sử sách cũ thì ngôi chùa được kiến trúc vào khoảng thế kỷ XVII do bà Nguyễn Thị Ngọc Tú, con gái Đoan Quận công Nguyễn Hoàng và là Chính Phi của Chúa Trịnh Tráng xây dựng. Ngôi chùa hiện nay không còn nữa mà chỉ còn là những hồi âm trên sách vở. Nhưng nhờ vào chính sách Tôn giáo và quyền tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ, ngôi chùa Khánh Quang được xây dựng lại một cách quy mô, linh thiêng và thành kính trên một khu đồi, gần nền chùa cũ, ngõ hầu thỏa mãn cuộc sống tâm linh của con người luôn hướng về cái thiện. Chùa Trạch Lâm đã được đón tiếp Chuyết Công Hòa thượng (1590 - 1644) pháp hiệu là Chuyết Chuyết, người đời Minh - Trung Quốc và cùng đệ tử thân tín là Thiền Sư Minh Hành (1595 - 1659) sang thuyết pháp ở Việt Nam. Vào khoảng năm 1630, Minh Hành theo sư phụ từ vùng Quảng Nam - Thuận Hóa ra Thăng Long (Hà Nội) đã dừng chân trụ trì tại chùa Trạch Lâm, Thanh Hóa. Sau đó Chuyết Chuyết Thiền sư chuyển về trụ trì tại chùa Ninh Phúc (Bắc Ninh). Năm 1644, Chuyết Chuyết Hòa thượng viên tịch. Nhục thân của Ngài được đặt trong khám tại chùa Bút Tháp.	Trạch Lâm

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
7	Đèo Ba Dội	Đèo Ba Dội, là tên Nôm của Đèo Tam Điệp, chỉ con đường Thiên lý cổ thời phong kiến từ Thăng Long vào Nam, đi qua 3 đoạn đèo giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa.	Đèo Ba Dội
8	Làng Gạo	Làng Gạo, tên nôm là Điền Đoài, nay thuộc phường Bỉm Sơn, là nơi chứa quân lương, mà còn là nơi luyện tập, khao quân của quân Tây Sơn.	Làng Gạo
9	Đền Sòng Sơn	Sòng Sơn, là tên một ngôi đền (Đền Sòng Sơn), phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền là nơi thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, nổi tiếng linh thiêng bậc nhất Xứ Thanh.	Sòng Sơn
10	Xã Hà Lan	Xã Hà Lan (cũ) thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đất Hà Lan[105] xưa thuộc vùng Kẻ Gạo - làng Gạo là một làng Việt cổ. Xã Hà Lan có đình làng Gạo - nơi thờ Tô Đại Liêu tôn Thần, Thái úy Tô Hiến Thành - Thượng đẳng phúc thần. Tên địa danh người dân đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân. Ngày 01 tháng 12 năm 2019, xã Hà Lan được sáp nhập vào phường Đông Sơn theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa.	Hà Lan

3.3. Huyện Cẩm Thủy (cũ)

Tổng số: 06 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Diệu Sơn	Diệu Sơn, tên núi nằm ở xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa. Núi giống hình con cóc đang "chồm" xuống sông Mã.	Diệu Sơn
2	Đa Cẩm	Đa Cẩm, tên huyện Cẩm Thủy (cũ) thời Lê sơ (Lê Nhân Tông 1442 - 1459).	Đa Cẩm
3	Lạc Thủy	Lạc Thủy, tên huyện Cẩm Thủy (cũ) thời thuộc Minh và Lê sơ (Lê Thái Tổ 1428 - 1433, Lê Thái Tông 1433 - 1442).	Lạc Thủy

[105] Dẫn nguồn: Trang 15, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
4	Làng Én	Làng Én[106] (mường Én) thuộc xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa. Xã Cẩm Tú xưa thuộc tổng Mông Sơn. Vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa, đặc biệt xưa kia người Mường ở đây thường sử dụng cồng chiêng trong việc tập hợp dân làng vận chuyển gỗ, xây dựng nhà cửa, đuổi thú dữ, giặc giã, báo tang, cúng lễ, cưới xin, chúc tết, hội lễ, săn thú, đánh bắt cá. Làng có ngôi đình (đình làng Én) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012.	Làng Én
5	Làng Hạ	Làng Hạ thuộc thôn Hoàng Giang[107], xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, có di chỉ khảo cổ học Làng Hạ theo Quyết định số 83/QĐ-SVHTT ngày 25 tháng 4 năm 1993 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin Thanh Hóa (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).	Làng Hạ
6	Làng Tường Yên	Làng Tường Yên[108], trước kia có tên là Biện Sách Thượng (hay còn gọi là làng Bịn) có từ thời Hậu Lê, thuộc xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có đình làng Tường Yên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2006.	Tường Yên

3.4. Huyện Đông Sơn (cũ)

Tổng số: 32 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Cầu Ngọc Khê	Cầu Ngọc Khê là tên cổ của cầu bắc qua sông nhà Lê, thuộc địa phận làng Ngọc Tích, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là cây cầu đẹp trước mặt di tích cấp tỉnh Đền Cả - Đề Thích. Hiện vẫn còn lưu giữ được văn bia mô tả về cầu.	Ngọc Khê
2	Bố Đức	Bố Đức, tên tổng của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1945.	Bố Đức

[106] Dẫn nguồn: Trang 33, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2001.
[107] Xã Cẩm Thủy bổ sung thêm thôn Hoàng Giang.
[108] Dẫn nguồn: Trang 38, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2001.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
3	Bôn	Bôn, tên địa danh nổi tiếng thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, cách Rừng Thông 3 km về phía Đông, là thị tứ, xưa đây là một trạm dừng chân quan trọng trong chặng đường từ thị xã Thanh Hóa đến các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa.	Bôn
4	Đình làng Minh Thành	Đình làng Minh Thành, đây là ngôi đình nổi tiếng, nơi thờ vị thần Cao Sơn đại vương, duệ hiệu là Chiêu hiền phổ tế thượng đẳng tối linh thần đại vương do các triều đại phong kiến phong tặng, thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Đình làng Minh Thành được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2017. Đình hiện là nơi sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của Nhân dân trong vùng, địa điểm đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Minh Thành
5	Đông Anh	Đông Anh, tên xã thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Được biết đến với những làn điệu dân ca, dân vũ nổi tiếng như bài Đi cấy và tổ khúc Múa đèn.	Đông Anh
6	Đông Dương	Đông Dương, tên gọi của vùng đất Đông Sơn thời Tùy - Đường.	Đông Dương
7	Đông Phố	Đông Phố (Đồng Pho), là lỵ sở của quận Cửu Chân thời Tùy. Từ thời nhà Nguyễn đến trước Cách mạng tháng Tám, thuộc tổng Thạch Khê. Hiện nay thuộc địa phận phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Phố
8	Đông Xuân	Đông Xuân, tên đơn vị hành chính xã trước khi được sát nhập vào phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Xuân
9	Hoàng Nghiêu	Hoàng Nghiêu, là căn cứ kháng chiến của Nhân dân vùng Nam Thanh Hóa, Bắc Nghệ An trong những năm 1416 đến năm 1421 do Nguyễn Chích lãnh đạo chống lại quân Minh xâm lược.	Hoàng Nghiêu
10	Kẻ[109] Bôn	Kẻ Bôn thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là vùng đất cổ được hình thành và phát triển từ rất sớm, nằm ở trung tâm của huyện Đông Sơn (cũ) và cũng gần như trung tâm của vùng đồng bằng châu thổ sông Mã. Kẻ Bôn bao gồm 4 làng (Tứ Bôn): Phúc Triền, Ngọc Tích, Kim Bôi và Quỳnh Đôi. Một địa danh có những di sản văn hóa vật thể, phi vật thể nổi tiếng.	Kẻ Bôn

[109] Kẻ - là từ chỉ một khu vực, một vùng đất tương đương với đơn vị hành chính như làng, xã.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
11	Kẻ Mơ	Kẻ Mơ (làng Mai Chữ)[110] là tên làng cổ có trước năm 1945, thuộc tổng Quang Chiếu, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa. Từ năm 1953, thuộc xã Đông Nam, huyện Đông Sơn (cũ), nay thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, tên địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kẻ Mơ
12	Kẻ Rủn	Kẻ Rủn[111] là tên gọi từ thời xưa, của phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời Lê - Nguyễn thuộc tổng Thạch Khê gồm các làng: Làng Rủn, Tam Xuyên, Bắc Giáp, Phù Khê, Phù Bình. Vùng đất Kẻ Rủn rồi đến làng Rủn, cùng thời với tên gọi các vùng cư dân lân cận như Kẻ Bôn, Kẻ Ry, Kẻ Chè… Từ năm Gia Long thứ 7 (1808), lỵ sở huyện Đông Sơn chuyển về làng Rủn cho tới năm Minh Mệnh thứ 4 (1823). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kẻ Rủn
13	Làng Mai Xuyên	Làng Mai Xuyên thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ thuộc tổng Lê Nguyễn. Theo Đồng Khánh địa dư chí, làng Mai Xuyên[112] là một trong 16 xã, thôn thuộc tổng Tuân Hóa, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Mai Xuyên
14	Làng Ngọc Lậu	Làng Ngọc Lậu là một làng cổ, thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo Đồng Khánh địa dư chí, làng Ngọc Lậu[113] là một trong 16 xã, thôn thuộc tổng Tuân Hóa, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây là nơi diễn ra Đại hội đại biểu lần thứ V của Đảng bộ huyện Đông Sơn vào ngày 07 tháng 01 năm 1959 tại đình làng Ngọc Lậu.	Ngọc Lậu
		Kẻ Lậu (thôn Ngọc Lậu) trước thuộc xã Doãn Xá, về sau thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ chứa đựng nhiều giá trị lịch sử văn hóa.	
15	Làng Quan Đức	Làng Quan Đức thuộc tổng Thạch Khê, nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là tên một làng cổ.	Quan Đức
16	Làng Quỳnh Bôi	Làng Quỳnh Bôi là tên làng cổ thuộc Cổ Bôn xưa, theo Đồng Khánh địa dư chí, làng Quỳnh Bôi[114] là một trong 16 xã, thôn thuộc tổng Thanh Khê, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nay thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có núi Quỳnh (một danh	Quỳnh Bôi

[110] Dẫn nguồn: Trang 47, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[111] Dẫn nguồn: Trang 45, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[112] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[113] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[114] Dẫn nguồn: Trang 1105, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		sơn được ghi trong sử sách), dưới chân núi có đền thờ Bạch Vân Sơn Thần (Thần Cáo Bạch phù giúp Đăng Quận Công Nguyễn Khải đánh thắng quân nhà Mạc) và phủ Mẫu đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh.	
17	Làng Triệu Tiền	Làng Triệu Tiền thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, quê hương của tướng quân Thiều Thốn - một nhân vật nổi tiếng dưới thời Trần mà sử sách cũ ghi chép và ca ngợi.	Triệu Tiền
18	Làng Xích Lộ	Làng Xích Lộ thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây đã đi vào ca dao lưu truyền cho đến ngày nay: Ao Vạn Lộc, dọc Đồng Pho, chùa Mao Xá, đá Núi Nhồi, vôi Xích Lộ, cỗ Chợ Mới.	Xích Lộ
19	Làng Xuân Lưu	Làng Xuân Lưu thuộc tổng Quảng Chiếu, hiện nay trở thành phố Xuân Lưu, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây có đình Xuân Lưu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2019, là nơi sinh hoạt văn hóa, nơi hội họp việc làng, đồng thời cũng là nơi thờ thần hoàng làng. Hiện nay trong đình làng có thờ Trung Quốc tôn thần (con trai Hoàng đế Lê Ngọc) và thờ hai vị Hậu thần là: Thái Bảo Quận công Nguyễn Đình Thuần và Thống đốc Chi binh Vũ Bá Trác.	Xuân Lưu
20	Phủ Cốc	Phủ Cốc, tên làng cổ của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1889. Ngày 22 tháng 7 năm 1889, theo Đạo dụ của vua Thành Thái, làng Đức Thọ Vạn thuộc tổng Bố Đức được tách ra để thành lập thị xã Thanh Hóa.	Phủ Cốc
21	Phượng Lĩnh	Phượng Lĩnh, là tên xưa kia của núi Rừng Thông, nơi Bác Hồ chọn dừng chân, nói chuyện với cán bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong lần đầu tiên Người vào thăm Thanh Hóa vào ngày 02 tháng 02 năm 1947.	Phượng Lĩnh
22	Quảng Chiếu	Quảng Chiếu, tên tổng của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1945.	Quảng Chiếu
23	Rừng Thông	Rừng Thông, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nơi đón Bác Hồ lần đầu tiên vào thăm Thanh Hóa vào ngày 20 tháng 02 năm 1947.	Rừng Thông
24	Thạch Khê	Thạch Khê, tên tổng của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1945.	Thạch Khê
25	Thanh Khê	Thanh Khê, tên tổng của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1945.	Thanh Khê
26	Trường Xuân	Trường Xuân, tên gọi của kinh đô xưa: Kinh đô Trường Xuân thuộc địa phận phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Trường Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
27	Tuyên Hóa	Tuyên Hóa là tên một tổng của huyện Đông Sơn (cũ) trước năm 1945. Còn Tuân Hóa là tên một làng cổ của xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, thời Gia Long (1802 - 1819), làng Tuân Hóa thuộc tổng Lê Nguyễn (theo sách Địa chí huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2006)[115].	Tuyên Hóa
28	Vạn Lộc	Vạn Lộc, là tên gọi cổ, đã từng được đặt cho tên của làng, tên núi, tên sông nổi tiếng của phường Đông Sơn xưa.	Vạn Lộc
29	Xã Ngọc Bôi	Xã Ngọc Bôi đổi thành xã Kim Bôi, nay là làng Kim Bôi, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là tên xã cổ thuộc Cổ Bôn xưa, năm Minh Mạng thứ V (1824).	Ngọc Bôi
30	Xã Ngọc Đôi	Xã Ngọc Đôi thuộc Cổ Bôn xưa, là tên xã cổ thuộc làng Ngọc Tích, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Năm Minh Mạng thứ V (1824) xã Ngọc Đôi đổi thành xã Ngọc Tích. Nơi đây có nhiều di tích lịch sử cấp tỉnh như: Đình Ngọc Tích, đền Cả, đền thờ các quận công họ La, đền thờ tiến sĩ Cao Cử.	Ngọc Đôi
31	Xã Phù Liễn	Xã Phù Liễn là tên một xã cổ, thuộc tổng Thạch Khê, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Phù Liễn
32	Xã Phúc Thọ	Xã Phúc Thọ là tên xã thuộc Cổ Bôn xưa. Năm Minh Mạng thứ V (1824), xã Phúc Thọ đổi thành xã Phúc Triền, nay là làng Phúc Triền, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có di tích cấp Quốc gia đền thờ Nguyễn Văn Nghi - Thầy dạy của hai đời Vua thời Lê Trung Hưng.	Phúc Thọ

3.5. Huyện Hà Trung (cũ)

Tổng số: 27 địa danh, trong đó có 02 địa danh đã dùng đã đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bái Sơn	Bái Sơn, tên làng thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiểu biểu thời kỳ 1930 -1945. Làng có căn cứ chiến khu Hòa Ninh Thanh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.	Bái Sơn	

[115] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
2	Cồn Cổ Ngựa	Cồn Cổ Ngựa, là Di chỉ khảo cổ học ở xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong hơn 10 di tích thuộc văn hóa Đa Bút.	Cồn Cổ Ngựa	
3	Động Bồng	Động Bồng, tên làng thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là nơi đã tìm thấy nhiều hiện vật bằng đá, gốm, bằng đồng chứng minh vùng đất có người sinh sống từ lâu đời.	Động Bồng	
4	Dư Phát	Dư Phát, tên đơn vị hành chính thời thuộc Hán, trong đó có miền đất Hà Trung.	Dư Phát	
5	Kiến Sơ	Kiến Sơ, tên đơn vị hành chính thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều, trong đó có vùng đất Hà Trung.	Kiến Sơ	
6	Kim Liên	Kim Liên, là tên của một làng[116] nổi tiếng của xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Kim Liên	Phố
7	Làng Đông Bình	Làng Đông Bình, trước có tên là Đông Đô, theo Đồng Khánh địa dư chí, làng Đông Bình[117] là 1 trong 16 xã, thôn thuộc tổng Thượng Bạn, huyện Tống Sơn, thuộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đông Bình	
8	Phố Gũ	Phố Gũ thuộc xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa. Tên địa danh người dân đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phố Gũ	
9	Làng Kim Sơn	Làng Kim Sơn[118] là làng có từ xa xưa, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Kim Âu, tổng Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Thiên, đến năm 1954 chuyển về xã Ngọc Âu, huyện Hà Trung, thuộc xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tại làng Kim Sơn có đình làng được nhiều người biết đến, hiện đình làng Kim Sơn được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 219/VHQĐ ngày 25 tháng 9 năm 1995. Địa danh Kim Sơn là địa danh Nhân dân vẫn quen dùng từ xưa đến nay, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kim Sơn	

[116] Xã Hà Trung: Trên địa bàn xã Hà Trung không có Chùa Kim Liên; mà Kim Liên là tên một làng có từ xa xưa (làng Kim Liên, xã Hà Ngọc cũ) có Chùa Trần (Phúc Linh Tự) - nay là thôn Kim Trần Vũ, xã Hà Trung (đề nghị sửa chùa thành làng).
[117] Dẫn nguồn: Trang 1082, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[118] Dẫn nguồn: Trang 24, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
10	Làng Ngọc Đới	Làng Ngọc Đới, trước là Bảo Đới, tổng Thượng Bạn, huyện Tống Sơn. Đến cuối thế kỷ XIII, làng Ngọc Đới[119] thuộc vùng đất xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngọc Đới	
11	Làng Tâm Quy	Làng Tâm Quy là một làng cổ, theo Đồng Khánh địa dư chí, làng Tâm Quy[120] là một trong 15 xã, thôn thuộc tổng Nam Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Làng Tâm Quy là địa điểm lịch sử mà lão tướng Đô Dương và cừ súy bảo tướng quân Chu Bá (tướng của Hai Bà Trưng) chặn đánh quân Mã Viện, gây cho địch nhiều tổn thất (vào năm 40 đầu Công nguyên). Tâm Quy trong thời kỳ cách mạng 1930 - 1945 cũng là một địa chỉ đỏ có nhiều cuộc họp quan trọng của Tỉnh ủy được tổ chức bí mật tại đây.	Tâm Quy	
12	Làng Yên	Làng Yên hay gọi là Yên Thôn là làng có từ lâu đời. Theo Đồng Khánh địa chí, làng Yên[121] vốn là 1 trong 14 xã, thôn, sở của huyện Nga Sơn; thời kỳ năm 1945, được chuyển về huyện Tống Sơn, thuộc xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa. Làng có di tích đình làng Yên, chùa Long Yên được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa và kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 716/QĐ-VHTT ngày 12 tháng 11 năm 2002.	Làng Yên	
13	Ly Cung	Ly Cung, là tên một di tích thời Trần - Hồ, nơi Hồ Quý Ly cho dời cung điện từ Thăng Long vào xây dựng thuộc địa phận xã Hà Trung.	Ly Cung	
14	Nhật Nam	Nhật Nam, tên đơn vị hành chính thời Tùy - Đường, trong đó có miền đất Hà Trung.	Nhật Nam	
15	Phố Cừ	Phố Cừ nơi có Cầu Cừ, thuộc xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hóa. Tên địa danh người dân đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phố Cừ	
16	Phường Chầu	Phường Chầu, tên gắn với địa điểm buôn bán ngày xưa thuộc vùng đất Hà Trung.	Phường Chầu	Phố

[119] Dẫn nguồn: Trang 29, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[120] Dẫn nguồn: Trang 1083, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[121] Dẫn nguồn: Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
17	Thiên Tôn	Thiên Tôn, tên núi thuộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Núi có lăng Triệu Tường. Mạch núi bắt đầu từ huyện Thạch Thành (cũ) như chuỗi ngọc kéo xuống, nổi lên 12 ngọn liền nhau, cỏ cây xanh tốt trông như gấm vóc.	Thiên Tôn	
18	Thôn Thổ Khối	Thôn Thổ Khối thuộc xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hóa, là nơi có vị trí trọng yếu cả về thế công lẫn thế thủ, được Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lựa chọn làm địa điểm lui binh chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược nước ta lần thứ 2 (1285). Ông đã mưu trí, quyền biến tổ chức cuộc rút lui tài tình từ Thiên Trường vào Thanh Hóa, bảo vệ và đưa hai Vua cùng bộ chỉ huy quân sự nhà Trần về ẩn náu tại Thổ Khối. Trong thời gian tại đây, ông chiêu mộ quân lương, ngày đêm tập luyện binh sĩ, chờ đợi thời cơ. Đến tháng 5 năm 1285, nhận thấy thời cơ phản công đã đến, ông cùng các tướng lĩnh kéo quân ra bắc, làm nên chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương... đưa cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ hai toàn thắng.	Thổ Khối	
19	Thôn Tiên Hòa	Thôn Tiên Hòa thuộc Thanh Xá, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh tiêu biểu cho phong trào đấu tranh ngăn chặn tình trạng tăng thuế tùy tiện thời kỳ 1930 - 1945 trên địa bàn huyện Hà Trung (cũ).	Tiên Hòa	
20	Thôn Trang Các	Thôn Trang Các hay còn gọi là thôn Kim Trang là nơi có chùa Trang Các, tên một thôn cũ nằm trong tổng Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc. Đầu thế kỷ XX được chuyển về huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung. Từ năm 1954, thuộc xã Hà Phong, huyện Hà Trung. Nay vùng đất thuộc xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Trang Các	
21	Thôn Yến Vĩ	Thôn Yến Vĩ [122] là một trong 16 thôn, xã thuộc tổng Thượng Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa.	Yến Vĩ	
22	Tống Giang	Tống Giang, tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung (cũ) thời Trần, đến thời thuộc Minh vẫn thế.	Tống Giang	

[122] Dẫn nguồn: Trang 1082, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
23	Tống Sơn	Tống Sơn, tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung (cũ) từ thời Lê.	Tống Sơn	
24	Trang Hoàng Vân	Trang[123] Hoàng Vân[124] có từ thế kỷ XIX đời vua Gia Long, là một trong 16 thôn, xã thuộc tổng Thượng Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, thuộc vùng đất xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân[125].	Hoàng Vân	
25	Vỹ Liệt	Vỹ Liệt, tên làng thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, làng có các sự kiện tiêu biểu thời kỳ Cần Vương và phong trào Cách mạng thời kỳ từ 1930 -1945.	Vỹ Liệt	
26	Xã Hà Yên	Xã Hà Yên [126] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, là vùng đất thuộc thôn An Xá, xã Lãng Vinh và thôn Đình Trung thuộc xã Bùi Xá, tổng Trung Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung. Từ năm 1945 -1954, thuộc xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung. Tên xã Hà Yên có từ năm 1954 đến nay. Xã Hà Yên nay là xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hóa, xã có đặc sản mắm tép tiến Vua nổi tiếng được nhiều người biết đến đồng thời trên địa bàn xã có đình Trung được xếp hạng kiến trúc nghệ thuật Quốc gia đã trở thành một điểm tham quan du lịch hấp dẫn. Địa danh Hà Yên đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hà Yên	
27	Xã Kim Âu	Xã Kim Âu, có từ năm Tự Đức thứ 14 (1861) vì kiêng đồng âm tên húy Triệu Tổ Nguyễn Kim nên đổi là Ngọc Âu, là một trong những xã của tổng Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa. Đầu thế kỷ XX được chuyển về huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung. Sau năm 1954 thuộc vùng đất xã Hà Ngọc và Hà Đông (nay thuộc xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa). Địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kim Âu	

3.6. Huyện Hậu Lộc (cũ)

Tổng số: 46 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

[123] Trang: Tên dùng để chỉ đơn vị hành chính dưới thời Nguyễn (trang, sở, xã, thôn.)
[124] Theo Địa chí huyện Hà Trung, trang 102 và Lịch sử Đảng bộ xã Hà Long, trang 20.
[125] Dẫn nguồn: Trang 1082, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[126] Dẫn nguồn: Trang 40, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Ấp Hoa Lạc	Ấp Hoa Lạc thuộc xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa. Ngày đầu thời kỳ lập làng, lập ấp tên là "Ấp Hoa Lạc". Sau nhiều thập kỷ, ấp "Hoa Lạc" được đổi tên là "Phù Lạc" tồn tại đến nay.	Hoa Lạc	
2	Cầu Nam Khê	Cầu Nam Khê là cầu vượt qua kênh De thuộc địa phận xã Vạn Lộc và xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Cầu Nam Khê có từ lâu đời, địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nam Khê[127]	Công trình công cộng
3	Chi Nê	Làng Chi Nê, xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa, là nơi chuyên cung cấp rượu cho các quan lại trong triều và các sỹ quan cao cấp của quân đội Pháp, nay nổi tiếng với rượu Chi Nê.	Chi Nê	
4	Chợ Choàng	Chợ Choàng thuộc xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chợ được mở từ đời vua Thành Thái, là một trong ba chợ lớn nhất tỉnh Thanh Hóa lúc bấy giờ: Nhất chợ Bản (Yên Định), nhì chợ Hoàng (Nga Sơn), ba chợ Choàng (Hậu Lộc). Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chợ Choàng	
5	Chợ Dầu	Chợ Dầu thuộc địa phận làng Do Trung, nay là xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những chợ lớn của huyện Hậu Lộc (cũ), với nhiều mặt hàng phong phú, đa dạng, có nhiều đặc sản vùng biển. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chợ Dầu	
6	Chợ Phủ	Chợ Phủ thuộc xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, chợ có từ thời nhà Lý, chợ đặt ở lỵ phủ Hà Trung (cũ) nên được gọi là chợ Phủ. Chợ có bốn cái đình to vừa là nơi thờ cúng, vừa làm nơi họp chợ. Hiện nay chợ được xây dựng khang trang, phục vụ nhu cầu mua bán hàng ngày của Nhân dân quanh vùng của hai huyện Hậu Lộc và Hoằng Hóa (cũ). Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chợ Phủ	
7	Diêm Phố	Làng Diêm Phố, địa danh của xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có truyền thống làm nghề đánh cá biển và chế biến hải sản lâu đời.	Diêm Phố	

[127] Nam Khê đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên các cầu lớn vượt qua các sông thuộc tuyến đường bộ ven biển Việt Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
8	Duy Tinh	Duy Tinh, tên địa danh cổ thuộc xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa, trước đây từng là Lỵ sở (hay trấn lỵ) trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Thanh thời Lý - Trần.	Duy Tinh	
9	Đình Phong Mục	Đình Phong Mục là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh năm 2010, thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh được nhiều người biết đến, quen thuộc với Nhân dân trong vùng, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phong Mục	
10	Đường Tam Quan	Đường Tam Quan thuộc huyện Hậu Lộc (cũ), đường vào mộ ba ông tướng họ Lý (dưới chân núi Tùng), thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tam Quan	
11	Hanh Cù	Làng Hanh Cù, nay thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nhiều sự kiện và phong trào Cách mạng tiểu biểu thời kỳ 1930 - 1945.	Hanh Cù	
12	Hòn Nẹ	Đảo Nẹ, tên một hòn đảo nằm trên địa phận xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Nẹ Sơn	
13	Kênh 2/9	Kênh 2/9 thuộc huyện Hậu Lộc (cũ). Kênh đưa nước từ mương Mười Xã về sông Trà Giang, qua sông nước xanh rồi đổ ra sông Lạch Trường, tiêu úng cho các vùng đồi và một số xã vùng màu của huyện Hậu Lộc (cũ). Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kênh 2/9	
14	Kênh De	Kênh De thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, kênh chảy theo hướng Bắc - Nam nối liền sông Lèn, nhận lũ của sông Lèn đổ ra sông Lạch Trường. Là đường giao thông thủy quan trọng cho tàu thuyền trong xã và ngoài xã. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kênh De	
15	Kỳ Đà	Kỳ Đà thuộc xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi cũ của làng Kỳ Sơn, (gồm thôn Kỳ Sơn, thôn Chùa ngày nay). Tên Kỳ Đà có từ thời vua Lê Thánh Tông năm (1460). Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Kỳ Đà đổi tên thành làng Kỳ Sơn. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kỳ Đà	
16	Làng Bồ Điền	Làng Bồ Điền nay là làng Phú Điền, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây, từ thế kỷ thứ III là căn cứ của Bà Triệu chống quân Đông Ngô xâm lược. Bà Triệu cùng ba	Bồ Điền	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tướng họ Lý, là người làng Phú Điền đã chiến đấu anh dũng và hy sinh oanh liệt trên mảnh đất này. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
17	Làng Bùi	Làng Bùi ở xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là làng cổ có lịch sử hình thành và phát triển hơn một nghìn năm. Làng có nghề rèn truyền thống nổi tiếng và hệ thống di tích tiêu biểu như nghè làng Bùi. Năm 2015, nghè làng Bùi được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Bùi	
18	Làng Do Trung	Làng Do Trung tên làng của xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, có từ rất lâu đời, nơi đây nổi tiếng có nhiều dưa, cảnh quan đẹp, thanh bình. Nhân dân làng Do Trung có truyền thống cách mạng. Làng có ông Bùi Vơn là một trong năm thành viên sáng lập ra Huyện ủy Hậu Lộc, có hai người làm Bí Thư Tỉnh ủy Thanh Hóa là ông Bùi Đạt và ông Hoàng Văn Hiều. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Do Trung	
19	Làng Hoành Trung	Làng Hoành Trung[128], trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, gồm 8 xóm thuộc tổng Liên Cừ, từ năm 1954 đến nay là xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là làng có từ xa xưa đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hoành Trung	
20	Làng Kẻ Ghì	Làng Kẻ Ghì thuộc xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi cũ của làng Kỳ Sơn. Tên Kẻ Ghì có từ thế kỷ XII - XIII. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kẻ Ghì	
21	Làng Kiến Long	Làng Kiến Long thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vùng quê giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng. Đặc biệt làng có nghè làng Kiến Long - nơi thờ Đại càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần. Năm 2018, nghè được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử tại Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kiến Long	

[128] Dẫn nguồn: Trang 46, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
22	Làng Phú Nhi	Làng Phú Nhi thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên làng cổ đồng thời là tên cụm di tích cách mạng được xếp hạng là di tích cấp tỉnh năm 1998. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Nhi	
23	Làng Sơn	Làng Sơn thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 có tên là Tất Tác Sơn, là một trong các làng lớn của xã Tiến Lộc, tọa lạc ở trung tâm xã, có lịch sử hình thành cách đây trên dưới một ngàn năm. Làng có nghề rèn truyền thống nổi tiếng và hệ thống di tích tiêu biểu như đình làng Sơn. Năm 2019, đình làng Sơn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2019. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Sơn	
24	Làng Xuân Hội	Làng Xuân Hội thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa có lịch sử ra đời hàng trăm năm. Làng được hình thành từ Hoa Thị Trang - địa danh khi mới khai canh lập làng, đến đầu triều Nguyễn có tên là làng Xuân Hội. Là một làng cổ chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa. Đặc biệt làng có nghè làng Xuân Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Xuân Hội	
25	Ngõ[129] Bồ Ngòn	Ngõ Bồ Ngòn thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc (cũ). Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Bồ Ngòn	
26	Ngõ Chùa	Ngõ Chùa thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Chùa	
27	Ngõ Củi	Ngõ Củi thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Củi	

[129] Năm 1221, làng Bồ Điền được đổi tên thành làng Phú Điền. Làng Phú Điền được phân chia thành 12 ngõ lát đá, được đặt tên từng ngõ gồm: Ngõ Chùa, Ngõ Củi, Ngõ Liễu, Ngõ Mạc, Ngõ Nang, Ngõ Nhãn, Ngõ Nhồi, Ngõ Thị, Ngõ Bồ Ngòn, Ngõ Củng, Ngõ Y Môn lớn, Ngõ Y Môn bé. (theo Lịch làng Phú Điền, trang 3).

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
28	Ngõ Liễu	Ngõ Liễu thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Liễu	
29	Ngõ Mạc	Ngõ Mạc thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Mạc	
30	Ngõ Nang	Ngõ Nang thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Nang	
31	Ngõ Nhãn	Ngõ Nhãn thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Nhãn	
32	Ngõ Nhồi	Ngõ Nhồi thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Nhồi	
33	Ngõ Thị	Ngõ Thị thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Thị	
34	Ngõ Y Môn	Ngõ Y Môn thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tên 10 ngõ cổ của các làng, xã Triệu Lộc cũ. Địa danh có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngõ Y Môn	
35	Phong Lộc	Phong Lộc, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa thời Nguyễn. Đầu triều Nguyễn, năm Gia Long thứ 2 (1803) kiêng chữ Thuần (tên húy của chúa Nguyễn Phúc Thuần) nên đổi là huyện Phong Lộc nay là xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phong Lộc	
36	Phú Điền	Đình Phú Điền, là một Di tích kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt thuộc Khu Di tích Bà Triệu.	Phú Điền	
37	Sông Trà Giang	Sông Trà Giang thuộc các xã: Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là con sông được đào từ thời Tiền Lê, chảy theo hướng Bắc Nam, nối sông Lèn ở đập Lộc Động, xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa với sông Âu ở ngã ba Ghềnh (xã Hậu Lộc) của tỉnh Thanh Hóa. Là công trình thủy lợi tiêu nước lớn	Trà Giang	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		nhất trong huyện, vừa dự trữ nguồn nước quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
38	Tất Tác	Tất Tác, tên làng thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nơi có nghề rèn truyền thống và nổi tiếng với các thế hệ rèn tài ba, sản xuất ra nhiều mặt hàng sắt có chất lượng cao.	Tất Tác	
39	Thôn Hanh Cát	Thôn Hanh Cát thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi cũ của thôn ở xã Liên Thành, quê Mẹ Tơm nhân vật đã đi vào bài thơ nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hanh Cát	
40	Thống Bình	Thống Bình, tên huyện Hậu Lộc (cũ), tỉnh Thanh Hóa có từ thời Trần, Hồ về trước.	Thống Bình	
41	Thống Ninh	Thống Ninh, tên huyện Hậu Lộc (cũ), tỉnh Thanh Hóa thời kỳ thuộc Minh.	Thống Ninh	
42	Thuần Hựu	Thuần Hựu, tên huyện Hậu Lộc (cũ), tỉnh Thanh Hóa đầu thời Lê.	Thuần Hựu	
43	Thuần Lộc	Thuần Lộc, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa dưới thời Lê Trung hưng. Do kiêng húy Chân tông Duy Hựu, nên đổi là huyện Thuần Lộc, nay là xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Thuần Lộc	
44	Trận địa Đông Ngàn	Trận địa Đông Ngàn thuộc xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, gắn với Trung đội dân quân gái Hoa Lộc, đơn vị anh hùng trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại miền Bắc với thành tích 3 lần bắn rơi máy bay Mỹ. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đông Ngàn	
45	Xã Châu Lộc	Xã Châu Lộc thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là tên gọi có từ xa xưa, là xã vùng bán sơn địa phía cực tây của huyện Hậu Lộc, cách trung tâm huyện lỵ 13 km. Năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Châu Lộc sáp nhập với xã Triệu Lộc. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Châu Lộc	
46	Xã Văn Lộc	Xã Văn Lộc là tên xa xưa của xã nằm về phía Tây Nam của huyện Hậu Lộc (cũ), cách trung tâm thị trấn 4 km về phía Nam. Năm 2019 xã Văn Lộc sáp nhập với xã	Văn Lộc	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thuần Lộc thành xã Thuần Lộc nay là xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		

3.7. Huyện Hoằng Hóa (cũ)

Tổng số: 20 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Cầu Đông Lưu	Cầu Đông Lưu là cầu vượt qua sông Cung nối giữa hai xã Hoằng Lưu và xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Lưu[130]	Công trình công cộng
2	Băng Sơn	Băng Sơn, tên núi ở xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền vào thời Lý là nơi Thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu ném đao.	Băng Sơn	
3	Bút Sơn	Bút Sơn, tên một thị trấn của huyện Hoằng Hóa (nay là xã Hoằng Hóa), tỉnh Thanh Hóa được thành lập ngày 14 tháng 9 năm 1989, nằm bên Quốc lộ 10.	Bút Sơn	
4	Cổ Đằng	Cổ Đằng, tên vùng đất huyện Hoằng Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa thời Lý, Trần.	Cổ Đằng	
5	Cổ Hoằng	Giáp Cổ Hoằng, là tên vùng đất Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thời Đinh, Lê, Lý.	Cổ Hoằng	
6	Cổ Linh	Cổ Linh, là tên của huyện Hoằng Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa thời Hồ.	Cổ Linh	
7	Cồn Ba Cây	Cồn Ba Cây, thuộc xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, gắn với sự kiện lịch sử giai đoạn 1930 - 1945.	Cồn Ba Cây	
8	Cồn Mả Nhón	Cồn Mả Nhón, thôn Đằng Trung, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây vào ngày 24 tháng 7 năm 1945, lực lượng tự vệ phục kích đã bắt sống tri phủ Phạm Trọng Bào và toàn bộ lính Bảo an trong cuộc Khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945.	Cồn Mả Nhón	
9	Hoằng Bột	Hoằng Bột, tên làng cổ thuộc xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là làng có truyền thống học hành khoa cử tiêu biểu trong tỉnh.	Hoằng Bột	

[130] Đông Lưu: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
10	Lạch Trường	Lạch Trường, tên một con sông (sông Lạch Trường) thuộc xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa, ngày nay là dòng chính của sông Mã. Nơi đây diễn ra những sự kiện lịch sử tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đặc biệt là chiến công của Hải quân Việt Nam ngày 05 tháng 8 năm 1964.	Lạch Trường	
11	Làng Phượng Mao	Làng Phượng Mao thuộc xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Trước đây có tên gọi là Tuấn Mau, làng được hình thành từ thế kỷ XV, thời Lê sơ, do hai vị tướng có công giúp vua Lê dẹp giặc, đó là Lê Công Trinh và Lê Công Phụ được nhà vua ban đất ở đây để khai dân, lập ấp và được ban 36 đạo sắc phong, hiện nay còn lưu giữ 23 đạo sắc. Đến thời Nguyễn, làng có tên là Phượng Mao, xã Cẩm La, tổng Lỗ Hương, huyện Mỹ Hóa. Làng có một số công trình văn hóa tâm linh được Nhân dân lưu truyền qua nhiều thế hệ, đó là đình, nghè thờ Lê Công Trinh, Lê Công Phụ, hiện nay còn có văn chỉ và 23 sắc phong. Tháng Hai (âm lịch) hằng năm, Nhân dân trong làng lại tổ chức mở hội tế hai vị thần đã có công giúp vua Lê đánh giặc.	Phượng Mao	
12	Làng Vĩnh Gia	Làng Vĩnh Gia[131] thời Lý gọi là Cổ Đô xã, rồi Nhân Cõi khu, làng Cuội; đầu thời Nguyễn đã có tên thôn Vĩnh Gia[132], xã Lỗ Hương thuộc tổng Lỗ Hương, nay thuộc xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Làng có những di tích lịch sử khá nổi tiếng như chùa Vĩnh Phúc Tự (hay còn gọi là chùa Gia); nghè thờ Tam vị Đại vương (Tô Hiến Thành, Trần Khát Chân và Tôn Thành Hoàng làng) được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 163/VHQĐ ngày 20 tháng 4 năm 1994. Nghè Vĩnh Gia, hiện còn lưu giữ được nhiều câu đối và nhiều đạo sắc phong vua ban cho tam vị đại vương được thờ tại nghè và 1 tấm bia đá là những tư liệu, hiện vật quý giá. Đây là địa danh được Nhân dân trong và ngoài tỉnh biết đến, tên Vĩnh Gia đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Vĩnh Gia	

[131] Dẫn nguồn: Trang 87, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[132] Dẫn nguồn: Trang 1093, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
13	Làng Cự Đà	Làng Cự Đà thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Hoằng Hóa, làng đã được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng có công với nước năm 2002.	Cự Đà	
14	Làng Hạ Vũ	Làng Hạ Vũ thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Là địa chỉ cách mạng, trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước làng Hạ Vũ là pháo đài bảo vệ phía đông cầu Hàm Rồng, cầu Tào, cầu Cách, xí nghiệp đóng thuyền, dép lốp, kho lương thực và Ủy ban hành chính huyện đóng trên địa bàn làng Hạ Vũ. Làng được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng có công với nước năm 2001.	Hạ Vũ	
15	Làng Liên Châu	Làng Liên Châu thuộc xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, nơi có phong trào Việt Minh trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 rất mạnh, làng Liên Châu được coi là "chiếc nôi của cách mạng" ở huyện Hoằng Hóa (cũ), là nơi quân Nhật và chính quyền tay sai 05 lần đưa quân về đàn áp và đều bị đánh bại, góp phần làm nên thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền huyện Hoằng Hóa ngày 24 tháng 7 năm 1945 sớm nhất cả tỉnh. Làng được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng Bằng có công với nước năm 1964.	Liên Châu	
16	Làng Phúc Tiên	Làng Phúc Tiên[133], làng có từ xa xưa, trước có tên gọi là Thượng Thọ, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Phúc Tiên là một trong 4 làng thuộc xã Hoằng Quỳ thuộc tổng Dương Thủy, nay thuộc xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Hiện làng có đình làng Phúc Tiên được Nhân dân trong và ngoài tỉnh biết đến, đình được xây dựng vào năm 1826, thờ Đô thống tướng quân Lê Phụng Hiểu. Năm 2017, đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017.	Phúc Tiên	

[133] Dẫn nguồn: Trang 82, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
17	Làng Trọng Hậu	Làng Trọng Hậu còn được biết đến với tên cổ là Kẻ Trọng, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Làng có lịch sử hình thành từ rất sớm nên chứa đựng nhiều giá trị lịch sử văn hóa, trong đó có ngôi đình làng Trọng Hậu xây dựng từ thời Nguyễn - nơi tôn thờ Thành Hoàng làng Lê Phụng Hiểu. Đây là một trong những ngôi đình còn giữ được nhiều giá trị kiến trúc đặc sắc thời Nguyễn. Năm 2015, đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015.	Trọng Hậu	
18	Làng Trù Ninh	Làng Trù Ninh[134] (Vạn Ninh, Trù Thôn) thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là vùng đất cổ được hình thành cách đây khoảng 500 năm, có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa. Hằng năm vào ngày mùng 2 Tết Nguyên đán làng tổ chức lễ hội đua thuyền truyền thống. Làng còn có đền, chùa làng Trù Ninh được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2002. Đây là cụm di tích, là một quần thể kiến trúc các di tích bao gồm: Đền thờ Cao Sơn thờ Cao Sơn Thượng Đẳng Thần, chùa Bái Ninh thờ Phật, phủ Mẫu được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 69/QĐ-VHTT ngày 08 tháng 02 năm 2002.	Trù Ninh	
19	Phú Khê	Phú Khê, là tên một ngôi đình (đình Phú Khê) thuộc làng Phú Khê, xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Là Di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp Quốc gia.	Phú Khê	
20	Trì Trọng	Trì Trọng, tên làng thuộc xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có đền Mã Cương, thờ Lê Phụng Hiểu, một danh tướng thời Lý.	Trì Trọng	

3.8. Huyện Lang Chánh (cũ)

Tổng số: 11 địa danh, trong đó có 04 địa danh đã dùng đặt tên.

[134] Theo Làng xã Thanh Hóa, tập 1, trang 64.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bản Chiềng Chải	Bản Chiềng Chải là một địa danh có từ thời cổ xưa, trước thuộc xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, từ năm 1991 được sáp nhập vào thị trấn Lang Chánh[135] (nay là xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Bản Chiềng Chải là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chiềng Chải	
2	Châu Lang	Châu Lang là tên cũ của huyện Lang Chánh (cũ), tỉnh Thanh Hóa thời phong kiến (phủ Châu Lang).	Châu Lang	
3	Động Giao Lão	Động Giao Lão thuộc xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa. Thời Lê thuộc động Giao Lão, thời Nguyễn thuộc Mường Nang, tổng Thiên Thổ, châu Lang Chính. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, có tên là Giao An. Giao Lão là địa danh gắn với hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn.	Giao Lão	
4	Đường Bảo Ninh Lương	Đường Bảo Ninh Lương theo sách "Đại Nam nhất thống chí" chép: Bảo Ninh Lương ở xã Mỹ Chánh, châu Lang Chánh. Năm Minh Mạng thứ 18, quân Kinh Lý đến địa phương này đóng quân phòng thủ, sau khi giặc cướp tạm yên, rút quân về tỉnh, bèn dùng bảo này làm lỵ sở của châu. Bảo Ninh Lương xưa, nay thuộc xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Bảo Ninh Lương[136]	Đường
5	Làng Mường Khạt	Làng Mường Khạt thuộc xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa, thời Nguyễn thuộc tổng Quy Chánh, châu Lương Chính. Đây là địa danh lịch sử có Thung Voi nơi diễn ra các trận chiến đấu của nghĩa quân Lam Sơn (thế kỷ XV). Nơi tìm thấy bia hộp nói về hoạt động của danh tướng Đinh Bị trong khởi nghĩa Lam Sơn.	Mường Khạt	
6	Lương Ngọc	Lương Ngọc là tên của huyện Lang Chánh (cũ), tỉnh Thanh Hóa trước khi chia tách.	Lương Ngọc	
7	Núi Chí Linh	Chí Linh, là căn cứ của Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Chí Linh	

[135] Theo Quyết định số 185-TCCP ngày 13/4/1991 của Ban Tổ chức Chính phủ.

[136] Bảo Ninh Lương: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
8	Pù Rinh	Pù Rinh, là tên một ngọn núi ở xã Giao An, Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nơi nghĩa quân Lam Sơn đóng quân.	Pù Rinh	
9	Xã Mường Chính	Xã Mường Chính nay thuộc xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, trước đây gồm 4 xã. Địa danh này là một trong những địa danh diễn ra trận đánh lớn của nghĩa quân Lam Sơn. Năm 1419 trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nghĩa quân đã đóng ở Hà Sơn rồi mai phục sẵn ở Mường Chính để diệt giặc.	Mường Chính[137]	Đường
10	Xã Quang Hiến	Xã Quang Hiến có từ thời Tây Sơn, thuộc đất Mường Chính, tổng Tuỳ Chính, châu Lương Chính. Xã Quang Hiến được Chính phủ quyết định tách ra từ xã Quyết Thắng vào tháng 6 năm 1966. Quang Hiến xưa kia là vùng đất trung tâm của châu Lang Chánh, là xã Mỹ Chánh xưa, có Mường Chánh hay Mường Tầm là một Mường lớn làm nền tảng cho việc thành lập châu Lang Chánh sau này. Vùng đất này đã từng in dấu chân của Lê Lợi cùng tướng quân Lê Thạch (cháu Lê Lợi) và nghĩa quân Lam Sơn. Hón Oi - nơi vẫn lưu truyền có 12 cửa trạm mà Lê Lợi đã dấu quân, luyện tập binh mã chiến đấu chống giặc Minh xâm lược.	Quang Hiến[138]	Đường
11	Xã Văn Hiến	Xã Văn Hiến là tên xã trước đây, thời Tây Sơn đến đầu thời Nguyễn, vùng đất Quang Hiến ngày nay thuộc đất Mường Chính, tổng Tuỳ Chính, châu Lương Chính. Từ năm Minh Mệnh năm thứ 18 (1837) thuộc xã Mỹ Chánh, tổng Tuỳ Chính, châu Lang Chánh. Sau đó là hai xã: Vinh Quang và Văn Hiến. Tháng 8 năm 1951 sáp nhập ba xã: Vinh Quang, Văn Hiến và Trí Nang để thành lập xã Quyết Thắng (trang 105, 106 Địa chí huyện Lang Chánh).	Văn Hiến[139]	Đường

3.9. Huyện Mường Lát (cũ)

Tổng số: 11 địa danh.

[137] Mường Chính: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[138] Quang Hiến: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[139] Văn Hiến: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bản Sài Khao	Bản Sài Khao nằm ở độ cao hơn 1.500 mét so với mực nước biển, trong những tháng năm kháng chiến oai hùng, chính bản làng nghèo này là nơi Trung đoàn Tây Tiến hành quân ghé ngang và gửi giấc mộng nhớ thương cho người nơi hậu phương. Vùng đất này đến nay vẫn lưu giữ những dấu tích mà bộ đội Tây Tiến khi dừng chân, lập căn cứ đã để lại.	Sài Khao	
2	Bản Đoàn Kết	Bản Đoàn Kết thuộc xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; sau khi xã Tén Tằn sáp nhập vào thị trấn Mường Lát vào năm 2019, đổi tên thành khu phố Đoàn Kết - xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, tên một bản của đồng bào Khơ Mú.	Bản Đoàn Kết	
3	Bản Mường Púng	Bản Mường Púng thuộc xã Quang Chiểu, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh có từ xưa, nay là Bản Pùng (thuộc Mường Púng xưa) nay thuộc xã Quang Chiểu.	Mường Púng	
4	Bản Mường Sim	Bản Mường Sim nay thuộc Bản Sim, xã Quang Chiểu, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh từ xưa.	Mường Sim	
5	Đỉnh Hin Phăng	Đỉnh Hin Phăng, tên dãy núi ở xã Tam Chung, tỉnh Thanh Hóa (Nghị định số 72-CP ngày 18 tháng 11 năm 1996 của Chính Phủ). Đỉnh cao trên 1000 m[140].	Hin Phăng	
6	Lục Canh	Lục Canh là tên Tổng ngày xưa của huyện Mường Lát (cũ), tỉnh Thanh Hóa, trong đó có 4 Mường: Mường Lát, Mường Lý, Mường Chanh và Quang Chiểu.	Lục Canh	
7	Quan Da	Quan Da là tên Châu của huyện Mường Lát (cũ), tỉnh Thanh Hóa ngày xưa (Châu Quan Da).	Quan Da	
8	Quang Chiểu	Quang Chiểu, tên tổng của châu Quan Hóa trước năm 1945, nay là địa bàn xã Quang Chiểu, tỉnh Thanh Hóa[141] (Nghị định số 72 - CP ngày 18 tháng 11 năm 1996 của Chính Phủ).	Quang Chiểu	
9	Sài Khao	Sài Khao, tên một địa danh nổi tiếng thuộc xã Mường Lý, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh xuất hiện trong bài thơ Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng.	Sài Khao	

[140] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Điều chỉnh Đỉnh Hin Phăng của huyện Quan Hóa (cũ) sang huyện Mường Lát (cũ).
[141] Theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
10	Suối Sim	Suối Sim, tên con suối ở xã Mường Chanh, tỉnh Thanh Hóa; bắt nguồn từ Lào, qua xã Mường Chanh, xã Quang Chiểu, khu phố Tén Tằn và đổ vào Sông Mã (Nghị định số 72-CP ngày 18 tháng 11 năm 1996 của Chính Phủ)[142].	Suối Sim	
11	Thanh Đô	Thanh Đô - phủ Thanh Đô, thuộc năm Minh Mệnh thứ 10 năm 1839 của huyện Mường Lát (cũ), tỉnh Thanh Hóa.	Thanh Đô	

3.10. Huyện Nga Sơn (cũ)

Tổng số: 32 địa danh, trong đó có 07 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Cầu Lạch Sung	Cầu Lạch Sung là cầu vượt qua sông Lèn, nối giữa 02 xã Vạn Lộc và xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Lạch Sung[143]	Công trình công cộng
2	Cầu Thanh Bình	Cầu Thanh Bình là cầu vượt qua sông nối giữa huyện Nga Sơn và Hậu Lộc (cũ).	Thanh Bình[144]	Công trình công cộng
3	Đình Chí Đức	Đình Chí Đức: Tên một ngôi đình, thuộc xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là căn cứ cách mạng đây là nơi diễn ra Đại hội chi bộ xã Nga Thanh lần thứ I, lần thứ II, lần thứ III và lần thứ IV. Đình Chí Đức được xếp hạng di tích lịch sử cách mạng năm 2009.	Chí Đức	
4	Đình làng Hậu Trạch	Đình làng Hậu Trạch thuộc xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Ngôi đình được xây dựng vào thời "Đại Nam Thành Thái ngũ niên" năm Quý Tỵ (1893) cao, to, đẹp nhất nhì nước Đại Nam thuở ấy. Được vua cho phép xây 5 bậc đá (Phép này chỉ dành riêng cho làng có quan đầu triều. Cả nước chỉ có 2 ngôi đình được phép như vậy).	Hậu Trạch	
5	Đình Mậu Thịnh	Đình Mậu Thịnh thuộc địa phận làng Mậu Thịnh, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1886 - 1887) ngôi đình là một trong những căn cứ thuộc	Mậu Thịnh	

[142] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Điều chỉnh Đỉnh Hin Phăng của huyện Quan Hóa (cũ) sang huyện Mường Lát (cũ).
[143] Lạch Sung: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[144] Thanh Bình: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		hệ thống các căn cứ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Trong những năm diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba Đình, đình Mậu Thịnh trở thành một căn cứ hội họp, đóng quân và tích trữ lương thực của nghĩa quân Ba Đình.		
6	Đình Mỹ Khê	Đình Mỹ Khê thuộc địa phận làng Mỹ Khê, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1886 -1887) ngôi đình là một trong những căn cứ thuộc hệ thống các căn cứ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	Mỹ Khê	
7	Hưng Long	Hưng Long là tên gọi của một con sông, một công trình thủy lợi lớn của tỉnh, nằm ở xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hưng Long	Đường
8	Làng Chiêm Ba	Làng Chiêm Ba[145] là tên làng cổ, làng được hình thành cách đây trên 500 năm, trước là một trong 23 xã, thôn thuộc tổng Mậu Lâm (trước năm 1945), sau năm 1945 thuộc xã Vạn Chiêm (xưa) huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung cũ, nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chiêm Ba	
9	Làng Chính Đại	Làng Chính Đại[146], đây là làng có từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, là 1 trong 3 làng thuộc xã Kiên Giáp, tổng Tân Phong, nay là xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chính Đại	
10	Làng Đậu Nguyên	Làng Đậu Nguyên thuộc xã Nga Mỹ cũ (nay là xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Theo lịch sử làng có tên ban đầu là làng Đậu Ngoại, thành lập từ thế kỷ thứ XV với các dòng họ Trần, sau đó là họ Mai, họ Nguyễn.	Đậu Nguyên	
11	Làng Đông Kinh	Làng Đông Kinh là tên làng cổ, thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, trong làng có nghè Đông thờ Đông Hải Đại vương Đoàn Thượng, làng có lễ hội truyền thống tổ chức vào ngày 14 tháng 02 âm lịch.	Đông Kinh	
12	Làng Hồ Đông	Làng Hồ Đông thuộc xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làng Hồ Đông là cửa ngõ phía Đông Bắc của xã, phải chịu nhiều cuộc càn quét của địch, đặc biệt là cuộc càn quét với quy mô lớn của địch	Hồ Đông	

[145] Trang 1086, sách Đồng Khánh địa dư chí.
[146] Dẫn nguồn: Trang 75, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		diễn ra vào ngày 26 tháng 3 năm 1953. Nhân dân trong làng vốn có truyền thống yêu nước, căm thù giặc đã cùng với dân quân, du kích, bộ đội dũng cảm kiên cường chặn đánh quyết liệt các cuộc càn quét của địch. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước, có 106 thanh niên nam, nữ trong làng đã tham gia bộ đội, thanh niên xung phong, có 11 người con là liệt sỹ, 5 thương binh; Nhân dân trong làng được tặng thưởng 47 huân, huy chương các loại.		
13	Làng Hồ Nam	Làng Hồ Nam thuộc xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làng Hồ Nam nằm trên trục đường mà địch từ Điền Hộ, Mai An Tiêm kéo quân vào Liên Sơn (xã Nga Liên ngày nay), do đó Nhân dân trong làng thường xuyên bị địch cướp phá nhà cửa, hoa màu. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Nhân dân trong làng đã tiễn hàng chục thanh niên tham gia bộ đội chiến đấu trên khắp các chiến trường. Kết thúc hai cuộc kháng chiến, Nhân dân trong làng được nhà nước tặng thưởng 84 huân, huy chương các loại.	Hồ Nam	
14	Làng Hợp Long	Làng Hợp Long[147] là làng được hình thành từ xa xưa, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc tổng Cao Vịnh, sau là một trong 4 làng thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại làng có một ngôi nghè thờ Thành Hoàng làng Đoàn Dương Tử (Đoàn Dưỡng Dục) nghè được nhiều người biết đến. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hợp Long	
15	Làng Mại Đức	Làng Mại Đức thuộc xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1831 - 1832 đời vua Minh Mạng thứ XI chia nước ta làm 31 tỉnh thuộc chính quyền Trung ương. Làng Mại Đức được xác lập trên bản đồ hành chính với 8 xóm: Xóm Rù, xóm Câu, xóm Vạn, xóm Đồng, xóm Sâu, xóm Nghè, xóm Bề, xóm Độn. Làng có 6 dòng họ lớn cùng sinh sống: Họ Dương Đình, họ Nguyễn Văn, họ Nguyễn Hữu, họ Mai Văn, họ Phạm Văn, họ Trịnh.	Mại Đức	
16	Làng Mật Kỳ	Làng Mật Kỳ thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, trong làng có nghè Tam Biểu (vì dân làng phải ba lần làm biểu tấu vua xin đất và kinh phí xây dựng lại	Mật Kỳ	

[147] Dẫn nguồn: Trang 85, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Nghè do Nghè cũ bị cháy, lần thứ ba mới được vua chuẩn tấu) thờ ông Đoàn tây tổ chức vào ngày 15 tháng 02 âm lịch.		
17	Làng Mậu Xuân	Làng Mậu Xuân thuộc tổng Mậu Lâm (trước năm 1945), sau năm 1945 thuộc xã Vạn Chiêm (xưa), nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, trước đây Nhân dân trong làng hay gọi là làng Mậu hay phủ Mậu. Theo sách tên làng xã Việt Nam cuối thế kỷ XIX thì tổng Mậu Lâm được gọi từ thời Lê Sơ (1428 - 1527). Như vậy tên làng Mậu Xuân đã có cách đây hơn 600 năm.	Mậu Xuân	
18	Làng Ngưu Sơn	Làng Ngưu Sơn thuộc xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ được đặt từ khoảng năm 1880.	Ngưu Sơn	
19	Làng Thành	Làng Thành thuộc xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa, nơi có đình làng thành được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử cách mạng tại Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2005.	Làng Thành	
20	Làng Thổ Hoàng	Làng Thổ Hoàng thuộc tổng Mậu Lâm (trước năm 1945), sau năm 1945 thuộc xã Tùng Lâm (xưa), nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, đây là tên làng cổ. Trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Nhân dân trong làng đã tích cực đào hầm, hào giao thông, đồn lũy dọc theo con kênh ở phía tây làng, xuống núi Thúc để trú ẩn, làm đường hào vận chuyển lương thực và chi viện cho căn cứ Ba Đình.	Thổ Hoàng	
21	Làng Trung Điền	Làng Trung Điền thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, làng có từ năm đầu công nguyên do ông Mai An lập ra và ông được phong là Thành Hoàng làng, được Nhân dân trong làng thờ phụng.	Trung Điền	
22	Làng Vân Hoàn	Làng Vân Hoàn thuộc xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là một làng cổ, bệnh viện dã chiến trong kháng chiến chống Pháp của huyện Nga Sơn đóng tại đình làng Vân Hoàn.	Vân Hoàn	
23	Làng Văn Lâm	Làng Văn Lâm thuộc tổng Mậu Lâm (trước năm 1945), sau năm 1945 thuộc xã Tùng Lâm (xưa), nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Nhân dân làng Văn Lâm có 350 người tham gia bộ	Văn Lâm	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		đội, chiến đấu ở các chiến trường, được Nhà nước tặng thưởng 125 huân, huy chương các loại cho Nhân dân trong làng.		
24	Làng Xa Loan	Làng Xa Loan thuộc tổng Mậu Lâm (trước năm 1945), sau năm 1945 thuộc xã Tùng Lâm (xưa) nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng cổ, làng ra đời cách đây hàng nghìn năm (từ thời Đinh, Lý).	Xa Loan	
25	Làng Xuân Đài	Làng Xuân Đài thuộc xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây có đền thờ Trần Hưng Đạo còn gọi là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Đền được xây dựng năm 1860 (thời vua Tự Đức). Vào năm Bảo Đại nhị niên (1927), đền được xây dựng lại trên khu đất trung tâm làng Xuân Đài, xã Nga Sơn. Đền được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2004.	Xuân Đài	
26	Mậu Tài	Mậu Tài, tên gọi xưa của xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, nay thuộc xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, được tách ra sau khi thành lập thị trấn Nga Sơn.	Mậu Tài	Đường
27	Núi Giá	Núi Giá thuộc làng Điền Hộ, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, là căn cứ đồn tiền tiêu của khởi nghĩa Ba Đình có chức năng như trạm quan sát thông tin nằm cách khu căn cứ trung tâm núi Thúc khoảng 800 m.	Núi Giá	
28	Núi Thúc	Núi Thúc thuộc làng Điền Hộ, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, là khu căn cứ trung tâm, là vị trí trọng yếu của cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Nơi đây từng diễn ra các trận chiến đấu ác liệt giữa nghĩa quân Ba Đình và thực dân Pháp, nơi ghi dấu những chiến công vang dội của nghĩa quân Ba Đình trong lịch sử đồng thời là nơi hội họp tụ nghĩa, nơi tập hợp sức mạnh của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.	Núi Thúc	
29	Thôn Thượng Thọ	Thôn Thượng Thọ thuộc xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, được thành lập vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) do ông Nguyễn Hữu Đài cùng một số người khác lập nên. Nơi đây là căn cứ của đồn Thượng trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình (do vị trí làng xung quanh có những lũy tre vây kín, phù hợp thành luỹ, vì vậy trở thành kiến trúc quân sự của căn cứ Ba Đình). Đồn Thượng do lãnh binh Nguyễn Viết Toại chịu trách nhiệm. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1886 -1887) Thượng Thọ là một trong những căn cứ thuộc hệ thống các căn cứ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Trong những năm diễn	Thượng Thọ	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		ra cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Thượng Thọ trở thành một chiến tuyến phòng ngự quy mô nhất trong thời kỳ Cần Vương chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX của cả nước.		
30	Từ Thức	Động Từ Thức, là một hệ thống hang động núi đá vôi với nhiều nhũ đá được gắn liền với truyền thuyết Từ Thức gặp tiên. Động nằm trên địa bàn xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa.	Từ Thức	Đường
31	Yên Hạnh	Yên Hạnh, là một trong những làng cổ của xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, được thành lập từ thời Tiền Lê (thế kỷ X) do Mai Hoa khai phá.	Yên Hạnh	Đường
32	Yên Ninh	Yên Ninh, là tên gọi làng cổ của xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Yên Ninh	Đường

3.11. Huyện Ngọc Lặc (cũ)

Tổng số: 15 địa danh, trong đó có 02 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
1	Bắc Sơn	Bắc Sơn, là địa danh thuộc xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa. Nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên (chi bộ Bắc Sơn) và là tiền thân của Đảng bộ huyện Ngọc Lặc ngày nay.	Bắc Sơn	
2	Bàn Bù	Bàn Bù, gắn với Danh thắng hang Bàn Bù, xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa là địa danh gắn liền với giai đoạn lịch sử của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	Bàn Bù	
3	Châu Ngọc[148]	Châu Ngọc, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Trước năm 1900 thuộc Mường Chẹ, sau thuộc tổng Yên Trường và 2/3 tổng Quảng Trị thuộc phủ Thiệu Hóa, huyện Thụy Nguyên. Châu Ngọc là tên gọi vùng đất chủ yếu của huyện Ngọc Lặc (cũ).	Châu Ngọc	
4	Đồi Tô	Đồi Tô, là một địa danh trong truyền thuyết sử Thi Đẻ đất Đẻ nước, thuộc làng Lú Khoen, xã Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; là nơi Bà Dạ Dần dạy cho con người biết trồng dâu nuôi tằm, quay tơ dệt vải.	Đồi Tô	

[148] Sau cách mạng tháng tám (1945) bỏ "châu" đổi thành huyện Ngọc Lặc.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
5	Làng Ngọc Châu	Làng Ngọc Châu, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước đây gọi là làng Bống, thuộc xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa, là quê hương của Lê Hiểm, một công thần khai quốc triều Hậu Lê, có đóng góp vào thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn. Hiện nay, đền thờ vẫn còn dấu vết ở làng Thành Sơn (làng Giác, xã Kiên Thọ) vùng đất này còn là nơi lưu truyền huyền thoại về "Chúa Lam Sơn" và nghĩa quân Lam Sơn, trong đó có huyền thoại về thanh gươm thần của Lê Lợi.	Ngọc Châu	
6	Làng Riếng	Làng Riếng, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, nơi đây có đền làng Riếng (tiếng Mường gọi là Lôồng Riềng) thờ Thánh Gióng - vị thánh trong "Tứ bất tử" của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, đền được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016. Nay làng Riếng thuộc xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hóa.	Làng Riếng	
7	Làng Thành Sơn	Làng Thành Sơn là làng cổ, quê hương của Lê Lai và gia tộc Lê Lai, Lê Lư, Lê Lộ, Lê Lâm - đều là dũng tướng tài giỏi, đóng góp cho khởi nghĩa Lam Sơn đi đến thắng lợi. Làng Thành Sơn nay thuộc xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa.	Thành Sơn	
8	Mường[149] Chẹ	Mường Chẹ, tên một trong bốn vùng Mường cổ của Thanh Hóa, trước năm 1945 thuộc xã Cao Khê, Mỹ Khê, nay thuộc xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Mường Chẹ	
9	Núi Sắt	Núi Sắt, thuộc xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là nơi Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn rút chạy được Nhân dân ở đây giúp đỡ, tên núi Sắt là do Lê Lợi đặt.	Núi Sắt	
10	Phố Châu	Phố Châu, thủ phủ cũ của huyện Ngọc Lặc (cũ), tỉnh Thanh Hóa.	Phố Châu	Phố
11	Phố Cống	Phố Cống, tên một con phố thuộc khu vực huyện lỵ (có từ lâu đời) của xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Phố Cống	Phố
12	Phù Hương	Phù Hương, một dãy núi thuộc xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa, gắn liền với giai đoạn lịch sử của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	Phù Hương	

[149] Mường là một vùng (vùng mường, kiểu như: Mường Chẹ, Mường Bi, Mường Vang…).

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
13	Phúc Thành	Phúc Thành thuộc xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa. Là địa điểm cách mạng, nơi đây lực lượng khởi nghĩa huyện Ngọc Lặc tập trung và giành chính quyền tại Châu Đường, làng Mèn, xã Minh Sơn.	Phúc Thành	
14	Rồng Trổ	Rồng Trổ, núi thuộc xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Gắn liền với sự tích rồng bị thương chạy xuyên qua dãy núi tạo thành lỗ thủng hình tròn, có đường kính rộng 20m và dân gian đặt cho tên núi là núi Rồng Trổ.	Rồng Trổ	
15	Voi Quỳ	Voi Quỳ, là địa danh thuộc xã Minh Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Là khu vực được Lê Lợi chọn làm tuyến đường bí mật để vận chuyển vũ khí, quân lương, tăng cường viện trợ cho nghĩa quân Lam Sơn trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Voi Quỳ	

3.12. Thị xã Nghi Sơn[150] (cũ)

Tổng số: 86 địa danh, trong đó có 03 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	An Thuận	An Thuận, tên huyện Tĩnh Gia xưa dưới thời Tùy - Đường	An Thuận	
2	Cầu Đông	Cầu Đông thuộc phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đầu thế kỷ XIX, thôn Cầu Đông thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia.	Cầu Đông	
3	Cầu Hang	Cầu Hang thuộc phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, gắn liền với các sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc ta, đặc biệt là với Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	Cầu Hang	
4	Cầu Tam Văn	Cầu Tam Văn thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1928, do có con hói sâu ngăn cách giữa hai làng Liên Thịnh và Liên Hưng (xã Hải Bình) gây khó khăn cho việc đi lại. Nhân dân trong làng góp sức xây dựng và đặt tên là cầu Tam Văn.	Tam Văn	

[150] Ngày 22 tháng 4 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 933/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn trên cơ sở toàn bộ huyện Tĩnh Gia, thị xã Nghi Sơn được thành lập với 16 phường, 15 xã.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Ngày nay, cầu Tam Văn vẫn còn (thuộc địa phận tổ dân phố Liên Hưng), hai bên cầu dân cư đông đúc, mặt đường rộng rãi và được bê tông hóa.		
5	Châu Khê	Châu Khê thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ), đầu thế kỷ XIX, thôn Chu Khê thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Năm 1948, là nơi diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện Tĩnh Gia lần thứ nhất.	Châu Khê	
6	Còng	Còng là thị trấn, trung tâm phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, địa danh có từ xa xưa, nằm trên trục đường Thiên lý Bắc Nam - rất quan trọng.	Còng	
7	Cổ Bình	Cổ Bình, tên huyện Tĩnh Gia (cũ) thời thuộc Minh.	Cổ Bình	
8	Cổ Đông	Cổ Đông, là tên xóm của làng Cộng Phú (làng Còng) thuộc xã Phù Sa, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa).	Cổ Đông	Đường
9	Cư Phong	Cư Phong, tên huyện Tĩnh Gia (cũ) ngày xưa thời Hán.	Cư Phong	
10	Do Xuyên	Do Xuyên, tên làng thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đây là vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng của phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Do Xuyên	
11	Đảo Biện Sơn	Đảo Biện Sơn thuộc phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, còn gọi là hòn Biện, đảo Nghi Sơn, từ thế kỷ XI, đây là địa danh rất nổi tiếng trong lịch sử đất nước, gắn liền với cuộc hành quân của các hoàng đế thời kỳ Lý, Trần, Lê trong các cuộc Nam chinh bằng đường biển để bảo vệ biên cương Tổ quốc. Năm 1788, Biện Sơn được chọn làm điểm cực Nam của phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.	Biện Sơn	
12	Đê Hoàng Các	Đê Hoàng Các thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa, thực hiện chủ trương của triều đình Lê Sơ khôi phục sản xuất nông nghiệp, Lê Nhân Quý tiến hành đắp đê Hoàng Các, ngăn mặn, khai khẩn ven biển ở quê hương. Theo tộc phả, vào cuối đời Thánh Tông, đầu đời Hiến Tông, ông đắp con đê Hoàng Các từ Tháp Sơn đến cồn Mả Nghè, thôn Vinh Quang dài gần 1 km. Đê hoàn thành có tác dụng thau chua, rửa mặn tạo nên một khu đồng ruộng phì nhiêu trải dài từ đê Hoàng Các đến chân núi Đòn, ước khoảng hơn một nghìn mẫu Bắc Bộ, nay thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Hoàng Các	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
13	Đót Tiên	Đót Tiên, là tên một ngôi chùa (chùa Đót Tiên) thuộc địa phận phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đây là Di tích lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia.	Đót Tiên	
14	Khoa Giáp	Khoa Giáp, là tên làng cổ đầu thế kỷ XIX của huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Khoa Giáp	Đường
15	Lạch Bạng	Lạch Bạng, là tên một cửa sông, thuộc địa phận phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đây là cảng cá lớn, nơi trú ngụ cho thuyền bè tránh bão gió và là nơi neo đậu khá thuận lợi cho ngư dân vào lộng, ra khơi giong buồm, thả lưới.	Lạch Bạng	
16	Làng Am	Làng Am thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Tên một làng cổ nay thuộc thôn Bắc Hải, có từ thế kỷ thứ XVII.	Làng Am	
17	Làng Ba Làng	Làng Ba Làng thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, theo tên làng, xã Việt Nam thế kỷ XIX, Ba Làng là tên gọi một làng biển của xã Du Xuyên trước kia thuộc tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là phường Hải Thanh, có đặc sản nước mắm ngon nổi tiếng xứ Thanh. Tên gọi Ba Làng xưa đã in đậm vào tâm thức của người dân nơi đây.	Ba Làng	
18	Làng Bài	Làng Bài[151] (còn có tên là làng Bài Liệt), là một trong mười tám thôn thuộc xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Làng có đình làng Bài được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2013. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Bài	
19	Làng Bạng	Làng Bạng thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là vùng đất giáp Bạn (giáp biển) còn có tên gọi là Giáp Bạn, biển trai (vùng đất giàu có) làng được thành lập từ thế kỷ 17 cách ngày nay khoảng 360 năm. Nghề nghiệp chính của Nhân dân trong làng là sản xuất nông nghiệp nhưng xưa kia nhờ có sông Kênh Than đi qua, giáp với Lạch Bạng rất thuận cho thuyền bè ở mạn trong ra, mạn ngoài vào buôn bán nên đã sớm	Làng Bạng	

[151] Dẫn nguồn: Trang 196, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		hình thành việc buôn bán ở làng, tạo ra khung cảnh một làng quê trên bến dưới thuyền, tấp nập người qua lại.		
20	Làng Bộ Đầu	Làng Bộ Đầu[152] trước năm 1945, thuộc xã Du Độ, tổng Tuần La, nay thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1946, xã Du Độ đổi tên thành xã Trấn Hải, năm 1954 chia xã Trấn Hải thành hai xã Hải Bình và Tĩnh Hải. Làng Bộ Đầu sau này được tách làm ba thôn: Liên Hưng, Liên Thịnh và Nam Hải. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bộ Đầu	
21	Làng Cao Lư	Làng Cao Lư[153] là tên gọi cũ của thôn Thắng Hải, xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, trước năm 1945 thuộc tổng Tuần La; nay là tổ dân phố[154] Thắng Hải, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Làng Cao Lư từ xóm 6 đến xóm 9. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cao Lư	
22	Làng Chỉ Trung	Làng Chỉ Trung tên làng cổ thuộc xã Đồng Loan, tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, đến cuối thế kỷ XIX, thôn Chỉ Trung thuộc xã Đồng Đội, tổng Tuần La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thuộc địa bàn xã Trường Lâm. Tháng 9 năm 1954, làng Chỉ Trung thuộc địa bàn xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, nay là tổ dân phố Tân Thành, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Chỉ Trung	
23	Làng Chùa	Làng Chùa[155] là tên gọi cũ của thôn 6, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia, nay là tổ dân phố[156] Hồng Kỳ, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Chùa	
24	Làng Cộng Phú	Làng Cộng Phú là tên một làng cổ, có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Trung tâm Phủ lị Tĩnh Gia chuyển về đóng ở làng Cộng Phú khoảng năm 1939 - 1940.	Cộng Phú	

[152] Dẫn nguồn: Trang 207, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[153] Dẫn nguồn: Trang 199, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[154] Phường Hải Bình sửa thôn thành tổ dân phố.
[155] Dẫn nguồn: Trang 201, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[156] Phường Nghi Sơn đề nghị đổi tên thôn thành Tổ dân phố.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
25	Làng Đá Bạc	Làng Đá Bạc được đổi tên thành thôn 9, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn (cũ), là tên gọi một làng, nay là tổ dân phố Hồng Quang, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Đá Bạc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đá Bạc	
26	Làng Đông Hải	Làng Đông Hải thuộc phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tháng 8 năm 1954, xã Hải Thượng thành lập gồm các làng: Hà Nẫm, Thượng, Trung (Thượng Trung) và Biện Sơn. Làng Thượng lúc đó có 3 làng, trong đó có làng Đông Hải, nay là các tổ dân phố Bắc Hải và Liên Hải.	Đông Hải	
27	Làng E	Làng E[157] là tên một trong 2 làng cũ (gọi là làng Yam), thôn Bắc Hải, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Trước năm 1945, thuộc tổng Vân Trai, nay là thôn Bắc Hải, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng E	
28	Làng Hà Nẫm	Làng Hà Nẫm thuộc xã Hải Thượng (cũ), nay thuộc nay thuộc phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1984, xã Hải Thượng tách ra làm 3 xã Hải Thượng, Nghi Sơn, Hải Hà. Xã Hải Hà bao gồm làng Hà Nẫm và Hợp tác xã Quyết Tâm hợp thành. Hà Nẫm còn là một trong ba cửa lạch của thị xã Nghi Sơn là: Lạch Hà Nẫm, Lạch Bạng, Lạch Ghép.	Hà Nẫm	
29	Làng Hiếu Hiền	Làng Hiếu Hiền thuộc xã Hải Châu, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Theo sử cũ, làng Hiếu Hiền xưa có tên là Kẻ Hàn ra đời vào thế kỷ XV dưới triều vua Lê Thánh Tông do một võ quan triều đình về đây khai khẩn dựng làng, lập ấp và đặt tên là Hiếu Hiền, nghĩa là trung hiếu và tài giỏi. Ông được tôn làm Thành Hoàng làng được Nhân dân truyền lại trong văn tế là: "Ông Chưởng Hữu Tướng quân đại vương". Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Hiếu Hiền đã thành lập 3 hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1973, hợp thành hợp tác xã Bắc Châu. Đến năm 1991, đổi thành thôn Bắc Châu. Từ tháng 6 năm 2020, trở thành tổ dân phố Bắc Châu, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hiếu Hiền	

[157] Dẫn nguồn: trang 217, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
30	Làng Hồ Phú	Làng Hồ Phú gồm 6 thôn phía Bắc xã Hải Lĩnh, nay là tổ dân phố Phú Thịnh, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, được hình thành từ đầu thế kỷ XII, hiện nay vẫn được Nhân dân quen gọi.	Hồ Phú	
31	Làng Khả La	Làng Khả La thuộc tổ dân phố Đoan Hùng, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, năm 1945, xã Hải Bình gồm 4 làng: Như Áng, Khả La, Du Độ và Bộ Đầu. Năm 1999, tên làng Khả La được đổi tên là thôn Đoan Hùng (nay là tổ dân phố Đoan Hùng, phường Hải Bình). Ngày nay, mặc dù đã được đổi tên nhưng trên cổng nhà văn hóa của thôn vẫn có tên làng Khả La như một cách để con cháu nhớ về cội nguồn của mình.	Khả La	
32	Làng Khánh Trạch	Làng Khánh Trạch thuộc thị xã Nghi Sơn (cũ), là vùng đất phía Đông Nam xã Bình Minh (nay là phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa) là điểm nhô ra gần cửa sông Bà Hòa (sông Bạng nay) là vùng giáp Bạng. Cư dân sinh sống lâu đời có nhiều ngành nghề truyền thống, như đi biển, đi trẩy, làm ruộng, chặt củi, đốt than, làm bánh bún và buôn bán. Nhiều gia đình giàu có, sắm thuyền, đào lạch để vận chuyển mắm chượp ra xứ Bắc Kỳ buôn bán. Nhân dân làng Khánh Trạch qua nhiều thế hệ luôn chí thú làm ăn, xây dựng quê hương và giữ gìn nét đẹp văn hóa. Làng có đền Khánh Trạch và chùa Thiên Vương.	Khánh Trạch	
33	Làng Kim Cốc	Làng Kim Cốc thuộc xã Đồng Đội, tổng Tuần La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia; sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thuộc địa bàn xã Trường Lâm. Tháng 9 năm 1954, làng Kim Cốc thuộc địa bàn xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia nay thuộc 2 tổ dân phố Kim Sơn, Kim Phú, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Kim Cốc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kim Cốc	
34	Làng Kỳ Lọng	Làng Kỳ Lọng thuộc xã An Mỹ, tổng Văn Trường, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Cuối thế kỷ XIX, thuộc địa bàn xã Yên Mỹ, tổng Yên Thái, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thôn Kỳ Lọng thuộc địa bàn xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia. Từ tháng 6 năm 1954, thuộc địa bàn xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia. Hiện nay thôn Kỳ Lọng thuộc địa bàn tổ dân phố Hồng Kỳ, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa.	Kỳ Lọng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
35	Làng Nạp Cá	Làng Nạp Cá[158] thuộc xã phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, nay là tổ dân phố Định Hải, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nạp Cá	
36	Làng Nguyệt Chư	Làng Nguyệt Chư[159] thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là thôn 10, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh có từ xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nguyệt Chư	
37	Làng Nhân Vũ	Làng Nhân Vũ thuộc xã Nguyệt Quật, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, là tên một làng cổ, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa.	Nhân Vũ	
38	Làng Ô Cách	Làng Ô Cách thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, là làng cổ, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân, nay là thôn 9, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa.	Ô Cách	
39	Làng Phong Thái	Làng Phong Thái thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, thuộc địa bàn của tổ dân phố 1,2,3, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Tên làng Phong Thái đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phong Thái	
40	Làng Phú Long	Làng Phú Long thuộc xã Định Hải, sau được đổi tên thành thôn 8, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia (nay là tổ dân phố Phú Long, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa). Tên làng Phú Long đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Long	
41	Làng Phú Thái	Làng Phú Thái thuộc xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn, nay là tổ dân phố Hồng Quang, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Phú Thái đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Thái	

[158] Dẫn nguồn: Trang 201, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[159] Dẫn nguồn: Trang 1114, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
42	Làng Phúc Mỹ	Làng Phúc Mỹ là làng cổ, trước thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, phủ Tĩnh Gia nay là thôn 8, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Phúc Mỹ đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phúc Mỹ	
43	Làng Sen Hồ	Làng Sen Hồ là làng cổ, trước thuộc tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là thôn 16, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Sen Hồ đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Sen Hồ	
44	Làng Thịnh Hùng	Làng Thịnh Hùng thuộc phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Tân Dân được thành lập, trước đó xã Tân Dân thuộc phủ Ngọc Sơn, tổng Sen Trì (Liên Trì). Làng Thịnh Hùng là một trong 6 làng của Tân Dân lúc bấy giờ, nay làng Thịnh Hùng có tên gọi là tổ dân phố Hồ Thịnh.	Thịnh Hùng	
45	Làng Thọ Cửu	Làng Thọ Cửu là làng cổ, trước thuộc xã Tân Dân, trước năm 1945 thuộc phủ Ngọc Sơn, tổng Sen Trì (Liên Trì). Làng Thọ Cửu là một trong 6 làng của Tân Dân lúc bấy giờ, nay làng Thọ Cửu có tên gọi là tổ dân phố Tiền Phong.	Thọ Cửu	
46	Làng Thọ Quan	Làng Thọ Quan, là làng cổ, trước thuộc địa bàn xã Nguyệt Quật, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa.	Thọ Quan	
47	Làng Thổ Sơn	Làng Thổ Sơn là làng cổ, trước thuộc địa bàn xã Vân Liễn, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa. Từ năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), Thổ Sơn trở thành Trung tâm Phủ lị Tĩnh Gia.	Thổ Sơn	
48	Làng Thượng Chiểu	Làng Thượng Chiểu là làng cổ, trước thuộc tổ dân phố Hồng Phong, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Làng ở vị trí trung tâm phường Hải Lĩnh, được vua Minh Mạng đặt tên là Thượng Chiếu (do cụm dân cư sản xuất chiếu cói rất nổi tiếng) sau này phát âm không rõ và đổi thành "Chiểu" cho đến nay. Hiện nay vẫn được Nhân dân quen dùng.	Thượng Chiểu	
49	Làng Thượng Trung	Làng Thượng Trung là một trong bốn làng của Hải Thượng cũ, sau khi Hải Thượng tách ra thành 3 xã là Hải Thượng, Hải Hà và Nghi Sơn vào năm 1984 (nay là phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa).	Thượng Trung	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
50	Làng Tiên Vực	Tiên Vực, là làng cổ, trước thuộc xã Liên Xá, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc tổ dân phố 4, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng Tiên Vực đã ăn sâu vào tâm thức của Nhân dân.	Tiên Vực	
51	Làng Trung Dịch	Làng Trung Dịch, là làng cổ, trước thuộc xã Đồng Đội, tổng Tuần La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Tháng 10 năm 1945, xã Tĩnh Hải được thành lập gồm làng Trung Dịch, làng Cao Lư, làng Trung Dịch từ xóm 10 đến xóm 12 nay là tổ dân phố Trung Sơn, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Trung Dịch	
52	Làng Văn Liễn	Làng Văn Liễn nay thuộc thôn Nhân Sơn, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, tên một làng có từ thế kỷ thứ XVII.	Văn Liễn	
53	Làng Văn Mỹ	Làng Văn Mỹ thuộc thôn Nam Châu, thị xã Nghi Sơn (cũ). Trước cách mạng tháng Tám năm 1945 là làng Văn Mỹ, Đa Văn. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành hợp tác xã Văn Hoàng - Liên Châu. Sau đó là Tân Liên Hoa, năm 1973 thành hợp tác xã Nam Châu. Đến năm 1991 đổi thành thôn Nam Châu.	Văn Mỹ	
54	Làng Viện Trung	Làng Viện Trung là làng cổ, trước thuộc phường Hải An, thị xã Nghi Sơn (nay thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa), còn gọi là Xuân Viện Trung, là tên gọi một làng thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Viện Trung thuộc xã Việt Hòa. Năm 1948 thuộc xã Triêu Dương. Tháng 8 năm 1954, làng Viện Trung tách ra khỏi xã Triêu Dương sáp nhập với làng Xuân Thái, Xuân Viện Đông thuộc xã Hải Châu thành lập xã Hải An. Thôn Viện Trung nay thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa.	Viện Trung	
55	Ngọc Sơn	Ngọc Sơn, tên huyện do Vua Lê Thái Tổ đặt (thế kỷ XV), nay thuộc huyện Tĩnh Gia (cũ), tỉnh Thanh Hóa	Ngọc Sơn	
56	Núi Lâm Động	Núi Lâm Động thuộc phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa, chỉ tên một đỉnh núi với độ cao hơn 800 m so với mực nước biển. Trong kháng chiến chống Mỹ, núi Lâm Động có vị trí quan trọng, là nơi đóng quân của bộ đội ta để bảo vệ đảo Mê (bảo vệ các vị trí chiến lược, vùng trời, vùng biển phía Nam của huyện như: Cảng Nghi Sơn, cầu Hổ, cầu Đồi).	Lâm Động	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
57	Thôn Cư Nhân	Thôn Cư Nhân thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa. Đầu thế kỷ XIX, thôn Cư Nhân thuộc xã Vân Trai, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia.	Cư Nhân	
58	Thôn Đồng Bói	Thôn Đồng Bói là tên gọi cũ của thôn Nam Sơn, thuộc phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1976, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề khai hoang phục hóa mở rộng diện tích canh tác. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia (cũ), đồng thời đây cũng là nguyện vọng của Nhân dân mong muốn khai phá vùng đất phía Tây Nam huyện Tĩnh Gia (cũ), vùng đất khai hoang chủ yếu là: Đồng Lảnh (thôn Đông Sơn), Đồng Bói (thôn Nam Sơn), Trại Bò (thôn Trung Sơn), Bái Lợn (thôn Bình Sơn); Rừng Cấm (thôn Bắc Sơn và Bình Sơn).	Đồng Bói	
59	Thôn Đồng Lảnh	Thôn Đồng Lảnh là tên gọi cũ của thôn Đông Sơn, thuộc phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1976, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề khai hoang phục hóa mở rộng diện tích canh tác. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia (cũ), đồng thời đây cũng là nguyện vọng của Nhân dân mong muốn khai phá vùng đất phía Tây Nam huyện Tĩnh Gia (cũ), vùng đất khai hoang chủ yếu là: Đồng Lảnh (thôn Đông Sơn), Đồng Bói (thôn Nam Sơn), Trại Bò (thôn Trung Sơn), Bái Lợn (thôn Bình Sơn); Rừng Cấm (thôn Bắc Sơn và Bình Sơn).	Đồng Lảnh	
60	Thôn Đồng Từ	Thôn Đồng Từ thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa ngày nay, tên gọi Bờ Đồng có từ trước năm 1954 sau ghép với phố Đào Duy Từ để thành thôn Đồng Từ, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Đồng Từ	
61	Thôn Dũ Hiền	Thôn Dũ Hiền thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đầu thế kỷ XIX, thôn Dũ Hiền thuộc xã Chu Bàn, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia.	Dũ Hiền	
62	Thôn Hào Vịnh	Thôn Hào Vịnh nay thuộc phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Cuối thế kỷ XIX, thuộc địa bàn xã Yên Mỹ, tổng Yên Thái, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thôn Hào Vịnh thuộc địa bàn xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia (cũ). Hiện nay, thôn Hào Vịnh thuộc địa bàn tổ dân phố Hồng Quang, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa.	Hào Vịnh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
63	Thôn Hậu Thôn	Thôn Hậu Thôn thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa, trước đây là tên một thôn thuộc xã Sen Hồ, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là thôn 13, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa.	Hậu Thôn	
64	Thôn Hiều Môn	Làng Hiều Môn thuộc phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa nay thuộc tổ dân phố Đại Quang, tổ dân phố Đại Thắng, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tên gọi Hiều Môn vẫn được Nhân dân quen dùng.	Hiều Môn	
65	Thôn Hồ Nam	Thôn Hồ Nam thuộc phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc làng Hồ Thượng, xã Tân Dân, phủ Ngọc Sơn, tổng Sen Trì (Liên Trì). Sau năm 1955, làng Hồ Thượng đổi tên thành thôn Hồ Nam. Ngày 11 tháng 7 năm 2018 thôn Hồ Nam sáp nhập với thôn Hồ Đông thành thôn Hồ Thượng, nay là tổ dân phố Hồ Thượng, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hồ Nam	
66	Thôn Hữu Lại	Thôn Hữu Lại, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc xã Đồng Đội, tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Đến cuối thế kỷ XIX, thôn Hữu Lại thuộc xã Đồng Đội, tổng Tuần La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thuộc địa bàn xã Trường Lâm. Tháng 9 năm 1954, làng Hữu Lại thuộc địa bàn xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (cũ). Hiện nay, địa bàn thôn Hữu Lại thuộc tổ dân phố Hữu, Lại phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Hữu Lại	
67	Thôn Năng Cải	Thôn Năng Cải, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Đầu thế kỷ XIX, thôn Năng Cải thuộc địa bàn xã Hải Châu, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Trước năm 1823, phủ lỵ Tĩnh Gia đóng ở thôn Năng Cải, nay là khu vực chợ Kho của phường Hải Ninh; từ năm 1823, chuyển về Thổ Sơn, xã Vân Trai (nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa).	Năng Cải	
68	Thôn Nhân Trai	Thôn Nhân Trai, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc xã Vân Trai, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Nhân Trai	
69	Thôn Phù Cư	Thôn Phù Cư, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc xã Trà Lâm (gồm các thôn: Phù Cư, Lan Trà, Hữu Lộc, Thanh Thủy, Giảng Tín), thị xã Nghi	Phù Cư	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Sơn (cũ). Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ngày 12 tháng 9 năm 1954 quyết định chia các xã lớn thành xã nhỏ, xã Xuân Lâm được chia thành 2 xã: xã Trúc Lâm (gồm các thôn Đại Thủy, Hữu Lộc, Giảng Tín, Lan Trà). Thôn Phù Cư được ghép vào thôn Lan Trà.		
70	Thôn Quan Nội	Thôn Quan Nội, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, đầu thế kỷ XIX thuộc xã Phù Sa, tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia.	Quan Nội	
71	Thôn Thanh Thủy	Thôn Thanh Thủy, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc xã Trà Lâm (gồm các thôn: Phù Cư, Lan Trà, Hữu Lộc, Thanh Thủy, Giảng Tín), kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ngày 12 tháng 9 năm 1954, quyết định chia các xã lớn thành xã nhỏ, xã Xuân Lâm được chia thành 2 xã: xã Trúc Lâm (gồm các thôn Đại Thủy, Hữu Lộc, Giảng Tín, Lan Trà). Thôn Thanh Thủy được ghép vào thôn Giảng Tín, nay thuộc phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Thanh Thủy	
72	Thôn Văn Lâm	Thôn Văn Lâm, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc địa bàn xã Đồng Đội, tổng Duyên La, rồi Tuần La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Năm Thành Thái thứ 7 (1895), thôn Văn Lâm đổi thành thôn Văn Yên. Thôn Văn Yên thuộc địa bàn xã Hải Yến, nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa.	Văn Lâm	
73	Thôn Văn Yên	Thôn Văn Yên, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, tên gọi thôn Văn Yên có từ cuối thế kỷ XIX vốn là một dải đất ven biển ở phía Đông Bắc thôn Ngọc Đường, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Từ khá lâu đời, cư dân nơi khác đến định cư làm nghề ngư bãi ngang và buôn bán, trong đó hải sản là mặt hàng chủ yếu, nay thuộc thôn Ngọc Đường, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa.	Văn Yên	
74	Thôn Viện Đông	Thôn Viện Đông, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, đầu thế kỷ XIX, Viện Đông là tên gọi một làng thuộc xã Liên Trì, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thôn Viện Đông thuộc xã Hồng Thái, huyện Tĩnh Gia; năm 1948 thuộc xã Hải Châu. Từ tháng 8 năm 1954, thuộc địa bàn xã Hải An, nay thuộc tổ dân phố 1, 2, 3, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa.	Viện Đông	
75	Thôn Yên Châu	Thôn Yên Châu, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Khoảng năm Tự Đức thứ 8 (1855) do một dân cư sở tại và dân từ làng Cự Nham (Quảng Xương) và Liên Trì	Yên Châu	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		(Ngọc Sơn) lập nên với tên gọi là thôn Hoài Yên. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thôn Yên Châu thuộc địa phận làng Hoài Yên, xã Hải Châu, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng Tám, hợp tác xã Yên Châu, xã Hải Châu được thành lập. Năm 1966, hợp tác xã Yên Châu vinh dự được chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cờ luân lưu. Đến năm 1991, hợp tác xã Yên Châu đổi thành thôn Yên Châu. Từ tháng 7 năm 2025, trở thành tổ dân phố Yên Châu, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.		
76	Thường Lạc	Thường Lạc, tên huyện Tĩnh Gia (cũ) xưa dưới thời Tam Quốc.	Thường Lạc	
77	Văn Bài	Văn Bài, là tên gọi của làng thuộc xã Nguyên Bình đầu thế kỷ XIX. Đến năm 1984, một bộ phận dân cư sát nhập để thành lập phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Văn Bài	Đường
78	Xã Du Độ	Xã Du Độ, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, đầu thế kỷ XIX thuộc tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Đến năm 1945, là một làng thuộc tổ dân phố Tiền Phong, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa (Như Áng, Khả La, Du Độ và Bộ Đầu). Làng Du Độ sau được đổi tên là thôn Tiền Phong (nay là tổ dân phố Tiền Phong).	Du Độ	
79	Xã Hào Môn	Xã Hào Môn tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Đầu thế kỷ XIX, xã Hào Môn thuộc tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc thôn Hồng Quang, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa.	Hào Môn	
80	Xã Hùng Sơn	Xã Hùng Sơn, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, được thành lập 1954 gồm các thôn Liên Sơn, Đông, Ngọc Sơn, Thượng, Thái thuộc thị xã Nghi Sơn. Ngày 16 tháng 10 năm 2019, xã Hùng Sơn sáp nhập vào xã Các Sơn và lấy tên là xã Các Sơn và lấy tên là xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tên Hùng Sơn mãi in đậm trong tâm thức của người dân nơi đây.	Hùng Sơn	
81	Xã Lê Xá	Xã Lê Xá, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Đầu thế kỷ XIX, xã Lê Xá thuộc tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Lê Xá	
82	Hợp tác xã Liên Hải	Hợp tác xã Liên Hải là tên hợp tác xã sản xuất và đánh bắt cá thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Hợp tác xã ra đời từ những năm 1960, từ khi thành lập hợp	Liên Hải	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tác xã, nghề cá ở đây ngày càng được phát triển, đời sống Nhân dân được nâng lên, góp phần tích cực vào thành công phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trên địa bàn huyện Tĩnh Gia những năm 60 của thế kỷ XX. Tên hợp tác xã Liên Hải đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
83	Xã Liên Xá	Xã Liên Xá, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, trước thuộc tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, gồm các thôn: Hồ Trung, Hồ Trung Trình, Hồ Thượng, Hồ Trung Thượng, Nhân Vực, Hồ Bảo. Trung tâm Phủ lị Tĩnh Gia chuyển về đóng ở Liên Xá năm Tự Đức thứ 3 (1849), nay thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa.	Liên Xá	
84	Xã Trà Lâm	Xã Trà Lâm, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân (gồm các thôn: Phù Cư, Lan Trà, Hữu Lộc, Thanh Thủy, Giảng Tín), có từ trước năm 1954, nay là phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	Trà Lâm	
85	Xã Trấn Hải	Xã Trấn Hải tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, là tên gọi trước đây của xã Hải Bình. Từ tháng 4 năm 1946 đến tháng 7 năm 1947, thực hiện chủ trương của cấp trên sáp nhập các xã nhỏ thành xã lớn nên xã Trấn Hải và xã Tĩnh Hải hợp nhất lấy tên là xã Hải Bình, thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Trấn Hải	
86	Xã Triêu Dương	Xã Triêu Dương, tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Tên gọi này có từ xa xưa, năm 1948 sáp nhập các xã Việt Hòa, Tân Dân và Ngọc Lĩnh thành lập xã Triêu Dương. Năm 1954, xã Triêu Dương chia thành 3 xã Triêu Dương, Ngọc Lĩnh, Tân Dân và một phần xã Hải An. Năm 2019, xã Triêu Dương sáp nhập vào xã Hải Ninh, nay là phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Triêu Dương	

6.13. Huyện Như Thanh (cũ)

Tổng số: 11 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Ba Cồn	Ba Cồn, Khu căn cứ cách mạng thuộc xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa. Là Trung tâm chỉ huy căn cứ Cách mạng khởi nghĩa chống thực dân Pháp.	Ba Cồn

2	Bến Sung	Bến Sung, tên gọi của huyện lỵ Như Thanh, nay là xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	Bến Sung
3	Căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng	Căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng thuộc xã Công Chính và xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hoá, là căn cứ của đội quân Lang Bôn người Thái, được Nguyễn Phương hợp nhất xây dựng thành căn cứ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Nam Nông Cống. Ngày 26 tháng 4 năm 1886, Tê Ri Ông (Terrillon) đã tiến hành cuộc hành quân tấn công vào căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng. Tú Phương và Tôn Thất Hàm tổ chức nghĩa binh, chống cự ác liệt, vì vũ khí quân giặc tối tân, nghĩa quân chống lại không nổi, một năm sau, căn cứ bị hoàn toàn thất thủ, các thủ lĩnh bị bắt, nhiều người bị chém đầu.	Ổn Lâm - Kỳ Thượng
4	Cầu Châu	Cầu Châu là tên cây cầu thuộc huyện Như Thanh (cũ), cầu được hình thành từ những năm 1893, khi chính quyền địa phương và Tổng đốc Thanh Hóa, Toàn quyền Đông Dương thành lập châu Như Xuân (gồm 4 tổng: Tổng Như Lăng, tổng Xuân Du, tổng Lãng Lăng, tổng Hạ Thưởng) tiến hành xây dựng châu lỵ tại Bến Sung và làm tuyến đường (nối với đường 10 ngày nay) và xây dựng cây cầu qua tuyến đường đặt tên là Cầu Châu. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cầu Châu
5	Đền Phủ Sung	Đền Phủ Sung thuộc xã Như Thanh và xã Xuân Thái, tỉnh Thanh Hóa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân, gắn với di tích Phủ Sung có từ thế kỷ XIX, di tích nằm ở trung gian nơi gặp gỡ của miền ngược và miền xuôi, nơi bắt đầu của chặng hành trình về với Bến En xanh.	Phủ Sung
6	Đồi 20	Đồi 20 tên gọi xưa, ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, là căn cứ cách mạng, là địa danh trồng cây cà phê nổi tiếng. Từ thời Pháp, khi người Pháp đến khảo sát địa hình đất, loại đất này hợp với cây cà phê và người Pháp phân lô trồng cây cà phê lô số 20, từ đó lấy tên là Đồi 20. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đồi 20 trở thành điểm trực chiến của dân quân du kích xã Hải Vân. Nay Đồi 20, thuộc xã Xuân Thái, tỉnh Thanh Hóa.	Đồi 20
7	Đồi Lô Cả	Đồi Lô Cả nay thuộc xã Xuân Du, tỉnh Thanh Hoá, nơi đây thực dân Pháp đã xây dựng đồn điền cà phê tại các khu vực đồi 20, 21 và các vùng lân cận, chúng tìm người Việt để cai quản, chăm sóc đồn điền, đồng thời mộ phu trồng cà phê. Người từ khắp nơi đổ về cư ngụ tại vùng Xuân Điền, thị trấn Bến Sung (nay là xã Như Thanh) do một quan tây Alô cai quản, cũng bắt nguồn từ đó Nhân dân thường gọi đồi Lô Cả cho đến nay.	Lô Cả

8	Hải Vân	Hải Vân, tên xã của huyện Như Thanh (cũ), nay là xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Là địa danh nơi có Lò cao kháng chiến Hải Vân, nơi luyện gang chế tạo ra súng Bazoka, chảo, nồi quân dụng, quả tạ để phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp.	Hải Vân
9	Khe Rồng	Khe Rồng - thuộc thị trấn Bến Sung, nay là xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi thân quen có từ thế kỷ XIX, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân địa phương.	Khe rồng
10	Na Sơn	Na Sơn, thuộc xã Xuân Du, tỉnh Thanh Hóa. Là tên một Di tích thắng cảnh nổi tiếng của Xứ Thanh, nằm bên dưới chân núi Nưa (nơi danh tướng Triệu Thị Trinh dấy binh đánh tan quân Đông Ngô xâm lược).	Na Sơn
11	Phúc Toàn	Phúc Toàn, thuộc xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa. Là nơi diễn ra sự kiện Nhân dân đã treo cờ chống lại phát xít Nhật năm 1942.	Phúc Toàn

3.14. Huyện Như Xuân (cũ)

Tổng số: 10 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bãi Trành	Bãi Trành, tên nông trường được thành lập năm 1961 (Nông trường Bãi Trành), xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa.	Bãi Trành
2	Đồng Ớt	Đồng Ớt, là khu an toàn khu Đồng Ớt, xã Yên Cát (nay là xã Hóa Quỳ), tỉnh Thanh Hóa, là nơi thành lập Đảng bộ huyện Như Xuân.	Đồng Ớt
3	Gò Ái	Gò Ái, thuộc thôn Thắng Sơn, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, ngày 31 tháng 5 năm 1950 đã diễn ra Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ huyện Như Xuân.	Gò Ái
4	Hang Đồng Mười	Hang Đồng Mười thuộc xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những nơi hoạt động của các chí sĩ yêu nước trong phong trào Cần Vương chống Pháp và có sự liên kết chặt chẽ với các nghĩa quân của Lương Ngọc Toản và Nguyễn Phương. Đây cũng là nơi đặt xưởng quân khí đầu tiên của quân đội ta, sau bị Pháp đánh bom, chuyển về Lò Cao kháng chiến Hải Vân.	Đồng Mười

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
5	Núi Bù Mun	Núi Bù Mun thuộc xã Hóa Quỳ, tỉnh Thanh Hóa. Núi Bù Mun là địa bàn hoạt động của Cầm Bá Thước và thủ lĩnh người Thổ là Lê Đình Tại trong phong trào Cần Vương chống Pháp. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân chủ yếu ở 2 tổng Lãng và Như Lăng và có sự kết hợp chặt chẽ với các đội quân ở phía tây Nghệ An. Dưới chân núi là nơi sinh sống của đồng bào 4 dân tộc: Thái, Mường, Thổ, Kinh với bản làng trù phú.	Bù Mun
6	Núi Pù Hàm	Núi Pù Hàm là tên một đỉnh núi nay thuộc xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa, cao 1.119 m, là dãy núi tự nhiên phân định ranh giới giữa hai huyện Như Xuân (cũ) và Quỳ Châu (Nghệ An). Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Pù Hàm
7	Thác Cổng Trời	Thác Cổng Trời thuộc xã Hóa Quỳ, tỉnh Thanh Hóa, là một khu vực sinh thái tự nhiên đặc sắc, nơi đây có dãy núi Bù Mùn cao hơn 1.000 m. Thác Cổng Trời khởi nguồn từ các khe suối lớn nhỏ thuộc dãy núi Bù Mùn, thác có độ cao từ 10 - 12 m. Hiện tại đang được chính quyền địa phương và các ngành có liên quan quản lý, gìn giữ, bảo tồn và hướng dẫn khách tham quan du lịch. Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cổng Trời
8	Thác Đồng Quan	Thác Đồng Quan thuộc thôn Đồng Quan, xã Hóa Quỳ, tỉnh Thanh Hóa, là một khu vực sinh thái tự nhiên, khởi đầu từ núi Bù Mùn có độ cao hơn 1.000 m: Thác có độ cao gần 700 m có 5 tầng thác: Thác Tiên, thác Trượt, thác Tà Sáy, thác Đất Đỏ, thác Tà Phục. Mỗi tầng thác có độ cao từ 12 - 15 m có nước chảy quanh năm. Hiện tại đang được chính quyền địa phương và các ngành có liên quan quản lý, gìn giữ, bảo tồn và hướng dẫn khách tham quan du lịch. Thác đã được xếp hạng di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh. Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồng Quan
9	Xã Quảng Dạ	Xã Quảng Dạ thuộc huyện Như Xuân, nay là xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa, trong thời kỳ Pháp thuộc có phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống lại các chủ đồn điền mở rộng diện tích cà phê, cao su.-Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Quảng Dạ
10	Xã Yên Cát	Xã Yên Cát là một xã lớn có trước năm 1954 của huyện Như Xuân, nay thuộc địa bàn các xã Hóa Quỳ, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa... Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khu an toàn khu Đồng Ớt, xã Yên Cát (nay thuộc địa bàn xã Hóa Quỳ). Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Yên Cát

3.15. Huyện Nông Cống (cũ)

Tổng số: 17 địa danh, trong đó 06 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bến Chuồng	Bến Chuồng là địa danh thuộc xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa. Ngã ba Bến Chuồng đi 3 hướng, 1 hướng đi thị trấn Nông Cống, 1 hướng đi thị xã Nghi Sơn và 1 hướng đi xã Yên Mỹ (nông trường Yên Mỹ cũ) qua dốc Bò Lăn sang Nghệ An và đường mòn Hồ Chí Minh. Bến Chuồng là địa điểm tập kết lương thực, vũ khí của lực lượng thanh niên xung phong tỉnh Thanh Hóa, nơi đây có cầu Chuồng bắc qua sông Thị Long nằm trên đường huyết mạch 12B lên Bò Lăn, vì vậy cung đường Chuồng - Bò Lăn là trọng điểm đánh phá liên tục không ngừng của máy bay, pháo từ tàu chiến Mỹ trong những năm chiến tranh phá hoại chống Mỹ. Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bến Chuồng	
2	Căn cứ Hương Trì	Căn cứ Hương Trì, đây là một địa danh cách mạng trong phong trào Cần Vương của xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa. Phong trào này hoạt động rầm rộ, sau này phát triển lớn thành Ổn Lâm - Kỳ Thượng, tên địa danh gắn liền với nhân vật Tú Phương. Khi Tú Phương được Tôn Thất Thuyết giao cho chức Tham Biện Sơn Hải Phòng quân vụ, kiêm cả phủ Tĩnh Gia (gồm ba huyện: Nông Cống - Tĩnh Gia - Quảng Xương (cũ), ông liên hệ với cụ Nguyễn Xuân Ôn là lãnh tụ Cần Vương ở Nghệ An, xây dựng căn cứ Hương Trì. Là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hương Trì	
3	Chùa Vĩnh Thái[160]	Chùa Vĩnh Thái thuộc xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, gắn với di tích lịch sử cách mạng, đồng thời là cơ sở hoạt động cách mạng hai huyện Nông Cống và Thọ Xuân giai đoạn 1930 - 1945. Địa danh gắn liền với cố Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh giai đoạn (1939 - 1941) khi ông được phân công về miền Trung củng cố xây dựng xứ ủy Trung Kỳ.	Vĩnh Thái	
4	Chuối	Chuối, là thị trấn của huyện Nông Cống (cũ), tỉnh Thanh Hóa, được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích và dân số của các xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Chuối	
5	Đồn điền Bãi Áng	Đồn điền Bãi Áng thuộc xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa, do tư sản người Pháp làm chủ, xưa kia đồn điền này lớn, mấy ngàn ha. Từ Cổ Định vào Bãi Áng, dọc theo núi Nưa trong	Bãi Áng	

[160] Di tích cấp tỉnh, tuy nhiên đây là địa chỉ cách mạng có ý nghĩa, địa danh nhiều người biết đến nên đề xuất đưa vào.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		lòng đất là một vệt dài quặng cromitte. Trước năm 1945, chủ người Pháp bán cho ông Hàn, sau đó bán cho Tôn Thất Tiễn. Ngày nay, địa danh Bãi Áng vẫn được quen dùng và là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
6	Đông Hòa	Đông Hòa, tên một tiểu khu thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa được hình thành từ năm 1991.	Đông Hòa	Phố
7	Hợp Nhất	Hợp Nhất, được hình thành từ năm 1991, khi cư dân các nơi trong và ngoài tỉnh về đây sinh sống và hình thành tên gọi này (trước đây thuộc thôn Bái Đa, xã Vạn Hòa), nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Hợp Nhất	Phố
8	Làng Cổ Đôi	Làng Cổ Đôi thuộc xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, là tên làng nổi tiếng khoa bảng của huyện Nông Cống xưa (dân gian có câu Nông Cống Cổ Đôi - Cổ Định) đã đi vào tiềm thức người dân Nông Cống.	Cổ Đôi	
9	Làng Đông Cao	Làng Đông Cao thuộc xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, là làng văn hóa đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa và là làng văn hóa thứ 2 của cả nước. Làng có di tích đình làng Đông Cao (nơi thờ Đinh Lễ, Đinh Bồ, Đinh Liệt) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013.	Đông Cao	
10	Làng Phú Đa Hậu	Làng Phú Đa Hậu, là làng cổ, nay thuộc xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những làng ra đời từ rất sớm mang nhiều giá trị lịch sử văn hóa. Đặc biệt làng có đình làng Phú Đa Hậu, nơi thờ Thần Hoàng làng được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 215/QĐ-SVHTT ngày 16 tháng 6 năm 2000 và và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012.	Phú Đa Hậu	
11	Làng Vũ Yên	Làng Vũ Yên là làng cổ, nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tên làng có từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Vũ Yên	
12	Minh Tân	Minh Tân, tên gọi được hình thành từ khi thị trấn Nông Cống được thành lập (từ trước năm 1991), nay là xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Minh Tân	Phố

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
13	Nam Giang	Nam Giang, tên một vùng đất nằm ở phía bờ Nam sông Yên (sông Chuối) được đặt tên năm 1991 sau khi thành lập thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, nay là xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Nam Giang	Đường
14	Nam Tiến	Nam Tiến, tên một đoạn đường dài 500 m từ ngã ba Chuối đến Núi Nhén, qua tiểu khu Nam Tiến và tiểu khu Xuân Hòa. Đây là điểm khởi đầu của tuyến đường Quốc lộ 15B (nay là tỉnh lộ 505), nơi Bộ đội ta hành quân và vận chuyển lương thực, vũ khí vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ.	Nam Tiến	Đường
15	Xã Minh Thọ	Xã Minh Thọ thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tên địa danh hành chính xã Minh Thọ trước khi thực hiện Nghị Quyết số 935/NQ-UBTVQH13 ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị trấn huyện Nông Cống gồm toàn bộ dân số và diện tích của xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Minh Thọ	
16	Xuân Hòa	Xuân Hòa, tên một tiểu khu dân cư có từ trước khi thành lập thị trấn Nông Cống (trước đây thuộc làng Cộng Hòa, xã Vạn Thiện), nay là xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Xuân Hòa	Phố
17	Yên Mỹ	Yên Mỹ, tên một nông trường trên địa bàn xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa.	Yên Mỹ	

3.16. Huyện Quan Hóa (cũ)

Tổng số: 24 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bản Khằm	Bản Khằm, tên gọi xưa đã ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân. Bản có di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp tỉnh. Đây là nơi thờ Thượng tướng Thống lĩnh Quân Khằm Ban, người có công giữ nước, đánh đuổi giặc Minh, giữ yên bờ cõi, thuộc xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Bản Khằm
2	Cầu Na Sài	Cầu Na Sài thuộc xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa, cây cầu bắc qua sông Mã, xã Hồi Xuân. Nằm trên Quốc lộ 15, cầu Na Sài có vị trí rất quan trọng trong sự phát triển của tỉnh, nhất là phát triển kinh tế - xã hội các huyện phía Tây Thanh Hóa, đồng thời góp phần làm thay đổi diện mạo vùng quê Quan Hóa. Địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ).	Na Sài

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
3	Co Phường	Co Phường, là địa danh thuộc Bản Sại, xã Phú Lệ. Hang Co Phường là kho trạm quân lương cũng là nơi trú quân của bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.	Co Phường
4	Đồn Poọng Nưa	Đồn Poọng Nưa thuộc huyện Quan Hóa (cũ), là đồn quân sự của thực dân Pháp, được xây dựng năm 1947 tại xã Hiền Kiệt. Địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ).	Poọng Nưa
5	Hang Phi	Hang Phi nằm ở xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa, nằm trong quần thể di tích hang Lũng Mu. Hang Phi là địa danh nổi tiếng được nhiều người biết đến. Địa danh Hang Phi là địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ).	Hang Phi
6	Hồ Pha Đay	Hồ Pha Đay thuộc bản Bút, xã Nam Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là hồ tự nhiên có độ cao so với mặt nước biển khoảng 700 m, xung quanh hồ là quần thể rừng già nguyên sinh với nhiều cây gỗ lớn, có thể tổ chức các hoạt động cắm trại, chèo thuyền, bè mảng, thả lưới, quăng chài, câu cá, chụp hình… Đây là địa danh nổi tiếng được nhiều người biết đến. Địa danh Hồ Pha Đay là địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ).	Pha Đay
7	Hồ Vinh Quang	Hồ Vinh Quang là hồ tự nhiên thuộc địa phận bản Vinh Quang, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích khoảng 5 ha. Địa danh Hồ Vinh Quang là địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ).	Hồ Vinh Quang
8	Hồi Xuân	Hồi Xuân, là một xã thuộc tỉnh Thanh Hóa.	Hồi Xuân
9	Lục Canh	Lục Canh, tên tổng của châu Quan Hóa trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.	Lục Canh
10	Lũng Mu	Lũng Mu, địa danh thuộc xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có hang động ở gần đỉnh núi, trong hang còn nhiều mảnh quan tài bằng thân cây khoét rỗng hình thuyền được xếp theo từng lớp.	Lũng Mu
11	Mường Ánh	Mường Ánh là tên gọi của một trong những vùng Mường cổ, thuộc huyện Quan Hóa (cũ), vùng đất Mường Ánh nay là địa bàn các xã Phú Lệ, Phú Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Ánh
12	Mường Ca Da	Mường Ca Da, tên một Mường lớn của huyện Quan Hóa (cũ), là một trong bốn Mường tiêu biểu cho không gian văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa (nay là xã Hồi Xuân, Nam Xuân, Phú Xuân, tỉnh Thanh Hóa).	Mường Ca Da

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
13	Mường Khằng	Mường Khằng là tên gọi của một trong những vùng Mường cổ thuộc huyện Quan Hóa (cũ), vùng đất Mường Khằng nay là địa bàn xã Thiên Phủ. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Khằng
14	Mường Khiết	Mường Khiết là tên gọi của một trong những vùng Mường cổ thuộc huyện Quan Hóa (cũ), vùng đất Mường Khiết thuộc địa bàn xã Hiền Kiệt, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Khiết
15	Mường Le	Mường Le, tên gọi quen thuộc của một trong những vùng Mường Thanh Hóa, vùng đất Mường Le nay là địa bàn xã Trung Thành, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Le
16	Mường Páng	Mường Páng, tên gọi quen thuộc của một trong những vùng Mường Thanh Hóa, vùng đất Mường Páng nay là địa bàn xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Páng
17	Mường Tuồng	Mường Tuồng, tên gọi quen thuộc của một trong những vùng Mường Thanh Hóa, vùng đất Mường Tuồng nay là địa bàn các xã Nam Xuân, xã Thiên Phủ, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào Mường Thanh Hóa.	Mường Tuồng
18	Pha Pu Luông	Pha Pu Luông, tên một ngọn núi, thuộc xã Hồi Xuân là điểm quan trọng trong kháng chiến chống giặc Pháp.	Pha Pu Luông
19	Pha U Hò	Pha U Hò, thuộc Bản En, Bản Páng xã Phú Lệ, tỉnh Thanh Hóa, nơi đây dân quân xã Phú Lệ (cũ) xây dựng trận địa bắn máy bay Mỹ và đã bắn rơi 01 chiếc F105 (năm 1964), góp phần khích lệ tinh thần chiến đấu của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.	Pha U Hò
20	Phan Thanh	Phan Thanh, thuộc xã Hồi Xuân, là địa danh nơi người thầy giáo đầu tiên (quê Quảng Ngãi) có công dạy chữ cho đồng bào các dân tộc trong khu vực xã Hồi Xuân.	Phan Thanh
21	Phú Lệ	Xã Phú Lệ, tỉnh Thanh Hóa là nơi có Hang Co Phường - Di tích lịch sử cách mạng.	Phú Lệ
22	Suối Sia	Suối Sia, lưu giữ những chiến công mà Nhân dân các dân tộc sống trên địa bàn của hai tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình vận chuyển quân lương lên phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.	Suối Sia

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
23	Vạn Mai	Xã Vạn Mai thuộc tỉnh Phú Thọ nơi giáp với xã Phú Lệ, tỉnh Thanh Hóa. Đây là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội của Nhân dân hai tỉnh Thanh Hóa và Phú Thọ trong thời chiến cũng như thời bình.	Vạn Mai
24	Xã Nam Động	Xã Nam Động thuộc xã Thiên Phủ, tỉnh Thanh Hóa, là tên xã của huyện Quan Hóa (cũ) nơi người Mường chiếm đa số với 1.639 người (chiếm 62,43% tổng dân cư toàn xã), sau đó là Thái với 765 người (chiếm 29,14% tổng dân cư toàn xã).	Nam Động

3.17. Huyện Quan Sơn (cũ)

Tổng số: 13 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bo Cúng[161]	Bo Cúng, là một hang động ở Bản Chanh, xã Sơn Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Nơi có vẻ đẹp hoang sơ và kỳ vĩ với những "lâu đài" thạch nhũ và cảnh quan hùng vĩ làm say đắm lòng người.	Bo Cúng
2	Cầu Phà Lò	Cầu Phà Lò thuộc xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cầu Phà Lò là nơi bị giặc đánh phá ác liệt nhằm cắt đứt huyết mạch giao thông nối đôi bờ sông Lò, ngăn con đường giao thông của ta sang nước bạn Lào. Ngày 10 tháng 02 năm 1966, lực lượng dân quân xã Trung Hạ, Tam Lư đã bắn cháy một máy bay F105 của Mỹ bằng súng bộ binh tại trận địa phòng không bảo vệ cầu Phà Lò trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Cầu Phà Lò được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2011.	Phà Lò
3	Động Nang Non	Động Nang Non thuộc xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là động nằm trong núi đá cao ở xã Quan Sơn nay là xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Với địa hình đồi núi tự nhiên kết hợp với sông Lò, bên trong có hang động rộng 10m, chiều sâu 70 m, cao trên 70 m, trong động có nhiều thạch nhũ đẹp. Tương truyền thế kỷ XV, khi Lê Lợi dẫn binh sang Lào để xuống Con Cuông (Nghệ An) đánh giặc Minh sau đó đánh ra Bắc, khi qua đây, ông đã từng dừng chân vào hang thăm thắng cảnh động Nang Non.	Nang Non
4	Mường Chu Sàn	Mường Chu Sàn là tên gốc Mường Xia, gắn liền với truyền thuyết Tạo Mường, là trung tâm của khu vực biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa, lúc bấy giờ gồm có các Mường như: Mường Chanh, Mường	Chu Sàn

[161] Tên Bo Cúng: Theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		Pùng, Mường Xim, Mường Chiềng Cồng, Mường Lát, Mường Ai, Mường Lý (7 Mường nay thuộc các xã: Mường chanh, Quang Chiểu, Mường lát, Trung Lý, Mường lý, tỉnh Thanh Hóa); Mường Khiết, Mường Khằng, Mường Tuồng (3 Mường nay thuộc các xã: Hiền Kiệt, Thiên Phủ, tỉnh Thanh Hóa); Mường Xia, Mường Mìn, Mường Sại, Mường Mò, Mường Hạ, Mường Chự (6 Mường nay thuộc các xã: Sơn Thủy, Mường Mìn, Tam Lư, Tam Thanh, Trung Hạ, tỉnh Thanh Hóa). Tổng có 16 Mường nhỏ thuộc Mường lớn Chu Sàn sau đổi tên thành Mường Xia. Ngoài ra còn có hai Mường kết nghĩa là Mường Bén và Mường Sôi của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.	
5	Mường Hạ	Mường Hạ là tên đơn vị hành chính được thành lập năm Minh Mạng thứ 15 (1834). Là địa danh quen thuộc đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân. Mường Hạ ngày nay thuộc xã Tam Lư, tỉnh Thanh Hóa.	Mường Hạ
6	Mường Xia	Mường Xia, thuộc xã Sơn Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Vùng đất gắn với truyền thuyết về tướng quân Tư Mã Hai Đào, hiện nay vẫn còn Đền thờ của Ông; nơi có hòn đá vía nổi tiếng.	Mường Xia
7	Na Mèo	Xã Na Mèo thuộc tỉnh Thanh Hóa, tên vùng đất biên giới, nơi có Cửa khẩu quốc tế Việt Nam - Lào (Cửa khẩu quốc tế Na Mèo).	Na Mèo
8	Núi Pha Dùa	Núi Pha Dùa là núi thuộc bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, tỉnh Thanh Hóa, có phong cảnh núi non hùng vĩ thơ mộng gắn với câu chuyện tình bi ai của đôi trai tài gái sắc Mường Xia, Mường Mìn. Tương truyền rằng, xưa kia là nơi đôi trai gái yêu nhau tha thiết. Cô gái là nàng Lá Nọi - con gái một nhà lang đạo giàu có nổi tiếng khắp vùng Mường Mìn. Chàng trai là con nhà tạo Mường Xia, nhưng gia đình khốn khó, không tương xứng với ông tạo Mường Mìn. Mối tình của họ không được cha mẹ cô gái chấp nhận, họ quyết gả bán cô cho một nhà tạo giàu sang. Không chấp nhận hôn nhân không có tình yêu, bất chấp sự ngăn cấm của cha mẹ, anh em họ hàng, họ vẫn đến với nhau bằng tình yêu tha thiết, thề nguyền mãi mãi bên nhau, cùng chết bên nhau để biến vào núi Pha Dùa và lên đỉnh núi cao làm thần hai Mường. Từ đó, mỗi độ xuân về trai gái Mường Xia có tục du xuân vào hang Dùa cầu duyên, cùng nhau chơi cát bên chân núi, ném còn ngoài bãi sông và lắng nghe lời tình tự của đôi trai gái Mường Xia - Mường Mìn năm xưa.	Pha Dùa
9	Núi Pha Phanh	Núi Pha Phanh thuộc xã Sơn Điện, là một dãy núi đá kéo dài từ bản Na Hồ, bản Xuân Sơn (xã Sơn Điện, tỉnh Thanh Hóa) xuống xã Thiên Phủ về xã Nam Xuân, tỉnh Thanh Hóa dài hơn 30 km, tạo	Pha Phanh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		thành bức tường đá bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ kháng chiến của ta thời chống Pháp. Thời kỳ 1948 - 1953, Ủy ban hành chính kháng chiến xã Sơn Thủy từng đặt ở khu vực núi Pha Phanh để lãnh chỉ đạo cuộc kháng chiến của địa phương.	
10	Núi Pù Mằn	Núi Pù Mằn là núi đất, có độ cao 1.247 m so với mực nước biển, thuộc bản Ngàm, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh nổi tiếng của khu vực miền núi Thanh Hóa. Pù Mằn cùng với Pù Kùn của bản Xum (xã Tam Lư, tỉnh Thanh Hóa) và ngọ Nóc Ngua, bản Nà Đang (xã Văn Phú, tỉnh Thanh Hóa) tạo nên quần thể 3 đỉnh núi cao và thiêng của khu vực này. Ở đây có rất nhiều động vật quý hiếm sinh sống (như: khỉ, vượn, sóc, gấu, nai, hổ, báo, đười ươi …) và có nhiều loại gỗ quý.	Pù Mằn
11	Quan Da	Quan Da, tên của huyện Quan Sơn và Quan Hóa từ thời Lê, đến năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) đổi thành Châu Quan Hóa. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đổi thành huyện Quan Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa.	Quan Da
12	Sông Lò	Sông Lò thuộc huyện Quan Sơn (cũ), là tên con sông bắt nguồn từ Mường Pao, huyện Sầm Tớ, tỉnh Hủa Phăn, Lào chảy qua huyện Quan Sơn (cũ), dài trên 62 km đổ ra Sông Mã. Sông Lò gắn với nhiều dấu ấn lịch sử, di tích lịch sử cách mạng cầu Phà Lò bắc qua Sông Lò được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2011.	Sông Lò
13	Sông Luồng	Sông Luồng, tên một con sông nằm trên địa bàn xã Mường Mìn, Sơn Thủy, Na Mèo, Sơn Điện, tỉnh Thanh Hóa, là nhánh đầu nguồn của Sông Mã, chảy theo hướng Tây - Đông.	Sông Luồng

3.18. Huyện Quảng Xương (cũ)

Tổng số: 23 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Cầu Thạch Châu	Cầu Thạch Châu vượt qua sông Yên nối giữa 02 xã: Tiên Trang và phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Thạch Châu[162]	Công trình công cộng

[162] Thạch Châu: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
2	Đa Lộc	Đa Lộc là xã thuộc tổng Thủ Hộ từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh (1885 - 1889). Nay là phần đất của hai thôn: Thôn Phúc Thành và thôn Lộc Tại[163] thuộc xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa.	Đa Lộc	
3	Đắc Thọ	Đắc Thọ là tên gọi chung của hai làng Đắc Thọ và Tân Thượng từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh. Đến năm 1948, tách thành 2 thôn Đắc Thọ và Tân Thượng, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa.	Đắc Thọ	
4	Đồn Điền	Đồn Điền thuộc xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, tên gọi từ thời Hậu Lê của xã Quảng Thái. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồn Điền	
5	Làng Bồi Nguyên	Làng Bồi Nguyên có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bồi Nguyên	
6	Làng Cự Nham	Làng Cự Nham (Kẻ Mom) thuộc xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, tên xa xưa của xã Quảng Nham. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cự Nham	
7	Làng Hải Nhuận	Làng Hải Nhuận thuộc huyện Quảng Xương (cũ), tên cũ từ năm 1954, nay thuộc xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hải Nhuận	
8	Làng Mậu Xương	Làng Mậu Xương có từ xa xưa, tên gọi đã ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, nay làng thuộc xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa; làng có ngôi đền Mậu Xương nổi tiếng được nhiều người biết đến, chùa Mậu Xương được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.	Mậu Xương	
9	Làng Nhân Hậu	Làng Nhân Hậu là làng có từ xa xưa, xuất hiện từ đầu thế kỷ XIX, trước đây thuộc tổng Lưu Vệ (nay thuộc xã Tiên Trang), tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nhân Hậu	
10	Làng Phú Đa	Làng Phú Đa thuộc xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa xuất hiện từ đầu thời Nguyễn thuộc tổng Thái Lai, huyện Quảng Xương (cũ). Hiện nay tên Phú Đa vẫn được dùng để gọi tên cho một vài làng trên địa bàn xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Đa	

[163] Xã Tiên Trang đề nghị sửa làng: Phúc Tài và Lộc Thành thành thôn Phúc Thành và thôn Lộc Tại.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
11	Làng Sênh	Làng Sênh thuộc xã Quảng Ninh, tên có từ xưa, nay thuộc xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa, có câu ca: "Đất mạ làng Bùi, cùi dứa làng Sênh, cột đình làng Mậu" … để chỉ việc so sánh các đặc điểm, đặc trưng của các địa phương, đã ăn sâu vào tiềm thức dân gian.	Làng Sênh	
12	Làng Thiên Linh	Làng Thiên Linh xưa thuộc xã Thiên Linh, nay thuộc thôn Phú Ninh và thôn Khang Bình xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa, tên gọi Làng Riềng.	Thiên Linh	
13	Lưu Vệ	Lưu Vệ, tên thị trấn, trung tâm huyện lỵ thuộc huyện Quảng Xương (cũ), nay là xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa	Lưu Vệ	
14	Môi	Môi, địa danh có từ thời Pháp thuộc là nơi giao nhau trọng yếu của trục đường bộ từ thành phố Thanh Hóa (cũ) đi Sầm Sơn và huyện lỵ Quảng Xương.	Môi	
15	Phà Ghép	Phà Ghép, thuộc xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa, nơi diễn ra những sự kiện tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.	Phà Ghép	
16	Thôn Khang Bắc	Thôn Khang Bắc có trước năm 1954, nay thuộc xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa.	Khang Bắc	
17	Thôn Lưu Hiền	Thôn Lưu Hiền có từ đầu thế kỷ XIX, là tên gọi một thôn thuộc xã Thủ Hộ, tổng Thủ Hộ, huyện Quảng Xương (cũ). Nay là làng Lưu Hiền thuộc xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lưu Hiền	
18	Thôn Mỹ Trạch	Thôn Mỹ Trạch có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Lưu Vệ, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc thôn Mỹ Trạch, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Mỹ Trạch	
19	Thôn Tiền Thịnh	Thôn Tiền Thịnh có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc xã Quang Tiền, tổng Thái Lai, phủ Tĩnh Gia nay thuộc xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tiền Thịnh	
20	Thôn Triều Công	Thôn Triều Công có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Triều Công	
21	Thượng Đình	Thượng Đình, làng thuộc xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa, có nghề truyền thống trồng và sản xuất thuốc Lào ngon, nổi tiếng khắp vùng.	Thượng Đình	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
22	Xã Ngọc Giáp	Xã Ngọc Giáp có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Thủ Hộ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngọc Giáp	
23	Xã Ngọc Trà	Xã Ngọc Trà có từ thời Gia Long, nay thuộc xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh này là tên gọi quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngọc Trà	

3.19. Huyện Thạch Thành (cũ): 16 địa danh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bãi Chào Cờ	Bãi Chào Cờ - bãi đất rộng ven sông Bưởi giáp ranh giữa hai làng Trường Cát và Phú Sơn (nay thuộc thôn 6[164], xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa). Nơi đây Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Thạch Thành (cũ) đã tổ chức cuộc mít tinh lớn để ra mắt Nhân dân trong huyện và biểu dương khí thế cách mạng khi Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Thạch Thành (cũ) được thành lập sau cuộc biểu tình giành chính quyền ở huyện lỵ Kim Tân ngày 19 tháng 8 năm 1945.	Chào Cờ
2	Cổ Tế	Cổ Tế, tên Bến phà (cũng là tên một làng cổ - Làng Cổ Tế). Trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968) Bến phà đã được Trung đội trực chiến cùng Nhân dân xã Thạch Bình đã bắn trả[165] máy bay Mỹ, bảo vệ vững chắc bến phà và huyết mạch giao thông Bắc - Nam, chi viện cho tiền tuyến lớn.	Cổ Tế
3	Đại Định	Đại Định, làng cổ thuộc Trang Bến Vàng thời phong kiến, nay là một phần của xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa.	Đại Định
4	Kim Tân	Kim Tân, thị trấn của huyện Thạch Thành, được thành lập năm 1990, trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa.	Kim Tân

[164] Xã Kim Tân đề nghị sửa khu phố 6 thành thôn 6.
[165] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
5	Làng Đồng Nga	Làng Đồng Nga là tên gọi một làng cổ thuộc xã Thành Kim trước đây, được tách ra để thành lập thị trấn Kim Tân (năm 1990), nay địa phận thuộc một phần của thôn 3[166], xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồng Nga
6	Làng Đồng Ngư	Làng Đồng Ngư là tên một làng cổ thuộc xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, là tên một công trình thủy lợi Hồ chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống Nhân dân 06 xã khu vực Tây Bắc, huyện Thạch Thành (cũ). Đây là công trình lớn đầu tiên của huyện trong thời kỳ đầu xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (kế hoạch 05 năm lần thứ nhất (1960 - 1965). Đây là địa danh quen thuộc, Nhân dân quen dùng.	Đồng Ngư
7	Làng Mường Đẹ	Làng Mường Đẹ thuộc làng Quảng Giang, nay là xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa. Xưa kia gọi là Làng Đẹ, Mường Đẹ, là nơi gắn liền với dòng họ Nguyễn Đình liên quan đến họ Nguyễn Gia Miêu. Lịch sử ghi nhận nơi đây đã di dời làng phục vụ xây dựng sân bay dã chiến Thạch Quảng năm 1972 và xây dựng Nông trường 26/3. Mường Đẹ cũng là nơi anh hùng phi công Vũ Xuân Thiều xuất kích, điều khiển chiếc máy bay MiG-21 tiêu diệt B-52 của Mỹ trong trận "Điện Biên Phủ trên không" đêm 28 tháng 12 năm 1972.	Mường Đẹ
8	Làng Ngọc Đồng	Làng Ngọc Đồng thuộc huyện Thạch Thành (cũ), trước năm 1945 thuộc tổng Trường Cát, nay là làng Hoàng Thành, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa. Trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX là một căn cứ của nghĩa quân Cần Vương. Khi khởi nghĩa Ba Đình thất bại, giặc Pháp tấn công lên khu vực này và đàn áp hết sức dã man dân làng, xác người ngổn ngang thành bãi chôn chung cả làng, giặc Pháp đã buộc Triều Nguyễn xóa tên làng, làng bị triệt hạ. Khoảng năm 1924 khi Hà Văn Ngoạn (người Vĩnh Lộc) làm Tri huyện Thạch Thành (cũ) cho khôi phục làng và lấy tên là làng Nhân Phúc, đến năm 1963, dân Hoằng Hóa lên định cư, làng đổi tên thành làng Hoàng Thành.	Ngọc Đồng
9	Làng Phú Lộc	Làng Phú Lộc thuộc huyện Thạch Thành (cũ) trước năm 1945, thuộc tổng Trường Cát, nay thuộc xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa. Làng Phú Lộc có Nghè và Mộ thờ các vị tướng thời Trần là Lê Phúc Hồng và Lê Phúc Quý, có công đánh giặc Chiêm Thành; là quê hương của Nguyễn Trí Đạo (Quận Đạo) - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện	Phú Lộc

[166] Xã Kim Tân đề nghị sửa khu phố 3 thành thôn 3.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		Thạch Thành giai đoạn 1945 - 1949. Nhân dân làng Phú Lộc từng nuôi giấu nhiều chiến sỹ cách mạng thời tiền khởi nghĩa, trong đó có đồng chí Trần Tiến Quân là lãnh đạo Chiến khu Ngọc Trạo năm 1941.	
10	Mường Đủ	Mường Đủ, thuộc xã Thạch Bình, tên gọi một Mường gốc trong các Mường của huyện Thạch Thành (cũ).	Mường Đủ
11	Mỹ Tân	Mỹ Tân, tên gọi một làng cổ thuộc xã Kim Tân, được tách ra để thành lập thị trấn Kim Tân (1990), huyện Thạch Thành (cũ).	Mỹ Tân
12	Phố Cát	Phố Cát, thuộc xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa, là đầu mối giao thông từ xưa của Thanh Hóa đi Ninh Bình và các tỉnh Tây - Bắc nước ta. Phố cát là một vùng đất của lịch sử và huyền thoại: Di tích và thắng cảnh Phố Cát là một trong 3 trung tâm thờ Mẫu Liễu Hạnh, nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh tiêu biểu của người dân xứ Thanh nói riêng và Việt Nam nói chung[167].	Phố Cát
13	Phú Sơn	Phú Sơn, tên làng có từ xưa, thuộc xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa, năm 1990 được chia tách để thành lập thị trấn Kim Tân.	Phú Sơn
14	Sách Khôi	Sách Khôi thuộc huyện Thạch Thành (cũ), tên một đơn vị hành chính thời Lê Sơ, nay thuộc một phần đất huyện Thạch Thành (cũ). Năm 1422, khi nghĩa quân Lam Sơn bị vây hãm ở Quan Du, Lê Lợi đã rút về Sách Khôi chiến đấu chém chết tướng giặc Phùng Quý, buộc Mã Kỳ, Trấn Trí phải tháo chạy về Đông Quan. Nghĩa quân đã bảo toàn được lực lượng.	Sách Khôi
15	Sông Bưởi	Sông Bưởi, tên một con sông lớn chảy dài từ xã Thạch Quảng xuống Thạch Bình, tỉnh Thanh Hóa, chia các xã trên địa bàn huyện thành 02 vùng bắt đầu từ chữ “Thạch” và chữ “Thành”.	Sông Bưởi
16	Trường Cát	Trường Cát, tên gọi của một làng cổ từ xa xưa, sau được gọi tên cho một Tổng lớn của huyện Thạch Thành (cũ) gọi là Tổng Trường Cát.	Trường Cát

3.20. Thành phố Sầm Sơn (cũ)

Tổng số: 31 địa danh, trong đó 07 địa danh đã dùng đặt tên.

[167] Xã Vân Du đề nghị bổ sung thêm tóm tắt lý lịch.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bình Tân	Bình Tân, tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945.	Bình Tân	
2	Cầu Bến	Cầu Bến thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có từ thời Nguyễn, là cầu bắc qua sông Rào. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cầu Bến	
3	Cầu Bùi	Cầu Bùi thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có từ thời Nguyễn, là cầu bắc qua sông Rào. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cầu Bùi	
4	Cầu Cửa Hới	Cầu Cửa Hới là cầu vượt qua sông Mã nối giữa huyện Hoằng Hóa (cũ) và thành phố Sầm Sơn (cũ). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cửa Hới[168]	
5	Cô Tiên	Đã có trích yếu lý lịch ở mục: Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa	Cô Tiên	
6	Cống Sông Đơ	Cống Sông Đơ thuộc thị xã Sầm Sơn (cũ), tên 1 cửa sông đổ ra biển, có âu thuyền tránh bão ở chân núi Trường Lệ, giáp ranh phường Nam Sầm Sơn và phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Sông Đơ	
7	Cung Thượng	Cung Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Kinh Thượng.	Cung Thượng	
8	Độc Cước	Đền Độc Cước là đền thờ vị thần mang cùng tên, một vị thần trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Đền Độc Cước nằm trên đỉnh núi mang tên hòn Cổ Giải thuộc dãy núi Trường Lệ ở phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngay cạnh bãi biển Sầm Sơn. Đền mang tên Độc Cước (nghĩa là một chân), gắn liền với sự tích chàng trai khổng lồ đã tự xé đôi thân mình để vừa đánh giặc quỷ biển ngoài khơi và đánh giặc trong đất liền cứu dân làng. Đền Độc Cước được xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt. (Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt)[169].	Độc Cước	
9	Giặc Thượng	Giặc Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945.	Giặc Thượng	
10	Khanh Tiến	Khanh Tiến, tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân địa phương.	Khanh Tiến	Đường

[168] Cửa Hới: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[169] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
11	Kính Thượng	Kính Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Giặc Thượng.	Kính Thượng	
12	Lạch Hới	Lạch Hới, thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa - là địa danh lịch sử cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Là điểm tập kết đón đồng bào, cán bộ chiến sĩ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ.	Lạch Hới	
13	Làng Cá Lập	Làng Cá Lập (làng Trấp) nay thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được hình thành trước thời Trần (thế kỷ XIII). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cá Lập	
14	Làng Du Vịnh	Làng Du Vịnh (sở Đồn Điền) thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thành lập năm 1471 - 1472, thời vua Lê Thánh Tông. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Du Vịnh	
15	Làng Hới	Làng Hới thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nơi có đền thờ làng Hới được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 249/VHQĐ ngày 17 tháng 10 năm 1993. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Hới	
16	Làng Lộc Trung	Làng Lộc Trung (tên nôm là làng Giữa) nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tên gọi có từ thời Gia Long. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lộc Trung	
17	Làng Mỹ Lâm	Làng Mỹ Lâm thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1681, đời vua Lê Hy Tông, ông tổ dòng họ Phạm Văn làm quan trong triều, giữ chức Tri Phủ Hoài Nhân khi về hưu ông đưa vợ con sinh cơ lập nghiệp, và sau này cháu đời thứ tư của ông đội đơn triều đình xin phép được lập làng Mỹ Lâm ngày nay. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Mỹ Lâm	
18	Làng Nho Quan	Làng Nho Quan thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng thế kỷ XV, XVI, làng có tên là làng Văn, đến thế kỷ XVIII, làng được đổi tên thành Nho Quan. Làng Nho Quan gồm 4 xã: Đông, Mới, Trại, Tây. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nho Quan	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
19	Làng Thủ Phú	Làng Thủ Phú (tổng Thủ Hộ) thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có từ đầu thời Nguyễn. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thủ Phú	
20	Làng Triều Dương	Làng Triều Dương (tên nôm là làng Trào) thuộc xã Triều Thanh Lộc, tổng Giặc Thượng, rồi Kính Thượng, Cung Thượng, nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Làng Triều Dương thờ tổ sư nghề dệt là Bà Triều. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Triều Dương	
21	Làng Trường Tân	Làng Trường Tân thuộc xã Lương Xá, tổng Phủ Hộ, rồi tổng Phủ Chính, nay là phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong những làng cổ được hình thành rất sớm ở vùng đất ven biển tỉnh Thanh Hóa; đời vua Minh Mạng lấy tên là làng Trường Tân. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Trường Tân	
22	Làng Xuân Phương	Làng Xuân Phương (tên nôm là làng Lan) nay thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, làng do di dân Chiêm Thành thời nhà Trần lập nên. Sang đầu thế kỷ XIX đến đời vua Đồng Khánh là thôn Xuân Phương thuộc xã Giặc Hạ, tổng Giặc Thượng, sau đổi thành Kính Thượng, rồi Cung Thượng. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Xuân Phương	
23	Lương Niệm	Lương Niệm, tên một trong những xã, thôn của tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương (cũ) và là tên xã của vùng đất Sầm Sơn sau năm 1945.	Lương Niệm	
24	Nam Sông Mã	Sông Mã, địa danh chỉ phần đất nằm phía Nam của bờ Sông Mã, hiện ở đây có con đường chạy qua phía này nên gọi là Đường Nam Sông Mã.	Nam Sông Mã	Đường
25	Tân Đức	Tân Đức là tên con đường thuộc khu phố Phúc Đức, ghép 02 xóm là xóm Tân và xóm Đức của xã Quảng Tiến trước đây, nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tân Đức	
26	Thành Thắng	Thành Thắng, tên gọi từ xa xưa của Nhân dân ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân địa phương.	Thành Thắng	Đường
27	Thu Hảo	Thu Hảo, tên gọi từ xa xưa của Nhân dân ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân địa phương.	Thu Hảo	Đường
28	Tiến Lợi	Tiến Lợi, tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân địa phương.	Tiến Lợi	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
29	Triều Thanh	Triều Thanh, tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945.	Triều Thanh	Đường
30	Trường Lệ	Núi Trường Lệ thuộc địa phận phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa (cũ) 17 km về phía Đông Nam. Núi Trường Lệ được cấu thành từ những dải núi xếp liên tiếp nhau, hướng từ phía đất liền vươn dần ra tới biển. Núi Trường Lệ được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt. (Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019)[170].	Trường Lệ	Đường
31	Vinh Sơn	Vinh Sơn, tên khu phố, vốn là xóm Sơn thuộc xã Quảng Vinh, nay là phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nơi đây Bác Hồ từng về thăm và kéo lưới đánh cá với ngư dân ngày 18 tháng 7 năm 1960.	Vinh Sơn	

3.21. Thành phố Thanh Hóa (cũ)

Tổng số: 167 địa danh, trong đó 89 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Đồng Bái[171]	Đồng Bái, tên một địa điểm (tuyến đường) được lấy tên từ một xứ đồng đã trồng trọt rau màu và đã nuôi dưỡng các thế hệ con cháu ăn học thành tài, sau này cánh đồng này đã được Nhân dân đầu tư xây dựng thành một khu dân cư, nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Đồng Bái[172]	Đường
2	Làng Đức Hậu	Làng Đức Hậu có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng, nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đức Hậu[173]	Đường

[170] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[171] Đồng Bái: Là tên một cánh đồng.
[172] Đồng Bái: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[173] Đức Hậu: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
3	Làng Nhân Phong	Làng Nhân Phong nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Làng Nhân Phong đã có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng. Hiện tên Nhân Phong được đặt cho tuyến đường thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Nhân Phong[174]	Đường
4	Ái Sơn	Ái Sơn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Ái Sơn	Đường
5	An Biên	An Biên, tên làng cổ, vùng đất cổ của phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.	An Biên	Đường
6	Bãi Gành	Bãi Gành thuộc phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh cổ, là tên một địa điểm khảo cổ thời kỳ văn hóa Đông Sơn, đã tìm thấy nhiều di vật bằng đồng: rìu, giáo, vòng trang sức và các loại vũ khí như: rìu chiến, dao găm. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bãi Gành	
7	Bào Ngoại	Bào Ngoại, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Làng có 4 xóm: Đông, Tây, Nam, Bắc.	Bào Ngoại	Đường
8	Bào Nội	Bào Nội, tên làng Việt cổ, nay có 2/3 diện tích làng Bào Nội thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Bào Nội	Đường
9	Bến Ngự	Bến Ngự, nằm trên Sông Lò Chum thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa ngày nay, gắn với việc các vua nhà Nguyễn như: Minh Mệnh, Thành Thái, Khải Định… mỗi lần về thăm quê tổ Triệu Tường (Hà Trung - Thanh Hóa) đi thuyền rồng từ sông Mã rẽ vào sông Lò Chum đến bến này thì dừng lại, lên kiệu vào hành cung trấn thành Thanh Hóa.	Bến Ngự	Phố
10	Bến Than	Bến Than, nơi Công ty Than thị xã Thanh Hóa tập kết than chở từ Quảng Ninh về cung cấp chất đốt vật liệu xây dựng thời kì 1975 - 1990.	Bến Than	
11	Bố Vệ	Bố Vệ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Bố Vệ	Đường
12	Bôn Giàng[175]	Bôn Giàng thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, được nối thông từ bến đò Giàng phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, nối với Quốc lộ 45. Đây là địa danh của	Bôn Giàng	

[174] Nhân Phong: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[175] Bôn Giàng là tên một con đường.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tuyến đường Nhân dân thường quen gọi từ xa xưa, là tuyến đường chiến lược trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.		
13	Cẩm Bào Nội	Cẩm Bào Nội, tên làng cổ của huyện Đông Sơn trước năm 1889 nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Cẩm Bào	Đường
14	Cánh Tiên	Cánh Tiên, tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng, nay gọi là đồi Quyết Thắng, thuộc Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Cánh Tiên	Đường
15	Cát Đằng[176]	Cát Đằng thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Đằng được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa điểm (tuyến đường) Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cát Đằng	
16	Cát Hòa[177]	Cát Hòa thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Hòa được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa điểm (tuyến đường) Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân, hiện Nhân dân vẫn quen dùng.	Cát Hòa	
17	Cát Khang	Cát Khang là địa điểm (tuyến đường) thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Khang được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ), (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Cát Khang đã ăn sâu vào tiềm thức Nhân dân.	Cát Khang	
18	Cát Phú	Cát Phú là địa điểm (tuyến đường) thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Phú được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012 xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ)	Cát Phú	

[176] Cát Đằng là tên một con đường.
[177] Cát Hòa, Cát Khang, Cát Phú, Cát Thành, Cát Tiến là tên một con đường.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		(nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa), Nhân dân dùng tên Cát Phú để gọi cho tuyến đường qua xã Quảng Cát.		
19	Cát Thành	Cát Thành thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên địa điểm (tuyến đường), tên Cát Thành được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa điểm được Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa.	Cát Thành	
20	Cát Tiến	Cát Tiến thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Tiến được Nhân dân lấy tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Nhân dân thường dùng tên Cát Tiến gọi cho tuyến đường đi qua khu vực này.	Cát Tiến	
21	Cát Yên	Cát Yên thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Cát Yên được Nhân dân lấy từ tên của một xóm có từ năm 1954 thuộc xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Cát sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Nhân dân thường dùng tên gọi Cát Yên cho tuyến đường đi qua khu vực này.	Cát Yên	
22	Chiến Lược	Chiến Lược thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), được nối từ đường Quốc lộ 1A cũ (nay là đường Văn Tiến Dũng đến bến Phà 2 thuộc xã Hoằng Lý (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa), là con đường vận tải trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Địa điểm (tuyến đường) Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chiến Lược	
23	Chùa Đại Bi	Chùa Đại Bi ở thôn Mật Sơn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, do vua Lê Huyền Tông lập lên để thờ vua cha và các vị Thánh Mẫu.	Đại Bi	Đường
24	Chùa Hội Quản	Chùa Hội Quản, thời thuộc Pháp gọi là Hoa thương Hội quán, nơi đây vào ngày song thất 7 tháng 7 năm 1939 đã diễn ra cuộc diễn thuyết kêu gọi ủng hộ Nhân dân Trung Quốc kháng Nhật cả về tinh thần và vật chất.	Hội Quản	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
25	Chùa Quảng Hóa	Chùa Quảng Hóa, ngôi chùa có từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Quảng Hóa	Đường
26	Chùa Tăng Phúc	Chùa Tăng Phúc, chùa có phong cảnh đẹp, nằm trên địa bàn phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Tăng Phúc	Đường
27	Cốc Hạ	Cốc Hạ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Làng có 3 xóm: Một, Hai, Ba.	Cốc Hạ	Đường
28	Cột Cờ	Cột Cờ, là kỳ đài, dịch ra quốc ngữ là Cột Cờ, nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Cột Cờ	Phố
29	Cửa Hậu	Cửa Hậu, nằm ở phía Bắc trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Cửa Hậu	Phố
30	Cửa Hữu	Cửa Hữu, nằm ở phía Tây trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Cửa Hữu	Phố
31	Cửa Tả	Cửa Tả, nằm ở Đông trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Cửa Tả	Phố
32	Cửa Tiền	Cửa Tiền, nằm ở phía Nam trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Cửa Tiền	Phố
33	Đại Khối	Đại Khối, là tên làng từ thế kỷ XIX, xưa có tên là Đại Côi.	Đại Khối	Đường
34	Đàn Xã Tắc	Đàn Xã Tắc, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, là một trong các loại đàn tế cổ, được các vị Vua cho lập để tế Xã thần (Thần Đất) và Tắc thần (tức Thần Nông) - hai vị thần của nền văn minh lúa nước.	Đàn xã Tắc	Phố
35	Đình giáp Đông	Đình Giáp Đông, tên ngôi đình của làng Đức Thọ Vạn - thờ tổ sư nghề gốm, sinh hoạt chung của làng, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Giáp Đông	
36	Định Hòa	Định Hòa, là tên làng hiện nay, trước kia là Định Hương, trên đường thiên lý từ Nam ra Bắc, nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Định Hòa	Đường
37	Đình Hương	Đình Hương, tên làng cổ được chia tách từ làng Định Hương, nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Đình Hương	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
38	Đoan Hùng	Đoan Hùng, vùng đất của hợp tác xã Mành trúc Đoan Hùng đã làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tính mạng tài sản của xã viên, đảm bảo con em xã viên được học tập trưởng thành ở nơi sơ tán.	Đoan Hùng	Đường
39	Dốc Ga	Dốc Ga, tên trước ngày chống Mỹ cứu nước. Nay là Ga Thanh Hóa, nằm trên đường Dương Đình Nghệ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Dốc Ga	Phố
40	Đồi C4	Đồi C4, là một khúc của núi Rồng, nằm sát đầu rồng. Nơi đây là nỗi kinh hoàng của phi công Mỹ khi bắn phá cầu Hàm Rồng. Đồi C4 có tên từ đó.	Đồi C4	Đường
41	Đồi C5	Đồi C5, vốn là đồi không tên, từ khi đại đội 5 (E228) đến trấn giữ để bắn máy bay trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bảo vệ cầu Hàm Rồng, Nhân dân thường gọi là đồi C5.	Đồi C5	Đường
42	Đồi Quyết Thắng	Đồi Quyết Thắng, trước kia có tên là núi Cánh Tiên, trên đỉnh núi có bố trí một trận địa phòng không để bảo vệ cầu Hàm Rồng, từ trên cao lưới lửa phòng không giăng đầy trời, khiến những "Thần Sấm, Con Ma" của Mỹ bị cháy tan xác.	Quyết Thắng	Đường
43	Đồng Bài[178]	Đồng Bài thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa, là tên địa điểm (tuyến đường) Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồng Bài	
44	Đồng Cuốn	Đồng Cuốn, tên gọi thể hiện một tập quán canh tác đồng ruộng lần lượt từ xa đến gần.	Đồng Cuốn	Đường
45	Đông Hương	Đông Hương, nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Hương	Phường
46	Đồng Khoai	Đồng Khoai, tên vùng đất chuyên trồng khoai lang, thu hoạch nhiều chất lượng ngon. Nay thuộc phưởng Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Đồng Khoai	Đường
47	Đông Khối	Đông Khối, nơi có Di chỉ khảo cổ học tại thôn Đông Khối, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa là công xưởng chế tác đồ đá có niên đại thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	Đông Khối	Đường
48	Đông Lân	Đông Lân, tên ấp của Giáp Đông Phố, trấn lỵ Thanh Hóa (đầu thế kỷ XIX).	Đông Lân	Phường
49	Đồng Lễ	Đồng Lễ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành.	Đồng Lễ	Đường

[178] Đồng Bài: Là tên một tuyến đường.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
50	Đồng Lực	Đồng Lực, địa điểm Hợp tác xã mũ Đồng Lực quy tụ về sau đại thắng Mùa Xuân năm 1975.	Đồng Lực	
51	Đồng Mai[179]	Đồng Mai thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên Đồng Mai được Nhân dân lấy từ tên của xứ Đồng Mai có từ trước năm 1945, thuộc tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia (cũ). Từ năm 1954 đến 2012 thuộc xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Tâm sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là tên gọi đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân, hiện Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa và nay vẫn thường dùng.	Đồng Mai	
52	Đồng Minh	Đồng Minh, tên Hợp tác xã dệt chiếu cói trong thời gian chống Mỹ, cứu nước đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động có thu nhập, thực hiện sơ tán phòng tránh đảm bảo an toàn cho xã viên và con em họ.	Đồng Minh	
53	Đông Phát	Đông Phát, khu dân cư được hình thành vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Phát	Đường
54	Đông Quang	Đông Quang, khu dân cư của làng Đông Sơn chuyển ra ở hẳn trong kháng chiến chống Pháp để thuận tiện canh tác ruộng đồng.	Đông Quang	Đường
55	Đông Tác	Đông Tác, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Tác	Đường
56	Đông Thổ	Đông Thổ, tên cổ xưa của làng. Thành ngữ "Đông Thổ cứng đầu" nói lên tính cách của người làng từ xa xưa chống lại bọn quan lại phong kiến, hương lý cường hào áp bức dân chúng.	Đông Thổ	Đường
57	Dương Xá	Làng Dương Xá, xã Thiệu Dương, nay phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, nơi lưu giữ Dấu tích thành Tư Phố, sau đó là thành Dương Xá - đô thị cổ của Thanh Hóa.	Dương Xá	
58	Giáp Bắc	Giáp Bắc, còn có tên khác là Giáp Tân Mỹ - một trong bốn giáp của làng Đức Thọ Vạn, là giáp đi đầu trong cải lương hương tục làng xã thời phong kiến.	Giáp Bắc	
59	Hạc Oa	Hạc Oa, tên làng có từ thế kỷ XIX, nay là phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Hạc Oa	Đường

[179] Đồng Mai: Là tên một tuyến đường.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
60	Hàng Đồng	Hàng Đồng, tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa (cũ), gắn với việc người làng Nôm, Hưng Yên đầu thế kỷ XX đã vào Thanh Hóa sinh sống và đem theo nghề buôn bán đồ đồng, nên mới gọi là hàng đồng. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Hàng Đồng	Phố
61	Hàng Gạo	Hàng Gạo, tên phố cũ, thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chuyên bán gạo.	Hàng Gạo	
62	Hàng Hương	Hàng Hương, tên phố cũ thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chuyên sản xuất và bán hương.	Hàng Hương	
63	Hàng Nan	Hàng Nan, tên phố cũ thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chuyên kinh doanh đồ đan lát.	Hàng Nan	
64	Hàng Sứ	Hàng Sứ, tên phố cũ thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chuyên kinh doanh mặt hàng gốm sứ.	Hàng Sứ	
65	Hàng Than	Hàng Than, tên phố cũ thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, chuyên kinh doanh mặt hàng than, dân cư của tuyến phố chuyên dùng than để nấu.	Hàng Than	Phố
66	Hậu Thành	Hậu Thành, tên ấp của Giáp Nam, trấn lỵ Thanh Hóa (đầu thế kỷ XIX).	Hậu Thành	
67	Hoàng Long	Hoàng Long, tên gọi của xã Hoằng Long nay thuộc phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, tên Hoằng Long còn được dùng đặt cho một cây cầu trên địa bàn thành phố Thanh Hóa (cũ) từ năm 1996: cầu Hoằng Long.	Hoàng Long	Công trình công cộng
68	Hợp tác xã Đại Phú	Hợp tác xã Đại Phú thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), là tên của một hợp tác xã nông nghiệp thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đây là hợp tác xã nông nghiệp tiêu biểu trong những năm 1977, 1978 có những mô hình sản xuất tốt, năng suất sản lượng đạt khá, đã được tỉnh, huyện khen thưởng, biểu dương về sản xuất và chăn nuôi.	Đại Phú	
69	Hợp tác xã Hồng Phong	Hợp tác xã Hồng Phong thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên của hợp tác xã đầu tiên được thành lập năm 1954 của xã Quảng Tâm, nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Hồng Phong	
70	Hợp tác xã Kiều Thắng	Hợp tác xã Kiều Thắng được thành lập từ năm 1960. Đây là một trong những hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, tiêu biểu có	Kiều Thắng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		những mô hình sản xuất tốt, năng suất sản lượng đạt khá, đã được tỉnh, huyện khen thưởng, biểu dương về sản xuất và chăn nuôi.		
71	Hợp tác xã Kiều Tiến	Hợp tác xã Kiều Tiến được thành lập từ năm 1960. Đây là hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa tiêu biểu có những mô hình sản xuất tốt, năng suất sản lượng đạt khá, đã được tỉnh, huyện khen thưởng, biểu dương về sản xuất và chăn nuôi.	Kiều Tiến	
72	Hợp Tiến	Hợp Tiến, hợp tác xã tôn thiếc Hợp Tiến, nơi đây tập hợp thợ thủ công tôn thiếc toàn thị xã và đào tạo nghề trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.	Hợp Tiến	
73	Kiều Đại	Kiều Đại, tên làng thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Kiều Đại	Đường
74	Kỳ Lân	Kỳ Lân Sơn, tức Núi Mật là tên một ngọn núi thuộc làng Mật, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Kỳ Lân	Đường
75	Lai Thành	Lai Thành, có từ thời vua Lê Thế Tông (1573 - 1599), nơi đây trước gọi là thôn Quốc Thích thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, đến thời Nhà Nguyễn gọi là Lai Thành.	Lai Thành	Đường
76	Làng Cổ Ninh	Làng Cổ Ninh có từ năm 1945, thuộc xã Liên Hoa, huyện Đông Sơn (cũ). Năm 1947 - 1953 thuộc xã Đại Bái, từ năm 1953 đến nay làng Cổ Ninh thuộc xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa (cũ). Năm 2012, xã Thiệu Vân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cổ Ninh	
77	Làng Đại Độ	Làng Đại Độ có từ năm 1953, thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ). Tháng 11 năm 1953, xã Đông Hưng được chia tách thành 2 xã Đông Hưng và Đông Tân, xã Đông Tân có 6 làng gồm làng Đống, làng Yên Hoạch, làng Viện Giang, làng Lộc Giang, làng Phù Lưu và làng Đại Độ (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đại Độ	
78	Làng Đại Khánh	Làng Đại Khánh thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên nôm là làng Vồm, đầu thế kỷ XIX tên là xã Đại Khánh thuộc tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn (cũ) (nay là phường	Đại Khánh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là một địa danh cổ có từ xưa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
79	Làng Đại Tiền	Làng Đại Tiền thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), có từ đầu thế kỷ XIX. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Đại Tiền thuộc phủ Hà Trung, năm 1945 được sáp nhập về tổng Bái Trạch, năm 1946, thuộc xã Đại Bái, huyện Hoằng Hóa (cũ). Năm 1947, xã Đại Bái sáp nhập với xã Hoằng Lộc gọi là xã Hoằng Lộc, làng Đại Tiền thuộc xã Hoằng Lộc. Năm 1953, xã Hoằng Đại được thành lập, làng Đại Tiền thuộc xã Hoằng Đại, huyện Hoằng Hóa. Năm 2012, xã Hoằng Đại sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đại Tiền	
80	Làng Doanh Xá	Làng Doanh Xá nay thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tên nôm là làng Chành, đầu thế kỷ XIX tên là xã Doanh Xá, tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn (cũ), là địa danh cổ. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Doanh Xá	
81	Làng Đồng Me	Làng Đồng Me có từ cuối thế kỷ XIX, thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), trước năm 1960 làng Đồng Me thuộc xã Thiệu Tân, năm 1960 làng Đồng Me sáp nhập về xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa. Năm 2012, xã Thiệu Vân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồng Me	
82	Làng Duy Tiếu	Làng Duy Tiếu từ khi mới hình thành là một làng lớn gồm làng Hưng Đồng, làng Duy Hưng và nay là phố Hưng Thuận, phố Hưng Đồng, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Đường Duy Tiếu chạy qua địa bàn của hai phố.	Duy Tiếu[180]	Đường
83	Làng Hà Phương	Làng Hà Phương có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), trước Cách mạng tháng Tám 1945 làng Hà Phương thuộc phủ Hà Trung, năm 1945 được sáp nhập về tổng Bái Trạch, năm 1946 thuộc xã Đại Bái, huyện Hoằng Hóa (cũ). Năm 1947, xã Đại Bái sáp nhập với xã Hoằng Lộc gọi là xã Hoằng Lộc, làng Hà Phương thuộc xã Hoằng Lộc (cũ). Năm 1953, xã Hoằng Đại được thành lập, làng Hà Phương	Hà Phương	

[180] Duy Tiếu: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		thuộc xã Hoằng Đại, huyện Hoằng Hóa (cũ). Năm 2012, xã Hoằng Đại sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
84	Làng Hiểu Lâm	Làng Hiểu Lâm nay thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tên làng cổ có từ thời Lê. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hiểu Lâm	
85	Làng Hưng Giang	Làng Hưng Giang thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên của một làng có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương. Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Giang	
86	Làng Hưng Thuận	Làng Hưng Thuận có từ khi mới hình thành, sau này làng đã đổi thành nhiều tên khác nhau, nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tên Hưng Thuận đã dùng đặt tên cho tuyến đường thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Hưng Thuận[181]	Đường
87	Làng Hưng Xá	Làng Hưng Xá được lấy tên của hai làng trước đây, sau này sáp nhập thành một phố đó là làng Văn Xá và làng Hưng Thọ. Hiện tên Hưng Xá được đặt cho tuyến đường chạy qua làng Hưng Xá và làng Hưng Thọ nhưng chung một phố, được gọi là phố Hưng Thọ, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Hưng Xá[182]	Đường
88	Làng Lam Hà	Làng Lam Hà thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng có từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, làng Lam Hà thuộc xã Đại Bái, huyện Hoằng Hóa (cũ). Năm 1947, xã Đại Bái sáp nhập với xã Hoằng Lộc gọi là xã Hoằng Lộc, làng Lam Hà thuộc xã Hoằng Lộc (cũ). Năm 1953, xã Hoằng Đại được thành lập, làng Lam Hà thuộc xã Hoằng Đại, huyện Hoằng Hóa. Năm 2012, xã Hoằng Đại sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lam Hà	
89	Làng Mân Trung	Làng Mân Trung thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng có từ thời nhà Nguyễn, thuộc tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa. Năm 1948 - 1977, làng Mân Trung	Mân Trung	

[181] Hưng Thuận: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
[182] Hưng Xá: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, từ 1977 - 1982 thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Thiệu, từ 1988 đến 2012, thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn. Năm 2012, xã Đông Lĩnh sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
90	Làng Nhân Thọ	Làng Nhân Thọ thuộc thành phố Thanh Hóa, làng có từ thế kỷ XIX, trước năm 1945 làng Nhân Thọ thuộc tổng Lưu Thanh, phủ Quảng Xương. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thuộc xã Trần Hưng Đạo, huyện Quảng Xương. Năm 1948 xã Trần Hưng Đạo sáp nhập với xã Tống Duy Tân thành xã Quảng Hưng (nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Nhân Thọ	
91	Làng Phú Ân	Làng Phú Ân thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên nôm là làng Đọ. Đây là một địa danh cổ có từ xưa nằm ở phía Tây phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Làng có từ thời nhà Nguyễn, trước năm 1900, làng Phú Ân thuộc tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên. Năm 1900, đời Vua Thành Thái thứ 12, làng Phú Ân thuộc huyện Thụy Nguyên. Sau năm 1945, làng thuộc xã Đại Tân huyện Thiệu Hóa, năm 1953 làng thuộc phường Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa. Năm 2012, phường Thiệu Khánh sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Ân	
92	Làng Phú Cốc	Làng Phú Cốc có từ cuối thế kỷ XIX sau này tách thành làng Cốc Hạ và Cốc Thượng, thuộc tổng Bố Đức, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, năm 1948 thuộc xã Đông Hương, huyện Đông Sơn. Năm 1971, xã Đông Hương được sáp nhập về thị xã Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Cốc	
93	Làng Tam Thọ	Làng Tam Thọ thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1937 các nhà khảo cổ đã phát hiện khu lò gốm cổ và tiến hành khai quật, sau đó tên làng đã được lấy đặt tên cho di chỉ gốm - gọi là di chỉ gốm Tam Thọ. Năm 2004 được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa và khảo cổ cấp tỉnh. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tam Thọ	
94	Làng Thạch Đường	Làng Thạch Đường nay thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, tên một làng cổ có từ thời Lê. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thạch Đường	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
95	Làng Thanh Dương	Làng Thanh Dương thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng nằm ở phía đông phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Làng có từ thế kỷ XIX, từ năm 1945 trở về trước, làng Thanh Dương thuộc tổng Đại Bối, phủ Thiệu Hóa, năm 1947 đến 1953, làng Thanh Dương thuộc xã Tân Dương, từ năm 1953, làng Thanh Dương thuộc phường Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa (cũ). Năm 2012, phường Thiệu Khánh sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thanh Dương	
96	Làng Thủ Phác	Làng Thủ Phác nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Làng Thủ Phác đã có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Thủ Phác là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.	Thủ Phác[183]	Đường
97	Làng Vân Nhưng	Làng Vân Nhưng thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng có từ thời nhà Nguyễn, thuộc tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa. Năm 1948 - 1977, làng Vân Nhưng thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, từ năm 1977 đến năm 1982 thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Thiệu, từ năm 1988 đến năm 2012 thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn. Năm 2012, xã Đông Lĩnh sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Vân Nhưng	
98	Lăng Viên	Lăng Viên, khu Nghĩa địa của phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, được tôn vinh lên là Khu lăng mộ.	Lăng Viên	Đường
99	Làng Việt Yên	Làng Việt Yên thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), làng có từ thời nhà Trần (1226 - 1400), lúc mới thành lập làng Việt Yên có tên là Kẻ Vọt (Cồn Vọt). Thời Hậu Lê gọi là làng Việt Yên, đầu thế kỷ XIX là thôn Việt Yên. Trước năm 1945, làng Việt Yên thuộc tổng Lưu Thanh, phủ Quảng Xương. Sau năm 1945, làng Việt Yên thuộc xã Phan Đình Phùng, huyện Quảng Xương. Năm 2012, xã Quảng Đông được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân	Việt Yên	

[183] Thủ Phác: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
100	Lễ Môn	Lễ Môn, ban đầu có tên là Lễ Xá, sau mới đổi tên là Lễ Môn, khẳng định vị trí "Cửa dòng Sông Lễ". thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Lễ Môn	Đường
101	Lò Bát	Lò Bát, khu vực núi Hàm Rồng, vùng đất làm nghề gốm sứ. Thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Lò Bát	
102	Lò Chum	Lò Chum, là địa danh thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Đây là phần đất bờ Bắc của làng Đức Thọ Vạn chuyên sản xuất chum, vại.	Lò Chum	Phố
103	Long Quang	Long Quang, tên động nằm trên núi Rồng là nơi danh thắng đã làm say đắm nhiều tao nhân mặc khách. Thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Long Quang	Đường
104	Lý Cát[184]	Lý Cát thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), là địa điểm (tuyến đường) Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lý Cát	
105	Mật Đa	Chùa Mật Đa, nằm trên địa bàn phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, là một ngôi chùa đẹp linh thiêng trong tâm nguyện của Nhân dân, là căn cứ trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, góp phần làm nên chiến thắng Hàm Rồng - Nam Ngạn (ngày 3 - 4 tháng 4 năm 1965).	Mật Đa	
106	Mắt Rồng	Mắt Rồng, là tên một hang động ở phường Hàm Rồng (hang Mắt Rồng), đây là Di tích lịch sử cách mạng được xếp hạng cấp Quốc gia. Thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Mắt Rồng	
107	Mật Sơn	Mật Sơn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, nơi đây có núi Mật Sơn và chùa Mật Sơn.	Mật Sơn	Đường
108	Nam Kỳ 40	Nam Kỳ 40, là tập đoàn sản xuất cơ khí của cán bộ quân dân chính Nam Bộ tập kết ra Bắc sau chiến thắng Điện Biên Phủ theo Hiệp định Giơnevơ.	Nam Kỳ 40	
109	Nam Sơn	Nam Sơn, xưa là xóm Tân Nam của làng Đông Tác. Khi xây dựng khu chung cư Bắc Cầu Sâng điều chỉnh nhập về xóm Thống Sơn, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Nam Sơn	Phố

[184] Lý Cát là tên một tuyến đường.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
110	Ngọc Mai	Ngọc Mai, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Ngọc Mai	Đường
111	Ngọc Nữ	Ngọc Nữ, ngọn núi nhỏ ở phía Nam núi Mật Sơn có hình dáng giống người con gái đẹp nên gọi là núi Ngọc Nữ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Ngọc Nữ	Đường
112	Nguyệt Viên	Nguyệt Viên, tên làng cổ thuộc phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Là tên một cây cầu bắc qua Sông Mã: Cầu Nguyệt Viên.	Nguyệt Viên	Công trình công cộng
113	Nhà Bảng	Nhà Bảng, nơi chính quyền Nam triều có yết các văn bản quản lý Nhà nước cho dân biết. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là trụ sở Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời thôn Tiền Môn, nay là trung tâm đường Hạc Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Nhà Bảng	
114	Nhà Thờ	Nhà thờ đạo Thiên Chúa, Nhà thờ chính tòa Thanh Hóa, nằm ở phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, xây dựng năm 1937.	Nhà Thờ	Phố
115	Núi Đọ	Núi Đọ, nằm bên hữu ngạn sông Chu, thuộc phường Thiệu Khánh, xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa (cũ), xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa (cũ), được các nhà khảo cổ học trong và ngoài nước phát hiện, nghiên cứu và chứng minh nơi đây đã tồn tại một nền văn hóa sơ kỳ thời đại đá cũ.	Núi Đọ	
116	Phú Chung	Phú Chung, tên đường thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Chung	Đường
117	Phú Liên	Phú Liên, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa (cũ), nay là tên đường thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Liên	Phố
118	Phù Lưu	Phù Lưu, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.	Phù Lưu	Đường
119	Phú Quý	Phú Quý, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Quý	Phố
120	Phú Thọ	Phú Thọ, nơi đặt huyện lỵ Đông Sơn thời Nguyễn độc lập. Khu phố thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Thọ	Phố
121	Phú Thứ	Phú Thứ, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa thuộc phường Hạc Thành.	Phú Thứ	Phố
122	Phú Thượng	Phú Thượng, tên đường thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Thượng	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
123	Phú Vinh	Phú Vinh - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Phú Vinh	Phố
124	Phượng Hoàng	Phượng Hoàng, tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng.	Phượng Hoàng	Đường
125	Quán Giò	Làng Quán Giò được thành lập vào cuối thế kỷ XVII, làng có nghề làm hương truyền thống. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Quán Giò	Đường
126	Quang Vinh	Quang Vinh, tên hợp tác xã vận tải ở thị xã Thanh Hóa (cũ). Hợp tác xã được thành lập năm 1959.	Quang Vinh	
127	Quảng Xá	Quảng Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Quảng Xá	Đường
128	Sơn Vạn	Sơn Vạn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Sơn Vạn	
129	Tân An	Tân An, tên xóm ven đô xưa nơi ở của người dân thị xã nhập theo lệnh ngày 10 tháng 6 năm 1938, của công sứ La-gờ-re-dơ. Nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Tân An	Đường
130	Tân Nam	Tân Nam, khu nhà tái định cư của các gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng thành phố để xây dựng công trình giao thông, văn hóa, dân sinh. Nằm trên địa bàn phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Tân Nam	Phố
131	Tân Thảo	Tân Thảo, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa, thuộc phố Tây Sơn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Tân Thảo	Phố
132	Tạnh Xá	Tạnh Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Tạnh Xá	Đường
133	Tây Ga	Tây Ga, khu vực phía Tây nhà Ga Thanh Hóa.	Tây Ga	Đường
134	Thái Miếu nhà Hậu Lê	Thái Miếu nhà Hậu Lê, nằm trên đất Bố Vệ, tổng Bố Đức, phủ Đông Sơn, nay là làng Kiều Đại, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Đền được xây dựng năm Gia Long thứ 4 (1805) trên nền điện Chiêu Hòa, nơi đây hiện đang lưu thờ 27 vị hoàng đế thời Lê, Hoàng Thái Hậu cùng các vương công nhà Hậu Lê.	Thái Miếu nhà Hậu Lê	
135	Thắng Lợi	Thắng Lợi, tên Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa, chuyên làm bún và chăn nuôi lợn.	Thắng Lợi	
136	Thanh Chương	Thanh Chương, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa (cũ).	Thanh Chương	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
137	Thành Công	Thành Công, tên Hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập năm 1959.	Thành Công	
138	Thanh Xuân	Thanh Xuân, tên Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa, chuyên sản xuất nghề nhựa và thêu xuất khẩu được thành lập trong những năm 1969 - 1972.	Thanh Xuân	Phố
139	Thọ Hạc	Thọ Hạc, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Thọ Hạc	Đường
140	Thôn Lam Cầu	Thôn Lam Cầu có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Bái Trạch. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thôn Lam Cầu được đổi tên thành làng Hoằng Hóa nay thuộc thôn Sơn Hà, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lam Cầu	
141	Thôn Lộc Giang	Thôn Lộc Giang thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), thôn có từ cuối thế kỷ XIX, dưới thời Pháp thuộc, thôn Lộc Giang thuộc tổng Quảng Chiếu, phủ Đông Sơn. Tháng 11 năm 1947 xã Đông Hưng được thành lập, thời điểm này thôn Lộc Giang thuộc xã Đông Hưng. Tháng 11 năm 1953 xã Đông Tân được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đông Hưng, thôn Lộc Giang được gọi là làng Lộc Giang, xã Đông Tân, huyện Đông Sơn. Năm 2012, xã Đông Tân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Lộc Giang	
142	Thôn Viện Giang	Thôn Viện Giang thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), thôn có từ cuối thế kỷ XIX, dưới thời Pháp thuộc, thôn Viện Giang thuộc tổng Quảng Chiếu, phủ Đông Sơn. Tháng 11 năm 1947, xã Đông Hưng được thành lập, thời điểm này thôn Viện Giang thuộc xã Đông Hưng. Tháng 11 năm 1953, xã Đông Tân được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đông Hưng, thôn Viện Giang được gọi là làng Viện Giang, xã Đông Tân, huyện Đông Sơn. Năm 2012, xã Đông Tân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Viện Giang	
143	Tịch Điền	Tịch Điền, tên một nghi thức khuyến khích dân chúng trồng trọt sản xuất, được bắt đầu từ năm 987 dưới thời vua Lê Đại Hành (980 - 1005). Đường Tịch Điền, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Tịch Điền	Phố

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
144	Tiến Lực	Tiến Lực, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1960 (sau đổi là Tiến Thịnh), chuyên sản xuất đồ mộc dân dụng và xẻ gỗ làm cày bừa, xe cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp.	Tiến Lực	
145	Tiền Phương	Tiền Phương, tên Hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập trong kháng chiến chống Mỹ, chuyên vận chuyển bằng xe đạp thồ, tham gia vận tải phục vụ tiền tuyến.	Tiền Phương	
146	Tiên Sơn	Động Tiên Sơn, nằm trên Núi Hàm Rồng, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa. Động có 3 - 4 tầng, thường được gọi là động 1, động 2, động 3. Ở mỗi Động có nét đẹp độc đáo riêng gắn với truyền thuyết tích Phật, tích Tiên, "Hoa quả sơn", "Hội bàn đào tiên".	Tiên Sơn	Đường
147	Trường Thi	Trường Thi, tên Trường thi hương ở Thanh Hóa được lập năm 1807 và tồn tại đến năm 1918.	Trường Thi	Đường, công trình công cộng
148	Tư Phố	Thành Tư Phố, là Trấn thành Thanh Hóa ngày xưa nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Tư Phố	
149	Văn Chỉ[185]	Văn Chỉ thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ) là tên tuyến đường Nhân dân đã quen gọi từ xa xưa nhưng chưa chính thức được đặt tên. (Văn Chỉ là nơi tôn vinh đạo học và diễn ra các hoạt động tế lễ, hay cổ vũ khuyến khích học hành thi cử của làng. Hiện nay ở phường Hàm Rồng vẫn còn bia Văn Chỉ).	Văn Chỉ	
150	Văn Thọ	Văn Thọ được lấy tên của hai làng trước đây là làng Văn Xá và làng Hưng Thọ, sau này sáp nhập thành một phố, nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Văn Thọ đã được dùng đặt tên cho tuyến đường chạy giữa hai làng nhưng chung một phố.	Văn Thọ[186]	Đường
151	Vạn Tiến	Vạn Tiến, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa (cũ), được thành lập vào năm 1960, chuyên làm đồ da như thắt lưng, ví, quai dép, dây đồng hồ.	Vạn Tiến	
152	Vệ Đà	Vệ Đà, tên làng cổ của phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.	Vệ Đà	Đường

[185] Văn Chỉ là tên một tuyến đường.
[186] Văn Thọ: Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
153	Vệ Yên	Vệ Yên, tên làng cổ của phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.	Vệ Yên	Đường
154	Vĩnh Yên	Vĩnh Yên, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa (cũ).	Vĩnh Yên	Đường
155	Vườn Quan	Vườn Quan, địa danh cổ của làng Nam Ngạn.	Vườn Quan	Đường
156	Xã Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), là tên một xã thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (cũ), là xã kết nghĩa với phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa)	Tân Hiệp	
157	Xóm Đông Thành	Xóm Đông Thành là tên của một xóm có từ năm 1953 thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Đông sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đông Thành	
158	Xóm Hạnh Phúc	Xóm Hạnh Phúc thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), trước năm 1946 xóm Hạnh Phúc gọi là làng Đống thuộc xã Hưng Yên, phủ Đông Sơn. Sau năm 1954, làng Đống gọi là xóm Hạnh Phúc thuộc xã Đông Tân, huyện Đông Sơn. Từ năm 1992 đến nay, xóm Hạnh Phúc đổi thành thôn Tân Hạnh. Năm 2012, xã Đông Tân sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hạnh Phúc	
159	Xóm Hưng Đồng	Xóm Hưng Đồng thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), tên của một xóm có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Đồng	
160	Xóm Hưng Phúc	Xóm Hưng Phúc có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Phúc	
161	Xóm Hưng Thịnh	Xóm Hưng Thịnh có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Thịnh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
162	Xóm Hưng Thọ	Xóm Hưng Thọ có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Thọ	
163	Xóm Hưng Tiến	Xóm Hưng Tiến có từ năm 1954, thuộc xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương. Năm 1995, xã Quảng Hưng được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) nay thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hưng Tiến	
164	Xóm Thắng Sơn	Xóm Thắng Sơn thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, xóm có từ tháng 6 năm 1959, theo chủ trương của Đảng để thuận tiện cho việc xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp cấp thấp quy mô xóm, xã Đông Hưng cũ của thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). tổ chức thành 9 xóm, trong đó có xóm Thắng Sơn. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thắng Sơn	
165	Xóm Thịnh Vạn	Xóm Thịnh Vạn thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), xóm có từ đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Lưu Vệ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hóa (cũ). Từ năm 1945 đến năm 1954, thuộc xã Quảng Thắng, năm 1954 đến năm 2012, thuộc xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương (cũ). Năm 2012, xã Quảng Thịnh được sáp nhập về thành phố Thanh Hóa (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thịnh Vạn	
166	Yên Ngựa	Yên Ngựa, tên làng cổ của phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, chữ nho xưa là Mã Yên Sơn, nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	Yên Ngựa	Đường
167	Yên Vực	Yên Vực, tên làng thuộc phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa.	Yên Vực	

3.22. Huyện Thiệu Hóa (cũ)

Tổng số: 22 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Chợ Đu	Chợ Đu thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh lịch sử gắn liền với truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của địa phương. Trước kia, trong khởi nghĩa	Chợ Đu	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Lam Sơn, nghĩa quân của Lê Lợi đã từng về đây chiêu mộ binh sĩ. Trong thời kì Đảng còn hoạt động bí mật, chợ Đu trở thành điểm hẹn để các chiến sĩ cộng sản gặp gỡ, trao đổi tài liệu. Đặc biệt, cuộc mít tinh, tuần hành lớn ở chợ Đu ngày 14 tháng 7 năm 1939 do Tỉnh ủy tổ chức đã đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao của phong trào cách mạng trong thời kì đấu tranh dân sinh, dân chủ ở Thanh Hóa, Chợ Đu còn là nơi Việt Minh tiến hành rải truyền đơn, diễn thuyết xung phong trong những ngày chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Cũng chính tại đây, chi bộ Đảng đã thành lập "chỉ điểm hưng nghiệp xã" để gây quỹ Đảng. Có thể nói rằng: Chợ Đu đóng vai trò cửa ngõ, tiếp nhận, để phát triển các cơ sở Đảng trong vùng, là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng trong phong trào cách mạng của 2 tổng Xuân Lai và Xuân Phong nói riêng, Thiệu Hóa nói chung.		
2	Đình Đồng Bào	Đình Đồng Bào thuộc làng Đồng Bào[187], xã Thiệu Minh, rồi xã Minh Tân, huyện Thiệu Hóa (nay là xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa). Nơi đây đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử, nhiều cuộc mít tinh đấu tranh cách mạng của quần chúng Nhân dân địa phương. Đặc biệt, đình đã chứng kiến nhiều đợt huy động sức người, tiễn đưa các lớp con, em thanh niên trong làng chi viện cho chiến trường miền Nam đánh đế quốc Mỹ cứu nước, đóng góp sức của cho kháng chiến, xây dựng quê hương đất nước.	Đồng Bào	
3	Đình Đồng Minh	Đình Đồng Minh thuộc làng Đồng Minh[188], xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa (cũ), (nay là xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa) thờ Thành Hoàng làng - thần Thiên Lôi, trước năm 1945 là nơi hội họp, nơi nổ ra cuộc đấu tranh đòi giảm thuế thân, nơi luyện tập, cất giấu vũ khí thô sơ được giữ bí mật chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân của đội tự vệ cứu quốc Hà Thanh. Tại đây, năm 1948 Quân khu 3 mở trường Trung học Phan Tây Hồ, Tỉnh ủy mở trường Trung học Trần Phú, Trung ương mở các lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh.	Đồng Minh	

[187] Dẫn nguồn: Trang 147, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[188] Dẫn nguồn: Trang 146, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
4	Đình Lam Vỹ	Đình Lam Vỹ thuộc làng Lam Vỹ[189], xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là di tích cách mạng rất tiêu biểu, nhiều sự kiện lịch sử của thời kỳ cách mạng (1930 - 1945, 1946 - 1954) đáng nhớ đã diễn ra tại ngôi đình Lam Vỹ này. Trong kháng chiến chống Pháp, đình Lam Vĩ là nơi tập trung huy động sức người, sức của cho tiền tuyến, nơi phát động các "Tuần lễ vàng", "Tuần lễ dân quân tự túc", "Lúa khao quân", công trái Quốc gia, công phiếu kháng chiến, thuế nông nghiệp, dân quân, tòng quân… Năm 1948, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Chính phủ về tại đình Lam Vĩ để truyền đạt chủ trương của Chính phủ với Ủy ban hành chính kháng chiến liên khu IV và Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Thanh Hóa (khi đó đóng ở làng Lam Vĩ) để phát động việc xây dựng hậu phương và kháng chiến trường kỳ. Sau đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có cuộc nói chuyện với Nhân dân Lam Vĩ và Nhân dân các làng lân cận để kêu gọi mọi tầng lớp quần chúng đoàn kết một lòng ủng hộ kháng chiến.	Lam Vỹ	
5	Hồng Đô	Hồng Đô, tên làng thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nghề thủ công truyền thống từ lâu đời, đó là nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt nhiễu.	Hồng Đô	
6	Làng Đoán Quyết	Làng Đoán Quyết[190] có từ thế kỷ XIX đến trước năm 1945, thuộc xã Đông Lễ, tổng Mật Vật, huyện Thụy Nguyên, nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Làng có Văn Từ - Bia Ký, làng Đoán Quyết được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 255/QĐ-VHTT ngày 28 tháng 01 năm 2004. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đoán Quyết	
7	Làng Đông Lỗ	Làng Đông Lỗ[191] có từ thế kỷ X, đầu thế kỷ XIX là làng Cựu thuộc xã Đông Lễ, tổng Mật Vật, huyện Thụy Nguyên, nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nghè làng Đông Lỗ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di	Đông Lỗ	

[189] Dẫn nguồn: Trang 154, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[190] Dẫn nguồn: Trang 184, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[191] Dẫn nguồn: Trang 146, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
8	Làng Kẻ Chè	Làng Kẻ Chè[192] (có tên gọi khác là làng Trà Sơn Đông) thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa (cũ), (có tên gọi khác là làng Trà Sơn Đông) thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, là làng cổ, nơi có nghề đúc đồng nổi tiếng. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kẻ Chè	
9	Làng Kẻ Rị	Làng Kẻ Rị[193] (có tên gọi khác là làng Phủ Lý) có từ thế kỷ X, là làng cổ, quê hương nhà sử học Lê Văn Hưu. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kẻ Rị	
10	Làng Phúc Lộc	Làng Phúc Lộc[194] tên nôm là làng Chuộc, đầu thế kỷ XIX, thuộc tổng Phù Chẩn, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc thôn Phúc Lộc 1 và thôn Phúc Lộc 2, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa) là một địa chỉ đỏ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân huyện Thiệu Hóa. Tại nhà thờ họ Vương (di tích lịch sử cách mạng) đã diễn ra Hội nghị thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của huyện Thiệu Hóa, ngày 10 tháng 7 năm 1930. Đây là một trong ba chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phúc Lộc	
11	Làng Tam Xá	Làng Tam Xá thuộc xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa (cũ), tên làng Tam Xá có từ năm 1900, thuộc tổng Đại Bối, huyện Đông Sơn, nay thuộc xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa (cũ) hiện nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đây là địa danh cổ, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tam Xá	
12	Làng Tân Bình	Làng Tân Bình[195] từ đầu thế kỷ XIX đến trước năm 1945 là Bình Ngô thuộc tổng Phù Chẩn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa (cũ), hiện nay là xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, làng có đình làng Tân Bình được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 230/QĐ-VHTT ngày 08 tháng 7 năm 1995 và được	Tân Bình	

[192] Dẫn nguồn: Trang 151, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[193] Dẫn nguồn: Trang 151, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[194] Dẫn nguồn: Trang 150, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[195] Dẫn nguồn: Trang 147, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
13	Làng Viên Nội	Làng Viên Nội[196] thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa là nơi đặt trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (thời kỳ 1967 - 1973). Nơi đây gắn liền với nhiều sự kiện quan trọng của tỉnh trong thời kỳ từ năm 1967 đến năm 1973 như: Ngày 6 - 9 -1969, tại hội trường lớn của tỉnh (làng Viên Nội, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa), Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức trọng thể lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, hàng ngàn đại biểu, Nhân dân đại diện cho các dân tộc, tôn giáo, các ngành, các địa phương từ khắp nơi trong tỉnh về dự lễ truy điệu. Cuối năm 1969, tại đây đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 7 (từ ngày 21 tháng 10 năm 1969 đến ngày 4 tháng 11 năm 1969); từ ngày 4 tháng 6 đến ngày 6 tháng 4 năm 1971, nơi đây đã diễn ra Đại hội toàn quân tỉnh Thanh Hóa; ngoài ra, đây còn là nơi đón tiếp nhiều đoàn đại biểu quốc tế nước bạn Lào, Campuchia và ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, những lời kêu gọi Nhân dân trong tỉnh ra sức sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ góp phần thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ thống nhất đất nước của cả dân tộc.	Viên Nội	
14	Làng Yên Lộ	Làng Yên Lộ[197], xưa còn gọi là làng An Lộ. Trước năm 1945, làng Yên Lộ thuộc về tổng Phù Chẩn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, nay thuộc xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Làng có chùa Yên Lộ là di tích lịch sử cách mạng ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong thời kỳ Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa hoạt động bí mật (1930 - 1945). Tại di tích, những năm 1935 - 1936, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã nhiều lần tổ chức hội nghị củng cố tổ chức, phong trào, địa điểm họp kín của các cán bộ cách mạng trong tỉnh, huyện, tổng. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Yên Lộ	
15	Lương Giang	Lương Giang, tên huyện Thiệu Hóa thời Lê.	Lương Giang	

[196] Dẫn nguồn: Trang 153, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[197] Dẫn nguồn: Trang 1101, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
16	Mao Xá	Mao Xá, làng thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các phong trào cách mạng tiểu biểu thời kỳ 1930 - 1945.	Mao Xá	
17	Ngã Ba Chè	Ngã Ba Chè thuộc huyện Thiệu Hóa (cũ), nay thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, một ngã ba giao thông nổi tiếng ở trong tỉnh được đặt tên từ thời Pháp thuộc cho đến nay. Đây là địa danh quen thuộc, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngã Ba Chè	
18	Ngô Xá	Ngô Xá, tên làng thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa. Làng có phong trào cách mạng khá sôi nổi trong những năm 1930 - 1945; có di tích lịch sử cách mạng: Đình Ngô Xá Hạ.	Ngô Xá	
19	Núi Bằng Trình	Núi Bằng Trình là ngọn núi đá có hình thù và màu sắc rất đẹp nổi lên ở vùng đồng bằng hạ lưu sông Mã, sông Chu, là 1 trong 10 cảnh đẹp nằm trong quần thể di tích thắng cảnh Bàn A Sơn nổi tiếng của xứ Thanh và cả nước thuộc địa bàn xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa (cũ), nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa được nhiều sử sách ghi chép. Năm 2008, thắng cảnh núi Bằng Trình và chùa Thái Bình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2008. Năm 2019, được công nhận là điểm du lịch của tỉnh.	Bằng Trình	
20	Thiệu Thiên	Thiệu Thiên, tên Phủ Thiệu Hóa thời Lê.	Thiệu Thiên	
21	Trà Đông	Trà Đông, tên làng nghề đúc đồng thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Trà Đông	
22	Vạn Hà	Vạn Hà, tên thị trấn, trung tâm huyện lỵ của huyện Thiệu Hóa (cũ), nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Vạn Hà	Phố

3.23. Huyện Thọ Xuân (cũ)

Tổng số: 21 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Chợ Neo	Chợ Neo thuộc xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây diễn ra cuộc biểu tình thị uy lớn cuối thời kỳ vận động dân chủ (1939) do Đảng bộ tỉnh tổ chức đã gây được tiếng	Chợ Neo	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		vang lớn. Tại làng Neo, năm 1930 cũng thành lập được chi bộ Đảng Cộng sản. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
2	Đình Phong Cốc	Đình Phong Cốc, là tên một ngôi đình thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa. Đình gắn với các sự kiện của Đảng, được xếp hạng Di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia.	Phong Cốc	
3	Đông Minh	Đông Minh là tên Nhà máy giấy (1947 - 1952) của Chính phủ được ra đời tại thôn Quần Kênh[198], xã Thọ Xuân, để sản xuất giấy bạc, in tiền phục vụ nền tài chính của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Đông Minh	
4	Làng Giữa	Làng Giữa[199] thuộc xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa, làng có đình làng Giữa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 69/QĐ-CT ngày 10 tháng 01 năm 2005. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Giữa	
5	Làng Hương Nhượng	Làng Hương Nhượng thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, làng được hình thành từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân. Làng có đình làng Hương Nhượng được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 158/QĐ-VHTT ngày 22 tháng 5 năm 2001 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại 148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011. Đình làng Hương Nhượng là địa danh được nhiều người biết đến.	Hương Nhượng	
6	Làng Kim Ốc	Làng Kim Ốc[200] thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là làng cách mạng tiêu biểu của huyện, của tỉnh thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kim Ốc	
7	Làng Lễ Nghĩa	Làng Lễ Nghĩa[201] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Trung Vực (nay là xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Đình làng Lễ Nghĩa được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích kiến trúc	Lễ Nghĩa	

[198] Xã Thọ Xuân bổ sung tên thôn
[199] Dẫn nguồn: Trang 183, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[200] Dẫn nguồn: Trang 162, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[201] Dẫn nguồn: Trang 183, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		nghệ thuật tại Quyết định số 49/QĐ-VHTT ngày 17 tháng 01 năm 2003 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
8	Làng Long Linh	Làng Long Linh[202] thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là một làng có phong trào cách mạng tiêu biểu ở trong tỉnh thời kỳ 1930 - 1945. Năm 1934, tờ báo Hồn lao động - Cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Thanh Hóa được xuất bản bí mật tại đây. Đây là làng có nhiều chiến sĩ du kích Ngọc Trạo, là "Làng Đỏ" tiêu biểu, đi đầu trong phong trào xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc trước năm 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Long Linh	
9	Làng Ngọc Trung	Làng Ngọc Trung thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là địa chỉ đỏ có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngọc Trung	
10	Làng Phong Cốc	Làng Phong Cốc[203] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Minh Nghĩa, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là địa chỉ đỏ có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phong Cốc	
11	Làng Phú Tình	Làng Phú Tình thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là địa chỉ đỏ có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phú Tình	
12	Làng Phúc Bồi	Làng Phúc Bồi[204] thuộc xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa, là làng cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Phúc Bồi	
13	Làng Quang Hoa	Làng Quang Hoa[205] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Minh Nghĩa, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là địa chỉ đỏ	Quang Hoa	

[202] Dẫn nguồn: Trang 161, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[203] Dẫn nguồn: Trang 176, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[204] Dẫn nguồn: Trang 159, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[205] Dẫn nguồn: Trang 176, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
14	Làng Thuần Hậu	Làng Thuần Hậu[206] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Minh Nghĩa, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là địa chỉ đỏ có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Thuần Hậu	
15	Làng Trung Lập	Làng Trung Lập, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa. Là mảnh đất địa linh nhân kiệt, nơi sinh ra Lê Đại Hành Hoàng Đế và nhiều bậc hiền tài khác. Trên địa bàn xã hiện nay có rất nhiều điểm Di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp tỉnh và Quốc gia.	Trung Lập - Xuân Lập	
16	Làng Xá Lê	Làng Xá Lê[207] trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc xã Minh Nghĩa, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là địa chỉ đỏ có phong trào cách mạng tiêu biểu ở Thanh Hóa trong thời kỳ 1930 - 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Xá Lê	
17	Làng Xuân Phả	Làng Xuân Phả[208] là một làng cổ thuộc xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây còn bảo lưu các trò diễn truyền thống như Tú Huần, Bình Ngô Phá Trận, Xiêm Thành, Chăm Pa… mà các nhà nghiên cứu gọi chung là "Trò Xuân Phả". Trò diễn này được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục là di sản phi vật thể cấp quốc gia tại Quyết định số 3247/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2016. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Xuân Phả	
18	Làng Xuân Phố	Làng Xuân Phố (là xóm Thọ Khang), thuộc xã Xuân Trường, huyện Lôi Dương, sau năm 1965 thành lập thị trấn Thọ Xuân (gọi tắt là Phủ Thọ), nay là xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một địa danh nổi tiếng trước đây.	Xuân Phố	
19	Làng Yên Lược	Làng Yên Lược, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa là nơi có đặc sản chè xanh nổi tiếng.	Yên Lược	

[206] Dẫn nguồn: Trang 176, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[207] Dẫn nguồn: Trang 176, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[208] Dẫn nguồn: Trang 170, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
20	Phố Đầm	Phố Đầm, tên một phố của xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa. Nơi giao thương buôn bán qua lại với người nước ngoài (chủ yếu là người Hoa và người Pháp thời Lê Trung hưng).	Phố Đầm	Phường
21	Tứ Trụ	Tứ Trụ, là tên địa danh thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây gắn liền với nghề truyền thống làm Bánh gai làng Mía, được đăng ký thương hiệu bánh gai Tứ Trụ trở thành đặc sản, thương hiệu nổi tiếng của cả nước.	Tứ Trụ	

3.24. Huyện Thường Xuân (cũ)

Tổng số: 24 địa danh, trong đó 03 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bù Rinh	Bù Rinh, tên ngọn núi thuộc xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa, có độ cao 1.296 m.	Bù Rinh	
2	Cầu Bến Nhạ	Cầu Bến Nhạ thuộc xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh có ý nghĩa lịch sử trong kháng chiến chống Mỹ, là nơi trung chuyển lương thực, vũ khí đạn dược của tuyến giao thông huyết mạch 15A (nay là đường mòn Hồ Chí Minh) nhằm chi viện cho chiến trường miền Nam. Đây là trọng điểm đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ nhằm cắt đứt tuyến giao thông huyết mạch này.	Bến Nhạ	
3	Châu Thường	Châu Thường (còn gọi là châu Thường Xuân thuộc huyện Thường Xuân (cũ)), từ năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), là tên của huyện Thường Xuân (cũ)	Châu Thường	
4	Cửa Đặt	Cửa Đặt, tên địa danh thuộc huyện Thường Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, nơi hội tụ của 3 con sông: Sông Chu, Sông Khao, Sông Đặt, nơi đây có Đền Cửa Đặt nổi tiếng.	Cửa Đặt	
5	Đồi Pú Pen	Đồi Pú Pen thuộc xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Pú Pen (hay còn gọi là Pú Mướng) là ngọn đồi nơi có đền thờ trời (Hướn Pen), hàng năm diễn ra lễ tục dâng trâu tế trời của dân tộc Thái mường Chiếng Ván (tức Trịnh Vạn).	Pú Pen	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
6	Đồng Mới	Đồng Mới[209] thuộc xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 1988, trung tâm huyện Thường Xuân (cũ) chuyển từ xã Xuân Cẩm về ngã ba Đồng Chó và đổi tên là Đồng Mới, nay là thị trấn Thường Xuân. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Đồng Mới	
7	Hang Lãm	Hang Lãm thuộc huyện Thường Xuân (cũ), trước kia là kho E - Binh trạm 10 đoàn 559, trạm trung chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược của đoàn 559 cho chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.	Hang Lãm	
8	Hòn đá Mài Mực	Hòn đá Mài Mực thuộc huyện Thường Xuân (cũ), nằm giữa dòng sông Chu, thuộc xã Xuân Mỹ trước đây (nay là vùng hạ du hồ Cửa Đạt), tương truyền là nơi Lê Lợi hạ trại, dấu vết còn lại là hòn đá Mài Mực.	Mài Mực	
9	Làng Phụng Dưỡng	Làng Phụng Dưỡng thuộc thôn Xuân Thắng, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là tên có từ thời Lê gắn với khởi nghĩa Lam Sơn.	Phụng Dưỡng	
10	Luận Khê	Luận Khê, tên tổng của Châu Thường, nay là xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Luận Khê	
11	Mỹ Tế	Mỹ Tế thuộc huyện Thường Xuân (cũ), là tên một địa danh lịch sử, là di chỉ khảo cổ tiền Đông Sơn.	Mỹ Tế	
12	Ngọc Lâm	Ngọc Lâm[210] thuộc huyện Thường Xuân, là tên cũ của khu phố 1, thị trấn Thường Xuân nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, được đặt tên từ trước năm 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Ngọc Lâm	
13	Nhân Sơn	Nhân Sơn, tên tổng của Châu Thường, nay là thuộc các xã gồm Yên Nhân, Bát Mọt, Lương Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Nhân Sơn	
14	Núi Pù Gió	Núi Pù Gió thuộc huyện Thường Xuân (cũ), Pù Gió (hay Pú Cho) cao 1.620 m, là đỉnh núi cao nhất trong hệ thống các đỉnh núi cao và các dãy núi dài của huyện Thường Xuân (cũ), nằm ở địa giới xã Vạn Xuân, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân (cũ) và xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (cũ), nay là xã Vạn Xuân,	Pù Gió	

[209] Dẫn nguồn: Trang 217, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[210] Dẫn nguồn: Trang 218, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tỉnh Thanh Hóa và xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An. Đây là nơi có khí hậu rất đặc biệt luôn mát mẻ với các hệ sinh thái rừng trên núi cao có các loài thực vật cổ sinh gồm cả những loài cho hoa đẹp như đỗ quyên, các loài lan, đặc biệt tại đỉnh núi này còn có một xác máy bay của đế quốc Mỹ bị bắn rơi trong chiến tranh.		
15	Núi Thé	Núi Thé thuộc xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây đã phát hiện được nhiều công cụ, dụng cụ bằng đồng và các đồ gốm thuộc văn hóa Đông Sơn và hậu Đông Sơn. Di tích được coi là di tích văn hóa Đông Sơn quan trọng nhất ở miền tây Thanh Hóa.	Núi Thé	
16	Tân Long	Tân Long[211] thuộc huyện Thường Xuân, là tên cũ của khu phố 5, thị trấn Thường Xuân (cũ), nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, được đặt tên từ trước năm 1945. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Tân Long	
17	Tổ Rồng	Tổ Rồng thuộc huyện Thường Xuân (cũ), là tên một khúc sông Chu đoạn chảy qua thôn Thanh Long, Thanh Cao (xã Thọ Thanh, nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa) và (xã Xuân Cao, và xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là một địa danh gắn liền với nhiều di tích lịch sử của thời kỳ khởi nghĩa Lam Sơn.	Tổ Rồng	
18	Trịnh Cao	Trịnh Cao thuộc huyện Thường Xuân (cũ), là căn cứ trung tâm trong hệ thống căn cứ núi Chí Linh của nghĩa quân Lam Sơn thuộc xã Xuân Khao trước đây (nay đã giải thể di dân xây dựng công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt).	Trịnh Cao	
19	Trịnh Vạn	Trịnh Vạn, tên tổng của Châu Thường, nay là xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Trịnh Vạn	
20	Xã Bát Mọt	Xã Bát Mọt[212] (còn gọi là Bất Một) là vùng đất xưa thuộc Mường Húng, sau là Mường Mót. Thời Nguyễn - Minh Mệnh thứ 18 (1837) là xã Bất Một thuộc châu Thường Xuân. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Bát Mọt thuộc huyện Thường Xuân (cũ), nay là xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân. Năm 1926, Mađơlen Côlani - nhà khảo cổ và địa chất học người Pháp đã tìm thấy dấu vết hoạt động của con người thời tiền sử cách ngày	Bát Mọt	

[211] Dẫn nguồn: Trang 218, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[212] Dẫn nguồn: Trang 218, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		nay khoảng 2 vạn năm tại xã Bát Mọt. Côlani đã phát hiện được nơi cư trú của người nguyên thủy ở một hang động, sau này đặt tên là hang Chuông. Qua tìm kiếm, khai quật được 96 di vật đá gồm chày đá, hòn ghè, rìu thô hình đĩa, rìu ngắn, nạo đá... Đây là địa điểm cư trú của người nguyên thủy cùng với dấu vết săn bắt và sản xuất.		
21	Xã Xuân Cẩm	Xã Xuân Cẩm thuộc huyện Thường Xuân (cũ). Trước kia là một xã, nay đã sáp nhập vào thị trấn Thường Xuân theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa).	Xuân Cẩm	
22	Xuân Khao	Xuân Khao, tên một xã của huyện Thường Xuân (cũ) hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Xuân Khao	Đường
23	Xuân Liên	Xuân Liên, tên một xã của huyện Thường Xuân (cũ) hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Xuân Liên	Đường
24	Xuân Mỹ	Xuân Mỹ, tên một xã của huyện Thường Xuân (cũ) hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Xuân Mỹ	Đường

3.25. Huyện Triệu Sơn (cũ)

Tổng số: 08 địa danh.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Cổ Định	Cổ Định, là làng cổ thuộc tổng Cổ Định, nằm trên vùng đất tối cổ từ thời Hùng Vương, khu vực của xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa ngày nay; là căn cứ kháng chiến chống quân Đông Ngô của Bà Triệu.	Cổ Định
2	Kẻ Nưa	Kẻ Nưa, là làng Việt cổ được hình thành vào thời đại các Vua Hùng với tên gọi: Kẻ Nưa.	Kẻ Nưa
3	Làng Phú Hào	Làng Phú Hào[213] là làng cổ thuộc tổng Bất Náo, huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, nay là xã Thọ Phú, Tỉnh Thanh Hóa, là nơi sinh và nơi thờ tự Lê lệnh công Lê Thì Hiến và các danh tướng họ Lê Thì thời Lê Trung Hưng. Hiện nay, quần thể Di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến được Bộ Trưởng Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc	Phú Hào

[213] Dẫn nguồn: Trang 1145, sách Đồng Khánh địa dư chí.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
		gia tại Quyết định số 2015/QĐ-BTBVH ngày 16 tháng 12 năm 1993, nơi đây còn một đôi voi phục, một đôi tuấn mã, văn bia, hương án, sập ngự…là những dấu tích quý giá còn sót lại và có giá trị cao đối với ngành điêu khắc đá. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	
4	Làng Quần Tín	Làng Quần Tín, thuộc xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh cách mạng trong kháng chiến, là "An toàn khu" - cái nôi của Hội Văn nghệ Việt Nam thời chống Pháp.	Quần Tín
5	Làng Tam Lạc	Làng Tam Lạc[214] thuộc xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh Ủy ban kháng chiến Xuân Thọ đặt trụ sở làm việc tại đình Tam Lạc thời kỳ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vào năm 1950, Sư đoàn 304, Đại đoàn Vinh Quang, đơn vị chủ lực quân thứ hai của Quân đội nhân dân Việt Nam cũng được thành lập tại đây. Năm 1952, đình Tam Lạc thuộc làng Tam Lạc còn là nơi tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quân... Đình Tam Lạc không chỉ lưu giữ các giá trị văn hóa mà đây còn là một "địa chỉ đỏ" về truyền thống lịch sử và cách mạng.	Tam Lạc
6	Ngàn Nưa	Ngàn Nưa, là tên một dãy núi thuộc xã Tân Ninh. Theo lịch sử, vào năm 248 Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Ngô đã đến Ngàn Nưa lập căn cứ, chiêu mộ quân sĩ.	Ngàn Nưa
7	Quán Giắt	Quán Giắt, là làng Việt cổ, xuất hiện đầu tiên trong chuỗi các tên gọi của làng xã mang dấu ấn cổ xưa. Nay là thôn Quán Giắt[215], xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Quán Giắt
8	Sim	Sim, địa danh nổi tiếng từ xa xưa, ngã ba Sim, thuộc xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa, nằm trên trục giao thông chính (thời kỳ kháng chiến chống Pháp) nối vùng Triệu Sơn và các huyện Tây - Tây Nam Thanh Hóa.	Sim

3.26. Huyện Vĩnh Lộc (cũ)

Tổng số: 26 địa danh, trong đó 01 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Cẩm Bào	Cẩm Bào, tên làng thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Là một trong những địa phương có phong trào cách mạng mạnh mẽ, là địa bàn hoạt động của đội du kích Ngọc Trạo.	Cẩm Bào	

[214] Dẫn nguồn: Trang 251, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 2, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[215] Xã Triệu Sơn đề nghị sửa: Nay là Phố Giắt thành thôn Quán Giắt

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
2	Cán Cờ	Cán Cờ thuộc xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh (con đường) đi vào thôn Đa Bút, được hình thành do Bà Chúa Nguyễn Thị Ngọc Bảo vợ Trịnh Kiểm chiêu mộ người dân chỉ đắp trong 1 đêm hình thành con đường. Địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Cán Cờ	
3	Đền Tam Tổng	Đền Tam Tổng thuộc thôn Phố Mới, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa, cách Thành nhà Hồ khoảng gần 1 km về phía Nam, nằm ngay bên trục đường Hoa Nhai (đường Hoàng Gia) từ cửa Nam Thành nhà Hồ đến Đàn tế Nam Giao. Đây là ngôi đền có từ lâu đời, được nhiều người biết đến, địa danh quen thuộc của Nhân dân trong vùng.	Tam Tổng	
4	Đình Yên Tôn Hạ	Đình Yên Tôn Hạ nằm ở làng Hạ, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Đình được xây dựng từ triều Nguyễn, thờ Cao sơn tôn thần. Năm 2008, đình Yên Tôn Hạ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2008. Đây là địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Yên Tôn Hạ	
5	Hoa Nhai[216]	Hoa Nhai thuộc xã Vĩnh Lộc và xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa, tên gọi một con đường, tương truyền khi xây thành Tây Đô, Hồ Quý Ly đã cho làm một con đường (đường Hoa Nhai hay đường Hoàng Gia) từ cửa Nam tới chùa Tường Vân, đàn Nam Giao để các thân vương, quý tộc đến chùa lễ phật cầu phúc cho chúng sinh. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Hoa Nhai	
6	La Thành	La Thành thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa, là tên gọi một trong ba bộ phận của Thành nhà Hồ gồm: La Thành, Hào Thành, Hoàng Thành. Trên địa bàn xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc) có đoạn thành Đại La (La Thành) là giáp ranh giữa làng Hà Lương và làng Cao Mật dài khoảng 700 m từ bờ sông Mã đến chân núi Đún (phía Tây), hiện nay được sử dụng làm đường giao thông và san bằng làm đất thổ cư, đất canh tác.	La Thành	
7	Làng Bồng Hạ	Làng Bồng Hạ[217] nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Trước đây gồm hai thôn: Thị thôn và Lại thôn. Năm Khải Định thứ 10 (1925), hai thôn nhập lại thành Bồng Hạ.	Bồng Hạ	

[216] Hoa Nhai là tên một con đường cổ.
[217] Dẫn nguồn: Trang 221, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Làng Bồng Hạ chính là trung tâm của Biện Hạ trước đây. Biện Hạ chính là lỵ sở của huyện Vĩnh Lộc trong nhiều thời kì. Đây là địa danh nhiều người biết đến, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.		
8	Làng Bồng Trung	Làng Bồng Trung[218] thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Bồng Trung xưa có tên là Đông Biện phường, được thành lập năm Hồng Thuận thời vua Lê Tương Dực, Kỷ Tỵ (1509 - 1510). Khi Hồ Quý Ly xây thành An Tôn đã bắt nhiều người họ Mai ở đất Nga Sơn - Thanh Hóa đi làm phu phen, tạp dịch xây thành. Người Nga Sơn đi qua vùng đất này thấy đất đai màu mỡ, có núi sông, cảnh đẹp họ liền ở đây lập nghiệp cùng với các họ Đỗ, họ Hoàng, họ Phạm sinh sống quy tụ dân cư lập nên làng Đông Biện. Đến cuối thế kỷ XIX dưới triều vua Đồng Khánh, làng Đông Biện đổi thành làng Bồng Trung vì chữ "Biện" là tên húy của nhà vua.	Bồng Trung	
9	Làng Đông Môn	Làng Đông Môn[219] thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Lịch sử hình thành và phát triển làng Đông Môn gắn liền với vương triều Hồ và thành An Tôn. Trước triều Trần, vùng đất này trực thuộc đất quận Nhật Nam, sang triều Hồ nằm trong động An Tôn. Đến thời Lê Trung Hưng thuộc phủ Quảng Hóa và mãi tới thời Tây Sơn mới được gọi là Đông Môn thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc (cũ).	Đông Môn	
10	Làng Hà Lương	Làng Hà Lương[220] thuộc thôn 5, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thuộc phủ Quảng Hóa, tổng Cao Mật. Làng Hà Lương buổi đầu gọi là ấp A Lãng, rồi Lương Hà, Hà Lưỡng, Hà Lãng… Sau cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ giành thắng lợi, Tết Nguyên đán Mậu Ngọ (năm 1258), vua Trần Thái Tông phong thưởng cho các tướng sóai có công, đứng đầu là tướng Lê Tần và Hà Bổng. Cũng năm này, Lê Tần đổi thành Lê Phụ Trần. Lê Phụ Trần được vua phong thái ấp ở Hà Lương đã đưa dòng họ đến khẩn hoang, phát triển kinh tế và lập làng, tính đến nay đã là hơn 700 năm.	Hà Lương	

[218] Dẫn nguồn: Trang 230, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[219] Dẫn nguồn: Trang 226, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[220] Dẫn nguồn: Trang 231, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
11	Làng Kim Bôi	Làng Kim Bôi[221] còn có tên là làng Giang Đông, thuộc xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước năm 1953, thuộc tổng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc. Làng có danh tướng Trịnh Khả là bậc khai quốc công thần, làm quan dưới 3 triều vua Lê: Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông được ban quốc tính họ vua gọi là Lê Khả. Đây là địa danh nhiều người biết đến, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Kim Bôi	
12	Làng Nghĩa Kỳ	Làng Nghĩa Kỳ[222], còn có tên gọi khác là làng Phúc Trường, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước năm 1953, thuộc tổng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc. Là quê hương của đồng chí Trịnh Huy Quang - Người đã tham gia tổ chức cách mạng đầu tiên ở xã, huyện Vĩnh Lộc, một số nơi trong tỉnh. Đặc biệt nơi đây có đình làng Nghĩa Kỳ là nơi thờ Thành Hoàng Quản Gia Đô Bác và là nơi diễn ra nhiều sự kiện cách mạng. Năm 2022, đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022.	Nghĩa Kỳ	
13	Làng Nhân Lộ	Làng Nhân Lộ thuộc thôn 2, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (cũ). Nhân Lộ tên khởi đầu là làng Giò. Làng Giò xưa kia là nơi hoang vu, rậm rạp đã được những cư dân đến trước khai phá rồi lập nên làng xóm, sau này gọi là làng Nhân Lộ. Từ ngày 06 tháng 12 năm 2020, tên của thôn 2 được đổi thành khu phố Nhân Lộ - xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Nhân Lộ	
14	Làng Phụng Công	Làng Phụng Công[223] thuộc thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (cũ), trước năm 1953, thuộc phủ Quảng Hóa, tổng Cao Mật. Làng Phụng Công chính tên là Phượng Công, vì có đỉnh núi ở đầu làng như đầu con chim Phượng, chân núi xòe ra ở cuối làng như đuôi con chim công, nên có tên là Phượng Công. Vì "Phượng" cũng là "Phụng" nên dân gọi ra là Phụng Công và gọi tắt là làng Công hay còn gọi là thôn 7. Từ ngày 06 tháng 12 năm 2020, tên của thôn 7 được đổi thành khu phố Phụng Công - xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Phụng Công	

[221] Dẫn nguồn: Trang 224, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[222] Dẫn nguồn: Trang 224, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[223] Dẫn nguồn: Trang 231, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
15	Làng Quang Biểu	Làng Quang Biểu[224] còn có tên gọi khác là làng Bỉm thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc (cũ), trước năm 1953 thuộc tổng Sóc Sơn, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời kỳ chuẩn bị đấu tranh giành chính quyền về tay Nhân dân, tờ báo "Tia sáng" tiếng nói của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa được cơ quan ấn loát từng đặt tại nhà ông Trịnh Văn Chế (làng Quang Biểu). Đặc biệt, làng có Cụm di tích Đình - Phủ - Chùa được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 44/QĐ-VHTT ngày 17 tháng 01 năm 2003 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011.	Quang Biểu	
16	Làng Thành Nhân	Làng Thành Nhân[225] thuộc thôn 1, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (cũ), trước năm 1953, thuộc phủ Quảng Hóa, tổng Cao Mật. Từ đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn lập vành đai trung du những đồn lính gọi là đồn Sơn Phòng. Các cư dân đã đến xung quanh khu vực đồn Sơn Phòng khai phá đất đai, lập nhà cửa, do đó nhiều đồn Sơn Phòng đã trở thành làng, trong đó có làng Ấp, nay là làng Quảng Nhân. Từ ngày 06 tháng 12 năm 2020, tên của thôn 1 được đổi thành khu phố Thành Nhân - xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Thành Nhân	
17	Làng Vực	Làng Vực hay còn gọi là Vực Thôn, trước thuộc xã Vĩnh Minh, nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Đây là làng cổ có từ lâu đời, làng có ngôi đình cổ có giá trị về kiến trúc nghệ thuật. Năm 2012, đình làng Vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012. Đây là địa danh nhiều người biết đến, ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Làng Vực, Vực Thôn	
18	Làng Yên Tôn Thượng	Làng Yên Tôn Thượng[226] trước năm 1945, thuộc phủ Quảng Hóa, tổng Cao Mật, từ năm 1953 thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Làng có từ lâu đời có bề dày về truyền thống lịch sử văn hóa. Đặc biệt, làng có ngôi đình (đình Yên Tôn Thượng) ngay dưới	Yên Tôn Thượng	

[224] Dẫn nguồn: Trang 224, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[225] Dẫn nguồn: Trang 231, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[226] Dẫn nguồn: Trang 225, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		chân núi Độn, trước mặt là dòng sông Mã, liền kề phía Tây giáp núi An Tôn. Theo các đạo sắc phong và sách "Thanh Hóa chư thần lục" cho biết đình làng Yên Tôn Thượng được xây dựng từ lâu đời, đến năm Thành Thái thứ 11 (1899) cho sửa lại. Với giá trị về kiến trúc nghệ thuật, đình làng Yên Tôn Thượng được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 74/QĐ-VHTT ngày 08 tháng 02 năm 2002 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011.		
19	Nam Giao	Nam Giao, tên một Đàn tế thời Hồ (Đàn tế Nam Giao) thuộc xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nơi có Di tích khảo cổ học thuộc Di sản Văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.	Nam Giao	
20	Ngõ Gạch	Ngõ Gạch thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là con đường chính giữa đi vào làng Bồng Trung được Nhân dân quen dùng từ cuối thế kỷ XIX. Theo tương truyền: "làng Bồng Trung từ xưa quy định, mỗi cặp trai, gái khi kết hôn phải đóng cho làng 100 viên gạch để lát hai bên đường trục chính của làng". Vì vậy Nhân dân trong làng quen gọi con đường ấy là Ngõ Gạch.	Ngõ Gạch	
21	Núi Đún Sơn	Núi Đún Sơn ngày nay thuộc xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là tên gọi từ thời nhà Trần, đây là ngọn núi gắn với sự kiện Thượng tướng Trần Khát Chân cùng với tướng lĩnh nhà Trần lập Hội: "Minh Thệ" âm mưu sát hại Hồ Quý Ly, nhưng không thành. Trần Khát Chân và các tướng lĩnh bị giết tại núi Đún Sơn (Đại Việt sử ký toàn thư chép).	Đún Sơn	
22	Phố Giáng	Phố Giáng, đây là trung tâm huyện lỵ của xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Phố Giáng	Phố
23	Phủ Quảng	Phủ Quảng, tên gọi tắt của Phủ Quảng Hóa được thành lập năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) gồm các huyện Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quảng Địa.	Phủ Quảng	
24	Thổ Phụ	Thổ Phụ, tên làng thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Làng có phong trào cách mạng mạnh mẽ thời kỳ 1930 - 1945.	Thổ Phụ	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
25	Thôn Bồng Thượng	Thôn Bồng Thượng[227] (làng Báo) thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là một trong ba thôn thuộc tổng Biện Thượng (Bồng Thượng), quê hương nhà Trịnh. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bồng Thượng	
26	Xã Xuân Áng	Xã Xuân Áng[228] nay là xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Theo sách Đồng Khánh địa dư chí, năm Tự Đức thứ 33 (1879) có tên xã Xuân Áng. Từ năm 1953, thành lập các làng, xã của huyện Vĩnh Lộc (cũ), Xuân Áng là một trong 9 làng của xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Thạch (cũ). Năm 1983, tách 2 huyện Vĩnh Lộc và Thạch Thành, Xuân Áng thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ). Chùa Xuân Áng là nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Vĩnh Lộc (ngày 16 tháng 4 năm 1934) được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử cách mạng cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 118/QĐ-SVHTT ngày 24 tháng 4 năm 1995. Năm 1941, đây là nơi trú quân của đoàn du kích Ngọc Trạo. Đình Xuân Áng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012.	Xuân Áng	

3.27. Huyện Yên Định (cũ)

Tổng số: 26 địa danh, trong đó 03 địa danh đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	An Định	An Định, tên huyện thời Đại Việt tự chủ.	An Định	
2	Bái Châu	Bái Châu, tên Tổng thuộc huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Bái Châu có 16 xã, thôn, trang.	Bái Châu	
3	Bãi Lai	Bãi Lai thuộc huyện Yên Định (cũ). Đây là một địa danh khi mới xây dựng nông trường Thống Nhất trước đây và hiện nay đã đặt tên một cây cầu bắc qua sông Hép thuộc địa giới xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Bãi Lai	

[227] Dẫn nguồn: Trang 223, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[228] Dẫn nguồn: Trang 226, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
4	Chợ Bản	Chợ Bản trước thuộc làng Bản, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, sau nhiều lần di chuyển địa điểm từ Định Hải và thị trấn Quán Lào (cũ). Đến nay chuyển về đóng tại thôn Tân Ngữ 2, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa - Một chợ truyền thống có từ lâu đời. Đây là địa danh ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.	Chợ Bản	
5	Đa Lộc	Đa Lộc, tên Tổng thuộc huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Đa Lộc có 10 xã, thôn, trang.	Đa Lộc	
6	Đan Nê	Đan Nê, tên Tổng thuộc huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Đan Nê có 16 xã, thôn, trang.	Đan Nê	
7	Định Công	Định Công, tên xã thuộc huyện Yên Định (cũ) tỉnh Thanh Hóa. Trong các năm 1973 và năm 1977 phát hiện di vật văn hóa khảo cổ học Đông Sơn gồm 6 trống đồng, là một điển hình sản xuất nông nghiệp nổi tiếng trong và ngoài tỉnh, được nhiều nơi học tập.	Định Công	
8	Đình Làng Hổ	Đình Làng Hổ thuộc Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, nơi thờ công chúa Phương Hoa - người có công lập làng. Năm 2017, với những giá trị lịch sử và văn hóa đình làng Hổ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017.	Làng Hổ	
9	Đồng Cổ	Đồng Cổ, là tên một ngôi đền nổi tiếng thuộc làng Đan Nê, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nơi đây thờ thần Đồng Cổ hay còn gọi là thần trống đồng, thần đã theo giúp vua Hùng đánh giặc ở Hồ Tồn. Khi thắng trận trở về, Vua Hùng vào Đền làm lễ tạ ơn, cho đúc trống đồng và phong cho thần là "Đồng Cổ Đại Vương".	Đồng Cổ	
10	Đông Lý	Đông Lý, tên tổng dưới thời Nguyễn, huyện Yên Định (cũ) chia thành 08 tổng, tổng Đông Lý có 24 xã.	Đông Lý	Đường
11	Hải Quật	Hải Quật, tên Tổng thuộc huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Hải Quật có 11 xã, thôn.	Hải Quật	
12	Khoái Lạc	Khoái Lạc, tên Tổng thuộc huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Khoái Lạc có 9 xã, thôn.	Khoái Lạc	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
13	Kiểu	Kiểu, còn gọi thị trấn Kiểu, phố Kiểu, nay thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa, đây từng là trung tâm huyện lỵ của huyện Yên Định (cũ), nơi giao thương buôn bán sầm uất từ xưa.	Kiểu	Phố
14	Làng Kênh	Làng Kênh thuộc xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, được hình thành từ xóm Kênh. Theo lịch sử địa phương cho biết, vào thời vua Gia Long (triều Nguyễn), xóm Kênh xin tách khỏi làng Tràng Lang (làng Dài) để lập thành Kênh Thôn, là ngôi đình có giá trị về lịch sử. Đình là nơi thờ Thành Hoàng làng, vị thần bảo hộ, mang lại bình yên cho Nhân dân trong làng và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2011.	Làng Kênh	
15	Làng Lê	Làng Lê thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có giống cải trồng trên bãi để muối dưa ăn rất ngon, đây từng là đặc sản để tiến vua, Nhân dân gần xa vẫn quen gọi là Dưa Lê (tức Dưa cải làng Lê).	Làng Lê	
16	Làng Ngọc Vực	Làng Ngọc Vực, làng thuộc xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - Đình làng Ngọc Vực, là nơi duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống, đấu tranh cách mạng của quần chúng Nhân dân trong những năm chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945). Đình được gọi là Đình "cứu quốc".	Ngọc Vực	
17	Làng Phù Hưng	Làng Phù Hưng[229] thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa. Là làng cổ ra đời từ rất sớm, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa và cách mạng. Đặc biệt làng có đình làng Phù Hưng là di tích lịch sử văn hóa và cách mạng theo Quyết định số 230/VHQĐ ngày 08 tháng 7 năm 1995 Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin và Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.	Phù Hưng	
18	Làng Thiết Đinh	Làng Thiết Đinh[230] thuộc xã Định Tường, huyện Yên Định (nay là xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) được lập từ thời Tiền Lê với ông tổ là Lê Huệ Nhỡn đến Lê Đình Kiên là đời thứ chín. Làng còn được gọi là bản Đanh thuộc xứ xã bản (bản Vọc, bản Chùa, bản Chợ, bản Đanh).	Thiết Đinh	

[229] Dẫn nguồn: Trang 250, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.
[230] Dẫn nguồn: Trang 240, sách Tên làng xã Thanh Hóa, tập 1, Nhà xuất bản Thanh Hóa, năm 2000.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
19	Phố Thăng Long	Phố Thăng Long thuộc huyện Yên Định (cũ) là tên gọi của thủ đô Hà Nội xưa kia và là tên gọi của khu phố Thăng Long thuộc xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa.	Thăng Long	
20	Phúc Tỉnh	Phúc Tỉnh, làng thuộc xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - Đình Phúc Tỉnh được xây dựng năm 1670, nơi đã diễn ra các sự kiện lịch sử trọng đại trong giai đoạn 1930 - 1945, là cơ sở cho sự hình thành chiến khu Đa Ngọc (Yên Giang).	Phúc Tỉnh	
21	Quán Lào	Quán Lào, là trung tâm huyện lỵ của huyện Yên Định (cũ), nay gọi là xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Quán Lào	Phố
22	Quân Ninh	Quân Ninh, tên huyện Yên Định (cũ) ngày xưa thời Đường.	Quân Ninh	
23	Quan Yên	Quan Yên, tên một ngọn núi thuộc xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa. Trên núi Quan Yên năm 1978 các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện được những vết tích của con người sơ kì thời đại đồ đá cũ.	Quan Yên	
24	Quân Yên	Quân Yên, tên huyện Yên Định (cũ) thời Tùy.	Quân Yên	
25	Trịnh Xá	Trịnh Xá, tên Tổng của huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Trịnh Xá có 12 xã, thôn, phường.	Trịnh Xá	
26	Yên Định	Yên Định, tên Tổng của huyện Yên Định (cũ) trước năm 1945. Tổng Yên Định có 8 xã, thôn.	Yên Định	

4. Tên địa phương kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa

Tổng số: 11 tên địa phương, trong đó 05 tên địa phương đã dùng đặt tên.

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Huyện Duy Xuyên (Quảng Nam (cũ)	Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Nông Cống (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Duy Xuyên (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng.	Duy Xuyên	Công trình công cộng

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
2	Huyện Đại Lộc (Quảng Nam (cũ)	Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Tĩnh Gia (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Đại Lộc (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, thành phố Đà Nẵng.	Đại Lộc	
3	Huyện Điện Bàn (Quảng Nam (cũ)	Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Hoằng Hóa[231] (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Điện Bàn (cũ) hiện nay bao gồm các phường: Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc và các xã: Điện Bàn Tây, Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng.	Điện Bàn	
4	Huyện Hòa Vang (Đà Nẵng)	Huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay thuộc thành phố Đà Nẵng, là huyện kết nghĩa với huyện Quảng Xương (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Hoà Vang (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Hòa Tiến, Hòa Vang, Bà Nà và một phần nhập vào các phường: Hòa Xuân, Hòa Khánh, Liên Chiểu, Hải Vân, thành phố Đà Nẵng.	Hòa Vang	Công trình công cộng
5	Huyện Quế Sơn (Quảng Nam (cũ)	Huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Thọ Xuân (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Quế Sơn (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Quế Sơn, Quế Sơn Trung, Xuân Phú, Nông Sơn và Quế Phước, thành phố Đà Nẵng.	Quế Sơn	Đường
6	Huyện Tam Kỳ (Quảng Nam (cũ)	Huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Triệu Sơn (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thành phố Tam Kỳ (cũ) hiện gồm các phường: Tam Kỳ, Bàn Thạch, Hương Trà và Quảng Phú, thành phố Đà Nẵng.	Tam Kỳ	
7	Huyện	Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Đông Sơn (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960.	Thăng Bình	

[231] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Thăng Bình (Quảng Nam (cũ)	Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Thăng Bình (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú và Đồng Dương, thành phố Đà Nẵng.		
8	Thị xã Hội An (Quảng Nam (cũ)	Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam (cũ), là đơn vị kết nghĩa với thị xã Thanh Hóa (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thành phố Hội An (cũ) hiện bao gồm các phường Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây và xã Tân Hiệp, thành phố Đà Nẵng.	Hội An	Công trình công cộng
9	Huyện Tiên Phước (Quảng Nam (cũ)	Huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (cũ), là huyện kết nghĩa với huyện Nga Sơn (cũ), sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12 tháng 3 năm 1960. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, huyện Tiên Phước (cũ) hiện nay bao gồm các xã: Tiên Phước, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình và Sơn Cẩm Hà, thành phố Đà Nẵng.	Tiên Phước	Đường
10	Tỉnh Hủa Phăn (Lào)	Tỉnh Hủa Phăn, thuộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa (1967).	Hủa Phăn	
11	Tỉnh Quảng Nam (cũ)	Tỉnh Quảng Nam: Là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa (ngày 12 tháng 3 năm 1960). Hiện nay tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã sát nhập và lấy tên là thành phố Đà Nẵng.	Quảng Nam	

II. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

Tổng số: 20 danh từ, trong đó 05 danh từ đã dùng đặt tên.

STT	Danh từ	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Đoàn Kết	Đoàn Kết: Là truyền thống quý báu của dân tộc. Đầu năm 1951, thời điểm cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta có nhiều diễn biến mới, Đoàn kết là cái gốc làm nên thành công và đại đoàn kết tạo thành sức mạnh dẫn đến đại thành công.	Đoàn Kết	Đường
2	Độc Lập	Độc lập: Là quyền bất khả xâm phạm của một đất nước, một Quốc gia bởi chính người dân sinh sống ở đó, có nghĩa là có chủ quyền tối cao. Khái niệm "Độc lập" có ý nghĩa	Độc Lập	

		tương phản với "Nô dịch" (sự khuất phục). Đây là khát vọng của toàn dân tộc khi đất nước ta còn chìm trong đêm dài nô lệ.		
3	Dũng Cảm	Dũng Cảm: Là tinh thần chiến đấu quên mình vì tổ quốc hoặc vì nghĩa lớn cần phấn đấu.	Dũng Cảm	
4	Giải Phóng	Giải phóng: Là làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kìm chế, ràng buộc; là thoát khỏi tình trạng bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng.	Giải Phóng	
5	Hòa Bình	Hòa bình: Là trạng thái xã hội không có chiến tranh, không dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, các nhóm chính trị xã hội. Hòa bình đối lập với chiến tranh.	Hòa Bình	Đường
6	Hồng Đức	Hồng Đức: Là tên một trong hai niên hiệu của vua Lê Thánh Tông và tên một Cổ luật Việt Nam: Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều hình luật).	Hồng Đức	Công trình công cộng
7	Hữu Nghị	Hữu Nghị: Có ý nghĩa gặp gỡ, quan hệ giao lưu thân thiện tốt đẹp.	Hữu Nghị	
8	Hy Vọng	Hy Vọng: Là điều mong muốn ở thì tương lai tốt đẹp như ý muốn.	Hy Vọng	
9	Như Ý	Như Ý: Là mong muốn của con người, từ tập thể, cá nhân đến xã hội và đất nước, nội dung là làm việc gì cũng được như ý muốn, ý nguyện.	Như Ý	
10	Quyết Tâm	Quyết Tâm: Là ý chí, nghị lực cao cả để thực hiện bằng được mục đích và việc làm đã xác định ra.	Quyết Tâm	
11	Thái Bình	Thái Bình: Là từ dùng để chỉ trạng thái yên ổn, không có loạn lạc, chiến tranh.	Thái Bình	
12	Thái Lai	Thái Lai: Là từ dùng để chỉ tượng trưng cho sự hanh thông, sự lặp lại niềm vui, may mắn.	Thái Lai	
13	Thành Công	Thành công: Là sự thắng lợi, thành quả đạt được sau quá trình nỗ lực, cố gắng.	Thành Công	
14	Thanh Niên	Thanh niên: Là lực lượng to lớn, là nguồn lực dồi dào, mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước.	Thanh Niên	Đường
15	Thống Nhất	Thống nhất: Là mong muốn của toàn dân khi đất nước bị thực dân Pháp chia thành 3 kỳ và khi đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Giơnever. Là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối, cả nước cùng đi lên	Thống Nhất	Công trình công cộng

		xây dựng chủ nghĩa xã hội theo con đường Cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn cho toàn dân tộc.		
16	Tiến Bộ	Tiến Bộ: Là tiến hơn trước, nhanh hơn trước, chất lượng, kết quả hơn trước.	Tiến Bộ	
17	Tiền Phong	Tiền Phong: Có ý nghĩa gương mẫu, đi đầu, đi trước.	Tiền Phong	
18	Trung Dũng	Trung Dũng: Là từ nói về sự trung thành của con người với tổ quốc, Nhân dân và gia đình, bạn bè cùng chung một mục đích, lý tưởng, đồng thời để tỏ rõ lòng trung thành thì phải dũng cảm chiến đấu.	Trung Dũng	
19	Tự Do	Tự do: Là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động chính trị - xã hội.	Tự Do	
20	Tương Lai	Tương Lai: Là kết quả, việc làm dự kiến sau giai đoạn hiện tại.	Tương Lai	

III. TÊN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA TỈNH THANH HÓA

Tổng số: 75 di tích, danh thắng, trong đó 01 tên di tích đã dùng đặt tên.

1. Tên Di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

Tổng số: 39 di tích, trong đó 01 tên di tích đã dùng đặt tên.

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bảng Môn Đình	Bảng Môn Đình thuộc xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Bảng Môn Đình nghĩa là cửa vào của các nhà khoa bảng. Bảng Môn Đình không chỉ là nơi thờ Thành Hoàng làng mà còn là nơi quy tụ, vinh danh những con người đỗ đạt thành tài của làng. Bảng Môn Đình trở thành biểu tượng sự hiếu học của người Hoằng Lộc, được nhiều nơi biết đến. Năm 1990, Bảng Môn Đình đã được xếp hạng di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quốc gia.	Bảng Môn Đình	
2	Chùa Cách	Chùa Cách (chùa Ngọc Đới) thuộc địa phận làng Cách, xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa. Chùa Cách là ngôi chùa cổ, còn lưu giữ số lượng tượng phong phú đa dạng về các loại hình, bao gồm 39 tượng gỗ, 4 thổ tượng và nhiều đồ thờ mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII-XIX. Chùa được Bộ Văn hóa, Thể thao Du lịch xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật Quốc gia năm 2011.	Chùa Cách	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
3	Chùa Hinh Sơn	Chùa Hinh Sơn thuộc địa bàn phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Chùa thuộc cụm di tích nghệ thuật và thắng cảnh Quốc gia núi An Hoạch (núi Nhồi), chùa được tạo ra trong hang núi An Hoạch. Trên vách đá trước cửa chùa khắc ba chữ "Hinh Sơn động". Cấu trúc chùa gồm Tiền đường, Trung đường và Hậu cung. Trong chùa còn lưu giữ tấm bia ma nhai "Hinh Sơn cổ tự bi" được khắc niên hiệu Kiến Phúc (1884) ghi về việc tu tạo chùa. Chùa thờ Phật và Thánh Mẫu. Hậu cung có tượng Khổng Minh được khắc trực tiếp vào vách hang. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1992.	Hinh Sơn	
4	Chùa Hoa Long	Chùa Hoa Long nằm ở thôn Trung, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Chùa còn được gọi là chùa Bản Thủy. Chùa được xây dựng từ thời Trần. Khi khởi dựng, chùa quay mặt hướng Bắc, nằm bên cạnh hồ sen, bố cục theo hình chữ nhị gồm hai tòa nhà Tiền đường và Hậu cung liên kết với nhau tạo thành một khối thống nhất. Bên trái phía trước chùa là một dãy nhà ngang dùng làm nơi cho sư trụ trì và khách thập phương nghỉ chân. Hiện nay, chùa Hoa Long còn lưu giữ được đôi câu đối ghi lại sự kiện khởi dựng chùa thửa trước. Cụm di tích chùa Hoa Long - đền thờ Trần Khát Chân được xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia năm 2004.	Chùa Hoa Long	
5	Chùa Hương Nghiêm	Chùa Hương Nghiêm (tức Hương Nghiêm tự) ở thôn 3, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chùa được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia từ năm 1990, là một trong số ít ngôi chùa có lịch sử ra đời vào loại sớm nhất ở Thanh Hóa. Thời Nguyễn nơi đây thuộc xã Phủ Lý, tổng Vận Quy, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa. Vùng đất này, từ Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần thường gọi là giáp Bối Lý.	Hương Nghiêm	
6	Chùa Kênh	Di tích lịch sử bia Chùa Kênh (Hưng Phúc Tự) thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là di tích lịch sử Quốc gia năm 1995. Chùa Kênh được khởi công năm 1264, xây dựng hoàn chỉnh năm 1326. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo, gắn liền với một thời kỳ phát triển rực rỡ của đạo Phật. Tấm bia đá Chùa Kênh là một công trình điêu khắc nghệ thuật, minh chứng cho những chiến công vang dội của quân và dân Sầm Sơn - Quảng Xương, trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông thế kỉ XIII.	Chùa Kênh	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
7	Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh	Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh nằm trên địa bàn làng Duy Tinh, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chùa được xây dựng từ thời Lý và được Bộ Văn hóa, Thể thao xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật Quốc gia năm 1990	Sùng Nghiêm	
8	Chùa Tường Vân	Chùa Tường Vân hay còn gọi là chùa Giáng thuộc khu phố 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hơn 600 năm tồn tại, gắn bó với vùng đất từng là kinh đô nước Đại Ngu, vương triều nhà Hồ (1400 - 1407), chùa Tường Vân là một trong những công trình kiến trúc quan trọng có giá trị nổi bật về ý nghĩa văn hóa cũng như lịch sử. Khi xây thành Tây Đô, Hồ Quý Ly đã cho làm một con đường từ cửa Nam tới chùa Tường Vân, đàn Nam Giao (đường Hoa Nhai hay đường Hoàng Gia) để các thân vương, quý tộc đến chùa lễ phật cầu phúc cho chúng sinh, vì vậy chùa Tường Vân được coi là ngôi chùa quốc tự của vương triều Hồ. Được xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia năm 2009.	Tường Vân	
9	Chùa Vích	Chùa Vích thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chùa được xếp hạng di tích cách mạng cấp tỉnh 1994, di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia năm 2008.	Chùa Vích	
10	Đền Am Tiên	Đền Am Tiên là một ngôi đền nằm ở núi Nưa, thôn Cổ Định, xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, cao 538 m[232] so với mực nước biển. Ngôi đền thuộc quần thể di tích lịch sử Quốc gia Am Tiên, trong đó bao gồm núi Nưa, Đền Nưa và Am Tiên, có tổng diện tích 100 ha. Nơi này là nơi khởi điểm dấy binh của Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) cùng với anh trai là Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa chống Đông Ngô. Vào ngày 27 tháng 3 năm 2009, quần thể di tích lịch sử Quốc gia Am Tiên đã được nhà nước xếp hạng di tích thắng cảnh cấp Quốc gia. Đây là địa danh nổi tiếng được nhiều người biết đến.	Am Tiên	
11	Đền An Lạc	Di tích lịch sử Đền An Lạc thuộc xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đây là nơi thờ vị Khai quốc công thần Lê Lai "Suy trung đồng đức, hiệp mưu, Bảo chính Lũng Nhai công thần" và các vị công thần thuộc dòng tộc của Lê Lai như: Hiệp Quận công Lê Lạn (em của Lê Lai); 3 người con Lê Lai (Thiếu úy Lê Lư, Thái bảo Lê Lộ, Thái úy Trung quốc công Lê Lâm) và Tể tướng Lê Niệm (con Lê Lâm, cháu Lê Lai). Di tích đã được xếp hạng Quốc gia năm 2001.	An Lạc	

[232] Xã Tân Ninh đề nghị điều chỉnh độ cao từ 585m xuống 538m (trang 18 trong cuốn "Địa chí huyện Triệu Sơn" nhà xuất bản khoa học xã hội).

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
12	Đền Cây Vải	Đền Cây Vải thuộc Khu di tích lịch sử và thắng cảnh Bỉm Sơn (bao gồm: Đèo Ba Dội, động Cửa Buồng, đình làng Gạo, đồi Ông, đền Sòng Sơn - Chín Giếng, đền Cây Vải và hồ Cánh Chim). Di tích hiện nay thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền, đền thờ một người phụ nữ (gọi là bà Giếng) - được giao nhiệm vụ mở quán hàng ở gốc vải to để làm nhiệm vụ cảnh giới cho quân của Quang Trung khi đánh quân Thanh. Đền Cây Vải được xếp hạng là di tích Quốc gia năm 1993.	Cây Vải	
13	Đền Đàm Lê	Đền Đàm Lê thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, di tích thờ Thái tổ Cao Hoàng đế và các Quận công họ Đàm. Kiến trúc di tích hình chữ Nhị gồm Tiền đường và Hậu cung. Hai bên Tiền đường là nhà Tả vu và Hữu vu. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1993.	Đàm Lê	
14	Đền Hổ Bái	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền Hổ Bái thuộc xã Yên Bái, huyện Thiệu Yên (nay là Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa), là nơi thờ vị Lạc Hầu thời Hùng Vương dựng nước trong lịch sử Việt Nam. Đây là một di tích có giá trị nghiên cứu khoa học và giáo dục ý thức về cội nguồn dân tộc một cách sâu sắc. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1993.	Hổ Bái	
15	Đền Thanh Xuyên	Đền Thanh Xuyên thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đền Thanh Xuyên thuộc cụm di tích kiến trúc nghệ thuật và thắng cảnh Lạch Bạng (Đền Lạch Bạng, Thanh Xuyên, Du Xuyên và chùa Đót Tiên), là nơi thờ Thần hoàng - Người họ Nguyễn có công lập làng, lập ấp. Sự tích của Thần hoàng Thanh Xuyên được ghi lại trong tấm bia dựng ở đền. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1990.	Thanh Xuyên	
16	Đền thờ Đề Lĩnh	Đền thờ Đề Lĩnh thuộc thôn Trung, xã Lương Niệm, phủ Quảng Xương, nay là tổ dân phố Khanh Tiến, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ngôi đền nằm trên gò đất cao, rìa làng thờ thần Hoàng làng Lương Trung: Đường Công Quang Lộc, dân trong vùng thường gọi là Đề Lĩnh, ông là người làng Bồng Báo thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đền thờ Đề Lĩnh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử Quốc gia năm 1993.	Đề Lĩnh	
17	Đền thờ Tây Phương Đại tướng quân	Đền thờ Tây phương Đại tướng quân (còn có tên gọi là đền Cá Lập) thuộc xã Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Cá Lập là tên đền và cũng là tên làng. Ngoài ra còn có tên gọi là làng Trấp, đền thờ một vị tướng làm Thành Hoàng - Trần Đức và mười vị phúc thần khác, các vị đều là người có công với dân với	Tây Phương	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		nước, khi chết được làm thần. Để tưởng nhớ công lao to lớn của tướng quân Trần Đức, các triều đại phong kiến Việt Nam truy phong ngài là: Tây phương Đại tướng quân và cho lập đền thờ ông ngay tại quê nhà - thôn Cá Lập. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia năm 1999.		
18	Di sản Văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ	Di sản Văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, còn có tên là Tây Giai - Tây Đô, thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Thành xây năm 1397. Thành nhà Hồ chính thức được UNESSCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới năm 2011.	Tây Đô	
19	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Lam Kinh	Di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, là nơi thờ cúng các vị liệt tổ, liệt tông. Đây cũng là khu sơn lăng nơi an táng Vua và Hoàng hậu thời Lê sơ sau khi băng hà. Khu Di tích được xây dựng vào thế kỷ XV.	Lam Kinh	Công trình công cộng
20	Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong	Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong, nằm trong dãy núi đá vôi Lai Châu - Ninh Bình, thuộc địa phận bản Mọ, xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1975 di chỉ hang Con Moong được phát hiện và khai quật. Kết quả khai quật với tầng văn hóa dày tới 10m của Hang Con Moong, những dấu vết của người tiền sử vẫn còn hiện hữu nguyên vẹn.	Con Moong	
21	Di tích Quốc gia đặc biệt - Khu Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Bà Triệu	Di tích Quốc gia đặc biệt - Khu Di tích kiến trúc nghệ thuật đền Bà Triệu thờ vị nữ anh hùng dân tộc tên là Triệu Thị Trinh, người đã có công đánh đuổi quân xâm lược Đông Ngô (Trung Quốc) vào giữa thế kỷ thứ 3 (Sau công nguyên).	Bà Triệu	
22	Đình Phương Chính	Đình Phương Chính thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đình thờ Thành Hoàng làng. Kiến trúc mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII có cấu trúc 2 tầng 8 mái, mỗi góc 4 cột bố trí đều nhau trên mặt bằng hình vuông. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1993.	Phương Chính	
23	Đình Sét	Di tích kiến trúc Đình làng Sét thuộc xã Định Hải, huyện Thiệu Yên (nay là xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa), là nơi thờ Đức Thành Hoàng là ông họ Trương gồm: Trương Cảnh Phúc, Trương Đình Lễ, Trương Đình Chinh có công phò vua Lê và chúa Trịnh Kiểm (1545 - 1569), Trịnh Tùng (1570 - 1623). Ngoài ra các ông còn có công giúp làng mở mang khai hóa thành lập làng. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1995.	Đình Sét	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
24	Đình Thượng	Đình Thượng thuộc Cụm di tích nghệ thuật và thắng cảnh Quốc gia núi An Hoạch (núi Nhồi), đình nằm trên địa bàn phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Đình là nơi thờ Thành Hoàng - Ông tổ nghề đục đá của làng An Hoạch. Đình Thượng cấu trúc theo kiểu chữ Đinh gồm Tiền đình và Hậu cung. Sân đình được bài trí tượng Võ sĩ, tượng quan hầu, voi đá, ngựa đá và hương án đá. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1992.	Đình Thượng	
25	Đình Trung	Đình Trung nằm trên địa bàn xã Hà Yên (nay là xã Hoạt Giang), tỉnh Thanh Hóa. Đình được xây dựng vào thế kỷ XVII theo kiến trúc truyền thống và là một trong những di tích khá nguyên vẹn về kiến trúc điêu khắc. Đình làng thờ Thành Hoàng làng Tô Hiến Thành và là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa lâu đời của người dân địa phương. Hằng năm vào ngày 17, 18 tháng giêng âm lịch, Nhân dân trong làng tổ chức lễ hội truyền thống để tỏ lòng thành kính với vị Thành Hoàng làng. Năm 2004, đình làng Đình Trung được xếp hạng Di tích cấp Quốc gia.	Đình Trung	
26	Đông Đoài	Đông Đoài thuộc xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, đây là nơi thờ 3 vị thần là: Du Dịch Đại vương, Càn Thiên công chúa và Chiêu Nghi công chúa (tên thật của bà là Mai Thị Ngọc Tiến). Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1994.	Đông Đoài	
27	Đồng Ngầm	Đồng Ngầm thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Di chỉ khảo cổ học nằm quanh chân núi Bạch Thạch và núi Đào Sơn (thuộc làng Nhuận Thạch). Di chỉ khảo cổ học được phát hiện và đào thám sát năm 1975, từ cuối năm 1979 - 1980 khai quật khảo cổ, kết quả cho thấy di tích có 5 giai đoạn văn hóa phát triển liên tục tương đương với các giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn điển hình và Đông Sơn muộn. Hiện vật chủ yếu là đồ đá và đồ gốm có niên đại cách ngày nay khoảng 3.500 năm. Di chỉ khảo cổ học Đồng Ngầm (thuộc Cụm di tích lịch sử và thắng cảnh Đông Tiến) được xếp hạng di tích Quốc gia năm 1993.	Đồng Ngầm	
28	Đồng Vưng	Đồng Vưng thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Di chỉ khảo cổ học Đồng Vưng nằm quanh chân núi Bạch Thạch và núi Đào Sơn (thuộc làng Nhuận Thạch). Di chỉ được phát hiện, đào thám sát năm 1975, từ cuối năm 1979 - 1980 khai quật khảo cổ, kết quả cho thấy di tích có 5 giai đoạn văn hóa phát triển liên tục tương đương với các giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn điển hình và Đông Sơn	Đồng Vưng	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		muộn. Hiện vật chủ yếu là đồ đá và đồ gốm có niên đại cách ngày nay khoảng 3.500 năm. Di chỉ khảo cổ học Đồng Vưng (thuộc Cụm di tích lịch sử và thắng cảnh Đông Tiến) được xếp hạng di tích Quốc gia năm 1993.		
29	Đường Thiên Lý	Đường Thiên Lý thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thuộc khu di tích và thắng cảnh Quốc gia Bỉm Sơn. Đường Thiên Lý nối giữa Ninh Bình và Thanh Hóa đi qua đèo Ba Dội và động Cửa Buồng, ranh giới giữa hai miền Bắc và miền Trung. Di tích đường Thiên Lý thuộc quần thể phòng tuyến Tam Điệp, con đường Thiên Lý quanh co uốn lượn qua bãi lau lách, hai bên đường là dãy núi đá sừng sững gợi lại những hình ảnh sống động và bước đường hành quân thần tốc của những người anh hùng áo vải Tây Sơn.	Thiên Lý	
30	Hang chùa Quan Thánh	Hang Chùa Quan Thánh thuộc cụm di tích nghệ thuật và thắng cảnh Quốc gia núi An Hoạch (núi Nhồi), di tích nằm trên địa bàn phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Chùa do Lê Đình Truyền người sở tại dựng vào năm Hoằng Định thứ 10 (1610), Trấn thủ Thanh Hóa là Nguyễn Trung Nghĩa tu bổ. Kiến trúc chùa nằm trong lòng hang. Nơi đây thờ tượng Quan Vũ, Chu Xương đời Hán Trung Quốc. Trong chùa có hệ thống các bia đá và các pho tượng khắc trên vách đá. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1992.	Quan Thánh	
31	Hang Treo	Hang Treo là tên gọi hang đá thuộc xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hóa, nơi thành lập Đội du kích Ngọc Trạo - Tiền thân của lực lượng vũ trang Thanh Hóa. Hiện nay, Hang Treo là một di tích thuộc cụm di tích Chiến khu Ngọc Trạo được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử Quốc gia năm 1994.	Hang Treo	
32	Lăng Hoàng Khảo	Lăng Hoàng Khảo thuộc làng Trung Lập, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, đây là nơi Đức Hoàng Khảo nhà Tiền Lê yên nghỉ. Ngài họ Lê, húy Mịch là thân phụ Hoàng đế Lê Đại Hành (Lê Hoàn). Lăng được tôn tạo lại có diện tích 250 m^2, mộ được xây bằng đá nguyên khối, tường bao chạm hoa chanh, trụ gắn hoa sen, lưỡng hổ chầu uy nghiêm. Đây cũng là một trong các địa điểm của quần thể di tích Lê Hoàn đã được xếp hạng di tích Quốc gia năm 1990.	Hoàng Khảo	
33	Lăng Quốc Mẫu	Lăng Quốc Mẫu thuộc làng Yên Năng, xã Phú Yên (nay là xã Sao Vàng), tỉnh Thanh Hóa, là nơi Hoàng Thái hậu nhà Tiền Lê yên nghỉ - Người họ Đặng, húy Sen là thân mẫu Hoàng đế Lê Đại Hành (Lê Hoàn). Khu lăng mộ được tôn tạo lại trong khuôn viên	Quốc Mẫu	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		cũ với tổng diện tích 1.714,3 m^2. Mộ Hoàng Thái hậu được làm bằng đá nguyên khối có tường bao quanh, chạm khắc hoa chanh với nghê chầu, hổ phục, hoa sen hàm tiếu. Di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia năm 1990.		
34	Nghè Vẹt	Nghè Vẹt thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Nghè Vẹt là nơi thờ 10 đời chúa Trịnh, gồm: Trịnh Khanh Vương Trịnh Kiểm, Bình An Vương Trịnh Tùng, Thành Đô Vương Trịnh Tráng, Tây Đô Vương Trịnh Tạc, Bình Vương Trịnh Căn, An Đô Vương Trịnh Cương, Uy Nam Vương Trịnh Giang, Minh Đô Vương Trịnh Doanh, Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm, Đoan Đô Vương Trịnh Khải. Di tích có kiểu kiến trúc thế kỷ XVII, hình "chuôi vồ". Nghè Vẹt được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa Quốc gia năm 1995.	Nghè Vẹt	
35	Núi Bạch Thạch	Núi Bạch Thạch hay còn gọi là Núi Chiểu, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là ngọn núi đá đẹp nổi tiếng xứ Thanh. Theo sử sách ghi lại Núi Bạch Thạch có đền thờ Tướng quân Thiều Thốn - một tướng giỏi thời nhà Trần. Núi Bạch Thạch (thuộc khu di tích lịch sử và thắng cảnh Đông Tiến) được xếp hạng di tích Quốc gia năm 1993.	Bạch Thạch	
36	Núi Nấp	Di tích Núi Nấp, địa điểm thanh niên xung phong thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Trong lịch sử, Núi Nấp là địa điểm trọng yếu của con đường vận chuyển hàng hóa, đạn dược chi viện cho tuyến miền Nam. Đây cũng là nơi diễn ra nhiều trận bắn phá ác liệt trong cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Tại đây ngày 11 tháng 5 năm 1967, 13 cô gái thanh niên xung phong cùng với 4 công nhân đường sắt hy sinh tại chỗ, 27 nam, nữ thanh niên xung phong khác bị thương do trận dội bom của Mỹ lên Núi Nấp. Di tích được xếp hạng là di tích cấp Quốc gia năm 1995.	Núi Nấp	
37	Thạch Tuyền	Thạch Tuyền thuộc di tích nghệ thuật Đền Trung - đền Đông Đoài - chùa Thạch Tuyền, thôn Hậu Trạch, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là ngôi chùa cổ được xây dựng vào năm Cảnh Hưng (1740 -1786) trùng tu năm 1936. Trong chùa còn lưu giữ 10 pho tượng phật cổ có cùng thời gian dựng chùa. Chùa Thạch Tuyền, đền Trung, đền Đông Đoài đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích Quốc gia năm 1994.	Thạch Tuyền	
38	Từ đường Phúc Quang	Di tích lịch sử Từ đường Phúc Quang thuộc xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa. Từ đường Phúc Quang là nơi thờ các vị Tổ họ Ngô Đồng Phang và các vị khai quốc công thần	Phúc Quang	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		triều Lê là Ngô Kinh và Ngô Từ. Di tích được xếp hạng Quốc gia năm 1995 và được cấp đổi năm 2016.		
39	Vườn Trầu	Vườn Trầu thuộc cụm di tích cách mạng Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, nay thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là khu vườn mà các Đảng viên Tân Việt Xuân Minh tổ chức làm kinh tế (như trồng trầu và nuôi gà). Đồng thời ở đó có một cuộc gặp quan trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ Thanh Hóa họp để kiểm điểm tình hình và cử đồng chí Nguyễn Xuân Thúy đi Nghệ An để nhận chỉ thị của xứ ủy để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh ủng hộ Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Vườn Trầu cũng là điểm liên lạc bắt mối của nhiều cán bộ cách mạng. Di tích được xếp hạng lịch sử cách mạng Quốc gia năm 1993.	Vườn Trầu	

2. Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

Tổng số: 36 danh lam thắng cảnh.

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng
1	Bãi biển Sầm Sơn	Bãi biển Sầm Sơn, là địa danh thuộc thành phố Sầm Sơn (cũ), tỉnh Thanh Hóa. Đây là bãi biển nổi tiếng từ thời Pháp thuộc, là khu nghỉ mát lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế.	Sầm Sơn
2	Biển Hải Hòa	Biển Hải Hòa thuộc phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, có cát trắng mịn, độ dốc thoải, nước trong, không có phù sa lắng đọng, không có bãi đá ngầm, sóng biển vừa phải, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.	Hải Hòa
3	Biển Hải Tiến	Biển Hải Tiến thuộc các xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.	Hải Tiến
4	Chùa Am Các	Chùa Am Các: Tên một ngôi chùa, thuộc xã Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2013. Chùa tọa lạc trên núi Các, dân địa phương nhiều người gọi là “Cát”, bởi cát, đất và đá trên núi quyện với nhau, khiến địa hình và khí hậu nơi đây rất thích hợp phát triển rừng, với hàng trăm hec-ta xanh tốt rừng tái sinh còn được bảo vệ. Chùa phong cảnh hữu tình, phía chân đền là hồ Hao Hao, phía trước là đảo Nghi Sơn. Đây là điểm di tích danh thắng thu hút đông đảo Nhân dân và du khách thập phương đến thăm quan	Am Các

5	Cửa Hà	Cửa Hà, nằm ở đoạn sông Mã chảy trên đất Cẩm Thủy. Tên Cửa Hà có từ đầu thế kỷ XIX, khi huyện lỵ Cẩm Thủy chuyển từ Cẩm Vân về Phong Ý thuộc địa phận xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Cửa Hà có vẻ đẹp ngoạn mục của một cửa sông miền xuôi, trở thành một thắng cảnh của xứ Thanh. Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn đã xếp Cửa Hà là danh thắng.	Cửa Hà
6	Cửa Thần Phù	Thần Phù, là cửa biển cổ nay thuộc xã Ba Đình, Hồ Vương, Nga An, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây có núi Thiết Giáp và núi Thần Đầu, có bia chữ Thần, chữ Hán được khắc từ thế kỷ XVIII; có nhiều hang động đẹp như Động Bạch Á, Động Từ Thức, Đệ Lục Động. Nhiều bậc danh sĩ, nhà vua đã ca ngợi cảnh đẹp của vùng non nước này.	Thần Phù
7	Danh thắng Hàn Sơn	Di tích đền Hàn Sơn là tên một quần thể di tích nổi tiếng, có ảnh hưởng tín ngưỡng rộng, được Nhân dân trong và ngoài tỉnh biết đến, hiện Hàn Sơn nằm trên địa bàn xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa - di tích đền Hàn Sơn được xếp hạng Di tích cấp tỉnh. Danh thắng Hàn Sơn[233], là danh thắng nổi tiếng, thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là một trong năm điểm di tích thuộc cụm di tích thắng cảnh Phong Mục đã được công nhận di tích cấp tỉnh. Nơi đây được ví như chốn "Bồng lai tiên cảnh", thiên nhiên hùng vĩ, sông núi hữu tình hoa thơm trái ngọt. Đây là địa danh được nhiều người biết đến.	Hàn Sơn
8	Đền Cô Tiên- Hòn Trống Mái	Đền Cô Tiên nằm trên đỉnh hòn Đầu Voi cuối dãy núi Trường Lệ về phía Tây Nam. Hòn Đầu Voi là hòn thứ năm trong hệ thống phân loại dân gian. Nó có tên chữ là "Tượng Đầu Sơn" cũng có nghĩa núi Đầu Voi, vì dãy núi Trường Lệ đang chạy dài đến chỗ này chợt nhô ra một hòn hình dáng như đầu con voi đang cúi mình uống nước. Đền Cô Tiên được xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt. (Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019)[234].	Cô Tiên
9	Đình Làng Hồ	Công trình kiến trúc nghệ thuật Đình Làng Hồ thuộc xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013.	Làng Hồ
10	Động An Khương	Động An Khương thuộc xã Yên Khương tỉnh Thanh Hóa, tên có từ thời Lê, thời Nguyễn thuộc tổng Yên Thọ, châu Lương Chính.	An Khương

[233] Theo Địa chí huyện Hậu Lộc trang 317.
[234] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

11	Động Cửa Buồng	Động Cửa Buồng thuộc Khu di tích lịch sử và thắng cảnh Bỉm Sơn (bao gồm: Đèo Ba Dội, động Cửa Buồng, đình làng Gạo, đồi Ông, đền Sòng Sơn - Chín Giếng, đền Cây Vải và hồ Cánh Chim). Động Cửa Buồng thuộc địa phận phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quần thể di tích danh thắng động Cửa Buồng gồm núi Cửa Buồng, động Đào Nguyên và đường Thiên Lý, nằm giữa núi Tượng Sơn và Điều Sơn. Đây là địa điểm nhiều danh nhân đã từng đặt chân đến và để lại dấu ấn của mình như Nguyễn Trãi, Hải Thượng Lãn Ông… Động Cửa Buồng được xếp hạng là thắng cảnh Quốc gia năm 1993.	Cửa Buồng
12	Động Hồ Công	Động Hồ Công (xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa) nổi tiếng từ xưa. Dưới chân núi có chùa Du Anh (tức chùa Thông - xây dựng năm 1270) và trên lưng chừng núi có động Hồ Công. Động Hồ Công từng được người xưa liệt vào kỳ quan bậc nhất ở phương Nam.	Hồ Công
13	Động Kim Sơn	Động Kim Sơn ở xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là một vùng sơn thủy hữu tình, rộng khoảng 150 ha, trong đó có 80 ha là hồ vực. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi đây là công binh xưởng sản xuất vũ khí của quân đội, đồng thời là nơi trú ẩn của Nhân dân.	Kim Sơn
14	Động Phủ Thông	Khu di tích danh lam thắng cảnh: Chùa Tiên, hồ Đồng Vụa, động Phủ Thông thuộc xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa, đây là một quần thể thắng cảnh nổi tiếng ở xứ Thanh. Động Phủ Thông là một hang động trong một quả núi sót đứng độc lập; bên trong động, Nhân dân đã đưa hệ thống thờ mẫu vào thờ. Di tích được xếp hạng là danh lam thắng cảnh Quốc gia năm 2002.	Phủ Thông
15	Động Tiên Sơn	Tiên Sơn, là tên một động ở xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, cách động Kim Sơn khoảng 500m theo đường chim bay, đây là thắng cảnh nổi tiếng của Thanh Hóa đã được xếp hạng Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia.	Tiên Sơn
16	Hồ Cánh Chim	Hồ Cánh Chim thuộc khu di tích lịch sử và thắng cảnh Bỉm Sơn (bao gồm: Đèo Ba Dội, động Cửa Buồng, đình làng Gạo, đồi Ông, đền Sòng Sơn - Chín Giếng, đền Cây Vải và hồ Cánh Chim). Hồ Cánh Chim thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sở dĩ có tên gọi là hồ Cánh Chim bởi vì khi đứng trên đèo Ba Dội nhìn xuống thì hồ mang hình dáng cánh chim bay vút lên cao. Hồ Cánh Chim mang trong mình nét đẹp hoang sơ, thơ mộng. Hồ Cánh Chim được xếp hạng là thắng cảnh cấp Quốc gia năm 1993.	Cánh Chim
17	Hồ Hao Hao	Hồ Hao Hao thuộc phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, tên một hồ nước lớn nằm dưới chân núi Am Các, có trữ lượng nước lớn quanh năm không bao giờ cạn; đây là địa điểm dẫn lên chùa Am Các; hồ Hao Hao cùng với di tích Am Các và những làng Việt cổ dưới chân núi đã tạo nên một quần thể danh lam thắng cảnh đẹp ở vùng đất phía Nam tỉnh Thanh Hóa. Quần thể di tích địa điểm chùa Am	Hao Hao

		Các, núi Am Các, hồ Hao Hao đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xếp hạng là di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018.	
18	Hòn Mê	Hòn Mê, là tên một quần đảo, cũng là tên đảo lớn nhất, thuộc phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Đảo Hòn Mê cách đất liền 11 km, gồm 17 đảo lớn nhỏ như Hòn Bò, Hòn Vàng, Hòn Sảnh, Hòn Đót, diện tích tổng cộng 450 ha. Hòn Mê là căn cứ quân sự tiêu biểu của Thanh Hóa.	Hòn Mê
19	Hòn Nẹ	Hòn Nẹ diện tích 17,81 ha, thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên Đảo Nẹ có lực lượng vũ trang đóng quân, nơi có đền thờ vị thần Nẹ Sơn tôn thần (còn gọi là đức vua Thông Thủy) đã được xếp hạng là Di tích cấp tỉnh. Hòn Nẹ đã đi vào bài thơ Mẹ Tơm nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu.	Hòn Nẹ
20	Hòn Vọng Phu	Thắng cảnh Hòn Vọng Phu thuộc cụm di tích nghệ thuật và thắng cảnh Quốc gia núi An Hoạch (núi Nhồi), núi nằm trên địa bàn phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Núi là một khối đá giống hình một người phụ nữ đang bồng con trông ra biển. Hòn Vọng Phu còn có tên là Vọng phu thạch. Niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 46 (1785), Mãn Quận công Lê Trung Nghĩa đã cho tu sửa. Niên hiệu Thành Thái (1890), Tổng đốc Thanh Hóa Hà Đình Nguyễn Thuật đã cho khắc 4 chữ Hán lên thân của khối đá với nội dung Kiệt nhiên trung trĩ. Núi Vọng Phu được xếp hạng thắng cảnh Quốc gia năm 1992.	Vọng Phu
21	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu, nằm trên địa bàn các xã Trung Thành, Phú Lệ, Phú Xuân, Nam Xuân, Hiền Kiệt, Thiên Phủ, Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có sự kết hợp giữa hệ sinh thái núi đá vôi với hệ sinh thái núi đất và hệ sinh thái rừng độc đáo, với nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Là điểm du lịch nổi tiếng của Thanh Hóa.	Pù Hu
22	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông, nằm trên địa bàn hai huyện xã Phú Lệ, Phú Xuân, Hồi Xuân, Pù Luông, Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây hiện đang lưu giữ những giá trị cảnh quan thiên nhiên phong phú, hệ động thực vật đa dạng, các cánh rừng bất tận, ruộng bậc thang trùng điệp, là điểm đến hấp dẫn với những ai ưa thích khám phá thiên nhiên.	Pù Luông
23	Lũng Nhai	Lũng Nhai thuộc xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Nơi đây, vào khoảng tháng 2, tháng 3 năm Bính Thân (1416), đã diễn ra Hội thề Lũng Nhai do Lê Lợi cùng 18 người bạn tổ chức.	Lũng Nhai
24	Núi Bàn A	Núi Bàn A thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Một di tích văn hóa danh thắng đặc biệt nổi tiếng khắp các miền trong cả nước đã được sử sách cũ ghi chép, ca ngợi. Danh thắng được Giám	Bàn A

		đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích thắng cảnh cấp tỉnh năm 1989 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích thắng cảnh cấp tỉnh năm 2011.	
25	Núi Đào Sơn	Núi Đào Sơn thuộc phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là ngọn núi đá đẹp nổi tiếng xứ Thanh. Trên đỉnh ngọn núi Đào Sơn có lăng mộ của cụ Thiều Kim Tinh, tương truyền gọi là Phát Tích Lăng, là Thủy tổ của họ Thiều ở tỉnh Thanh Hóa. Dưới chân núi có mộ tướng quân Thiều Thốn và vợ của ông là công chúa Trần Thị Chiêu. Đào Sơn (thuộc khu di tích lịch sử và thắng cảnh Đông Tiến) được xếp hạng Quốc gia năm 1993.	Đào Sơn
26	Núi Đồi Ông	Núi Đồi Ông thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thuộc khu di tích lịch sử và thắng cảnh Bỉm Sơn (bao gồm: Đèo Ba Dội, động Cửa Buồng, đình làng Gạo, đồi Ông, đền Sòng Sơn - Chín Giếng, đền Cây Vải và hồ Cánh Chim). Núi Đồi Ông là một trong 3 ngọn núi gồm đồi Ông Đùng, gò Bia và núi Đồi Ông. Tương truyền 3 ngọn núi là nơi quân Tây Sơn sử dụng làm nơi huấn luyện pháo binh. Núi Đồi Ông là nơi đặt bản doanh của tướng quân Đại tư đồ Ngô Văn Sở khi rút quân từ Thăng Long về đây. Ông là một võ tướng tài cao, đức trọng, có công lớn giúp vua Quang Trung - Nguyễn Huệ chống quân Thanh. Khi ông mất Nhân dân nơi đây lập một am miếu thờ ông trên sườn đồi để tưởng nhớ ân huệ của ông. Núi Đồi Ông được xếp hạng là danh thắng Quốc gia năm 1993.	Đồi Ông
27	Núi Gai	Núi Gai (còn gọi là Tượng Sơn) thuộc huyện Hậu Lộc (cũ), Núi trải dài 1 km, hướng Tây - Đông, là ranh giới giữa các xã Triệu Lộc với xã Hoằng Phú, Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Núi gai là ngọn núi có di tích đền thờ Bà Triệu - Di tích Quốc gia đặc biệt.	Núi Gai; Tượng Sơn
28	Núi Ngưỡng Sơn	Núi Ngưỡng Sơn thuộc xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đây là danh thắng nổi tiếng trong cả nước gắn liền với ngôi chùa nổi tiếng thời Lý là chùa Linh Xứng. Thắng cảnh núi Ngưỡng Sơn và địa điểm chùa Linh Xứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa công nhận di tích lịch sử văn hóa - thắng cảnh cấp tỉnh tại Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2006.	Ngưỡng Sơn
29	Núi Nhồi	Núi Nhồi tên chữ là núi An Hoạch cách trung tâm thành phố Thanh Hóa (cũ) khoảng 3 km về phía Tây, thuộc địa phận hai phường Đông Quang và phường Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa. Bao quanh núi Nhồi gồm các núi quần tụ liền nhau, đó là núi Đống (phía Tây), núi Chân Thần (phía Tây Nam), núi Nấp (Quảng Náp phía Nam), núi Chồng Mâm (núi Đình Thượng - phía Bắc).	An Hoạch

30	Núi Tùng Sơn	Núi Tùng Sơn thuộc xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là dãy đồi núi dài hơn 2 km, chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Tương truyền, đây là nơi Bà Triệu anh dũng hy sinh. Trên đỉnh núi có lăng mộ Bà Triệu, chân núi có mộ 3 ông tướng họ Lý. Di tích đã được xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt.	Tùng Sơn
31	Núi Tượng Sơn	Núi Tượng Sơn thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đây là quần thể núi gồm 7 ngọn núi và các thung lũng liên kết với nhau trong một không gian rộng 112 ha tạo thành hình thế một đôi voi phục. Danh thắng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích thắng cảnh cấp tỉnh năm 2010.	Tượng Sơn
32	Quần thể Động Trường Lâm	Quần thể Động Trường Lâm thuộc xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa, là quần thể danh lam thắng cảnh được tạo bởi hang động tự nhiên trong dãy núi đá, nằm ở phía cực Nam của tỉnh Thanh Hóa và tiếp giáp với huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An (cũ)). Quần thể động Trường Lâm được ví như là "Bồng lai tiên cảnh" gồm có: Động Ngọc Hoàng, động Tiên và núi Ngọc Nữ. Vẻ đẹp của danh thắng là do thiên nhiên tạo ra. Quần thể động Trường Lâm được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 287/VHQĐ ngày 15 tháng 11 năm 1993 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích thắng cảnh cấp tỉnh tại Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2011.	Trường Lâm
33	Suối cá thần Cẩm Lương	Suối cá thần Cẩm Lương, thuộc làng Ngọc, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có đàn cá sống ở suối với hàng nghìn con lớn, nhỏ khác nhau sinh sống tự nhiên, không bao giờ ra khỏi phạm vi dòng suối. Vì vậy đàn cá được dân bản địa phong là Cá Thần. Là điểm du lịch nổi tiếng của Thanh Hóa.	Cẩm Lương
34	Thác Hón Lối	Thác Hón Lối thuộc xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa. Đây là thác tự nhiên, khu vực thác Hón Lối chủ yếu là rừng nguyên sinh với các thảm thực vật, động vật phong phú. Đây chính là một địa điểm du lịch sinh thái hấp dẫn bởi khung cảnh sơn thủy hữu tình, khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm. Thác Hón Lối được công nhận di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh năm 2019.	Hón Lối
35	Thác Ma Hao	Thác Ma Hao thuộc bản Năng Cát, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đây là thác lớn nhất của sông Cảy thuộc huyện Lang Chánh. Thác là địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Thanh Hóa, có thắng cảnh đẹp, tiềm năng phát triển thuỷ điện và du lịch sinh thái.	Ma Hao
36	Vườn Quốc gia Bến En	Vườn Quốc gia Bến En là địa danh thuộc xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Đây là một vùng rừng núi, sông hồ rộng khoảng hơn 16.000 ha, còn mang vẻ hoang dã với hệ động thực vật đa dạng và phong phú. Có nhiều loại động, thực vật quý hiếm như: Voi, Gấu, Hổ, Vọoc má trắng, Lim, Lát hoa, Chò chỉ, là địa chỉ du lịch sinh thái hấp dẫn của Xứ Thanh.	Bến En

IV. TÊN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, SỰ KIỆN LỊCH SỬ, CHIẾN THẮNG CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA QUỐC GIA VÀ TỈNH THANH HÓA

Tổng số: 57 phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược, trong đó 17 tên phong trào đã dùng đặt tên.

1. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, cuộc chiến thắng chống quân xâm lược, có giá trị tiêu biểu của Quốc gia

Tổng số: 27 phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược, trong đó 12 tên phong trào đã dùng đặt tên.

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Ba mươi tháng Tư (30/4)	Ba mươi tháng Tư (30/4): Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.	Ba mươi tháng Tư	
2	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Cách mạng tháng Tám năm 1945: Là cuộc Cách mạng thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam, đập tan xích xiềng nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế gần một nghìn năm trên đất nước Việt Nam.	Cách mạng Tháng Tám	
3	Chiến dịch Việt Bắc- Thu Đông năm 1947	Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947: Là một chiến dịch quân sự do quân đội Pháp thực hiện nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta.	Việt Bắc	Phố
4	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang năm 1427	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427): Sau một loạt thất bại nặng nề, nhà Minh cử viện binh chia làm 2 đạo quân do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy tiến sang Đại Việt. Khi Liễu Thăng cầm đầu 10 vạn quân vượt biên giới tiến vào vùng Lạng Sơn, quân ta vừa đánh vừa rút lui để nhử địch vào trận địa mai phục ở Ải Chi Lăng (Lạng Sơn); tại đây đội quân tiên phong của địch bị quân ta tiêu diệt gọn, tướng giặc bị chém chết bên sườn núi Mã Yên. Cuối cùng chúng phải đóng quân tại cánh đồng Xương Giang. Tại đây, ngày 03 tháng 11 năm 1427 quân địch đã bị quân ta bao vây tiêu diệt gọn (địa bàn Lạng Sơn).	Chi Lăng	Đường
5	Chiến dịchĐiện Biên Phủ năm 1954	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954: Là trận đánh lớn nhất trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, diễn ra tại lòng chảo Mường Thanh, châu Điện Biên (nay là tỉnh Điện Biên) giữa quân đội Pháp và Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đây là chiến thắng vĩ đại nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 của Nhân dân ta, góp	Điện Biên Phủ	Công trình công cộng

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		phần quyết định giải phóng miền Bắc nước ta khỏi ách đô hộ gần 100 năm của thực dân Pháp.		
6	Chiến thắng Hàm Rồng (3- 4/4/1965)	Chiến thắng Hàm Rồng (3 - 4/4/1965): Là cuộc đối đầu lịch sử của quân và dân ta với sức mạnh của "không lực Hoa Kỳ" mà thắng lợi đã thuộc về Nhân dân Việt Nam.	Hàm Rồng	Công trình công cộng
7	Chiến thắng Hàm Tử - Tây Kết (kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ 2)	Hàm Tử (Cửa Hàm Tử): nơi xảy ra trận Hàm Tử trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 của quân dân Đại Việt. Trận đánh quyết chiến giữa đội quân của Chiêu Văn Vương, Trần Nhật Duật tiêu diệt và quét sạch 50 vạn quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, giải phóng hoàn toàn Đại Việt.	Hàm Tử	Đường
8	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789)	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa: Là tên gọi do các nhà sử học Việt Nam dành cho loạt trận đánh chống ngoại xâm thắng lợi của nước Đại Việt thời Tây Sơn do vua Quang Trung lãnh đạo vào đầu năm Kỷ Dậu 1789, đánh tan hàng vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy.	Ngọc Hồi	
9	Chiến thắng Chương Dương (1285)	Chiến thắng Chương Dương: Đây là cuộc chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần 2 (1285), Trận Chương Dương - Thăng Long có 1 vị trí to lớn. Đây là trận then chốt quyết định thắng lợi của quân dân nhà Trần với quân xâm lược Mông - Nguyên ngay trên mảnh đất kinh thành Thăng Long.	Chương Dương	Đường
10	Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn	Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn: Cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là một cuộc khởi nghĩa của người Việt chống lại thực dân Pháp và phát xít Nhật diễn ra tại Bắc Sơn, Lạng Sơn vào năm 1940 trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân đội Pháp trên đường thua chạy đã rút lui qua châu Bắc Sơn.	Bắc Sơn	Đường
11	Đại hội Quốc dân Tân Trào	Đại hội Quốc dân Tân Trào: Từ ngày 14 tháng 8 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã ra Nghị quyết gồm 11 phần,	Tân Trào	

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Nghị quyết đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 16, 17 tháng 8 năm 1945 Đại hội Quốc dân đã được tổ chức ở Tân Trào và thống nhất chủ trương Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.		
12	Hai mươi lăm tháng sáu (25/6)	Hai mươi lăm tháng sáu: Ngày 25 tháng 6 năm 1930, là sự kiện lịch sử Cách mạng quan trọng đánh dấu bước ngoặt về sự hình thành cơ sở Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.	Hai mươi lăm tháng sáu	
13	Hai mươi sáu tháng ba (26/3)	Hai mươi sáu tháng ba (26/3/1931): Là ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cánh tay đắc lực, đội hậu bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Hai mươi sáu tháng ba	
14	Khởi nghĩa Ba Đình	Khởi nghĩa Ba Đình: Là một trong các cuộc khởi nghĩa của Phong trào Cần Vương cuối thế kỷ 19 của Nhân dân Việt Nam chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp, diễn ra vào năm 1886 - 1887 tại xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa.	Ba Đình	Công trình công cộng
15	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	Khởi nghĩa Bà Triệu: Đây là cuộc khởi nghĩa do Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) lãnh đạo. Năm 248, Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa ở vùng núi Nưa (xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa), đông đảo Nhân dân khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) nổi dậy hưởng ứng. Bà đã chỉ huy nghĩa quân đánh thắng nhiều trận, quân Ngô tan rã.	Bà Triệu	Đường
16	Khởi nghĩa Lam Sơn	Khởi nghĩa Lam Sơn: Tên cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo và kết thúc bằng việc giành lại độc lập cho nước Đại Việt và thành lập nhà Hậu Lê.	Lam Sơn	Công trình công cộng
17	Mồng ba tháng hai (3/2)	Ngày 03 tháng 02 năm 1930, là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	Mồng ba tháng hai (3/2)	
18	Nam Kỳ khởi nghĩa	Nam Kỳ khởi nghĩa: Là cuộc nổi dậy vũ trang chống Pháp - Nhật của người dân miền Nam do Xứ ủy Nam Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương và lãnh đạo. Đây là cuộc khởi nghĩa rộng lớn và mạnh mẽ, để lại bài học quý báu, có ý nghĩa thực tiễn sâu	Nam Kỳ khởi nghĩa	

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		sắc, góp phần hoàn thiện đường lối chỉ đạo giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.		
19	Ngày hai mươi tháng hai (20/2)	Ngày hai mươi tháng hai (20/2/1967): Là ngày là Bác Hồ lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa.	Hai mươi tháng hai (20/2)	
20	Ngày mười chín tháng Tám (19/8)	Ngày 19 tháng 8 năm 1945: Ngày Ủy ban Khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền. Sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, hàng chục vạn Nhân dân tập trung tại Nhà hát lớn, Hà Nội. Đúng 11 giờ ngày 19 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi khởi nghĩa. Sau đó cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình vũ trang giành chính quyền. Tối 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội kết thúc hoàn toàn thắng lợi.	Ngày mười chín tháng Tám	
21	Ngày Quốc khánh (2/9)	Ngày 02 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Mồng hai tháng Chín	
22	Phong trào Cần Vương	Phong trào Cần Vương: Đây là phong trào yêu nước do vua Hàm Nghi phát động vào tháng 7/1885; vua Hàm Nghi khởi nghĩa ở kinh thành Huế và sau đó ban chiếu Cần Vương. Phong trào thu hút được một số quan lại trong triều đình và văn thân, tầng lớp sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi, kéo dài từ tháng 7 tháng 1885 đến năm 1896.	Cần Vương	
23	Phong trào "Đồng Khởi" Bến Tre	Phong trào "Đồng Khởi" Bến Tre: Là phong trào cách mạng lớn, cuộc "đồng khởi" diễn ra vào ngày 17 tháng 01 năm 1960, đầu tiên ở ba xã điểm là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long) rồi nhanh chóng lan tỏa ra toàn tỉnh Bến Tre. Sau đó, phong trào "Đồng Khởi" lan rộng ra khắp một vùng rộng lớn ở Nam Bộ. Thắng lợi của phong trào "Đồng Khởi" dẫn đến sự thành lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20/12/1960.	Đồng Khởi	
24	Phong trào Tây Sơn	Tây Sơn, là phong trào khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII và cũng là một triều đại phong kiến Việt Nam từ năm 1771 đến năm 1802.	Tây Sơn	Đường

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
25	Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh (1930- 1931)	Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh: Đây là phong trào đấu tranh của lực lượng công nhân và nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh trong năm 1930 - 1931 chống lại thực dân Pháp.	Xô Viết - Nghệ Tĩnh	
26	Bạch Đằng[235] (938)	Sự kiện Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938): Trận chiến Bạch Đằng là một trận quyết chiến có chiến lược lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, một bước phát triển rực rỡ của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Kết thúc hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ phát triển Quốc gia phong kiến độc lập.	Bạch Đằng	Phố
27	Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968	Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân: Là cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968 của quân Giải phóng miền Nam trên hầu hết lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa. Đây là sự kiện gây chấn động lớn trên thế giới, có vai trò hết sức to lớn trong chiến tranh Việt Nam; buộc Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán ký kết Hiệp định Paris năm 1973.	Mậu Thân	

2. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của Thanh Hóa

Tổng số: 30 phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược, trong đó 05 tên phong trào đã dùng đặt tên.

2.1. Các cuộc khởi nghĩa

Tổng số: 06 cuộc khởi nghĩa, trong đó 04 tên cuộc khởi nghĩa đã dùng đặt tên.

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Khởi nghĩa Ba Đình	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Ba Đình	Đường, công trình công cộng

[235] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long: Tên "Bạch Đằng" là địa danh, sự kiện là "Chiến thắng Bạch Đằng".

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
2	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Bà Triệu	Đường
3	Khởi nghĩa Chu Đạt (156)	Khởi nghĩa Chu Đạt (156): Chu Đạt, người huyện Cư Phong (nay là thôn Phú Hào, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa), năm 156 chiêu mộ dân binh vây đánh huyện sở Cư Phong (vùng đất các huyện Nông Cống, Quảng Xương, Tĩnh Gia, Như Xuân, Như Thanh (cũ) thuộc tỉnh Thanh Hóa ngày nay).	Chu Đạt	Đường
4	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh: Tên cuộc khởi nghĩa do Tống Duy Tân lãnh đạo từ năm 1886 đến 1892. Căn cứ chính Hùng Lĩnh ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Hùng Lĩnh	
5	Khởi nghĩa Lam Sơn	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước.	Lam Sơn	Công trình công cộng
6	Khởi nghĩa Lê Ngọc (589 - 600)	Khởi nghĩa Lê Ngọc: Đây là cuộc khởi nghĩa do Lê Ngọc cùng với 4 người con lật đổ quan cai trị của nhà Tùy (Trung Quốc), xưng là hoàng đế, lập Trị sở ở Đông Phố (tức Đồng Pho, phường Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa ngày nay), gọi là kinh đô Trường Xuân.	Lê Ngọc	

2.2. Phong trào yêu nước, sự kiện cách mạng tiêu biểu

Tổng số: 24 phong trào yêu nước, sự kiện cách mạng tiêu biểu, trong đó 01 phong trào, sự kiện đã dùng đặt tên.

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước.	Hàm Rồng	Công trình công cộng
2	Chi bộ Cố Gắng	Chi bộ Cố Gắng: Ngày 02 tháng 9 năm 1947, ngày thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên – tiền thân của Đảng bộ thành phố Sầm Sơn (tại khu phố Trung Chính, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa) và lấy tên là Chi bộ Cố Gắng.	Cố Gắng	
3	Đồng Thanh	Đồng Thanh: Thực hiện chủ trương của Trung ương và Quân ủy khu 4 quyết tâm bảo vệ Thanh Hóa, năm 1947, huyện ủy Đông Sơn quyết định thành lập khu du kích Đồng Thanh	Đồng Thanh	

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		gồm 4 thôn: Đại Đồng (nay là thị trấn Rừng Thông), Thanh Oai, Viên Khê, Tuyên Hóa (nay là phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Chiến khu Đồng Thanh được hình thành là kết quả xây dựng lực lượng chiến tranh Nhân dân của Huyện ủy Đông Sơn chuẩn bị sẵn sàng đánh địch tại chỗ và chi viện nơi khác nếu cần.		
4	Hội Nghị Mao Xá (13/8/1945)	Hội Nghị Mao Xá: ngày 13 tháng 8 năm 1945, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã triệu tập Hội nghị mở rộng tại nhà Ông Tô Đình Bảng, làng Mao Xá, nay là thôn Toán Tỵ, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa để nhận định tình hình và bàn biện pháp chuẩn bị sẵn sàng đón lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị họp trong 3 ngày (13-15/8) quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, chủ trương tiến hành khởi nghĩa vào đêm 18 rạng ngày 19/8/1945 và sẽ tiến hành ở những nơi có phong trào mạnh, sau đó sẽ tập trung lực lượng hỗ trợ cho những nơi phong trào còn yếu.	Mao Xá	
5	Mùng hai tháng năm (2/5)	Ngày mùng 02 tháng 5 năm 1967 là ngày ký kết hợp tác đầu tiên giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Hủa Phăn.	Mùng hai tháng năm (2/5)	
6	Mùng sáu tháng mười hai (6/12)	Ngày 06 tháng 12 năm 1930: Hội nghị thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Tĩnh Gia được tiến hành tại nhà đồng chí Nguyễn Văn Giảng, thuộc làng Hồ Thượng (thuộc phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa). Tham dự hội nghị gồm có các đồng chí Ngô Đức Mậu, Nguyễn Văn Giảng, Nguyễn Trinh Thụ, Lương Đình Đạm, Đỗ Khắc Toản, Lê Huy Tuần. Trong không khí trang nghiêm, đồng chí Ngô Đức Mậu trình bày chủ trương thành lập Đảng của Xứ ủy Trung Kỳ, tuyên bố kết nạp 5 đồng chí có mặt trong hội nghị vào Đảng và tuyên bố thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên của Tĩnh Gia, do đồng chí Nguyễn Văn Giảng làm Bí thư Chi bộ.	Mùng sáu tháng mười hai (6/12)	

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
7	Mùng năm tháng tám (5/8)	Ngày 05 tháng 8 năm 1964, vào lúc 14h15, giặc Mỹ cho không quân thuộc hạm đội 7 đánh phá từ Hòn Nẹ đến cửa Lạch Trường. Dân quân xã Vạn Lộc, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa và Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tự vệ Thủy sản Lạch Trường, đồn 74 Công an Nhân dân vũ trang dùng súng máy phối hợp cùng cao xạ của tàu hải quân, súng 14.55 mm của Đại đội ra đa đánh trả, bắn rơi 2 chiếc máy bay của địch, góp phần vào chiến thắng chung ngày 5 tháng 8 năm 1964 của quân dân cả nước đánh bại cuộc tấn công "Mũi tên xanh" của không quân Mỹ.	Mùng năm tháng tám (5/8)	
8	Mùng mười tháng mười một (10/11)	Mùng mười tháng mười một (10/11/1945): Ngày thành lập Đảng bộ huyện Thạch Thành, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Đặng Văn Hỷ, Tỉnh ủy viên, Hội nghị Đảng bộ Vĩnh Thạch được triệu tập họp tại nhà ông Ngô Du, phố Kim Tân, xã Minh Đạo. Hội nghị đã quyết định tách Đảng bộ Vĩnh Thạch, thành lập Chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương ở Thạch Thành gồm 07 đồng chí, làm nhiệm vụ lãnh đạo phong trào toàn diện của huyện như huyện Đảng bộ. Đồng chí Phạm Văn Giản được chỉ định làm Bí thư Chi bộ, đồng thời làm Bí thư Huyện ủy lâm thời. Từ đó, Đảng lãnh đạo chính quyền bằng đường lối, chủ trương thông qua các kỳ Đại hội Đảng bộ.	Mùng mười tháng mười một (10/11)	
9	Ngày mùng một tháng một (1/1)	Ngày 01 tháng 01 năm 1931, một sự kiện trọng đại đã diễn ra tại làng Hồ Thượng. Đại biểu của các cơ sở Đảng trong tỉnh đã tiến hành Hội nghị tái thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ở nhà đồng chí Nguyễn Văn Giảng. Hội nghị đã bầu 5 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời. Trong đó, Chi bộ Tĩnh Gia được bầu 2 đồng chí Ngô Đức Mậu giữ chức Bí thư tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Văn Giảng là Tỉnh ủy viên.	Mùng một tháng một (1/1)	
10	Mùng tám tháng năm (8/5)[236]	Ngày 08 - 5 (dương lịch) hằng năm là ngày kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa. Theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, tại kỳ họp thứ 6 về ngày kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa.	Mùng tám tháng năm (8/5)	
11	Mùng mười tháng sáu (10/6)	Ngày mùng mười tháng sáu (10/6): Ngày thành lập Chi bộ đảng đầu tiên huyện Yên Định.	Mùng mười tháng sáu (10/6)	

[236] Ngày 08/5 (dương lịch) hằng năm là ngày kỷ niệm Danh xưng Thanh Hóa được ban hành tại Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11/7/2018.

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
12	Mùng hai tháng một (2/1)	Ngày 02 tháng 01 năm 1946, tại nhà đồng chí Nguyễn Duy Phượng ở làng Thái Tượng, xã Tượng Sơn (thuộc huyện Nông Cống (cũ), Chi bộ Cộng sản huyện Tĩnh Gia được thành lập lại gồm 3 đồng chí: Lê Thế Sơn, Lương Đình Đạm và Nguyễn Duy Phượng, do đồng chí Lê Thế Sơn làm Bí thư Chi bộ.	Mùng hai tháng một (2/1)	
13	Mười chín tháng chín (19/9)	Mười chín tháng chín (19/9): Ngày thành lập đội du kích Ngọc Trạo. Ngày 19/9/1941, tại Hang Treo một địa điểm của căn cứ Ngọc Trạo, thay mặt Tỉnh ủy, Ban lãnh đạo chiến khu Ngọc Trạo đã thành lập Đội Du kích Ngọc Trạo. Đây là đội du kích vũ trang thoát ly đầu tiên của Chiến khu Ngọc Trạo. Đội du kích gồm 21 chiến sỹ ưu tú tiền thân của lực lượng vũ trang Thanh Hóa sau này. Tại đây, lần đầu tiên xuất hiện cờ đỏ sao vàng. Đây là một trong những lực lượng du kích thoát ly tập trung được thành lập sau Hội nghị Trung ương 8/1941 của Đảng. Khi chiến khu thành lập, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Thanh Hóa, các cơ sở cách mạng trong tỉnh chọn lựa những người ưu tú nhất trong đội tự vệ cử lên tham gia Chiến khu Ngọc Trạo.	Mười chín tháng chín (19/9)	
14	Hai mươi tháng tám (20/8)	Ngày 20 tháng 8 năm 1945, hàng vạn quần chúng và tự vệ trong huyện tập trung tại sân vận động huyện chào đón Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện Tĩnh Gia. Đồng chí Lê Huy Tuần, Chủ tịch lâm thời huyện tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến, thành lập ủy ban Nhân dân lâm thời huyện. Quần chúng vui mừng phấn khởi, tin tưởng đồng thanh hô vang khẩu hiệu “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Chính quyền cách mạng muôn năm”.	Hai mươi tháng tám (20/8)	
15	Hai mươi mốt tháng tám (21/8)	Ngày hai mươi mốt tháng tám (21/8/1945): Là ngày huyện Nông Cống (cũ) khởi nghĩa thành công giành chính quyền, xóa bỏ hoàn toàn chính quyền thực dân phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng do ông Đặng Văn Tường làm chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Nông Cống.	Hai mươi mốt tháng tám (21/8)	
		Ngày hai mươi mốt tháng tám (21/8/1945): Ngày diễn ra cuộc mít tinh và ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Thạch Thành. Sau cuộc biểu tình giành chính quyền ở huyện lỵ Kim Tân đêm 18 rạng ngày 19/8/1945 thắng lợi trọn vẹn. Ngày 21/8, cuộc mít tinh lớn toàn huyện được tổ chức tại huyện lỵ để ra mắt chính quyền mới. Tại cuộc mít tinh		

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		này, ông Nguyễn Trí Đạo thay mặt Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tuyên bố giải tán hệ thống chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng gồm 05 thành viên do ông Nguyễn Trí Đạo làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Thạch Thành.		
16	Khởi Nghĩa Hoằng Hóa (24/7)	Khởi Nghĩa Hoằng Hóa: Phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở Hoằng Hóa phát triển mạnh mẽ. Sáng ngày 24 tháng 7 năm 1945, phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn phái một đơn vị bảo an binh ở tỉnh kéo về phủ lỵ Hoằng Hóa lùng bắt cán bộ Việt Minh, đánh phá phong trào cách mạng trong huyện. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Đinh Chương Lân, lực lượng tự vệ và quần chúng Nhân dân bố trí phục kích tiêu diệt địch, làm cho địch phải tháo chạy, nhiều tên bị bắt sống. Sau khi bắt được Tri phủ Phạm Trọng Bào, Chi bộ Đảng và Ban cán sự Việt Minh huyện tổ chức mít tinh lớn tại Cồn Ba Cây (xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa), tuyên cáo tội ác của chính quyền tay sai phản động, biểu dương tinh thần chiến đấu của quân tự vệ và quần chúng Nhân dân; kêu gọi quần chúng thừa thắng xông lên giành chính quyền. Hoằng Hóa trở thành nơi Khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên của Thanh Hóa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	Hai mươi bốn tháng bảy	
17	Ba mươi tháng tám (30/8)	Ngày 30 tháng 8 năm 1948 là ngày thành lập chi bộ Như Xuân tại nhà đồng chí Đỗ Kế Sức (thuộc xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa) do đồng chí Lê Đình Sằn, Thường vụ Tỉnh uỷ, phụ trách miền Tây về dự và chỉ đạo, đồng chí Nguyễn Xuân Liêm được chỉ định làm Bí thư.	Ba mươi tháng tám (30/8)	
18	Mười hai tháng ba (12/3)	Ngày 12 tháng 3 năm 1940, Huyện ủy lâm thời Hậu Lộc được thành lập tại thôn Trần Phú, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, bầu ra Bí thư và BCH lâm thời. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng của Hậu Lộc. Lần đầu tiên Hậu Lộc có một tổ chức Đảng lãnh đạo thống nhất từ huyện xuống cơ sở để đưa phong trào cách mạng trong huyện hòa nhập với phong trào chung của tỉnh.	Mười hai tháng ba (12/3)	
		Ngày 12 tháng 3 năm 1960, tại thị xã Thanh Hóa thuộc thành phố Thanh Hóa (cũ), lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam (cũ) được long trọng tổ chức. Đây là sự kiện chính trị trọng đại, góp phần động viên, cổ vũ Đảng bộ và Nhân dân hai tỉnh thực hiện thắng lợi đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam thời điểm đó là: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước.		

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
19	Mười sáu tháng tư (16/4)	Ngày 16 tháng 4 năm 1934 là ngày thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Vĩnh Lộc (cũ), do đồng chí Lê Văn Tân làm Bí thư, được thành lập ở làng Xuân Áng nay là xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa do đồng chí Lê Chủ chủ trì.	Mười sáu tháng tư (16/4)	
20	Hai mươi chín tháng bảy (29/7)	Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.	Hai mươi chín tháng bảy	
21	Hai mươi hai tháng tư (22/4)	Ngày 22 tháng 4 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 933/NQ-UBTVQH14 về việc "Thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thị xã Nghi Sơn (cũ) giáp các huyện Như Thanh, Nông Cống, Quảng Xương (cũ), tỉnh Nghệ An và biển Đông. Cùng với việc thành lập thị xã Nghi Sơn (cũ) là việc thành lập 16 phường thuộc thị xã. Như vậy, sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn (cũ) có 31 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 16 phường và 15 xã.	Hai mươi hai tháng tư (22/4)	
22	Mười lăm tháng hai (15/02)	Ngày 15 tháng 02 năm 1949, là ngày Chi bộ Cộng sản đầu tiên - tiền thân của Đảng bộ huyện Lang Chánh ra đời. Đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ và phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc huyện Lang Chánh (cũ).	Mười lăm tháng hai (15/02)[237]	
23	Mười tám tháng hai (18/2)	Ngày 18 tháng 2 năm 1946: Tại nhà Hội Giảng cầu Quan, là ngày thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên Đảng bộ huyện Nông Cống, đồng chí Lê Thế Nguyên (tức Trần Nguyện Đông) làm Bí thư Chi bộ, địa điểm này xây dựng tượng đài thuộc xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa.	Mười tám tháng hai (18/2)	
24	Hai mươi tám tháng ba (28/3)	Ngày 28 tháng 3 năm 1950, được Tỉnh uỷ Thanh Hóa ủy nhiệm, Ban Miền Tây ra quyết định: Thành lập Đảng bộ huyện Quan Hóa. Ban Chấp hành đảng bộ lâm thời gồm 05 đồng chí, do đồng chí Trần Đảng làm Bí thư, được giao trách nhiệm chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất.	Hai mươi tám tháng ba (28/3)	

[237] Mười lăm tháng hai (15/02): Đã được đặt tên tại Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

V. TÊN DANH NHÂN

Tổng số: 992 danh nhân, trong đó 307 tên danh nhân đã dùng đặt tên.

1. Danh nhân đất nước

Tổng số: 460 danh nhân, trong đó 265 tên danh nhân đã dùng đặt tên.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Hoàng Đình Ái	Thanh Hóa	Hoàng Đình Ái (1527 - 1607), quê làng Biện Thượng, huyện Vĩnh Phúc nay là xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam.	
2	Chu Văn An	Hà Nội	Chu Văn An (1292 - 1370), quê ở làng Văn, phường Định Công, thành phố Hà Nội, là nhà thơ nổi tiếng, nhà giáo mẫu mực và có nhiều đóng góp cho nền giáo dục nước nhà.	Đường, phố, công trình công cộng
3	Lê Văn An	Thanh Hóa	Lê Văn An (1384 - 1437), quê ở làng Mục Sơn (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, là Nhập đội Đại Tư mã, Đô đốc Tổng quản thời Lê sơ.	Đường phố
4	Đào Duy Anh	Thanh Hóa	Đào Duy Anh (1904 - 1988), quê ở xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, là Giáo sư Sử học và Văn hóa học, được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.	Đường, phố, công trình công cộng
5	Nguyễn Thị Anh	Thanh Hóa	Nguyễn Thị Anh (1422 - 1459), quê xã Bố Vệ, huyện Đông Sơn (nay là phường Hạc Thành), tỉnh Thanh Hóa, là phi tần của hoàng đế Lê Thái Tông, mẹ đẻ của Hoàng đế Lê Nhân Tông, là Thần phi, Thái hậu nhiếp chính thời Lê Sơ.	
6	Chu Bá	Thanh Hóa	Chu Bá (Thế kỷ I), quê Thanh Hóa, là danh tướng khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 -43).	
7	Tôn Thất Bách	Huế	Tôn Thất Bách (1946 - 2004), quê phường Thủy Xuân, thành phố Huế. Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc Triều đình nhà Nguyễn, là Phó Giáo sư, chuyên gia đầu ngành về tim mạch của Việt Nam và thế giới.	Phố
8	Phạm Bành	Thanh Hóa	Phạm Bành (1830 - 1887), quê ở làng Trương Xá, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Án sát thời nhà Nguyễn và là lãnh tụ trong Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
9	Lý Thiên Bảo	Hưng Yên	Lý Thiên Bảo (? - 555), quê Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên), là người khôi phục lại triều Lý Nam Đế, là vua nước Dã Năng (tồn tại phía Tây với nhà Tiền Lý) trong lịch sử Việt Nam.	
10	Nguyễn Bặc	Ninh Bình	Nguyễn Bặc (thế kỷ X), quê gốc ở Gia Viễn - Ninh Bình, là Thủy Tổ họ Nguyễn ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay thuộc xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của Đinh Bộ Lĩnh, có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, là Định Quốc Công.	Phố
11	Lương Đắc Bằng	Thanh Hóa	Lương Đắc Bằng (1471 - 1521), quê làng Hội Triều (nay thuộc xã Hoằng Châu), tỉnh Thanh Hóa. Là Thượng thư, kiêm Đông các Đại học sỹ thời Lê sơ.	Đường
12	Nguyễn Lương Bằng	Hải Phòng	Nguyễn Lương Bằng (1904 - 1979), quê xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng, là một nhà hoạt động Cách mạng và chính khách của Việt Nam, từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Việt Nam (1969 - 1979).	
13	Đỗ Bí	Thanh Hóa	Đỗ Bí (1400 - 1460), quê thôn Cung Hoàng (nay là thôn Cung Điền, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa). Là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Đình Thượng hầu.	Đường
14	Bùi Bị	Thanh Hóa	Bùi Bị (khoảng thế kỷ XV), quê ở Hào Lương, huyện Lương Giang (xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa). Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Huyện hầu dưới thời Lê sơ.	
15	Bùi Huy Bích	Hà Nội	Bùi Huy Bích (1744 - 1818) tự Hi Chương (hay Ảm Chương) hiệu Tồn Am, quê làng Định Công, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội, làm quan triều Lê đến chức tể tướng, ông còn là một nhà thơ, nhà biên soạn sách.	
16	Nguyễn Biểu	Hà Tĩnh	Nguyễn Biểu (? - 1413,) quê xã Đình Hồ, huyện La Giang, La Sơn (nay là xã Đức Quang, xã Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh, là tướng nhà Hậu Trần trong lịch sử Việt Nam.	Phố
17	Nguyễn Bính	Ninh Bình	Nguyễn Bính (1918 - 1966), tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở tỉnh Ninh Bình, là một nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	Đường, phố
18	Nguyễn Thái Bình	Tây Ninh	Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972), quê xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh. Là sinh viên phản chiến của Việt Nam bị bắn chết tại phi trường Tân Sơn Nhất. Sau cái chết,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			anh trở thành một biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam vào những năm 70 của thế kỷ XX.	
19	Đinh Bồ	Thanh Hóa	Đinh Bồ (? - 1427), quê tại làng Thủy Cối nay thuộc xã Minh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thượng tướng quân thời Lê sơ.	
20	Phạm Bôi	Thanh Hóa	Phạm Bôi (thế kỷ XV), quê làng Nguyễn Xá, hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan tới chức Nhập nội kiểm hiệu Thái bảo dưới thời Lê sơ.	Đường
21	Lê Bồi	Thanh Hóa	Lê Bồi (? - ?), người làng Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay là xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng thời Lê, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
22	Triệu Bôn	Thanh Hóa	Triệu Bôn (1938 - 2003), tên thật là Lê Văn Bửu, quê Kim Bôi, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là nhà văn, nhà báo trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	
23	Mạc Thị Bưởi	Hải Phòng	Mạc Thị Bưởi (1927 - 1951), quê xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng, là một trong những người được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam ngay trong đợt phong tặng đầu tiên vào năm 1955.	Phố
24	Tạ Quang Bửu	Nghệ An	Tạ Quang Bửu (1910 - 1986), quê ở tỉnh Nghệ An, là Giáo sư, nhà Toán học, nhà hoạt động khoa học, là người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự Việt Nam.	Đường, phố
25	Lương Văn Can	Hà Nội	Lương Văn Can (1854 - 1927) hay Lương Ngọc Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là xã Thường Tín, thành phố Hà Nội), là một chí sĩ thời cận đại, là một trong số người sáng lập ra trường Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907.	Đường
26	Nguyễn Đức Cảnh	Hưng Yên	Nguyễn Đức Cảnh (1908 - 1932), quê làng Diêm Điền, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên, là nhà hoạt động Cách mạng Việt Nam, là Bí thư đầu tiên của Thành ủy Hải Phòng và là Tổng biên tập đầu tiên của Báo Lao động.	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
27	Nguyễn Hữu Cảnh	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Cảnh (1650 - 1700), quê làng Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Cai cơ, Thống suất thời chúa Nguyễn.	
28	Nam Cao	Ninh Bình	Nam Cao (1917 - 1951), tên thật là Trần Hữu Tri, quê làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình), là nhà báo, là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của nền văn học Việt Nam.	Đường, phố
29	Nguyễn Cao	Bắc Ninh	Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, quê ở Cách Bi, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh), là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ XIX.	Phố
30	Văn Cao	Ninh Bình	Văn Cao (1923 - 1995), tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê An Lễ, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình, là một nhạc sĩ tài năng, tác giả của bài Tiến quân ca - Quốc ca của nước Việt Nam.	
31	Trần Quý Cáp	Đà Nẵng	Trần Quý Cáp (1870 - 1908), người làng Bất Nhị, nay thuộc xã Điện Bàn Tây, thành phố Đà Nẵng, tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp, sau đó bị bắt giam vào năm 1908.	Đường
32	Trịnh Căn	Thanh Hóa	Trịnh Căn (1633 -1709), người làng Sóc Sơn, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ tư của Dòng họ Trịnh.	
33	Đội Cấn	Phú Thọ	Đội Cấn (1881 - 1918), còn có tên là Trịnh Văn Đạt, quê làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, nay thuộc xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ, là một thủ lĩnh trong cuộc binh biến chống chính quyền thực dân Pháp tại Thái Nguyên năm 1917.	Đường
34	Huy Cận	Hà Tĩnh	Cù Huy Cận (1919 - 2005), bút danh Huy Cận, quê làng Ân Phú, huyện Hương Sơn sau đó thuộc huyện Đức Thọ (nay là xã Mai Hoa) tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam.	
35	La Văn Cầu	Cao Bằng	La Văn Cầu (1932 - ?), quê xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.	
36	Hồ Biểu Chánh	Đồng Tháp	Hồ Biểu Chánh (1885 - 1958) tên thật là Hồ Văn Trung, quê làng Bình Thành, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp. Ông là nhà văn lớn, có một sự nghiệp sáng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tác đồ sộ với 64 cuốn tiểu thuyết, 12 tập truyện ngắn, 12 vở hài kịch và 5 tập thơ...Ông đã có công lao đóng góp vào sự hình thành tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.	
37	Lê Chân	Quảng Ninh	Lê Chân (? - ?), quê làng An Biên, Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), là nữ tướng của Hai Bà Trưng, là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định.	Đường, phố
38	Trần Khát Chân	Thanh Hóa	Trần Khát Chân (1370 - 1399), quê ở Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh (nay xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng tướng quân thời Trần, có công đánh lui các cuộc tấn công của quân Chiêm Thành vào Đại Việt, giết được vua Chiêm là Chế Bồng Nga.	Đường, công trình công cộng
39	Phan Bội Châu	Nghệ An	Phan Bội Châu (1867 - 1940), tên thật là Phan Văn San, quê xã Vạn An, tỉnh Nghệ An, là một danh sĩ và là nhà cách mạng Việt Nam, hoạt động trong thời kỳ Pháp thuộc.	Đường, phố
40	Mạc Đĩnh Chi	Hải Phòng	Mạc Đĩnh Chi (1280 - 1346) tên tự là Tiết Phu, quê ở thôn Long Động[238], xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng, là một quan đại thần thanh liêm qua ba đời vua của triều Trần trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
41	Trương Chiến	Thanh Hóa	Trương Chiến (? - 1436), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông là một trong 19 người tham gia hội thề Lũng Nhai.	
42	Nguyễn Chích	Thanh Hóa	Nguyễn Chích (1382 - 1448), quê ở phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn	Phố
43	Nguyễn Đình Chiểu	Huế	Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), quê làng Bồ Điền, phường Phong Thái, thành phố Huế, là nhà thơ lớn củaViệt Nam thế kỷ XIX.	Đường
44	Trường Chinh	Ninh Bình	Trường Chinh (1907 - 1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, quê xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình, từng giữ chức Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (lần thứ nhất giai đoạn 1941-1956, lần thứ hai 1986), Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960 - 1975), Chủ tịch Quốc hội (khóa V, VI).	

[238] Ý kiến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hải phòng đề nghị đổi Lũng Động thành thôn Long Động.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
45	Phó Đức Chính	Hưng Yên	Phó Đức Chính (1908 - 1930), quê làng Đa Ngưu, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân Đảng.	Đường
46	Nguyễn Phúc Chu	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là vị Chúa thứ sáu của Dòng họ Nguyễn, người có công mở cõi đất phương Nam.	
47	Phan Huy Chú	Hà Tĩnh	Phan Huy Chú (1782 - 1840), quê gốc Hà Tĩnh, sinh ở làng Thày, huyện Yên Sơn (nay là xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội), là nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam.	Đường, phố
48	Lưu Nhân Chú	Thái Nguyên	Lưu Nhân Chú (? - 1433), quê tỉnh Thái Nguyên, là một vị tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là một trong 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai	Đường
49	Lê Cố	Thanh Hóa	Lê Cố (? - ?), quê huyện Thường Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu, có tên trong danh sách 35 vị khai quốc công thần hàng đầu của nhà Lê, được phong tước Đường Quận công.	
50	Võ Chí Công	Đà Nẵng	Võ Chí Công (1912 - 2011), tên thật là Võ Toàn, quê làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.	
51	Âu Cơ		Âu Cơ (?-?) tương truyền là giống Tiên (Phú Thọ), lấy Lạc Long Quân giống Rồng, là một nhân vật trong truyền thuyết Việt Nam, theo đó Bà là tổ mẫu của người Việt.	
52	Nguyễn Trinh Cơ	Thanh Hóa	Nguyễn Trinh Cơ (1915 - 1985), quê ở Nông Trường (nay là xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa), là Giáo sư, Tiến sỹ Y học nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho nền Y học nước nhà.	
53	Đặng Trần Côn	Hà Nội	Đặng Trần Côn (1720 - 1745), quê ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, là người giỏi thơ phú, là tác giả Chinh phụ ngâm viết bằng chữ Hán sau được dịch sang chữ Nôm, từng giữ chức Ngự sử đài đại phu thời Lê Trung hưng.	Đường
54	Lương Định Của	Cần Thơ	Lương Định Của (1918 - 1975) là Anh hùng Lao động, quê ở xã Đại Ngãi, thành phố Cần Thơ, là một nhà nông học, nhà tạo giống cây trồng của Việt Nam.	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
55	Nguyễn Đỗ Cung	Hà Nội	Nguyễn Đỗ Cung (1912 - 1977), quê Sơn Tây nhưng sinh ở làng Xuân Đỉnh, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội), ông nổi tiếng về sự nghiệp hội họa, là viện trưởng đầu tiên Viện mỹ thuật, mỹ nghệ Việt Nam, sáng lập ra Viện bảo tàng mỹ thuật, đồng thời cũng là một sáng lập viên Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.	
56	Đội Cung	Hà Tĩnh	Đội Cung (? - 1941), tên thật là Trần Công Cung hay Nguyễn Văn Cung, quê xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh, là thủ lĩnh của một số binh sĩ lính khố xanh ngày 13 tháng 1 năm 1941 tại Nghệ An.	Đường, phố
57	Phạm Cuống	Thanh Hóa	Phạm Cuống (1367 - ?), quê huyện Ngọc Lặc (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là người có mặt từ buổi đầu Lam Sơn khởi nghĩa, có nhiều đóng góp vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	
58	Nguyễn Văn Cừ	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Cừ (1912 - 1941), quê phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh, người Chiến sĩ cách mạng trung kiên. Năm 1938 ông được bầu giữ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 26 tuổi.	Đường, phố
59	Trịnh Cương	Thanh Hóa	Trịnh Cương (1686 - 1729), người làng Sóc Sơn, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa là vị Chúa thứ năm của Dòng họ Trịnh.	
60	Ngô Thị Ngọc Dao	Thanh Hóa	Ngô Thị Ngọc Dao (1421 - 1496), quê làng Động Bàng, nay là xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là Quang Thục Hoàng Thái hậu triều Lê Sơ.	Phố
61	Nguyễn Hữu Dật	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Dật (1603 - 1668), quê ở làng Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng làm quan tới chức Bố chính dưới thời Chúa Nguyễn, có công mở rộng vùng đất phương Nam, nổi tiếng vùng Nam Bộ.	
62	Hồ Đắc Di	Huế	Hồ Đắc Di (1900 - 1984), sinh ra tại Hà Tĩnh, quê ở làng An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế, là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam.	Đường
63	Lưu Diễm	Thanh Hóa	Lưu Diễm (1211 - ?), quê ở Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, nay thuộc phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Đông các Đại học sĩ thời nhà Trần.	
64	Tô Vĩnh Diện	Thanh Hóa	Tô Vĩnh Diện (1924 - 1954), quê thôn Dược Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Cống (nay thuộc xã An Nông), tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nhân dân của Việt Nam, anh nổi tiếng với giai thoại hy sinh thân mình để cứu khẩu pháo không bị lăn xuống vực trong Chiến dịch Điện Biên Phủ	
65	Trần Quang Diệu	Gia Lai	Trần Quang Diệu (? - 1802), quê huyện Hoài Ân, Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), là danh tướng Tây Sơn.	Phố
66	Hoàng Diệu	Đà Nẵng	Hoàng Diệu (1832 - 1882), quê ở xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng, là một vị quan dưới thời nhà Nguyễn, người đã quyết tử bảo vệ thành Hà Nội khi Pháp tấn công năm 1882.	Đường, phố
67	Xuân Diệu	Hà Tĩnh	Ngô Xuân Diệu (1916 - 1985), bút danh là Xuân Diệu, quê xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	Đường, phố
68	Vừ A Dính	Điện Biên	Vừ A Dính (1934 - 1949), quê huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên), là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, liệt sĩ quân đội Nhân dân Việt Nam.	
69	Lê Thiếu Dĩnh	Thanh Hóa	Lê Thiếu Dĩnh (thế kỷ XV), quê ở hương Lão Lạt, huyện Thống Bình, châu Ái, trấn Thanh Đô (nay thuộc xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là An phủ sứ và là nhà ngoại giao thời Lê sơ.	
70	Trịnh Doanh	Thanh Hóa	Trịnh Doanh (1720 - 1767), quê ở làng Sóc Sơn, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ bảy của Dòng họ Trịnh.	
71	Nguyễn Du	Hà Tĩnh	Nguyễn Du (1766 - 1820), tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, người làng Tiên Điền, xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà thơ lớn, để lại nhiều thi phẩm Hán Nôm, trong đó có tác phẩm bất hủ Truyện Kiều. Ông được UNESCO tôn vinh Danh nhân Văn hóa thế giới.	Đường, phố
72	Nguyễn Hoằng Dụ	Thanh Hóa	Nguyễn Hoằng Dụ (? - 1518), quê xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.	
73	Lê Duẩn	Quảng Trị	Lê Duẩn (1907 - 1986), tên thật là Lê Văn Nhuận, quê làng Bích La, xã Triệu Thành, tỉnh Quảng Trị, là Bí thư Thứ nhất Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
74	Nguyễn Công Duẩn	Thanh Hóa	Nguyễn Công Duẩn (? - ?), quê ở làng Gia Miêu Ngoại Trang, nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thái bảo Hoành công dưới thời Lê sơ.	
75	Trần Nhật Duật	Ninh Bình	Trần Nhật Duật (1255 - 1331), quê tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình), là người có nhiều công lớn trong chỉ huy trận chiến đánh quân Nguyên - Mông, nổi danh trong trận Hàm Tử (l285).	Phố
76	Lê Hoằng Dục	Thanh Hóa	Lê Hoằng Dục (thế kỷ XV), quê xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là một Võ quan triều Lê sơ. Hành trạng của Ông được xác thực bởi Minh thực lục và Đại Việt sử ký toàn thư.	
77	Đặng Dung	Quảng Trị	Đặng Dung (? - 1414), quê Hóa Châu, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Tùng Lộc, tỉnh Quảng Trị), làm tướng cuối đời Trần, tham gia các trận Hàm Tử, Yên Mô, Chí Linh năm 1413.	Phố
78	Văn Tiến Dũng	Hà Nội	Văn Tiến Dũng (1917 - 2002), quê Hà Nội, là Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.	
79	Trần Khánh Dư	Hải Phòng	Trần Khánh Dư (? - 1339), quê phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng, là một chính khách, nhà quân sự Đại Việt dưới thời Trần.	Đường, phố
80	Nguyễn Đôn Dự	Thanh Hóa	Nguyễn Đôn Dự (? - ?), quê làng Thọ Vực, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ giải nguyên, là nhà yêu nước, tham gia Phong trào Đông Du.	
81	Đô Dương	Thanh Hóa	Đô Dương (? - ?), quê ở Thanh Hóa, là một vị tướng tài trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.	
82	Đinh Chương Dương	Thanh Hóa	Đinh Chương Dương (1889 - 1972), quê ở làng Y Bích, nay thuộc xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Đại biểu Quốc hội khóa I, Cố vấn Chính phủ ở Trung bộ.	Phố
83	Hồ DZẾNH	Thanh Hóa	Hồ DZẾNH (1916 - 1991), quê ở làng Đông Bích, xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Việt Nam, được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
84	Tản Đà	Hà Nội	Tản Đà (1889 - 1939), tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, quê Sơn Tây nay thuộc Hà Nội, là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam.	Đường
85	Trần Nguyên Đán	Ninh Bình	Trần Nguyên Đán (1326 - 1390), tên hiệu là Băng Hồ, quê Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình), là Danh thần nhà Trần.	Đường
86	Bế Văn Đàn	Cao Bằng	Bế Văn Đàn (1931- 1953), là người dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh (nay là xã Bế Văn Đàn, tỉnh Cao Bằng), là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nổi tiếng với hình tượng "lấy thân mình làm giá súng".	Phố
87	Lê Quang Đạo	Bắc Ninh	Lê Quang Đạo (1921 - 1999), tên thật là Nguyễn Đức Nguyện, quê Đình Bảng, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là một chính khách của Việt Nam, nguyên Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam (1987 - 1992).	
88	Trần Hưng Đạo	Ninh Bình	Trần Hưng Đạo (? - 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo đại Vương, quê tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình), là danh tướng, một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một nhà chính trị, nhà văn cũng như là Tư lệnh tối cao chỉ huy quân đội thời nhà Trần.	Đường
89	Cao Đáp	Thanh Hóa	Cao Đáp (cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV), quê xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, người có công theo Lê Lợi từ thời ở Lũng Nhai, tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ góp phần vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn,	
90	Chu Đạt	Thanh Hóa	Chu Đạt (91 - 160), là người ở Cư Phong (nay thuộc làng Phú Hào, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa, là thủ lĩnh Cuộc khởi nghĩa tại Cửu Chân thời Bắc thuộc chống ách thống trị nhà Đông Hán.	Đường
91	Hoàng Bật Đạt	Thanh Hóa	Hoàng Bật Đạt (? - 1887), quê ở làng Bộ Đầu, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa	Đường, phố
92	Triệu Quốc Đạt	Thanh Hóa	Triệu Quốc Đạt (? - ?), quê Thanh Hóa, là một huyện lệnh, hào trưởng - thủ lĩnh vùng đất thuộc Cửu Chân (Thanh Hóa), anh ruột của Triệu Thị Trinh (hay Bà Triệu).	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
93	Mai Hắc Đế	Hà Tĩnh	Mai Hắc Đế (? - 722), tên thật là Mai Thúc Loan, quê Hà Tĩnh, là vị vua người Việt thời Bắc thuộc, anh hùng dân tộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự chiếm đóng của nhà Đường ở Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ VIII.	Đường
94	Lý Nam Đế	Hưng Yên	Lý Nam Đế (?[239] - 548), còn gọi là Lý Bôn, quê Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên), là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lý và nước Vạn Xuân.	Đường
95	Đoàn Thị Điểm	Hưng Yên	Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), hiệu "Hồng Hà nữ sĩ", quê ở xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, là nữ sĩ Việt Nam thời Lê Trung hưng.	Đường, phố
96	Cao Bá Điển	Thanh Hóa	Cao Bá Điển (1848 - 1896), hay Cao Điển, Cao Điền, quê ở làng Trinh Sơn (nay thuộc xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa), là Đề đốc thời nhà Nguyễn, là cộng sự đắc lực của Tống Duy Tân trong Cuộc Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) hưởng ứng chiếu Cần Vương.	Đường, phố
97	Nguyễn Thị Định	Vĩnh Long	Nguyễn Thị Định (1920 - 1992), còn gọi là Ba Định, quê xã Lương Hòa, tỉnh Vĩnh Long, là Nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Người lãnh đạo chủ chốt phong trào Đồng khởi - Bến Tre[240].	Đường
98	Trương Định	Quảng Ngãi	Trương Định (1820 - 1864), quê xã Bình Sơn, Quảng Ngãi, ngụ ở Gia Định, là võ quan nhà Nguyễn và là thủ lĩnh chống Pháp giai đoạn 1859 - 1864 trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
99	Bùi Bằng Đoàn	Hà Nội	Bùi Bằng Đoàn (1889-1995), quê xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội), là Thượng thư bộ Hình triều Nguyễn (1933 - 1945), Trưởng ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trưởng ban Thường trực Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Khóa I.	
100	Cao Đình Độ	Thanh Hóa	Cao Đình Độ (1744 - 1810), quê ở xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa, là Tổ nghề Kim hoàn ở Việt Nam.	

[239] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên: Đề nghị không ghi rõ năm sinh của danh nhân Lý Nam Đế (Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nhà xuất bản Giáo dục, 2005, Tr. 28).
[240] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long: Đề nghị bổ sung người lãnh đạo chủ chốt phong trào Đồng khởi - Bến Tre.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
101	Trần Thủ Độ	Hưng Yên	Trần Thủ Độ (1194 - 1264), quê Hải Ấp (nay thuộc xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên), là một nhà chính trị Đại Việt cuối thời Lý đầu thời Trần. Ông đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện, lập nên nhà Trần, thu phục các thế lực người Man làm phản loạn và trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất.	Đường
102	Phạm Đốc	Thanh Hóa	Phạm Đốc (1514 - 1559), quê ở Thọ Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thọ Bình, Tỉnh Thanh Hóa), là Võ quan, làm quan đến chức Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.	
103	Lê Quý Đôn	Hưng Yên	Lê Quý Đôn (1726 - 1784), tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương, quê ở làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam, nay là thôn Đồng Phú thuộc xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên, là vị quan thời Lê Trung hưng, cũng là nhà thơ và được mệnh danh là "nhà bác học lớn của Việt Nam trong thời phong kiến".	Đường, công trình công cộng
104	Đặng Tiến Đông	Hà Nội	Đặng Tiến Đông (1738 - 1803), quê ở làng Lương Xá, xã Quảng Bị, thành phố Hà Nội, làm quan thời Lê - Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của Nguyễn Huệ.	Đường
105	Phạm Văn Đồng	Quảng Ngãi	Phạm Văn Đồng (1906 - 2000), quê ở xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, là Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 (từ năm 1981 gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho đến khi nghỉ hưu năm 1987.	
106	Kim Đồng	Cao Bằng	Kim Đồng (1929 - 1943), tên thật là Nông Văn Dền, dân tộc Nùng, quê ở xóm[241] Nà Mạ, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng, là người Đội trưởng đầu tiên của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	Đường
107	Nguyễn Quý Đức	Hà Nội	Nguyễn Quý Đức (1647 - 1720) quê làng Đại Mỗ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông làm quan triều Lê, là một nhà chính trị xuất sắc có nhiều công trạng với triều đình và đất nước.	

[241] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng: Đề nghị thay bản bằng xóm.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
108	Tự Đức	Thanh Hóa	Tự Đức (1829 - 1883), tên thật là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là Vua thứ tư của Triều Nguyễn.	
109	Lê Ê	Thanh Hóa	Lê Ê (? - 1460), quê ở làng Thái Lai, huyện Lương Giang (nay xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.	
110	Hoàng Minh Giám	Hà Nội	Hoàng Minh Giám (1904 - 1995), quê xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay là quận Bắc Từ Liêm (cũ), thành phố Hà Nội. Ông là nhà ngoại giao của Việt Nam, người trực tiếp trợ giúp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán với nhà ngoại giao Sainteny của Chính phủ Pháp, dẫn đến việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946.	Đường
111	Ninh Viết Giao	Thanh Hóa	Ninh Viết Giao (1933 - 2014), quê xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà giáo, nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng và có nhiều đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam.	
112	Xuân Giao	Hưng Yên	Xuân Giao (1932 - 2014), quê ở xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, là nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam.	
113	Võ Nguyên Giáp	Quảng Trị	Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013), quê xã lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị, là Đại tướng đầu tiên, Tổng tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam, cũng là người chỉ huy đầu tiên Quân đội Nhân dân Việt Nam.	
114	Phan Đình Giót	Hà Tĩnh	Phan Đình Giót (1922 - 1954), quê quán làng Tam Quang, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong 16 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.	Đường, phố
115	Lê Giốc	Thanh Hóa	Lê Giốc (? - 1377), quê ở làng Phủ Lý (xã Thiệu Trung), tỉnh Thanh Hóa.	
116	Đoàn Nhữ Hài	Hải Phòng	Đoàn Nhữ Hài (1280 - 1335), quê làng Hội Xuyên, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng. Ông làm quan dưới thời Trần, ông là một tài năng xuất sắc từ lúc còn thiếu niên, khá tiêu biểu cho con người tri thức toàn diện của nước ta dưới thời Trần, đặc	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			biệt không bằng con đường khoa cử để tiến thân mà bằng thực học và bằng sự tích lũy nhiều kiến thức, vận dụng chính xác vào thực tiễn.	
117	Dương Quảng Hàm	Hưng Yên	Dương Quảng Hàm (1898 - 1946), quê làng Phú Thị, nay thuộc xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên, là nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo dục Việt Nam. Tác phẩm Việt Nam văn học sử yếu, do Ông dày công biên soạn, được xem là cuốn văn học sử phổ thông bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam.	
118	Hoàng Xuân Hãn	Hà Tĩnh	Hoàng Xuân Hãn (1908 - 1996), quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, nay là xã Đức Quang, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà sử học, nhà ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, giáo dục Việt Nam, đồng thời là một kỹ sư, nhà toán học. Ông là người soạn thảo và ban hành Chương trình Trung học Việt Nam đầu tiên.	
119	Trần Nguyên Hãn	Phú Thọ	Trần Nguyên Hãn (? - 1429), quê ở tỉnh Phú Thọ, là Võ tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, là Khai quốc công thần thời Lê.	Đường
120	Nguyễn Hành	Hà Tĩnh	Nguyễn Hành (1771 - 1824), quê làng Tiên Điền, xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, chính tên là Nguyễn Đạm. Ông học rộng biết nhiều, có biệt tài về thơ, ông cùng Nguyễn Du được coi là hai trong số năm nhà thơ nổi tiếng nhất thời bấy giờ (thường gọi là An Nam ngũ tuyệt).	
121	Đỗ Hành	Thanh Hóa	Đỗ Hành (thế kỷ XIII), quê xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng thời Trần, lập chiến công bắt Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Vương trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ ba (1287 - 1288).	Phố
122	Từ Đạo Hạnh	Bắc Ninh	Từ Đạo Hạnh (1072 - 1116), tục gọi là Đức thánh Láng, quê Bắc Ninh, là một Thiền sư nổi tiếng thời nhà Lý.	Đường
123	Vạn Hạnh	Bắc Ninh	Vạn Hạnh (929 - 1018), phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là tên một vị thiền sư người Việt có nhiều đóng góp trong việc mở ra triều đại nhà Lý, một trong những triều đại nổi bật nhất trong lịch sử Việt Nam.	
124	Nguyễn Hữu Hào	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Hào (1646 - 1713), quê ở xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Thống binh, Trấn thủ dưới thời chúa Nguyễn.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
125	Lê Ngọc Hân	Thanh Hóa	Lê Ngọc Hân (1770 - 1799), còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu, dân gian còn lưu truyền gọi là Bà Chúa Tiên, quê Thanh Hóa, là công chúa nhà Hậu Lê và hoàng hậu nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ).	Đường
126	Lê Hiểm	Thanh Hóa	Lê Hiểm (1392 - 1443), quê Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại Quan lang thời Lê sơ.	
127	Nguyễn Thượng Hiền	Hà Nội	Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925), tự là Đỉnh Nam, Đỉnh Thần, tên hiệu: Mai Sơn, quê làng Liên Bạt, xã Ứng Thiên, Hà Nội, được gọi là Ông nghè Liên Bạt.	Phố
128	Lê Thì Hiến	Thanh Hóa	Lê Thì Hiến (1611 - 1676), người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, phủ Thiệu Thiên (nay là thuộc xã Thọ Phú), tỉnh Thanh Hóa, là vị tướng tài dưới thời Lê Trung hưng.	
129	Nguyễn Hiền	Ninh Bình	Nguyễn Hiền (1234 - 1255), người làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (nay là xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình), ông thi đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi, trở thành trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam.	
130	Tống Phúc Hiệp	Thanh Hóa	Tống Phúc Hiệp (? - 1776), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa (nay là xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Thuần.	
131	Lê Hiêu	Thanh Hóa	Lê Hiêu (1409 - 1490), quê huyện Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa. Ông được xếp thứ 29 trong số 35 vị khai quốc công thần triều Lê.	
132	Lưu Hưng Hiếu	Thanh Hóa	Lưu Hưng Hiếu (1456 - ?) còn gọi là Lê Hưng Hiếu, quê ở xã Hà Lương (nay là xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm đông các đại học sĩ dưới thời Lê sơ.	
133	Lê Phụng Hiểu	Thanh Hóa	Lê Phụng Hiểu (thế kỷ XI), quê ở làng Băng Sơn (nay là Hoằng Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Đô thống Thượng tướng quân thời Lý.	Đường, phố
134	Nguyễn Hiệu	Thanh Hóa	Nguyễn Hiệu (1674 - 1735), quê làng Lan Khê, huyện Nông Cống (nay là thôn Phương Khê, xã An Nông), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
135	Nguyễn Duy Hiệu	Đà Nẵng	Nguyễn Duy Hiệu (1847- 1887), quê làng Thanh Hà, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Hội An Tây), thành phố Đà Nẵng, là một chí sĩ và là một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Quảng Nam	Đường
136	Tô Hiệu	Hưng Yên	Tô Hiệu (1912 - 1944), quê thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, là một nhà Cách mạng Cộng sản Việt Nam.	Đường, phố
137	Hoàng Thiều Hoa		Hoàng Thiều Hoa (TK I), nữ tướng đời Trưng Vương, không rõ năm sinh, năm mất.	
138	Nguyễn Công Hoan	Bắc Ninh	Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977), quê ở làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, là một nhà văn, nhà báo, thành viên Hội nhà văn Việt Nam.	
139	Lê Hoàn - Lê Đại Hành	Thanh Hóa	Lê Hoàn - Lê Đại Hành (941 - l005), quê xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là Vua đầu tiên của nhà Tiền Lê.	Đường, phố, công trình công cộng
140	Nguyễn Hoàn	Thanh Hóa	Nguyễn Hoàn (1713 - 1792), quê ở làng Phương Khê, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa, là nhà giáo dục, nhà chính trị nổi tiếng mà còn là một nhà văn hóa, nhà sử học, từng giữ chức Đông Các đại học sỹ, Hàn Lâm hiệu thảo phụ trách Quốc Tử Giám.	
141	Trần Quốc Hoàn	Nghệ An	Trần Quốc Hoàn (1916 - 1986), tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, quê ở xóm Trung Cần, xã Thiên Nhẫn, tỉnh Nghệ An, là Bộ trưởng Công an đầu tiên của Việt Nam.	
142	Trần Hoàn	Quảng Trị	Trần Hoàn (1928 - 2003), tên thật là Nguyễn Tăng Hích, quê xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị là nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam.	
143	Nguyễn Hoàng	Thanh Hóa	Nguyễn Hoàng (1525 - 1613), quê làng Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa là Chúa đầu tiên của dòng họ Nguyễn.	Đường
144	Đinh Tiên Hoàng	Ninh Bình	Đinh Tiên Hoàng (924 - 979), tức Đinh Bộ Lĩnh quê Ninh Bình, là vị hoàng đế sáng lập triều đại nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam, người có công xây nền móng độc lập, tự chủ cho đất nước ở thế kỷ X.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
145	Nguyễn Thái Học	Phú Thọ	Nguyễn Thái Học (1904 - 1930), người làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là xã Thổ Tang, tỉnh Phú Thọ), là thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng thành lập năm 1927.	Đường, phố
146	Nguyên Hồng	Ninh Bình	Nguyên Hồng (1918 - 1982), quê phố Hàng Cau, tỉnh Ninh Bình, sống làm việc ở Hải Phòng, là nhà văn lớn trong dòng văn học hiện đại phê phán có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn chương Cách mạng Việt Nam.	Phố
147	Nguyễn Hữu Huân	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Huân (? - 1677), quê Làng Lưu Hiền, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, ông là người có công đánh Mạc.	
148	Hà Tông Huân	Thanh Hóa	Hà Tông Huân (1697 - 1766), quê làng Vàng, nay là xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là võ tướng Thượng thư thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng
149	Phạm Hùng	Vĩnh Long	Phạm Hùng (1912 - 1988), tên thật là Phạm Văn Thiện, quê ấp Long Thuận A[242], xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, là một chính khách Việt Nam, là Thủ tướng (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) thứ hai của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1987 đến năm 1988.	Đường, phố
150	Lê Thiết Hùng	Nghệ An	Lê Thiết Hùng (1908 - 1986), tên thật là Lê Văn Nghiệm, quê xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động cách mạng, được xem là vị tướng được phong quân hàm đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.	Phố
151	Nguyễn Ngọc Huyền	Thanh Hóa	Ngọc Huyền (1685 - 1743), quê xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	
152	Nguyễn Văn Huyên	Hà Nội	Nguyễn Văn Huyên (1908 - 1975), hiệu Huy Vân quê thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là xã Hoài Đức - Hà Nội); là Giáo sư, Tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóaViệt Nam. Ông cũng là người giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam.	
153	Phùng Hưng	Hà Nội	Phùng Hưng (? - 789), người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội), là lãnh tụ một cuộc nổi dậy chống lại	Đường

[242] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long bổ sung Ấp Long Thuận A.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			sự đô hộ của nhà Đường thời Bắc thuộc lần thứ ba (602 - 905) trong lịch sử Việt Nam.	
154	Bùi Quốc Hưng	Hưng Yên	Bùi Quốc Hưng (1354 - 1437), quê ở làng Tri Lai, huyện Vũ Tiên (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên), là văn thần luôn được Lê Lợi tin dùng có nhiều đóng góp trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
155	Hồ Xuân Hương	Nghệ An	Hồ Xuân Hương (1772 - 1822), quê Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (nay thuộc xã Quỳnh Anh), tỉnh Nghệ An, là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX.	Đường, phố
156	Lê Văn Hưu	Thanh Hóa	Lê Văn Hưu (1230 - 1322), quê làng Thần Hậu (tục gọi Kẻ Rỵ), huyện Đông Sơn, nay thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm Chưởng quan tu sử ký thời nhà Trần và là tác giả của bộ Đại Việt sử ký - bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam.	Đường, phố, công trình công cộng
157	Tố Hữu	Huế	Tố Hữu (1920 - 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê làng Phù Lai, xã Quảng Điền, thành phố Huế, từng giữ chức Bí thư Trung ương Đảng (1960), Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng… Năm 1981, Phó Chủ tịch, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, ông từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
158	Thôi Hữu	Thanh Hóa	Thôi Hữu (1919 - 1950), có tên Nguyễn Đắc Giới, quê xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phố
159	Lê Hy	Thanh Hóa	Lê Hy (1642 - 1702), quê phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm Chưởng lục bộ, Tham tụng, Tổng tài Quốc sử thời Lê Trung hưng.	
160	Phan Huy Ích	Hà Tĩnh	Phan Huy Ích (1750 - 1822), hiệu Dụ Am người xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh, cư trú ở làng Thày (Quốc Oai, Hà Nội), là quan đại thần trải ba triều đại Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn.	Phố
161	Nguyễn Khiêm Ích	Hà Nội	Nguyễn Khiêm Ích (1679 - 1740), tên hiệu là Kính Trai, quê gốc xã Kim Sơn, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là xã Đoài Phương, thành phố Hà Nội), là đại thần nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
162	Bùi Công Kế	Thanh Hóa	Bùi Công Kế (? - ?), hay có tên là Nguyễn Kế, quê huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, Võ tướng đời Nguyễn Phúc Thuần (1753 - 1777)	
163	Hoàng Lê Kha	Thanh Hóa	Hoàng Lê Kha[243] (1917 - 1960), tên thật là Hoàng Lệ Cẩn, bí danh Nguyễn Văn Tòng, quê thôn Trang Các, tổng Ngọ Xá (nay là xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh.	Đường, công trình công cộng
164	Dương Tam Kha	Thanh Hóa	Dương Tam Kha (? - ?), quê làng Dương Xá, huyện Thiệu Hóa (cũ) nay là phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, là người có công lớn trong đánh nhà Hán, là vị tướng giỏi thứ hai sau Dương Đình Nghệ, là một vị vua Việt Nam, trị vì 6 năm, từ 944 đến 950, xen giữa nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.	
165	Trịnh Khả	Thanh Hóa	Trịnh Khả (1399 - 1451), người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh phủ Thanh Hóa (nay thuộc thôn Giang Đông, xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đô Thái giám thời Lê sơ.	Đường
166	Nguyễn Thị Minh Khai	Nghệ An	Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941), tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, quê xã Vĩnh Yên, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, là một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940.	Đường, phố
167	Trần Quang Khải	Ninh Bình	Trần Quang Khải (1241 - 1294), quê gốc ở tỉnh Ninh Bình, là một thân vương quý tộc nhà Trần, làm đến chức Tể tướng đời Trần Thánh Tông, coi cả mọi việc trong nước.	Đường
168	Ngô Gia Khảm	Bắc Ninh	Ngô Gia Khảm (1912 - 1990), quê phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là một trong những người được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động đầu tiên năm 1952, còn gọi là người "Anh hùng Lao động số 1".	Đường
169	Huỳnh Thúc Kháng	Đà Nẵng	Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, quê làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Thạnh Bình), thành phố Đà Nẵng, là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng Việt Nam.	Đường, phố

[243] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
170	Lương Hữu Khánh	Thanh Hóa	Lương Hữu Khánh (thế kỷ XVI), quê làng xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, là Thái bảo, Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc thời Lê Trung hưng.	Đường
171	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Hải Phòng	Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) hay còn gọi là Trạng Trình, quê làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng), là Nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI.	Đường, phố
172	Ông Ích Khiêm	Đà Nẵng	Ông Ích Khiêm (1832 - 1884), hiệu Mục Chi, người làng Phong Lệ, huyện Diên Phước (nay là phường Hòa Xuân), thành phố Đà Nẵng, là danh tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam	Đường
173	Nguyễn Khoái	Hải Phòng, Hưng Yên	Nguyễn Khoái (1240 - ?), quê Hồng Châu, nay thuộc một phần thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên, là một tướng lĩnh thời Trần, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.	Phố
174	Phùng Khắc Khoan	Hà Nội	Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613), người làng Bùng (Phùng Xã), Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội, là quan nhà Lê Trung hưng và là nhà thơ Việt Nam.	Đường
175	Nguyễn Phúc Khoát	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Khoát (1714 - 1765), quê gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là Chúa thứ tám của dòng họ Nguyễn.	
176	Nguyễn Xuân Khoát	Hà Nội	Nguyễn Xuân Khoát (1910 - 1993), quê Hà Nội, là nhạc sĩ và là Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ông được coi là Người anh cả, là cánh chim đầu đàn của nền âm nhạc mới Việt Nam.	Đường, phố
177	Lê Khôi	Thanh Hóa	Lê Khôi (? - 1447), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng xuất sắc trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy, Tư không dưới thời Lê sơ.	Phố
178	Minh Không	Ninh Bình	Minh Không (1066 - 1141), tên hiệu Nguyễn Minh Không, còn có tên gọi là Lý Quốc Sư, quê làng Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Điền Xá, xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình), là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử, được xem là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Namvà được tôn vinh là ông tổ nghề đúc đồng.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
179	Đoàn Khuê	Quảng Trị	Đoàn Khuê (1923 - 1998), bí danh Võ Tiến Trình, quê thôn Gia Đẳng, xã Triệu Tân, huyện Triệu Phong, (nay là xã Triệu Cơ, tỉnh Quảng Trị), là Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.	Phố
180	Nguyễn Khuyến	Ninh Bình	Nguyễn Khuyến (1835 - 1909), quê làng Văn Khế, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình là nhà thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng.	Đường, phố
181	Đỗ Khuyển	Thanh Hóa	Đỗ Khuyển (1399 - 1459), tên húy của ông là Đỗ Đại, còn gọi là Lê Khuyển, quê ở làng Đa Mỹ, huyện Cổ Lôi (nay là thôn Thịnh Mỹ, xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	Đường
182	Trịnh Kiểm	Thanh Hóa	Trịnh Kiểm (1503 - 1570) tức Thế Tổ Minh Khang Thái Vương, quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng Thái quốc công thời Lê Trung hưng và cũng là người mở đầu sự nghiệp nắm quyền của Họ Trịnh.	
183	Phùng Chí Kiên	Nghệ An	Phùng Chí Kiên (1901 - 1941), tên khai sinh là Nguyễn Vĩ, còn có tên khác là Mạnh Văn Liễu, quê làng Mỹ Quan, tổng Vạn Phần (nay là xã Hùng Châu), tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động cách mạng và quân sự Việt Nam, đồng thời là vị tướng đầu tiên của lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.	Đường, phố
184	Lê Đình Kiên	Thanh Hóa	Lê Đình Kiên (1622 - 1704), quê làng Bái Trại, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Tổng trấn thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng
185	Trần Quý Kiên	Hà Nội	Trần Quý Kiên (1911 - 1965), tên thật là Đinh Xuân Nhạ, quê làng Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), là nhà cách mạng và chính khách Việt Nam có công với nền độc lập dân tộc.	
186	Võ Văn Kiệt	Vĩnh Long	Võ Văn Kiệt (1922 - 2008), tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, Chín Dũng, quê ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, tỉnh Vĩnh Long, là một nhà chính trị Việt Nam,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và sau đó là Thủ tướng Chính phủ[244] thứ năm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
187	Lý Thường Kiệt	Hà Nội	Lý Thường Kiệt (1019 - 1105), quê ở Hà Nội, là người nổi tiếng tài giỏi, từng làm quan dưới ba triều Lý: Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông, trực tiếp cai quản Châu Ái (Thanh Hóa) 20 năm (1081 - 1101), được ban 1 quân ở Thanh Hóa làm phong ấp (1082).	Đường, phố, công trình công cộng
188	Yết Kiêu	Ninh Bình	Yết Kiêu (1242 - 1301), quê gốc ở tỉnh Ninh Bình, là anh hùng chống giặc ngoại xâm vào đời Nhà Trần, người có công giúp Nhà Trần chống giặc Nguyên Mông vào thế kỷ XIII với biệt tài thủy chiến.	Phố
189	Lê Hữu Kiều	Thanh Hóa	Lê Hữu Kiều (1915 - 1989), bí danh là Tăng Ích, quê ở xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nam Kỳ.	
190	Nguyễn Kim	Thanh Hóa	Nguyễn Kim (1468 - 1545), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là An Thành hầu thời Lê sơ, ông Tổ dòng họ Nguyễn, người có công khôi phục Nhà Lê.	
191	Ngô Kinh	Thanh Hóa	Ngô Kinh (1350 - 1433), quê ở ấp Động Bàng, tổng Đông Lý, huyện Yên Định (nay thuộc xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được phong là Thái phó Hưng quốc công thời Lê sơ.	
192	Văn Ký	Ninh Bình	Vũ Văn Ký (Văn Ký) (1928 - 2020), quê xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình, lên 10 tuổi theo cha ở tại làng Bi Kiều, xã Trung Chính. Học hết tiểu học, bố mất nhà nghèo, ở với chú, ngày ngày gánh hành cùng người thím đi chợ Nưa. Tháng 10 năm 1943, ông được đồng chí Trịnh Huy Tự giác ngộ vào Mặt Trận Việt Minh huyện Nông Cống. Tháng 10 năm 1944 ông bị bắt giam tại nhà tù Thanh Hóa. Cách mạng thành công, ông được làm Trưởng Ban Tác chiến trong Ủy ban huyện Nông Cống, ông đi học âm nhạc kháng chiến quân khu IV trở thành nhạc sĩ nổi tiếng, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2022.	

[244] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long bổ sung "Chính phủ".

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
193	Khánh Ký	Hà Nội	Khánh Ký (1874 - 1945), tên thật là Nguyễn Đình Khánh, quê ở thôn Lai Xá, xã Hoài Đức, Hà Nội, là một trong những người Việt Nam đầu tiên làm nghề ảnh.	
194	Lê Lai	Thanh Hóa	Lê Lai (? - 1419), người thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang (nay là làng Tép), xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa. Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng là Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	Đường, phố, công trình công cộng
195	Nguyễn Nhữ Lãm	Thanh Hóa	Nguyễn Nhữ Lãm (1378 - 1437), quê ở xã Văn Xá, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam), sau dời đến làng Thịnh Mỹ huyện Cổ Lôi (nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng thư lệnh, Hữu Bộc xạ, tước Kiểm giáo Thái bảo Đình thượng hầu thời Lê sơ.	
196	Cù Chính Lan	Nghệ An	Cù Chính Lan (1930 - 1952), quê xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An, có công trong trận tấn công cứ điểm Giang Mỗ, anh đã một mình đuổi theo xe tăng Pháp, nhảy lên thành xe, ném lựu đạn vào buồng lái để tiêu diệt xe, được phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân của Việt Nam.	Đường, phố, công trình công cộng
197	Đinh Lan	Thanh Hóa	Đinh Lan (? - ?), người làng Thúy Cối, xã Minh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng thời Lê, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai.	Đường
198	Nguyễn Phúc Lan	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Lan (1601 - 1648), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay là Xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ ba của Dòng họ Nguyễn.	
199	Ỷ Lan	Hà Nội	Ỷ Lan (1044 - 1117), quê huyện Gia Lâm (cũ), Hà Nội, là phi tần của hoàng đế Lý Thánh Tông, mẹ ruột của hoàng đế Lý Nhân Tông trong lịch sử Việt Nam.	Đường
200	Ngô Cao Lãng	Thanh Hóa	Ngô Cao Lãng (thế kỷ XIX), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, làm quan ở Quốc sử quán và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn.	
201	Phạm Ngũ Lão	Hưng Yên	Phạm Ngũ Lão (1255 - 1320), người làng Phủ Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên), là danh tướng nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông là người góp công rất lớn trong cả hai cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1288. Đương thời, danh tiếng của Ông chỉ	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			xếp sau Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn- người được xem như vị tướng vĩ đại nhất lịch sử quân sự Việt Nam.	
202	Bùi Sỹ Lâm	Thanh Hóa	Bùi Sỹ Lâm (1551 - 1643), quê làng Đắc Thọ, xã Lưu Vệ, tổng Lưu Vệ, nay là xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa, là Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc thời Lê Trung hưng.	
203	Lê Lâm	Thanh Hóa	Lê Lâm (1428 - 1433), quê Thanh Hóa, là con Trung Túc vương Lê Lai, ông từng lập nhiều công lớn nên được xếp vào hạng thứ ba trong số các vị Khai Quốc Công thần.	
204	Nguyễn Bá Lân	Hà Nội	Nguyễn Bá Lân (1700 - 1785), quê xã Cổ Đô, huyện Tiên Phong nay là Cổ Để, xã Ba Vì, thành phố Hà Nội. Là một danh tướng dưới triều Lê Hiến Tông, ông còn nổi tiếng là danh sĩ, được ca ngợi là một trong bốn người giỏi ở Thăng Long (Trường An tứ hổ).	
205	Lê Hữu Lập	Thanh Hóa	Lê Hữu Lập (1897 - 1934), người làng ở thôn Hữu Nghĩa, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc (nay thuộc xã Hoa Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng Đồng Chí hội, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	Đường, phố
206	Đinh Lễ	Thanh Hóa	Đinh Lễ (? - 1427), quê làng Thủy Cối (nay thuộc xã Minh Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Tư không dưới thời Lê sơ.	Phố
207	Đàm Văn Lễ	Bắc Ninh	Đàm Văn Lễ (1452 - 1505), quê làng Lãm Sơn, huyện Quế Dương, thuộc phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ông làm quan dưới triều Lê, ông có nhiều đóng góp với văn hóa nước nhà, đồng thời ông còn là một nhà thơ.	
208	Châu Văn Liêm	Cần Thơ	Châu Văn Liêm (1902 - 1930), quê ở xã Thới Thạch, phường Ô Môn, Cần Thơ, là nhà cách mạng Việt Nam và là một trong sáu người tham gia hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	
209	Ngô Sĩ Liên	Hà Nội	Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV), người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay là phường Chương Mỹ, Hà Nội, là một nhà sử học thời Lê sơ, sống vào thế kỷ XV. Ông là người đã tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và có công lớn trong việc biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
210	Đinh Liệt	Thanh Hóa	Đinh Liệt (? - 1471), người vùng Lam Sơn, xã Minh Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là công thần khai quốc nhà Lê, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	Đường, phố
211	Lê Liễu	Thanh Hóa	Lê Liễu (? - ?), quê huyện Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, Ông là danh tướng thời Lê, tham tham gia Hội thề Lũng Nhai.	Đường
212	Trần Huy Liệu	Ninh Bình	Trần Huy Liệu (1901 - 1969), quê huyện Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình, là một nhà văn, nhà hoạt động cách mạng, nhà sử học, nhà báo Việt Nam.	Phố
213	Lê Văn Linh	Thanh Hóa	Lê Văn Linh (1376 - 1448), còn có tên là Trần Văn Linh, hiệu là Mai Trai, quê làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thái phó dưới thời Lê sơ.	Đường, phố, công trình công cộng
214	Nguyễn Văn Linh	Hưng Yên	Nguyễn Văn Linh (1915 - 1998), tên thật là Nguyễn Văn Cúc, còn gọi là Mười Cúc, quê thôn Yên Phú, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến 1991).	
215	Hữu Loan	Thanh Hóa	Hữu Loan (1916 - 2010), tên thật là Nguyễn Hữu Loan, quê xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ Việt Nam[245], đạt giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật.	
216	Lê Lô	Thanh Hóa	Lê Lô (? - ?), quê huyện Ngọc Lặc (cũ), tỉnh Thanh Hóa, tướng lĩnh xuất sắc, đã hy sinh anh dũng trong khởi nghĩa Lam Sơn.	
217	Dương Không Lộ	Hưng Yên	Dương Không Lộ (1016 - 1094), quê làng Giao Thủy, huyện Hải Thanh, tỉnh Hưng Yên. Ông làm quan dưới triều Lý Nhân Tông và được phong làm quốc sư, ông cũng được xem là vị tổ nghề đúc đồng.	
218	Lê Lộ	Thanh Hóa	Lê Lộ (? - ?), quê huyện Ngọc Lặc (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	

[245] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
219	Cao Lỗ	Bắc Ninh	Cao Lỗ (? - 179 trước công nguyên), còn gọi là Đại Than Đô Lỗ Thạch Thần, quê làng Đại Than, huyện Gia Định (nay là xã Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh, là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương).	
220	Nguyễn Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	Nguyễn Vĩnh Lộc (thế kỷ XV), quê gốc ở Cổ Sách (thuộc huyện Cẩm Thủy (cũ)), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Hành khiển Lê sơ.	
221	Hà Thọ Lộc	Thanh Hóa	Hà Thọ Lộc (? - 1599), người sách Cổ Lũng (nay thuộc xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa), là phó tướng, Tư mã hàm Thái bảo thời Lê Trung hưng.	
222	Lê Lôi	Thanh Hóa	Lê Lôi (? - 1442), quê ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống (nay là xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Xa kỵ Đồng Tổng quản kiêm Đô Tổng quản dưới thời Lê sơ.	
223	Trương Lôi	Thanh Hóa	Trương Lôi (? - 1462), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
224	Lê Lộng	Thanh Hóa	Lê Lộng (1396 - 1485), quê ở làng Phú Lâm, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đô đốc Bình chương sự, Dụ kỵ Phó tướng quân dưới thời Lê sơ.	
225	Lê Lợi - Lê Thái Tổ	Thanh Hóa	Lê Lợi - Lê Thái Tổ (1385 - 1433), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Anh hùng dân tộc, vị Vua sáng lập ra nhà Hậu Lê.	Đường, phố, công trình công cộng
226	Lưu Trọng Lư	Quảng Trị	Lưu Trọng Lư (1912 - 1991), quê tỉnh Quảng Trị, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam, Tổng thư ký Hội nghệ sỹ sân khấu Việt Nam.	
227	Thế Lữ	Hà Nội	Thế Lữ (1907 - 1989), tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê Hà Nội, là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu Việt Nam.	Phố
228	Trịnh Thị Ngọc Lữ	Thanh Hóa	Trịnh Thị Ngọc Lữ (? - ?), quê xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thần phi (vợ của Lê Lợi), giúp Lê Lợi trong việc lo toan chuẩn bị hậu cần, tiếp đãi tân khách, tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dưới ngọn cờ khởi nghĩa do Lê Lợi khởi xướng.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
229	Chu Văn Lương	Thanh Hóa	Chu Văn Lương (1233 - 1293), quê ông ở phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, có công trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần hai (1285) và lần ba (1287 - 1288), được phong chức Liệt hầu Đồng binh chưởng sự thời Trần.	Đường
230	Lê Lương	Thanh Hóa	Lê Lương (? - ?), tức Giáp Bối Lý thời Lý Trần, người Kẻ Rị nay thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Trấn quốc Bộc xạ tướng công dưới thời Đinh - Tiền Lê	
231	Ngô Chân Lưu	Thanh Hóa	Ngô Chân Lưu (933 - 1011), còn có tên gọi khác là Khuông Việt đại sư, quê huyện Tĩnh Gia (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Khuông Việt đại sư, giữ chức Tăng thống thời nhà Đinh - Tiền Lê.	Đường
232	Phan Đăng Lưu	Nghệ An	Phan Đăng Lưu (1901 - 1941), quê xã Tràng Thành (nay là xã Yên Thành), tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động cách mạng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1937); Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1938).	
233	Trần Lựu	Thanh Hóa	Trần Lựu (? - ?), quê ở làng Đàm Thi, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tổng tri Bắc đạo dưới thời Lê sơ.	
234	Hồ Quý Ly	Thanh Hóa	Hồ Quý Ly (1336 - 1407), quê ở Đại Lại (nay là xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua đầu tiên của nhà Hồ.	Đường
235	Lê Lý	Thanh Hóa	Lê Lý (? - 1443), hay còn gọi là Nguyễn Lý, người thôn Dao Xá, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Lam Sơn) tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Kiểm hiệu Tư mã dưới thời Lê sơ.	Đường
236	Minh Mạng	Thanh Hóa	Minh Mạng (1791-1840), tên húy là Nguyễn Phúc Đảm, quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Giang, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là vị Vua thứ hai của triều Nguyễn, là nhà cải cách vĩ đại của triều Nguyễn.	
237	Phạm Sư Mạnh	Hải Phòng	Phạm Sư Mạnh (thế kỷ XIV), tên thật là Phạm Độ, quê làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng), là Danh sĩ, làm quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
238	Hà Văn Mao	Thanh Hóa	Hà Văn Mao (? - 1887), quê ở xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa, là Cai tổng thời nhà Nguyễn, lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường, phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
239	Đặng Thai Mai	Nghệ An	Đặng Thai Mai (1902 - 1984), còn có tên là Đặng Thái Mai, quê làng Lương Điền (nay là xã Bích Hào), tỉnh Nghệ An, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa.	Phố, công trình công cộng
240	Tào Mạt	Hà Nội	Nghệ sỹ nhân dân Tào Mạt (1930 - 1993), quê xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội), được mệnh danh là "Vua chèo đất Bắc", nhà soạn kịch hiện đại Việt Nam.	Phố
241	Lê Duy Mật	Thanh Hóa	Lê Duy Mật (1738 - 1770), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn tỉnh Thanh Hóa), là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa nông dân (khởi nghĩa Lê Duy Mật) chống lại Chúa Trịnh vào giữa thế kỷ XVIII.	
242	Hồ Tùng Mậu	Nghệ An	Hồ Tùng Mậu (1896 - 1951), tên thật là Hồ Bá Cự, quê thôn Đại Thành, xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động cách mạng và chính khách Việt Nam. Ông từng Đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Thanh tra Ban Thanh tra Chính phủ.	Đường
243	Lê Văn Miến	Nghệ An	Lê Văn Miến (1873-1943) còn có tên gọi là Lê Huy Miến, quê làng Kim Khê, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, là người Việt Nam đầu tiên sáng tác tranh sơn dầu; là ông tổ nghề tranh sơn dầu Việt Nam.	
244	Lưu Miễn	Thanh Hóa	Lưu Miễn (thế kỷ XIII), quê phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là người đỗ đệ nhất giáp Kỳ thi Thái học sinh năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 8.	
245	- Hồ Chí Minh - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Sinh Cung	Nghệ An	Hồ Chí Minh (1890 - 1969), tên là Nguyễn Sinh Cung, còn có tên là Nguyễn Tất Thành và nhiều tên gọi khác, quê làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An) là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà Văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.	
246	Đào Cam Mộc	Thanh Hóa	Đào Cam Mộc (? - 1015), quê xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, là Đại thần của nhà Tiền Lê, công thần Khai quốc nhà Lý, được phong tước Nghĩa Tín hầu.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
247	Tú Mỡ	Hà Nội	Tú Mỡ (1900 - 1976), tên thật là Hồ Trọng Hiếu, quê phố hàng Hòm, Hà Nội, là một nhà thơ trào phúng Việt Nam.	Phố
248	Dương Vân Nga	Thanh Hóa	Dương Vân Nga (952 - 1000), quê làng Dương Xá (làng Giàng), nay thuộc phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, là Hoàng hậu của nhà Đinh và nhà Tiền Lê, có công củng cố triều chính, phát triển đất nước.	Phố
249	Hoàng Ngân	Ninh Bình	Hoàng Ngân (1921 - 1949), quê tỉnh Ninh Bình, tên thật là Phạm Thị Vân là Bí thư Trung ương Hội Phụ nữ cứu quốc Việt Nam đầu tiên, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ nhiệm đầu tiên của báo Phụ nữ Việt Nam, một trong những người đi đầu của phong trào phụ nữ Việt Nam, vợ của đồng chí Hoàng Văn Thụ.	
250	Dương Đình Nghệ	Thanh Hóa	Dương Đình Nghệ (? - 937), quê ở làng Giàng, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất (931), giành quyền tự chủ cho đất nước, rồi tự xưng là Tiết độ sứ.	Đường
251	Hàm Nghi	Thanh Hóa	Hàm Nghi (1871 - 1943), quê Gia Miêu, huyện Hà Trung (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ 8 của Triều Nguyễn.	Đường
252	Nguyễn Văn Nghi	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Nghi (1515 - 1583), quê xã Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Thị lang, Đông các học sỹ thời Lê Trung hưng.	
253	Lê Thanh Nghị	Hải Phòng	Lê Thanh Nghị (1911 - 1989), tên thật là Nguyễn Khắc Xứng, hay Nguyễn Văn Xứng, quê ở làng Thượng Cốc, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng, là một chính khách Việt Nam, Phó Thủ tướng của Nước Việt Nam từ năm 1960 đến 1980, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước (1982 - 1986).	Đường
254	Nguyễn Chế Nghĩa	Hải Phòng	Nguyễn Chế Nghĩa (? - ?), quê ở xã Cối Xuyên, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là thôn Hội Xuyên, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng), là một tướng lĩnh thời nhà Trần.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
255	Trần Đại Nghĩa	Vĩnh Long	Trần Đại Nghĩa (1913 - 1997), tên thật Phạm Quang Lễ, quê xã Hòa Hiệp, tỉnh Vĩnh Long, là nhà khoa học[246] quân sự, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, "cha đẻ" của ngành Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.	Đường
256	Đoàn Trần Nghiệp	Hà Nội	Đoàn Trần Nghiệp (1908 - 1931), tức Ký Con, quê ở làng Khúc Thủy, xã Bình Minh, Hà Nội, là nhà cách mạng Việt Nam, một trong những lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng.	Phố
257	Nguyễn Bá Ngọc	Thanh Hóa	Nguyễn Bá Ngọc (1952 - 1965), quê xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	Đường, phố, công trình công cộng
258	Hồng Nguyên	Thanh Hóa	Hồng Nguyên (1924 - 1951), tên khai sinh là Nguyễn Văn Vượng, quê phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, là nhà cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phố
259	Nguyễn Phúc Nguyên	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), người làng Gia Miêu Ngoại Trang nay thuộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ hai của Dòng họ Nguyễn.	
260	Đốc Ngữ	Hà Nội	Đốc Ngữ (1844 - 1892), tên thật Nguyễn Đức Ngữ, nguyên gốc họ Khuất quê xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là phường Xuân Đỉnh, thành phố Hà Nội, có mặt trong đội quân của triều đình Huế đóng ở Sơn Tây. Là người lập nhiều công lớn dưới Triều Nguyễn.	
261	Ngô Thì Nhậm	Hà Nội	Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội, là danh sĩ, nhà văn đời Hậu Lê - Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh.	Đường, phố
262	Bùi Khắc Nhất	Thanh Hóa	Bùi Khắc Nhất (1533 - 1609), người làng Bột Thái, nay là xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan Thượng thư thời Lê Trung hưng.	Đường
263	Nguyễn Quán Nho	Thanh Hóa	Nguyễn Quán Nho (1638 - 1708), quê xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng

[246] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long: Đề nghị sửa Trần Đại Nghĩa à nhà khoa học quân sự tài ba của cách mạng Việt Nam, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, "cha đẻ" của ngành Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
264	Nguyễn Khắc Nhu	Bắc Ninh	Nguyễn Khắc Nhu (1882 - 1930), sinh ra tại làng Song Khê, huyện Yên Dũng (nay là phường Tiền Phong) tỉnh Bắc Ninh, là một Chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những cột trụ của Việt Nam Quốc dân đảng thời kỳ trước 1930.	
265	Đỗ Nhuận	Hải Phòng	Đỗ Nhuận (1922 - 1991), quê ở thôn Hoạch Trạch, xã Đường An, thành phố Hải Phòng, là nhạc sĩ Việt Nam.	
266	Lê Niệm	Thanh Hóa	Lê Niệm (? - 1486), quê làng Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa), ông là Võ quan, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc, Đồng bình Chương sự, Tri Đông Đạo chư Vệ quân dưới thời Lê sơ.	Đường
267	Lê Ninh	Thanh Hóa	Lê Ninh (? - ?), quê Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
268	Trần Đăng Ninh	Hà Nội	Trần Đăng Ninh (1910 - 1955), tên thật Nguyễn Tuấn Đáng, quê thôn Quảng Nguyên, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội, là nhà hoạt động cách mạng và quân sự, Chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.	
269	Trần Mai Ninh	Hà Nội	Trần Mai Ninh (1917 - 1948), quê làng Động Gia, xã Thanh Oai, Hà Nội, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phố, công trình công cộng
270	Doãn Nổ	Thanh Hóa	Doãn Nổ (1393 - 1439), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, Thượng tướng quân thời Lê sơ.	
271	Hà Duy Phiên	Thanh Hóa	Hà Duy Phiên (1791 - 1852), có tên là Hà Nguyễn Phiên, tên tự là Đức Ninh, quê làng Hoằng Nghĩa (nay thuộc xã Hoằng Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Nguyễn, có nhiều đóng góp cho nền sử học Việt Nam.	
272	Lê Khả Phiêu	Thanh Hóa	Lê Khả Phiêu (1931 - 2020), quê phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII. Tháng 5 năm 1950, ông tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Ông đã tham gia chiến đấu và trực tiếp chỉ huy chiến đấu trên các chiến trường Bắc, Trung, Nam và làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia; tham gia các chiến dịch lớn như: Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Tổng tiến công Tết Mậu Thân (1968), Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam (1975). Đặc biệt,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			ông đã có 10 năm tham gia giúp nước bạn Campuchia đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt (1979 - 1989), giúp hồi sinh dân tộc Campuchia. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khóa VIII, ông được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Quân ủy Quân sự Trung ương và giữ cương vị này đến Đại hội lần thứ IX của Đảng (tháng 4 năm 2001). Ông là đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, X; được Đảng và Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng năm 1984, Trung tướng năm 1988, Thượng tướng năm 1992.	
273	Trương Phóng	Thanh Hóa	Trương Phóng (thế kỷ XIII - XIV), húy là Trương Tích Đãng, quê ở xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hiệu thư quyền miện sung làm Nhị tư thời Trần.	
274	Khương Công Phụ	Thanh Hóa	Khương Công Phụ (731 - 805), người làng Sơn Ổi, xã Cổ Hiển (nay là làng Tường Vân, xã Định Hòa), tỉnh Thanh Hóa, là Gián nghị Đại phu, Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự đời Đường.	
275	Trịnh Khắc Phục	Thanh Hóa	Trịnh Khắc Phục (? - 1451), quê ở làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương (nay là xã Sao Vàng), tỉnh Thanh Hóa, là Đặc Tiến nhập nội tư khấu, đồng binh chương sự dưới thời Lê sơ.	
276	Lê Quát	Thanh Hóa	Lê Quát (thế kỷ XIV), tên thật là Bá Đạt, quê ở hương Phủ Lý, huyện Đông Sơn, trấn Thanh Hoa (nay thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng thư Nhập nội Hành khiển thời nhà Trần.	Phố
277	Nguyễn Quỳnh	Thanh Hóa	Nguyễn Quỳnh (1677 - 1748), quê ở làng Bột Thượng, xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Viên ngoại lang thời Lê Trung hưng và giỏi văn chương thơ phú.	Phố
278	Hà Tông Quyền	Hà Tĩnh	Hà Tông Quyền (1798 - 1839), quê gốc ở xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh sau di cư ra làng Cát Động, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây làm quan dưới triều Nguyễn, ông có tiếng về chính trị đồng thời ông cũng quan tâm đến văn nôm, ông có ba tập thơ Vịnh Kiều.	
279	Ngô Quyền	Hà Nội	Ngô Quyền (898 - 944), quê ở Đường Lâm, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, là vị Vua đầu tiên của Nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
280	Trần Văn Ơn	Vĩnh Long	Trần Văn Ơn (1931 - 1950), quê tại phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, đứng đầu nhóm học sinh của trường Pétrus Ký đi biểu tình ngày 09 tháng 01 năm 1950, đã	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			bị thực dân Pháp bắn chết. Ngày 9/01 hằng năm trở thành Ngày truyền thống học sinh, sinh viên[247] Việt Nam.	
281	Hải Thượng Lãn Ông	Hưng Yên	Hải Thượng Lãn Ông (1720 - 1791), tên thật là Lê Hữu Trác, quê thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên), là người tinh thông y học, dịch lý, văn chương, là người đúc kết nên tinh hoa của lý luận Đông y, có nhiều đóng góp cho nền Y học nước nhà.	Đường
282	Hoàng Ngọc Phách	Hà Tĩnh	Hoàng Ngọc Phách (1896 - 1973), quê ở làng Đông Thái, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là tác giả tiểu thuyết Tố tâm, được đánh giá là một trong những tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam, tác phẩm đã được giáo sư Michele Sullivan và Emmanuel Lê Ốc Mạch dịch sang tiếng Pháp.	
283	Vũ Ngọc Phan	Bắc Ninh	Vũ Ngọc Phan (1902 - 1987), quê huyện Gia Lương (cũ), tỉnh Bắc Ninh, là nhà văn, nhà phê bình, dịch thuật, Tổng Thư kí đầu tiên của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.	
284	Huỳnh Tấn Phát	Vĩnh Long	Huỳnh Tấn Phát (1913 - 1989), quê xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là xã Châu Hưng, tỉnh Vĩnh Long)[248], là Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969 - 1976); Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng[249], Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
285	Thái Phiên	Đà Nẵng	Thái Phiên (1882 - 1916), quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khối Nghi An, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng), là nhà hoạt động cách mạng yêu nước, người đã cùng với Vua Duy Tân chống Pháp.	
286	Tôn Quang Phiệt	Nghệ An	Tôn Quang Phiệt (1900 - 1973), quê xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động chính trị, nhà sử học, nhà thơ, nhà giáo, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường

[247] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long: Bổ sung "Ngày truyền thống Học sinh, sinh viên".
[248] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long bổ sung "xã Châu Hưng, tỉnh Vĩnh Long".
[249] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long bổ sung "Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng".

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
287	Lê Hồng Phong	Nghệ An	Lê Hồng Phong (1902 - 1942), tên thật là Lê Văn Dục, quê xóm Đông Cửa, thôn Đông Thông, tổng Thông Lạng, nay là xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1935 đến năm 1936.	Đường, phố, công trình công cộng
288	Trần Phú	Hà Tĩnh	Trần Phú (1904 - 1931), nguyên quán làng Tùng Sinh, nay thuộc xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà cách mạng Việt Nam, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam khi mới 26 tuổi.	Đường, công trình công cộng
289	Nguyễn Phục	Hải Phòng	Nguyễn Phục (? - ?), quê xã Đoàn Tùng, huyện Trường Tân, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng), đỗ Tiến sĩ năm Qúy Dậu (1453), làm quan dưới thời nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.	Đường
290	Triệu Quang Phục	Hà Nội	Triệu Quang Phục (? - 571), hay Triệu Việt Vương, người huyện Chu Diên thuộc vùng đất phía Đông Hà Nội giáp ranh các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, là vị Vua cai trị từ năm 548 đến năm 571.	Phố
291	Phan Đình Phùng	Hà Tĩnh	Phan Đình Phùng (1847 - 1895), hiệu Châu Phong, quê làng Đông Thái, huyện La Sơn nay là xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà thơ, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).	Đường, phố, công trình công cộng
292	Vũ Trọng Phụng	Hưng Yên	Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939), quê ở làng Hảo (nay thuộc xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên), là nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.	Phố
293	Lưu Hữu Phước	Cần Thơ	Lưu Hữu Phước (1921 - 1989), quê Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc thành phố Cần Thơ), là Giáo sư, Viện sĩ, nhạc sĩ, nhà lý luận âm nhạc.	Phố
294	Nguyễn Tri Phương	Huế	Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873), người làng Chi Long, phường Phong Dinh, thành phố Huế, là một đại Danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn, là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại thực dân Pháp xâm lược ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873).	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
295	Bà Huyện Thanh Quan	Hà Nội	Bà Huyện Thanh Quan (1805 - 1848), tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người làng Nghi Tàm, huyện Hoàn Long, nay phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam.	Phố
296	Đặng Quang	Nghệ An	Đặng Quang (? - ?), tương truyền, Thần Đặng Quang quê ở La Sơn, trấn Nghệ An, dòng dõi của tướng quân Đặng Tất. Ông tham gia Khởi nghĩa Lam Sơn và có nhiều đóng góp cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi.	Đường
297	Cao Bá Quát	Hà Nội	Cao Bá Quát (1808 - 1855), tự Chu Thần, quê xã Đoài Đông, huyện Gia Lâm (cũ), sống ở Thăng Long, Hà Nội, là Quốc sư, tổ chức cuộc nổi dậy Mỹ Lương và là một nhà thơ nổi danh ở giữa thế kỷ XIX trong lịch sử văn học Việt Nam.	Đường
298	Lạc Long Quân		Lạc Long Quân (khoảng thế kỷ 8-7 trước công nguyên), là nhân vật truyền thuyết Việt Nam, tương truyền là con trai của Kinh Dương Vương, ông được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước Văn Lang.	Đường
299	Lương Ngọc Quyến	Hà Nội	Lương Ngọc Quyến (1885 - 1917), tên hiệu Lương Lập Nham, quê làng Nhị Khê, xã Thường Tín, Hà Nội, thành phố Hà Nội, là một chí sĩ Việt Nam thời cận đại, là người hưởng ứng phong trào Đông Du và tham gia cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm ngày 30 tháng 8 năm 1917 và hi sinh trong cuộc chiến.	Đường, phố
300	Nguyễn Quyền	Bắc Ninh	Nguyễn Quyền (1869 - 1941), hiệu là Đông Đường, quê tại làng Thượng Trì, Thượng Mão, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, là chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những sáng lập viên của Phong trào Đông Kinh nghĩa thục.	Phố
301	Thi Sách	Hà Nội	Thi Sách (? - 39, thế kỷ I), là người huyện Chu Diên, quận Giao Chỉ thuộc phía Đông Hà Nội, là chồng Bà Trưng Trắc. Ông là người chống lại sự đô hộ tàn bạo của nhà Đông Hán, bị Thái thú Tô Định giết hại.	Đường
302	Lê Sao	Thanh Hóa	Lê Sao (? - 1452), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thiếu bảo dưới thời Lê sơ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
303	Lê Sát	Thanh Hóa	Lê Sát (? - 1437), quê ở làng Bi Ngũ (Lam Sơn), xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.	
304	Võ Thị Sáu	Hồ Chí Minh	Võ Thị Sáu (1933 - 1952), quê tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (nay thuộc xã Đất Đỏ, thành phố Hồ Chí Minh), là nữ du kích trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, người nhiều lần thực hiện các cuộc mưu sát nhắm vào các sĩ quan Pháp và những người Việt cộng tác đắc lực với chính quyền thực dân Pháp tại miền Nam Việt Nam.	Đường, phố
305	Nhữ Bá Sĩ	Thanh Hóa	Nhữ Bá Sĩ (1788 - 1867), quê ở làng Cát, xã Cát Xuyên, nay là xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Lang trung, giáo thụ, nhà thơ, nhà văn, nhá giáo, sĩ phu yêu nước thời Nguyễn.	Phố
306	Ngô Thì Sĩ	Hà Nội	Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780), sinh tại làng Tả Thanh Oai, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ XVIII của Việt Nam.	Đường
307	Trương Hán Siêu	Ninh Bình	Trương Hán Siêu (? - 1355), quê xã Yên Khánh 1, tỉnh Ninh Bình, là một vị quan, một Danh nhân văn hóa đời Trần, nổi tiếng với bài thơ Bạch Đằng Giang phú - một áng thiên cổ hùng văn được lưu truyền.	Đường, phố
308	Nguyễn Văn Siêu	Hà Nội	Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872), quê xã Đại Kim, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Định Công), thành phố Hà Nội, là nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở thế kỷ XIX.	Phố
309	Đào Công Soạn	Hưng Yên	Đào Công Soạn (1376 - 1456), quê làng Tiện Phiến, xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Ông làm quan triều Lê, có tài về ngoại giao sang sứ nhà Minh nhiều lần, ông đã lần lượt phụ trách nhiều ngành công tác trong triều.	
310	Nguyễn Nhữ Soạn	Thanh Hóa	Nguyễn Nhữ Soạn (1391 - 1448), quê xã Đông Yên, Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nam đạo Hành khiển dưới thời Lê sơ.	Đường
311	Trần Xuân Soạn	Thanh Hóa	Trần Xuân Soạn (1849 - 1923), người làng Thọ Hạc, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, là Đề đốc thời Nguyễn, lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường, phố, công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
312	Ngô Văn Sở	Hà Tĩnh	Ngô Văn Sở (? - 1794), quê ở xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là Danh tướng của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phố
313	Lê Hồng Sơn	Nghệ An	Lê Hồng Sơn (1899 - 1933), tên thật Lê Văn Phan, quê làng Xuân Hồ, tổng Xuân Liễu, xã Vạn An, tỉnh Nghệ An, là nhà cách mạng chống Pháp, người hỗ trợ cho Phạm Hồng Thái trong kế hoạch mưu sát toàn quyền Đông dương Merlin.	Phố
314	Nguyễn Sơn	Hà Nội	Nguyễn Sơn (1908 - 1956), tên thật là Vũ Nguyên Bác, quê tại làng Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm (cũ), Hà Nội. Là một trong những người được phong quân hàm tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam đợt đầu tiên vào năm 1948. Ông cũng được Trung Quốc phong quân hàm tướng vào năm 1955 nên còn được gọi là Lưỡng quốc tướng quân (Tướng quân hai nước).	Đường, công trình công cộng
315	Lý Quốc Sư	Ninh Bình	Lý Quốc Sư (1065 - 1141), tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê xã Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Điền Xá, xã Tiến Thắng, tỉnh Ninh Bình, là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức Phật giáo của Triều đại nhà Lý trong lịch sử Việt Nam	
316	Nguyễn Mậu Tài	Hà Nội	Nguyễn Mậu Tài (1616 - 1688), quê ở Hà Nội. Ông làm Đô ngự sử, lĩnh tước An Lĩnh nam, được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc, khi về được thăng làm Thượng thư bộ Hình, sau đó sang làm Thượng thư bộ Binh.	
317	Lê Văn Tám		Lê Văn Tám (? - ?), là tên của một Thiếu niên Anh hùng trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương của Pháp ở Việt Nam.	Đường, phố, công trình công cộng
318	Duy Tân	Thanh Hóa	Duy Tân (1900 - 1945), tên thật là Nguyễn Phúc Vĩnh San, quê Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là vị Hoàng đế thứ 11 của nhà Nguyễn, ở ngôi từ năm 1907 đến năm 1916, sau Vua Thành Thái.	
319	Tống Duy Tân	Thanh Hóa	Tống Duy Tân (1837 - 1892), người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Lộc, nay là thôn Bồng Trung (cũng gọi là Đông Biện), xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là Tri phủ, Thừa biện bộ Hình thời nhà Nguyễn và lãnh tụ của Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) trong Phong trào Cần Vương.	Đường, phố, công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
320	Đào Tấn	Gia Lai	Đào Tấn (1845-1907), tên thật là Đào Đăng Tấn, quê thôn Vinh Thạnh, tổng Thời Tú, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn (nay thuộc thôn Vinh Thạnh, xã Tuy Phước 2, tỉnh Gia Lai, là nhà soạn Tuồng nổi tiếng ở Việt Nam.	Đường, phố
321	Lê Trọng Tấn	Hà Nội	Lê Trọng Tấn (1914-1986), quê ở phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội, Ông là Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, có nhiều đóng góp trong hai cuộc Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.	Đường
322	Lý Tử Tấn	Hà Nội	Lý Tử Tấn (1378-1457), quê làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (nay thuộc xã Thường Tín, thành phố Hà Nội), là nhà thơ, làm quan đến chức Học sĩ viện Hàn lâm, trải qua 3 đời vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông.	
323	Hà Huy Tập	Hà Tĩnh	Hà Huy Tập (1906-1941), quê làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà cách mạng Việt Nam,Tổng Bí thư thứ ba của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Đường
324	Đặng Tất	Hà Tĩnh	Đặng Tất (?-1409), quê ở Hà Tĩnh, là một trong những vị quan được Hồ Quý Ly tin cẩn, phong tới chức Đại tri châu Hóa, ông đã cùng vua Giản Định đế đánh giặc Minh vào đầu thế kỷ XV.	Phố
325	Lê Thạch	Thanh Hóa	Lê Thạch (?-1421), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là Thiết Kỵ vệ Thứ thủ thời Lê sơ.	Phố
326	Nguyễn Cơ Thạch	Ninh Bình	Nguyễn Cơ Thạch (1921-1998), tên thật là Phạm Văn Cương, quê xã Vụ Bản 4, tỉnh Ninh Bình, là nhà chính trị, nhà ngoại giao. Ông nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam.	
327	Phạm Ngọc Thạch	Lâm Đồng	Phạm Ngọc Thạch (1909-1968), quê Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, là bác sĩ, giáo sư, Anh hùng Lao động; tốt nghiệp trường Đại học y khoa ở Pháp (1934), có nhiều công trình nghiên cứu chuyên môn có giá trị về bệnh lao.	Phố
328	Thành Thái	Thanh Hóa	Thành Thái (1879- 1954), quê gốc tại Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ mười của triều Nguyễn.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
329	Phạm Hồng Thái	Nghệ An	Phạm Hồng Thái (1884 - 1924), tên thật là Phạm Thành Tích hoặc Phạm Đài, người làng Do Nha, xã Lam Thành, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động trong phong trào Đông Du và là người đặt bom ám sát toàn quyền Đông Dương Martial Merlin vào năm 1924.	Đường, phố
330	Hoàng Hoa Thám	Hưng Yên	Hoàng Hoa Thám (1845 - 1913), thường gọi là Đề Thám, quê ở làng Dị Chế (nay thuộc xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên), là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp (1885-1913).	Đường, phố, công trình công cộng
331	Cao Thắng	Hà Tĩnh	Cao Thắng (1864 - 1893), quê ở làng Yên Đức, huyện Hương Sơn (cũ), tỉnh Hà Tĩnh, là một trợ thủ đắc lực của Phan Đình Phùng và là một chỉ huy xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong lịch sử Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX.	Đường, phố
332	Tôn Đức Thắng	An Giang	Tôn Đức Thắng (1888 - 1980), quê Cù lao Ông Hổ, làng Mỹ Hoà Hưng, tổng Định Thành, hạt Long Xuyên (nay thuộc xã Mỹ Hòa Hưng, tỉnh An Giang), là một nhà Cách mạng, chính khách của Việt Nam; Chủ tịch nước thứ 2 và cuối cùng của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời là Chủ tịch nước đầu tiên của chính thể Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Đường
333	Nguyễn Chí Thanh	Huế	Nguyễn Chí Thanh (1914 - 1967), tên thật là Nguyễn Vịnh, quê ở làng Niệm Phò, xã Quảng Điền, thành phố Huế, là một tướng lĩnh là một tướng lĩnh có nhiều công lao trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong tổ chức Đảng và chính quyền Việt Nam.	Đường
334	Lê Thành	Thanh Hóa	Lê Thành (? - 1426), người làng Đình Hương, xã Đông Khối, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (nay là phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Thái úy thời Lê sơ.	Đường
335	Hoàng Đạo Thành	Hà Nội	Hoàng Đạo Thành (? - 1908), tên thật là Cung Đạo Thành, quê huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay là xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội, là một sử gia Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và là một chí sĩ hoạt động trong Phong trào Duy Tân.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
336	Lý Đạo Thành	Bắc Ninh	Lý Đạo Thành (? - 1081), quê làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn (nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), là quan Tể tướng, đại thần phụ chính dưới hai triều vua nhà Lý là Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông.	Phố
337	Ngọ Tư Thành	Thanh Hóa	Ngọ Tư Thành (Thế kỷ XI), quê ở trang Chấn Lữ, huyện An Định, phủ Thiệu Thiên (nay thuộc xã Yên Định), tỉnh Thanh Hóa, là quan Nội giám thời Lý.	
338	Tô Hiến Thành	Hà Nội	Tô Hiến Thành (? - 1179), quê quán làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (nay thuộc thành phố Hà Nội), là quan đại thần phụ chính nhà Lý, phụng sự hai triều vua: Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Ông là vị quan văn võ song toàn, nổi tiếng là công minh chính trực, được Vua phong tước vương.	Đường, phố, công trình công cộng
339	Lê Thân	Thanh Hóa	Lê Thân (1253 - 1340), quê ở Thanh Trì, giáp Cá Na (nay thuộc xã Tân Ninh), tỉnh Thanh hóa, là Đại hành khiển, tước Luật quận công thời Trần.	
340	Lê Thận	Thanh Hóa	Lê Thận (? - 1448), hay còn gọi là Nguyễn Thận, quê ở xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tư mã dưới thời Lê sơ.	
341	Nguyễn Thị Thập	Đồng Tháp	Nguyễn Thị Thập (1908 - 1996), quê xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp), là một nhà cách mạng nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974).	Đường
342	Lê Văn Thiêm	Hà Tĩnh	Lê Văn Thiêm (1918 - 1991), sinh tại xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Ông là người Việt đầu tiên đỗ Tiến sĩ toán ở Pháp và làm giáo sư toán ở Đại học Zurích, Thụy Sĩ, từng là Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.	
343	Chu Thiên	Ninh Bình	Chu Thiên (1913 - 1992) quê xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình. Ông là nhà sử học, nhà văn, tinh thông cả Nho học và Tây học. Nổi tiếng về những bộ tiểu thuyết lịch sử, trong đó phục dựng lại các biến cố, các nhân vật lịch sử, làm sống lại nhiều phong tục tập quán của xã hội Việt Nam truyền thống.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
344	Nguyễn Thiện	Nghệ An	Nguyễn Thiện (? - ?), quê ở Trang Nguyên Xá, trấn Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An), là người có công đánh giặc Chiêm Thành, được phong chức "Bình Di Đại Tướng Quân, Ấn Trưởng Ngũ Đạo Quân".	Đường
345	Lương Khánh Thiện	Ninh Bình	Lương Khánh Thiện (1903 - 1941), quê ở làng Mễ Tràng, phường Liêm Chính, tỉnh Ninh Bình là nhà hoạt động chính trị, người tham gia chỉ đạo cuộc bãi công ở Nhà Máy Xe lửa Gia Lâm (1938), từng là Bí thư Thành ủy Hải Phòng, sau đó bị địch bắt và kết án tử hình.	
346	Nguyễn Thiếp	Hà Tĩnh	Nguyễn Thiếp (1723 - 1804), quê ở xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh, là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, Ông là người đã vạch ra cho Quang Trung chiến lược Bắc tiến thần tốc tiêu diệt đại quân của nhà Thanh.	Đường, phố
347	Nguyễn Gia Thiều	Bắc Ninh	Nguyễn Gia Thiều (1741 - 1798), tức Ôn Như Hầu, quê làng Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là phường Song Liễu, tỉnh Bắc Ninh), là một nhà thơ thời Lê Hiển Tông. Ông là tác giả "Cung oán ngâm khúc", tác phẩm nổi tiếng của văn học Trung đại Việt Nam	Đường, phố
348	Lê Đức Thọ	Ninh Bình	Lê Đức Thọ (1911 - 1990), quê thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực (nay là phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình, là chính khách trong lịch sử Việt Nam, từng giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng thời kỳ 1956-1982.	Phố
349	Nguyễn Hữu Thọ	Long An	Nguyễn Hữu Thọ (1910 - 1996), quê xã Bến Lức, tỉnh Long An, là một luật sư, chính khách trong lịch sử Việt Nam, từng giữ chức Quyền Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	
350	Thiều Thốn	Thanh Hóa	Thiều Thốn (1326 - 1380), người phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng quân, Thượng tể kiêm Trưởng Kim Ngô vệ thời Trần, có công trong việc dẹp loạn biên giới phía Nam và phía Bắc, đánh tan giặc xâm lấn ở biên thùy.	
351	Nguyễn Thông	Tây Ninh	Nguyễn Thông (1827-1884), tự là Hi Phần, hiệu Kỳ Xuyên, biệt hiệu Đôn Am, sinh ở thôn Bình Thạnh, phủ Tân An (nay là xã Tầm Vu), tỉnh Tây Ninh, là quan nhà Nguyễn và là danh sĩ Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX, từng làm Huấn đạo, đốc học ở nhiều nơi.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
352	Đào Đức Thông	Thanh Hóa	Đào Đức Thông (1921 - 1947), quê Thanh Hóa, là kỹ sư nông học, Đại biểu Quốc hội khóa I, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông là hiệu trưởng Trường Đào Đức Thông Thanh Hóa.	Phố
353	Nguyễn Thu	Thanh Hóa	Nguyễn Thu (1799 - 1855), quê ở Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Cống (nay thuộc xã An Nông), tỉnh Thanh Hóa, là Bố chính và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn, là tác giả của nhiều cuốn sách như: Việt thi lục biên Sử cục loại biên (1833), Thiên Nam tiệp chú ngoại kỉ sử lược (1848) và cuốn Lê Quý kí sự.	
354	Lê Thụ	Thanh Hóa	Lê Thụ (? - 1460), quê ở làng Lam Sơn, nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.	
355	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Hoàng Văn Thụ (1909 - 1944), quê xóm Phạc Lạng, xã Nhân Lý, châu Điềm He, huyện Văn Uyên (nay thuộc xã Hoàng Văn Thụ), tỉnh Lạng Sơn. Là nhà lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, có nhiều đóng góp lớn cho phong trào cách mạng Việt Nam và là nhà thơ cách mạng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ông bị thực dân Pháp bắt tại Hà Nội và bị kết án tử hình.	Đường, phố
356	Trịnh Duy Thuân	Thanh Hóa	Trịnh Duy Thuân (? - 1548), quê ở Thủy Tú (nay là xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng tướng quân thời Lê Trung hưng.	
357	Nguyễn Đức Thuận	Ninh Bình	Nguyễn Đức Thuận (1916 - 1985), tên thật là Bùi Phong Tư, quê làng Bản Ngũ, xã Hiển Khánh, tỉnh Ninh Bình, là nhà Cách mạng Việt Nam, nguyên là Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.	Đường
358	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên	Nguyễn Thiện Thuật (1844 - 1926), tên tự là Mạnh Hiếu, còn gọi là Tán, quê làng Xuân Dục, huyện Đường Hào (nay là làng Xuân Đào, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX.	Đường, phố
359	Lê Viết Thuật	Nghệ An	Lê Viết Thuật (1902 - ?), quê phố Đệ Thập (nay là phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An, là uỷ viên Tỉnh uỷ lâm thời Vinh, là một trong những người tham gia chỉ đạo	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			cuộc biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, đầu năm 1932, cơ quan Xứ uỷ Trung Kỳ bị lộ, Lê Viết Thuật, người Bí thư Xứ uỷ cuối cùng bị sa vào tay địch.	
360	Xuân Thủy	Hà Nội	Xuân Thủy (1912 - 1985), tên thật là Nguyễn Trọng Nhâm, quê ở thôn Hòe Thị, tổng Phương Canh, huyện Hoài Đức cũ (nay là phường Xuân Phương, Hà Nội), là nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao, nhà thơ và nhà báo. Ông từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
361	Hàn Thuyên	Bắc Ninh	Hàn Thuyên (1229 - ?), tên thật là Nguyễn Thuyên, quê Lai Hạ, huyện Thanh Lâm, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay là xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, làm tới chức Thượng thư Bộ Hình dưới thời Trần Nhân Tông, Ông được xem là người phát triển, phổ biến chữ Nôm của Việt Nam.	Đường, phố
362	Tôn Thất Thuyết	Huế	Tôn Thất Thuyết (1839 - 1913), quê ở thành phố Huế, là quan phụ chính đại thần dưới triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương.	Đường
363	Phạm Phú Thứ	Đà Nẵng	Phạm Phú Thứ (1820 - 1883), quê làng Đông Bàn, huyện Diên Phước, nay thuộc xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng, là một đại thần triều nhà Nguyễn và là một trong số người có quan điểm canh tân nước Việt Nam trong những năm nửa cuối thế kỷ XIX.	Phố
364	Từ Thức	Thanh Hóa	Từ Thức (? - ?), quê ở Tống Sơn, Hòa Châu (nay là Thanh Hóa), là một nhân vật huyền thoại đời nhà Trần trong truyện dã sử Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ và được hư cấu là một người gặp được tiên và ở cùng tiên nữ trong chốn tiên cảnh. Tương truyền nơi ông gặp tiên chính là động Từ Thức, Nga Sơn, Thanh Hóa.	Đường
365	Cầm Bá Thước	Thanh Hóa	Cầm Bá Thước (1858 - 1895), người dân tộc Thái tại bản Chiếng Ván[250], tổng Trịnh Vạn, châu Thường Xuân (nay thuộc xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là một trong những vị lãnh đạo của Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	Đường, phố, công trình công cộng

[250] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
366	Vũ Sư Thước	Thanh Hóa	Vũ Sư Thước (thế kỷ XVI), người làng Vũ Xã, tổng Du Trường, huyện Thuần Lộc, nay là thôn Vũ Thành, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thủy quận công thời Lê Trung hưng.	
367	Hồ Hán Thương	Thanh Hóa	Hồ Hán Thương (? - 1407), quê làng Đại Lại (nay là xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là hoàng đế thứ hai và cũng là vị vua cuối cùng của nhà Hồ, cai trị nước Đại Ngu từ năm 1401 đến năm 1407.	
368	Mai An Tiêm	Thanh Hóa	Mai An Tiêm (? - ?), là nhân vật có trong truyền thuyết; theo truyền thuyết Mai An Tiêm là con rể của vua Hùng Vương, người đã trồng được giống dưa hấu quý, được coi là ông tổ của nghề trồng dưa hấu tại Việt Nam. Ngày nay, tại xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa có đền thờ ông và được Nhân dân địa phương tổ chức lễ hội vào ngày 12 đến 15 tháng 3 âm lịch hàng năm[251].	Đường
369	Khuất Duy Tiến	Hà Nội	Khuất Duy Tiến (1909 - 1984), quê thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mĩ Lộc, huyện Tùng Thiện, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội), nhà hoạt động Cách mạng, Đại biểu Quốc hội khóa I, từng là Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu Đặc biệt Hà Nội, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV(1952).	Phố
370	Nguyễn Hữu Tiến	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Tiến (1602 - 1666), quê Vân Trai, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Tiết chế, tước Quận công, tướng tài dưới thời chúa Nguyễn.	Đường
371	Nguyễn Trinh Tiếp	Thanh Hóa	Nguyễn Trinh Tiếp (1924 - 1967), quê ở xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa, ông là một trong những nhà tham gia sáng chế ra súng SKZ - 60, được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học - Công nghệ.	Phố
372	Nguyễn Đôn Tiết	Thanh Hóa	Nguyễn Đôn Tiết (1836 - 1886), người làng Thọ Vực, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tri phủ thời nhà Nguyễn và là một trong những lãnh tụ lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	

[251] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
373	Đào Tiêu	Thanh Hóa	Đào Tiêu (? - ?), quê xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, là một Trạng nguyên Việt Nam dưới triều Trần.	
374	Tuệ Tĩnh	Hải Phòng	Tuệ Tĩnh (1341 - 1385), tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh[252], quê phủ Hồng Châu (nay thuộc xã Tuệ Tĩnh), thành phố Hải Phòng, là một danh y sống ở giai đoạn cuối thời Trần. Ông được hậu thế suy tôn là tiên thánh của ngành thuốc Nam.	Phố
375	Phan Kế Toại	Hà Nội	Phan Kế Toại (1892 - 1973), quê ở phủ Quang Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội), là một cựu chính khách Việt Nam, từng giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam.	Đường
376	Nguyễn Khánh Toàn	Nghệ An	Nguyễn Khánh Toàn (1905 - 1993), quê thành phố Vinh (cũ), tỉnh Nghệ An, là một nhà giáo, nhà khoa học Việt Nam, từng giữ chức Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học Nhà nước, ông có nhiều đóng góp cho việc xây dựng nền Giáo dục Việt Nam và nền Khoa học Xã hội Việt Nam.	
377	Trần Quốc Toản	Ninh Bình	Trần Quốc Toản (1267 - 1285), quê ở tỉnh Ninh Bình, là một tông thất nhà Trần, sống ở thời kỳ trị vì của Trần Nhân Tông, ông nổi tiếng có công tham gia kháng chiến chống quân Nguyên với chiến thắng Tây Kết, Chương Dương; hy sinh anh dũng trong trận chặn đánh Thoát Hoan ở sông Như Nguyệt, khi mới 18 tuổi.	Đường, phố
378	Ngô Tất Tố	Bắc Ninh	Ngô Tất Tố (1894 - 1954), quê ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, nay là thôn Lộc Hà, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội, là một nhà văn, nhà báo, nhà Nho học và nhà nghiên cứu có ảnh hưởng ở Việt Nam giai đoạn trước 1954.	Đường
379	Lý Thái Tổ	Bắc Ninh	Lý Thái Tổ (974 - l028), tức Lý Công Uẩn, quê phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là người có công định đô, xây dựng, mở mang đặt nền móng cho Kinh thành Thăng Long, Thủ đô ngàn đời của đất nước.	Đường
380	Nguyễn Trường Tộ	Nghệ An	Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871), người làng Bùi Chu, xã Yên Trung, tỉnh Nghệ An, là một danh sĩ, kiến trúc sư và là nhà cải cách xã hội Việt Nam ở thế kỷ XIX.	Đường, phố

[252] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hải Phòng: Tuệ Tĩnh "tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh"; sửa cụm từ: "là một lang y sống ở giai đoạn cuối thời Trần" là "là một danh y sống ở giai đoạn cuối thời Trần".

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
381	Lê Dụ Tông	Thanh Hóa	Lê Dụ Tông (1639 - 1731), tên húy là Lê Duy Đường, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là vị vua thứ mười một của Nhà Lê Trung hưng.	
382	Lê Nhân Tông	Thanh Hóa	Lê Nhân Tông (1441 - 1459), tên thật là Lê Bang Cơ, quê xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là vua thứ ba nhà Lê sơ, là vị hoàng đế thứ ba của nhà Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam.	
383	Lý Nhân Tông	Hà Nội	Lý Nhân Tông (1066 - 1127), tên là Lý Càn Đức sinh tại Kinh đô Thăng Long, Hà Nội. Ông lên ngôi khi mới 7 tuổi, làm vua đến năm 1127 thì mất, trở thành Ông vua trị vì lâu nhất trong lịch sử Việt Nam, là người mở đầu cho nền giáo dục Đại học ở Việt Nam.	Đường
384	Trần Nhân Tông	Ninh Bình	Trần Nhân Tông (1258 - 1308), quê tỉnh Ninh Bình, là vị hoàng đế thứ ba của Vương triều Trần trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, ông được nhiều sử gia đánh giá là một vị vua anh minh, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của Đại Việt cuối thế kỷ XIII, cũng như việc bảo vệ nền độc lập và mở rộng cương thổ đất nước.	Đường
385	Lê Thái Tông	Thanh Hóa	Lê Thái Tông (1423 - 1442), còn có tên là Lê Nguyên Long, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua thứ hai của nhà Lê sơ, ông là vị vua anh minh, đã đặt ra nhiều biện pháp chấn chỉnh kỷ cương triều chính.	
386	Lê Hiến Tông	Thanh Hóa	Lê Hiến Tông (1461 - 1504), quê Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ sáu nhà Lê sơ, trong những năm Lê Hiến Tông trị vì, đất nước yên ổn không có loạn lạc.	
387	Lê Thần Tông	Thanh Hóa	Lê Thần Tông (1607 - 1662), tên húy là Lê Duy Kỳ, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Dương, huyện Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Vua thứ sáu thời Lê Trung hưng. Là vị Vua thông minh, học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi, xứng đáng là bậc vua giỏi.	Đường
388	Lý Thái Tông	Ninh Bình	Lý Thái Tông (1000 - 1054), tên là Phật Mã, sinh tại kinh đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, là vị Hoàng đế thứ 2 của Triều đại nhà Lý ở ngôi 26 năm (1028 - 1054), được	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đánh giá là vị hoàng đế tài giỏi, thời đại của ông được xem là khởi đầu sự thịnh vượng của nhà Lý.	
389	Trần Thái Tông	Ninh Bình	Trần Thái Tông (1218 - 1277), tên thật là Trần Bồ sau đổi thành Trần Cảnh, quê ở hương Tức Mặc (nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình), là vị vua đầu tiên của nhà Trần. Ông trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên- Mông lần thứ nhất thắng lợi.	Đường
390	Lê Thánh Tông	Thanh Hóa	Lê Thánh Tông (1442 - 1497), có tên húy Tư Thành, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ năm Nhà Lê sơ, thời kỳ ông làm vua là thời kỳ thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam.	
391	Lý Thánh Tông	Hà Nội	Lý Thánh Tông (1023 - 1072), tên thật là Lý Nhật Tôn sinh tại cung Lòng Đức, Kinh đô Thăng Long, Hà Nội, là vị Vua thứ ba của Nhà Lý, cai trị từ năm 1054 đến năm 1072.	Đường
392	Trần Thánh Tông	Ninh Bình	Trần Thánh Tông (1240 - 1290), quê Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình), làm vị Vua thứ hai triều Trần, ở ngôi vua 20 năm (1258 - 1278), ông là vị vua nhân từ độ lượng, sau nhường ngôi cho con.	
393	Lê Trang Tông	Thanh Hóa	Lê Trang Tông (1514 - 1548), có tên là Lê Duy Ninh, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là vị Vua đầu tiên của nhà Lê Trung hưng, là chỗ dựa cho lực lượng chống Mạc với danh nghĩa khôi phục nhà Lê trong giai đoạn đầu.	
394	Bùi Xương Trạch	Hà Nội	Bùi Xương Trạch (1451 - 1528), quê ở làng Định Công, nay thuộc phường Định Công, thành phố Hà Nội, ông là người lập ra dòng họ Bùi nổi tiếng khoa bảng làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, Đô ngự sử, Tế tửu Quốc Tử Giám, tước Quảng Văn Hầu, Ông là tác giả bài ký Quảng Văn Đình nổi tiếng.	Đường
395	Nguyễn Trãi	Hải Phòng	Nguyễn Trãi (1380 - 1442), hiệu Ức Trai, quê ở thôn Chi Ngại, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, sau dời đến làng Nhị Khê, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, là một nhà chính trị, nhà thơ nổi tiếng dưới thời nhà Hồ và nhà Lê sơ Việt Nam. Ông được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa Thế giới.	Đường, phố, công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
396	Đinh Công Tráng	Ninh Bình	Đinh Công Tráng (1842 - 1887), quê ở tỉnh Ninh Bình, là lãnh tụ số một của khởi nghĩa Ba Đình trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX tại Việt Nam.	Đường, phố
397	Trịnh Tráng	Thanh Hóa	Trịnh Tráng (1577 - 1657), quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ hai của dòng họ Trịnh.	
398	Lê Phụ Trần	Thanh Hóa	Lê Phụ Trần (? - ?), quê huyện Thọ Xuân (cũ), là Danh tướng của triều đại Nhà Trần, phục vụ các triều Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông.	
399	Phạm Thị Ngọc Trần	Thanh Hóa	Phạm Thị Ngọc Trần (? - 1425), quê ở sách Quần Đội, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), bà là vợ vua Lê Thái Tổ, chăm lo hậu cần cho khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm đầu và là người dâng mình cho thần nhân giúp vua Lê Thái Tổ hoàn thành sự nghiệp lớn.	
400	Hoàng Tích Trí	Bắc Ninh	Hoàng Tích Trí (1903 - 1958), quê gốc Phù Lưu, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, sinh tại xã Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội, là bác sĩ, nhà vi trùng học - dịch tễ học có nhiều đóng góp vào sự nghiệp y tế Việt Nam.	
401	Tống Phước Trị	Thanh Hóa	Tống Phước Trị (thế kỷ XVI), quê huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), làm quan đến chức Trấn thủ thời Lê Trung hưng.	
402	Nguyễn Quốc Trị	Nghệ An	Nguyễn Quốc Trị (1921 - 1967), quê ở xã Đà Sơn, xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An, là một trong 4 Anh hùng quân đội đầu tiên của Việt Nam.	Đường
403	Thiệu Trị	Thanh Hóa	Thiệu Trị (1807 - 1847), có tên là Nguyễn Phúc Miên Tông, quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa, nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua thứ ba triều Nguyễn, là một người hiền hoà, siêng năng cần mẫn, ông cũng nổi tiếng là một vị vua thi sĩ, có để lại rất nhiều bài thơ, nổi tiếng.	Đường
404	Lý Triện	Thanh Hóa	Lý Triện (? - 1427), quê ở trang Bái Đô, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng chức Nhập nội Tư mã thời Lê sơ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
405	Hải Triều	Hải Phòng	Hải Triều (1908 - 1954), quê ở phường An Dương, thành phố Hải Phòng. Ông là một trong những chiến sĩ xuất sắc của Đảng trên mặt trận Văn hóa - Văn nghệ. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1962).	Phố
406	Bà Triệu - Triệu Thị Trinh	Thanh Hóa	Bà Triệu (225 - 248), tên thật là Triệu Thị Trinh, còn được gọi là Triệu Ẩu, Triệu Trinh Nương, người vùng núi Quân Yên, nay thuộc xã Định Hòa - Định Tân, tỉnh Thanh Hóa), là lãnh tụ khởi nghĩa chống ách đô hộ Nhà Ngô, là một trong những vị anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.	Đường
407	Lê Mạnh Trinh	Thanh Hóa	Lê Mạnh Trinh (1897 - 1983), người xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Phó Giám đốc trường Đảng Trung ương Nguyễn Ái Quốc, là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
408	Phan Chu Trinh	Đà Nẵng	Phan Chu Trinh (1872 - 1926), quê ở làng Tây lộc, huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tây Hồ, thành phố Đà Nẵng). Ông là nhà thơ, nhà văn và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
409	Trần Bình Trọng	Ninh Bình	Trần Bình Trọng (1259 - 1285), quê tỉnh Ninh Bình. Ông có công hộ giá bảo vệ Vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ hai (1285).	Đường
410	Lý Tự Trọng	Hà Tĩnh	Lý Tự Trọng (1914 - 1931), tên thật là Lê Hữu Trọng, quê xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà cách mạng trẻ tuổi của Việt Nam.	Đường, phố, công trình công cộng
411	Nguyễn Văn Trỗi	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964), làng Thanh Quýt, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, (nay là phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng), một người đã thực hiện cuộc đánh bom nhằm vào Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Robert McNamara.	Đường, phố
412	Trịnh Thị Ngọc Trúc	Thanh Hóa	Trịnh Thị Ngọc Trúc (1595 - 1660), quê ở xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hoàng hậu của Lê Thần Tông và là nữ văn sĩ của Việt Nam thế kỷ XVII.	Đường
413	Nguyễn Đức Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Đức Trung (thế kỷ XV), quê xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Thái úy, Trình quốc công dưới thời Lê sơ và là một trong bảy người con của khai quốc công thần Nguyễn Công Duẩn.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
414	Thân Nhân Trung	Bắc Ninh	Thân Nhân Trung (1418 - 1499), quê ở tỉnh Bắc Ninh, ông là Phó Nguyên súy Tao đàn Nhị thập bát tú cho Lê Thánh Tông làm Tao đàn nguyên súy.	
415	Quang Trung	Gia Lai	Quang Trung (1753 - 1792), quê tỉnh Gia Lai, là niên hiệu của Nguyễn Huệ, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, nhà quân sự thiên tài, anh hùng dân tộc.	Đường, công trình công cộng
416	Nguyễn Công Trứ	Hà Tĩnh	Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), hiệu Ngộ Trai, Hy Văn, quê làng Uy Viễn, xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ giải nguyên (1819), làm tri huyện rồi đến Tổng đốc, Thượng thư, ông là nhà thơ tài hoa, sáng tác nhiều bài ca trù nổi tiếng.	Đường
417	Phạm Công Trứ	Hưng Yên	Phạm Công Trứ (1600 - 1675), quê làng Liêu Xuyên, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương, (nay thuộc thôn Thanh Xá, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên), là tể tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam. Ông là một công thần, một nhà chính trị tài năng của chúa Trịnh, là một trong 39 người "phò tá có công lao tài đức" thời Trung hưng, làm đến chức Quốc lão, Thái bảo Yên Quận công.	
418	Nguyễn Trực	Hà Nội	Nguyễn Trực (1417 - 1474), quê xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội, là Thiếu trung khanh đại phu Ngự sử đài Ngự sử thị Đô úy, Thự trung thư lệnh, Tri tam quán sự, đặc thụ Hàn lâm viện Thừa chỉ kiêm Tế tửu Quốc tử giám Thăng Long.	Đường
419	Nguyễn Trung Trực	Gia Lai	Nguyễn Trung Trực (1838 - 1868) còn gọi là Nguyễn Trực, quê xóm Lưới, thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai. Là thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa chống Pháp vào nửa cuối thế kỷ 19 ở Nam Bộ, Việt Nam.	Đường, phố
420	Hai Bà Trưng	Phú Thọ	Hai Bà Trưng (41 - 43), quê Phú Thọ, là anh hùng dân tộc của người Việt, những thủ lĩnh khởi binh chống lại nhà Đông Hán của Trung Quốc, lập ra một Quốc gia với kinh đô tại Mê Linh và tự phong là Nữ vương.	Đường
421	Hồ Nguyên Trừng	Thanh Hóa	Hồ Nguyên Trừng (thế kỷ XIV - XV), quê ở làng Đại Lại (nay là xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là con trưởng của Hồ Quý Ly, là Tả Tướng quốc thời Hồ.	Đường, phố
422	Trịnh Thiết Trường	Thanh Hóa	Trịnh Thiết Trường (thế kỷ XV), quê thôn Đắc Chí, xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê sơ. Ông thi đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân, Bảng nhãn. Nhờ có	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tài năng, đức độ, Trịnh Thiết Trường được các vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông trọng dụng và tin dùng.	
423	Lê Trạc Tú	Thanh Hóa	Lê Trạc Tú (1533 - 1615), quê làng Phú Thịnh, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê Trung hưng. Do có nhiều công lao đóng góp vào thắng lợi trong cuộc khôi phục cơ nghiệp nhà Lê, năm 1599, Lê Trạc Tú được gia phong tước văn Trinh Bá.	
424	Lê Bật Tứ	Thanh Hóa	Lê Bật Tứ (1562 - 1627), người xã Cổ Định, nay là xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng, đi sứ Trung Quốc (1608).	
425	Nguyễn Mộng Tuân	Thanh Hóa	Nguyễn Mộng Tuân (1380 - ?), quê ở thôn Viên Khê, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Môn hạ sảnh Tả ty Tả nạp ngôn Tri quân dân Bắc đạo thời Lê sơ và là một nhà thơ lớn của Đại Việt thế kỷ XV.	Đường
426	Nguyễn Tuân	Hà Nội	Nguyễn Tuân (1910 - 1987), quê ở xã Nhân Mục, thôn Thượng Đình, nay thuộc phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Là nhà văn nổi tiếng của Việt Nam, sở trường về tùy bút và kí, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.	Phố
427	Mai Anh Tuấn	Thanh Hóa	Mai Anh Tuấn (1815 - 1851), tên thật là Mai Thế Tuấn, quê xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là Thị độc học sỹ kiêm Tham biện thời nhà Nguyễn.	Đường, công trình công cộng
428	Trịnh Tuệ	Thanh Hóa	Trịnh Tuệ (1701 - ?), quê ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (nay là xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng thư, Tham tụng, Tế tửu Quốc Tử giám thời Lê Trung hưng.	
429	Đào Duy Tùng	Hà Nội	Đào Duy Tùng (1924 - 1998), quê tại Xóm Chợ, Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội, từng là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.	
430	Trịnh Tùng	Thanh Hóa	Trịnh Tùng (1550 - 1623), quê ở làng Sóc Sơn, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa đầu tiên của Dòng họ Trịnh, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Trung hưng Nhà Lê.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
431	Tôn Thất Tùng	Huế	Tôn Thất Tùng (1912 - 1982), sinh ra tại Thanh Hóa và lớn lên ở Huế, là Anh hùng lao động, Giáo sư - Bác sĩ, nhà bác học nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Ông đạt Huy chương Vàng Quốc tế Lannơlônggiơ của Viện Hàn lâm phẫu thuật Paris (1977), được giới Y học toàn cầu đánh giá cao, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.	Đường, phố
432	Nguyễn Tuyên	Thanh Hóa	Nguyễn Tuyên (1017 - 1038), quê ở trang Đường Bột, huyện Cổ Đằng, phủ Hà Trung (thuộc huyện Hà Trung) (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Đại tướng thời Lý, có công đánh dẹp Chiêm Thành được phong là "Đương cảnh thành hoàng, thượng đẳng phúc thần đại vương".	
433	Đào Duy Từ	Thanh Hóa	Đào Duy Từ (1572-1634), quê gốc ở làng Vân Trai, xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay thuộc phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa), là nhà quân sự lớn, Danh nhân văn hóa kiệt xuất, người thầy, bậc Khai quốc công thần dưới thời Chúa Nguyễn ở Đàng trong.	Đường, phố, công trình công cộng
434	Ngô Từ	Thanh Hóa	Ngô Từ (1370 - 1453), quê ở Đồng Phang, tổng Đông Lý, xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Thái bảo Chương Khánh công dưới thời Lê sơ.	Phố
435	Chử Đồng Tử		Chử Đồng Tử (? - ?), là nhân vật huyền thoại, có vị trí đặc biệt trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam.	
436	Hàn Mặc Tử	Quảng Trị	Hàn Mặc Tử (1912 - 1940), tên thật là Nguyễn Trọng, quê làng Lệ Mỹ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, lớn lên ở Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. Ông là nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam.	Đường, phố
437	Ngô Gia Tự	Bắc Ninh	Ngô Gia Tự (1908 - 1935), quê làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, (nay là phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Ông là nhà cách mạng tiền bối của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng làm Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ.	Phố
438	Nguyễn Huy Tự	Hà Tĩnh	Nguyễn Huy Tự (1743 - 1790), người làng Trường Lưu, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là xã Gia Hanh, tỉnh Hà Tĩnh), làm quan đến chức Đốc đồng Hưng Hóa và trấn Sơn Tây, ông là tác giả truyện Nôm bằng thơ nổi tiếng: Hoa tiên.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
439	Nguyễn Huy Tưởng	Hà Nội	Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960), người làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội). Ông là Nhà văn Việt Nam hiện đại, tham gia phong trào yêu nước từ rất sớm, viết nhiều tác phẩm xuất sắc về Hà Nội, nhất là tiểu thuyết Sống với thủ đô và kịch bản Lũy Hoa.	
440	Dã Tượng		Dã Tượng (? - ?), không rõ năm sinh, năm mất và quê quán. Ông có tài thu phục Voi rừng Dã Tượng cùng với Yết Kiêu là gia tướng chỉ huy đội tượng binh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, từng lập nhiều chiến công trong hai Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược 1285-1288.	Đường
441	Vũ Uy	Thanh Hóa	Vũ Uy (? - 1424), còn gọi là Lê Uy, quê ở làng Thụ Mệnh, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	Đường
442	Trần Cao Vân	Đà Nẵng	Trần Cao Vân (1866 - 1916), tên thật là Trần Công Thọ, quê làng Tư Phú, xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng), là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp tại Trung kỳ.	Phố
443	Phạm Vấn	Thanh Hóa	Phạm Vấn (? - 1436), quê ở thôn Nguyễn Xá (nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại tướng quân thời Lê sơ.	
444	Đinh Củng Viên	Thanh Hóa	Đinh Củng Viên (? - 1294), quê huyện Đông Sơn (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Hàn lâm viện Học sĩ phụng chỉ và nhà ngoại giao thời Trần, đã từng đi sứ nhiều lần.	
445	Chế Lan Viên	Quảng Trị	Chế Lan Viên (1920 - 1989), tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở tỉnh Quảng Trị, sinh ở Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, là một nhà thơ, nhà văn hiện đại nổi tiếng ở Việt Nam, được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.	Đường
446	Bùi Viện	Hưng Yên	Bùi Viện (1839 - 1878), quê làng Trình Phố, huyện Trực Định (nay là xã Tiến Hải, tỉnh Hưng Yên), làm quan dưới thời vua Tự Đức, là một trong những người đầu tiên xây dựng cảng Hải Phòng. Thành tựu của ông để lại có ý nghĩa mở đầu đối với yêu cầu duy tân ở các mặt thủy quan, thương mại hàng hải.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
447	Nguyễn Khắc Viện	Hà Tĩnh	Nguyễn Khắc Viện (1913 - 1997), quê xã Sơn Tiến, tỉnh Hà Tĩnh, là một bác sĩ Nhi khoa nhà nghiên cứu văn hóa và tâm lý - Y học - Giáo dục nổi tiếng của Việt Nam. Ông là người lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp, được giải thưởng Nhà nước Việt Nam của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.	Phố
448	Hoàng Quốc Việt	Bắc Ninh	Hoàng Quốc Việt (1905 - 1992), tên thật là Hạ Bá Cang, quê Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh), là một chính khách, đảm nhiệm các vai trò Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.	Phố
449	Lương Thế Vinh	Ninh Bình	Lương Thế Vinh (1442 - ?), còn gọi là Trạng Lường, tên tự là Cảnh Nghị, tên hiệu là Thụy Hiên, quê tại làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, Trấn Sơn Nam (nay là xã Thành Lợi, nay là phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình), là tổ sư ngành toán, nhà Phật học, nhà thơ Việt Nam thời Lê sơ, đỗ trạng nguyên và làm quan dưới triều Lê Thánh Tông.	Đường, phố
450	Ngô Thế Vinh	Ninh Bình	Ngô Thế Vinh (1802 - 1856), quê làng Bái Dương, xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình. Tự là Trọng Dực, hiệu Trúc Đường, Dương Đình, đỗ tiến sĩ 1829, làm quan triều Nguyễn, đồng thời ông còn là một nhà giáo dục nổi tiếng nửa đầu thế kỷ XIX.	
451	Lê Thọ Vực	Thanh Hóa	Lê Thọ Vực (? - 1484), quê ở xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thái úy thời Lê sơ.	
452	An Dương Vương	Cao Bằng	Thục Phán An Dương Vương (thế kỷ III TCN), quê tỉnh Cao Bằng, là thủ lĩnh Bộ lạc Âu Việt đất Văn Lang, là một vị vua đã lập nên đất nước Âu Lạc và cũng là vị vua duy nhất cai trị nhà nước này.	
453	Hùng Vương	Phú Thọ	Hùng Vương (? - ?), quê tỉnh Phú Thọ, là cách gọi các vị vua nước Văn Lang của người Lạc Việt.	
454	Phạm Văn Xảo	Hà Nội	Phạm Văn Xảo (? - ?), quê ở Hà Nội, là Khai quốc công thần nhà Hậu Lê.	
455	Nguyễn Xí	Nghệ An	Nguyễn Xí (1397 - 1465), sinh ra ở xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An, gốc người làng Cương Gián, xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh, là một vị tướng, nhà chính trị, công	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thần Khai quốc nhà Hậu Lê và là đại thần trải qua 4 đời vua thời Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam.	
456	Nguyễn Xiển	Nghệ An	Nguyễn Xiển (1907 - 1997), quê ở tỉnh Nghệ An, là một nhà khoa học, đồng thời cũng là một chính khách Việt Nam, giữ chức Chủ tịch Uỷ ban Hành chính Bắc bộ, Tổng Thư ký Đảng Xã hội Việt Nam (1956 - 1988), Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam (1960 - 1987).	Phố
457	Bùi Thị Xuân	Gia Lai	Bùi Thị Xuân (? - 1802), quê phủ Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, là một trong Tây Sơn ngũ phụng thư, là một Đô đốc của vương triều Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.	Đường, phố
458	Nguyễn Viết Xuân	Phú Thọ	Nguyễn Viết Xuân (1933 - 1964), quê làng Thượng, xã Ngũ Kiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ), là chiến sĩ cách mạng, được biết đến nhiều qua khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù! Bắn!" trong Chiến tranh Việt Nam.	Đường
459	Trần Tế Xương	Ninh Bình	Trần Tế Xương (1870 - 1907), còn có tên Tú Xương, quê huyện Mỹ Lộc (cũ), tỉnh Ninh Bình, là nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Đường, phố
460	Lê Hắc Y	Phú Thọ	Lê Hắc Y (? - ?), tên thật là Bùi Hắc Y, người huyện Yên Thủy hoặc Lạc Sơn (cũ), tỉnh Phú Thọ, là người có công chiêu mộ quân sĩ (chủ yếu là người dân tộc Mường) tham giavà có nhiều đóng góp vào sự thành công của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	

2. Danh nhân, nhân vật lịch sử được suy tôn tại tỉnh Thanh Hóa: 532 tên trong đó 28 tên đã đặt.

2.1. Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho tỉnh Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa

Tổng số: 30 danh nhân, trong đó 06 tên danh nhân đã dùng đặt tên.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Trương Văn Bang	Tây Ninh	Trương Văn Bang (1911 - 1981), quê quán làng Phước Lại, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Phước Lại, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh). Ông nguyên Bí thư Đảng ủy Nông trường Lam Sơn (huyện Ngọc Lặc (cũ), tỉnh Thanh Hóa); Nguyên	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ.	
2	Quách Đình Bảo	Hưng Yên	Quách Đình Bảo (1434 - 1507), quê xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan, nay là xã Thái Phúc, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên. Đỗ thám hoa (1463), làm quan triều Lê Thánh Tông, từ học sĩ Viện Hàn Lâm đến Thượng thư bộ Lễ bộ Hình. Ông là anh trai Quách Hữu Nghiêm, hai anh em cùng tham gia vịnh thơ khắc trong văn bia Hoàng Thái hậu Ngô Thị Ngọc Giao ở Vĩnh Lăng Lam Kinh. Ông còn là 28 vì sao sáng trên bầu trời thơ văn Đại Việt lúc đó như: Lê Thánh Tông, Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, Quách Hữu Nghiêm, Lương Thế Vinh, Lê Hoằng Dục, Nguyễn Đình Mỹ... cho ra đời nhiều tập thơ: Hồng Đức quốc âm thi tập, Quỳnh uyển cửu ca, Cổ tâm bách vịnh, Xuân văn thi tập... ông là một thành viên tích cực của Tao đàn. Năm 1484, Lê Thánh Tông sai ông ghi chép họ tên thứ bậc các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất Đại Bảo năm thứ 3 (1442) triều Lê Thái Tông đến khoa Giáp Thìn Hồng Đức năm thứ 15 (1484), tổng cộng 10 khoa, để bộ Công khởi công dựng bia Tiến sĩ (trong đó ghi chép rất nhiều những danh sĩ người Thanh Hóa).	
3	Trần Bảo	Ninh Bình	Trần Bảo (1908 - 1983), quê ở là tỉnh Ninh Bình, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
4	Đặng Việt Châu	Ninh Bình	Đặng Việt Châu (1914 - 1990), tên thật là Đặng Hữu Rạng, quê xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
5	Nguyễn Sỹ Dũng	Gia Lai	Nguyễn Sỹ Dũng (? - ?), quê tỉnh Gia Lai. Theo gia phả dòng họ Nguyễn Sỹ ở làng Lộc Trung, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Sỹ Dũng tên thật là Vũ Văn Dũng; quê làng Phù Mỹ, xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai. Ông là hổ tướng số một trong 7 vị tướng tài của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhà Thanh cuối thế kỷ XVIII. Ông đã từng giữ chức Đại Tư Khấu, rồi Đại Tư Đồ dưới triều vua Nguyễn Quang Toản (con Quang Trung) và là người có nhiều công lao trong việc trấn thủ Bắc Thành (Hà Nội), chỉ huy nhiều trận đánh	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			lớn chống thế lực thù địch ở đàng trong của Nguyễn Ánh thời bấy giờ, nổi nhất là trận Thị Nại năm 1800 - 1801. Sau khi vua Quang Trung mất, để tránh sự truy sát của Nguyễn Ánh, ông đã đưa gia đình chạy ra vùng đất Lộc Trung, Thanh Hóa (thuộc phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn) ẩn dật và đổi tên thành Nguyễn Sỹ Dũng. Để tưởng nhớ công lao của Đô đốc Nguyễn Sỹ Dũng, Nhân dân làng Lộc Trung lập đền thờ ông ở gần cửa Lạch Hới, phường Quảng Tiến ngày nay. Đền thờ Nguyễn Sỹ Dũng được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 164/VHQĐ ngày 25 tháng 9 năm 1993 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2011.	
6	Trần Hữu Duyệt	Hà Tĩnh	Trần Hữu Duyệt (1906 - 1953), quê xã Thiên Cầm, tỉnh Hà Tĩnh, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
7	Hoàng Đạo	Hồ Chí Minh	Hoàng Đạo (1914 - 2007), tên thật là Nguyễn Văn Hoàng, quê ở Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh, từng làm Trưởng Ty Công an Thanh Hóa. Ông đã chỉ đạo các hoạt động dẹp bọn phản động; Hoàng Đạo trong vai Quốc vụ Khanh cùng Nguyễn Thị Lợi (vai phu nhân Quốc Vụ Khanh) tham gia đánh chiến hạm Amyot D'Inville tại biển Sầm Sơn, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
8	Nguyễn Văn Giảng	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Giảng (1903 - 1998), quê làng Châu Xuyên, thị xã Bắc Giang (nay thuộc phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh), sau chuyển vào sinh sống tại huyện Tĩnh Gia (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
9	Lê Thị Hoa	Ninh Bình	Lê Thị Hoa (? - 41), quê Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình, là Danh tướng Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43).	Đường, phố
10	Nguyễn Văn Huệ	Ninh Bình	Nguyễn Văn Huệ (1910 - 2009), quê Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình, từng giữ chức quyền Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
11	Nguyễn Hữu Khiếu	Quảng Trị	Nguyễn Hữu Khiếu (1915 - 2004), quê quán ở thôn Tường Văn, xã Nam Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
12	Nguyễn Thị Lợi	An Giang	Nguyễn Thị Lợi (1911 - 1950), quê ở Châu Phú, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, bà là Điệp viên tham gia đánh đắm tàu Amyot D'Inville Pháp ở Sầm Sơn.	Đường, công trình công cộng
13	Võ Nguyên Lượng	Quảng Ngãi	Võ Nguyên Lượng (1915 - 1974), quê quán ở huyện Mộ Đức (cũ), tỉnh Quảng Ngãi, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
14	Ngô Đức Mậu	Hà Tĩnh	Ngô Đức Mậu (1908 - 1987), quê xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
15	Trần Thị Nam	Hưng Yên	Trần Thị Nam (1876 - 1966), quê Hưng Yên. Bà là thành viên Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên, từng là Ủy viên Ủy ban cách mạng Lâm thời tỉnh Thanh Hóa.	Phố
16	Nguyễn Đức Nhuận	Nghệ An	Nguyễn Đức Nhuận (? - ?): quê Nghệ An, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy lâm thời ở Khu vực thị xã Thanh Hóa, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa năm 1940.	
17	Nghiêm Quý Ngãi	Hà Nội	Nghiêm Quý Ngãi (1918 - 1983), quê gốc ở làng Hòa Xá, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), từ nhỏ đã theo gia đình về sống tại làng Hương Nhượng (nay thuộc Xuân Hòa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
18	Lê Quang Nghệ	Quảng Trị	Lê Quang Nghệ (1930 - 1999), quê làng Tường Vân, xã Nam Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị, là người tham gia nghiên cứu nhiều và chuyên sâu về văn nghệ, văn hóa dân gian, là người sưu tầm dân ca đầu tiên của Thanh Hóa.	
19	Đạm Phương	Huế	Đạm Phương (1881 - 1948), tên lúc nhỏ là Công Tôn Nữ Đồng Canh, quê làng An Cựu, phường An Cựu, thành phố Huế, hoạt động văn hóa, hoạt động xã hội, rất có uy tín trong giới trí thức hồi đầu thế kỷ XX, có thời gian hoạt động cách mạng và mất ở Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
20	Lý Nhật Quang	Ninh Bình	Lý Nhật Quang (995 - 1057), quê tỉnh Ninh Bình, là hoàng tử thứ 8 của vua Lý Thái Tổ. Vào nửa đầu thế kỷ XI, vua Lý đã cử ông vào trấn ải phương Nam, ông thay mặt triều đình cai quản phía nam, để ổn định xã hội và bảo vệ vùng phên dậu Đại Việt. Ông đã có công tổ chức và xây dựng được vùng căn cứ hậu cần vững chắc dọc tuyến sông Bà Hòa (sông Lạch Bạng) và dựng trại Bà Hòa (xã Trường Lâm) để dựng trại tập kết quân đội, cất giữ lương thực, giúp vua Lý Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành.	
21	Nguyễn Tạo	Hà Tĩnh	Nguyễn Tạo (1905 - 1994), còn có tên Nguyễn Phủ Doãn, quê làng Thái Yên, xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố
22	Đặng Châu Tuệ	Hưng Yên	Đặng Châu Tuệ (? - 1987), quê xóm Nam, làng Bình An, tổng Khê Kiều, huyện Thư Trì (nay thuộc phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên), là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
23	Hồ Viết Thắng	Nghệ An	Hồ Viết Thắng (1918 - 1998), quê ở xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Trưởng ban Nông vận, có thời gian giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
24	Nguyễn Văn Thân	Nghệ An	Nguyễn Văn Thân (1923 - 2008), quê ở xã Vạn An, tỉnh Nghệ An, có giai đoạn làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
25	Đặng Thí	Quảng Trị	Đặng Thí (1921 - 2001), quê ở xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
26	Đinh Đức Thiện	Ninh Bình	Thượng tướng Đinh Đức Thiện (? - ?), quê tỉnh Ninh Bình, ông nguyên là Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, phụ trách công tác hậu cần kỹ thuật và vận tải thời kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Ông từng về huyện Thạch Thành (cũ) và đã giúp huyện 03 máy phát điện phục vụ hoạt động của cơ quan Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện.	
27	Vũ Xuân Thiều	Ninh Bình	Vũ Xuân Thiều (1945 - 1972), quê gốc ở xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình. Năm 1968, sau khi hoàn thành xuất sắc khóa học tập và huấn luyện bay ở Liên Xô (trước đây), phi công Vũ Xuân Thiều trở về nước và được biên chế về Trung đoàn Không quân	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Sao Đỏ (E921). Tháng 12 năm 1972, khi Mỹ mở rộng cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng máy bay B-52 vào thành phố Hà Nội và Hải Phòng, Vũ Xuân Thiều cùng đồng đội quyết tâm diệt B-52. Đêm ngày 28 tháng 12 năm 1972, Vũ Xuân Thiều cất cánh từ sân bay quân sự Cẩm Thủy (Thanh Hóa) bay đến vùng trời Sơn La thì gặp máy bay B-52 của Mỹ đang đánh vào Hà Nội. Vũ Xuân Thiều tấn công, máy bay B-52 của địch bốc cháy, vì ở cự ly quá gần anh đã hy sinh cùng lúc lập chiến công. Tháng 12 năm 1994, ông đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
28	Lê Thước	Hà Tĩnh	Lê Thước (1890 - 1975), hiệu Tĩnh Lạc, quê xã Đức Quang, tỉnh Hà Tĩnh, là lão thành cách mạng, Chủ tịch Ủy ban tản cư di dân và Ủy ban tăng gia sản xuất tỉnh Thanh Hóa.	Phố
29	Đặng Huy Trứ	Huế	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), quê thành phố Huế, là một nhà cải cách Việt Nam thời cận đại, ông tổ nghề nhiếp ảnh ở Việt Nam và là người đầu tiên đưa kỹ nghệ đóng tàu phương Tây du nhập vào Việt Nam, Ông làm Thông phán Ty Bố chính Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương.	Phố
30	Hoàng Kế Viêm	Quảng Trị	Hoàng Kế Viêm (1820 - 1909), quê làng Văn La, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị, ông làm quan cuối triều Nguyễn, là vị quan xuất sắc về mặt võ, có công dẹp yên được một số vụ rối loạn ở Bắc Kỳ. Năm 1854 ông được cử làm Bố chính Thanh Hóa. Ông còn quan tâm đến kinh tế như đào kênh thiết cảng ở Nghệ An, khai khẩn đất hoang ở quê nhà.	

2.2. Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa

Tổng số: 439 tên danh nhân, trong đó 28 tên danh nhân đã dùng đặt tên.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Lê Đình Ân	Thọ Lập	Lê Đình Ân (1890 - 1943), quê quán làng Phúc Bồi, tổng Quảng Yên, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa, là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
2	Hoàng Thị Minh Ba	Thọ Long	Hoàng Thị Minh Ba (1922 - 2013), quê làng Nam Thượng, tổng Nam Dương, phủ Thọ Xuân (nay thuộc xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
3	Hà Văn Ban	Nam Xuân	Hà Văn Ban (1929 - 1995), quê chòm Bản Bút, xã Nam Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là quyền Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.	
4	Khằm Ban	Hồi Xuân	Khằm Ban (? - ?)[253], ông gốc họ Phạm thuộc dòng họ Phạm Tộc thần từ bi dựng niên hiệu Duy Tân thứ 1 (1907), đây vốn là một dòng họ lớn trong ngũ châu. Ông là thủy tổ dòng họ Phạm ở đất Mường Đà. Thuở nhỏ ở trong Phá Khâm (thuộc vùng Hồi Xuân ngày nay), nghe vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa bình định giặc Ngô (Minh), ông bèn soái lĩnh quân giúp nước, trải qua nhiều trận có công, vua phong cho là Thống Lĩnh Thượng Tướng quân. Ông có công đánh đuổi quân Minh ở Trường Khu, xuất trại viện lập trụ Đồng phân mốc ở đỉnh cao Phân Mao (biên giới Việt Lào ngày nay), vì thế mà việc hai nước được bình. Sau đó ông từ quan trở về quê hương, vua Lê nhớ về công lao của ông bèn lệnh cho Tiến Sĩ là Phò Mã đang trấn giữ phương Nam tiễn ông trở về. Ông đã đi các nơi trên vùng Thượng du chọn đất làm thái ấp riêng, đã tìm từ vùng Kim Trĩ trở lên đều không có đất nào có thể khai cơ lập nghiệp. Một ngày đồn trú doanh trại ở cửa sông Lò, thấy đất Hồi Xuân có núi Xuân Sơn phía sau, ông xin vua ban cho thái ấp ở vùng này (Hồi Xuân). Khi ông mất, Nhân dân bầu hậu làm Phúc thần lập đền thờ cúng, đền thờ ông ở Hồi Xuân đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh.	
5	Lê Văn Bảo	Biện Thượng	Lê Văn Bảo (1909 - 1931), quê làng Bồng Thượng (nay thuộc xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa, là một trong những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
6	Hoằng Bát	Hoằng Sơn	Hoằng Bát (1198 - ?), quê làng Thanh Nga, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có công cung cấp lương thực giúp vua Trần Thái Tông đi đánh Chiêm Thành năm 1251, được vua ban tước Thực Lộc hầu.	

[253] Dẫn nguồn theo dịch thuật lý lịch tại văn bia đặt tại đền thờ Tướng quân Khằm Ban thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa. Phạm Tộc thần từ bi dựng niên hiệu Duy Tân thứ 1 năm 1907 hiện dựng ở đền thờ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
7	Lê Nhữ Bật	Nguyệt Viên	Lê Nhữ Bật (1527 - 1599), người làng Vĩnh Trị, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Lại khoa Đô cấp sự trung, tước Nhâm quận công thời Lê Trung hưng, từng đi sứ nhà Minh, được truy phong Thượng thư Bộ Công.	
8	Lê Trọng Bích	Lam Sơn	Lê Trọng Bích (thế kỷ XV - XVI), người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508), làm đến chức Tả Thị lang dưới thời Lê sơ.	
9	Nguyễn Văn Bích	Quảng Phú	Nguyễn Văn Bích (1620 - 1706), quê xã Bất Quần, huyện Quảng Xương (cũ), tỉnh Thanh Hóa, nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Bảng Nhãn khoa Kỷ Hợi, là người được cử đi sứ sang nhà Thanh, làm quan đến chức Tả Thị lang, Nhập thị kinh diện, tước Tử, được truy tặng Công bộ Thượng thư, tước Thọ Xương hầu.	
10	Phạm Xuân Bích	Định Tân	Phạm Xuân Bích (1784 - 1833), người làng Tràng Lang nay là xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hương cống khoa Tân Tỵ, đời vua Minh Mạng, làm đến Thư Tả Thị Lang bộ Lại, sau đổi làm Thư Bố Chánh sứ Hà Tiên.	
11	Trịnh Phúc Biền	Định Tân	Trịnh Phúc Biền (1912 - 1981), còn có tên là Lê Minh Định quê ở xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, là Phó Bí thư Khu ủy khu VII, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
12	Lê Biện	Thiệu Trung	Lê Biện (1586 - ?) quê Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn 4, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa). Năm 46 tuổi, ông đỗ Hoàng giáp khoa Tân Mùi, niên hiệu Đức Long thứ 3 (1631) đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Lại khoa Đô cấp sự trung, tước Cẩm Nham tử.	
13	Nguyễn Hựu Bình	Hà Long	Nguyễn Hựu Bình (thế kỷ XVIII - XIX), người huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là Hàn lâm viện Học sĩ Thị tộc và là nhà ngoại giao có tài đối đáp, vị quan thanh liêm dưới thời nhà Nguyễn.	
14	Lang Văn Bôn	Thanh Kỳ	Lang Văn Bôn (? - ?), quê xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa, là người dân tộc Thái, người đất Kỳ Thượng. Ông là thủ lĩnh quân sự có công xây dựng căn cứ Kỳ Thượng, sau này hợp nhất với nghĩa quân của Tú Phương ở căn cứ Hương Trì tạo thành một căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng vững chắc chống Pháp ở Nam Nông Cống.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
15	Trịnh Bưu	Định Tân	Trịnh Bưu (1882 - ?), quê làng Yên Định, tổng Yên Định (nay thuộc xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa). Ông đậu khoa thi hương năm Quý Mão (1903) đã từng làm tri huyện Bình khê (Bình Định). Ông có biệt hiệu là Tam An, là người khí khái, thẳng thắn, giám phê bình tập Tổng vịnh của vua Tự Đức là không hay nên đường quan lộ không bền. Ngoài ra, ông còn có tư tưởng bài Tây, từ quan, Trịnh Bưu ra Hà Nội làm báo, thực nghiệp, khai hóa… Ông có sáng tác rất nhiều bài thơ cho báo Thanh Nghệ Tĩnh tân văn và nhiều thơ văn Hán - Nôm biểu hiện rõ tinh thần yêu nước, nhiều bài được chọn lọc giới thiệu trên thơ văn yêu nước đầu thế kỷ XX.	
16	Đức Thánh Cả	Thanh Hóa	Đức Thánh Cả (? - ?), có tên là Lê Uy, quê Thanh Hóa, là Danh tướng Triều Lý.	Đường
17	Hà Thị Diệu Cai	Hoằng Giang	Hà Thị Diệu Cai (? - ?), quê ở xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa, Bà là người có công giúp Vua Lê Lợi thoát nạn giặc Minh.	
18	Hoàng Văn Cài	Thiệu Tiến	Hoàng Văn Cài (1915 - 1999), quê xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
19	Nguyễn Cẩn	Hoằng Lộc	Nguyễn Cẩn (1537 - 1585), quê ở xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ xuất thân, là Hình khoa Độ cấp sự trung thời Lê Trung hưng.	
20	Lê Sĩ Cẩn	Trung Chính	Lê Sĩ Cẩn (1643 - ?), quê ở làng Phú Huệ, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, là tham chính, Tự Khanh, tước nam dưới thời Lê Trung hưng.	
21	Lê Cảo	Lam Sơn	Lê Cảo (thế kỷ XV - XVI), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là con thứ ba của Vua Lê Thánh Tông, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV - XVI, được phong tước Đường Vương.	
22	Nguyễn Địch Cát	Hoằng Lộc	Nguyễn Địch Cát (1746 - 1814), quê ở xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Tri huyện và là nhà ngoại giao thời Nguyễn.	
23	Lê Hy Cát	Lam Sơn	Lê Hy Cát (1425 - 1480), quê ở làng Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Đại Đô đốc dưới thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
24	Đỗ Xuân Cát	Nguyệt Viên	Đỗ Xuân Cát (1806 - 1864), quê làng Yên Vực (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa), là Tri phủ thời Nguyễn, có tài văn chương, nhà nghiên cứu về thiên văn, luật lịch đồ chí, ngoài ra ông còn là một thầy giáo giỏi.	
25	Vương Xuân Cát	Thiệu Tiến	Vương Xuân Cát (1901 - 1996), người làng Phú Lộc (nay là thôn Phúc Lộc 1, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
26	Bà Chúa Chầm	Thanh Hóa	Bà Chúa Chầm (? - ?), quê Thanh Hóa, là người giúp đỡ nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi trong quá trình nghĩa quân rút lên vùng núi phía Tây Thanh Hóa.	
27	Nguyễn Doãn Chấp	Hoằng Giang	Nguyễn Doãn Chấp (1905 - 1976), quê làng Liên Hợp (nay thuộc xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa), là lão thành Cách mạng, Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
28	Lưu Đình Chất	Hoằng Giang	Lưu Đình Chất (1566 - 1627), quê ở làng Quỳ Chử, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Là Thượng thư, Tham tụng, tước Phúc quận công thời Lê Trung hưng, Ông để lại nhiều áng thơ văn hay, hiện nay có 19 bài được chép trong Toàn việt thi lục của Lê Quý Đôn.	Công trình công cộng
29	Lê Đình Châu	Tân Dân	Lê Đình Châu (1717 - 1789), quê ở làng Sen Hồ, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Đô đốc phủ, Thái tể, Đại Tư Mã dưới triều Lê Trung hưng.	Đường
30	Lê Lam Châu	Hoằng Hóa	Lê Lam Châu (1900 - 1975), quê ở làng Hoằng Nghĩa, tổng Hành Vĩ, huyện Hoằng Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
31	Lưu Minh Châu	Hậu Lộc	Lưu Minh Châu (1922 - 1977), quê Hậu Lộc (cũ), ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Hậu Lộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Sau cách mạng, ông làm Bí thư thanh niên đầu tiên của Hậu Lộc, Bí thư tỉnh đoàn Thanh Hóa, Bí thư Thành đoàn Hà Nội, Phó Ban Dân Vận Trung ương, tham gia Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.	
32	Lê Chí	Kiên Thọ	Lê Chí (thế kỷ XV - XVI), quê ở thôn Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa), là Thái bảo, tước Huỳnh Quận công	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thời Lê sơ, có công trong việc đánh dẹp Chiêm Thánh, bắt được vua Chiêm đóng cũi giải về kinh đô Thăng Long, được Vua phong Bình Lương Bá.	
33	Lương Chí	Ngọc Sơn	Lương Chí (1542 - 1610), quê làng Tào Sơn, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Là Tham tụng, Thượng thư thời Lê Trung hưng, có tài về ngoại giao, nhiều lần được cử đi tuế cống nhà Minh.	Đường
34	Ngô Đình Chí	Xuân Hòa	Ngô Đình Chí (1867 - 1942), người làng Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa). Là Phó bảng, Tri phủ thời Nguyễn, làm quan chức Hành tẩu bộ Lại, hàm Biện tu, sau bổ chức Tri phủ Quảng Ninh.	
35	Võ Văn Chí	Nguyệt Viên	Võ Văn Chí (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoằng Long cũ, nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1894, ông thi đỗ Cử nhân khoa Giáp Ngọ, niên hiệu Thành Thái. Ông làm quan Tri huyện.	
36	Nguyễn Chiến (Nguyễn Khắc Cầm)	Hoằng Châu	Nguyễn Chiến (Nguyễn Khắc Cầm) (1918 - 1990), quê xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, ông là lão thành cách mạng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của huyện Hoằng Hóa. Ông là Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản huyện (tháng 4 năm 1944); Bí thư Huyện ủy Hoằng Hóa (tháng 4 năm 1946).	
37	Lê Đình Chiêu	Đông Quang	Lê Đình Chiêu (1341 - 1369), quê làng Yên Doãn, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Là một Danh tướng phò tá dưới triều Vua Trần Dụ Tông (1341 - 1369), có công đánh giặc Chiêm Thành giữ yên bờ cõi được phong tước Thiệu Bảo Quận Công.	
38	Hà Nhân Chính	Cổ Lũng	Hà Nhân Chính (? - ?), quê ở xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng đời Lê Trang Tông, có công phò giúp Vua Trang Tông lên ngôi.	
39	Đỗ Thiện Chính	Biện Thượng	Đỗ Thiện Chính (1627 - ?), người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Phúc (nay là thôn Bồng Trung (cũng gọi là thôn Đông Biện), xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp khoa Kỷ Hợi, làm quan đến chức Hữu thị lang bộ Công, tước Tử.	
40	Lê Chủ	Thiệu Tiến	Lê Chủ (1901 - 1980), tức Lê Tiến Nhiệu, quê ở làng Yên Lộ, tổng Phù Chẩn, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa), từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
41	Mai Thế Chuẩn	Nga Thắng	Mai Thế Chuẩn (1703 - ?), quê xã Thạch Giản, nay là xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Ông sinh năm 1703 trong một gia đình, dòng họ nổi tiếng về học hành khoa cử và làm quan. Năm Tân Hợi (1731), ông thi đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân. Sau khi thi đỗ, ông được bổ nhiệm làm quan văn trong triều, thăng đến chức Hữu thị lang kiêm Tế tửu Quốc Tử Giám, tước Hương lĩnh bá. Về sau, ông được giữ chức Đốc lĩnh các đạo Tây Nam, rồi Sơn Tây. Do có nhiều công lao trong dẹp yên các cuộc nổi dậy nên ông được tín nhiệm giao trọng trách trấn thủ Lạng Sơn - vùng đất biên cương phía Bắc của Tổ quốc, là phên dậu, được mệnh danh là tấm áo giáp bảo vệ Kinh thành Thăng Long từ phía Bắc.	
42	Phạm Ngọc Chúc	Quan Hóa	Phạm Ngọc Chúc (? - ?), quê huyện Quan Hóa (cũ), làm thượng tướng thống lĩnh quân. Ông được vua Lê Thế Tông (1573 - 1599) phong hàm tả tướng Thái úy và giữ chức Đặc tiến thượng tướng quân, quân dân Thái úy đại sứ ty, Quảng úy đại sứ tước phong Phú xuyên hầu trụ quốc trung trật.	
43	Tôn Thất Cơ	Nghi Sơn	Tôn Thất Cơ (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn (cũ), vốn dòng dõi hoàng tộc gần gũi với vua Bảo Đại. Do mắc lỗi với Triều đình nhà Nguyễn, ông bị đày đi an trí tại đảo Nghi Sơn, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1937, lãnh binh Tôn Thất Cơ đã có công phá núi mở đường vào Biện Sơn (con đường ngày nay men theo triền núi đang sử dụng). Ông có khắc bài thơ trên hòn đá cạnh bờ biển "Rừng xanh ta mở con đường".	
44	Đỗ Huy Cư	Hạc Thành	Đỗ Huy Cư (1746 - 1828), sau đổi tên là Đỗ Huy Tuân, người làng Đông Hương, huyện Đông Sơn (nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi, niên hiệu Canh Hưng 36 (1775) đời Lê Hiển Tông, làm quan đến chức Hàn lâm viện Hiệu thảo, đi sứ sang nhà Thanh.	Đường
45	Cao Cử	Đông Tiến	Cao Cử (1616 - ?), quê ở làng Ngọc Tích, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc thời Lê Trung hưng.	
46	Độc Cước	Sầm Sơn	Độc Cước (? - ?), là một vị thần Việt Nam, nơi thờ chính đặt tại đền Độc Cước ở phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
47	Lê Tự Cường	Hoằng Hóa	Lê Tự Cường (? - 1635), quê thôn Tây, xã Đằng Cao, trấn Thanh Hóa (nay là thôn Tê, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông làm quan dưới thời vua Lê - chúa Trịnh. Ông có công trong việc phò giúp nhà Lê, lập được nhiều công được thăng chức trung quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Hải Quận công, trung quân Đô đốc Thiêm sự Hải quận công sau thăng lên Thiếu bảo.	
48	Nguyễn Huy Cửu	Hoằng Lộc	Nguyễn Huy Cửu (thế kỷ XIX), quê làng Bột Thượng, xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông từng tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp ở quê nhà, tham gia đánh phủ đường Hoằng Hóa bị giặc Pháp bắt và giết hại.	
49	Lê Tất Đắc	Hoằng Hóa	Lê Tất Đắc (1906 - 1999), quê xã Bút Sơn, tổng Bút Sơn, phủ Hoằng Hóa (nay thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh thanh Hóa), từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố, công trình công cộng
50	Tống Hữu Đại	Hà Trung	Tống Hữu Đại (? - 1665), quê huyện Hà Trung (cũ), làm trấn thủ cựu dinh, tức dinh Ái Tử từ năm 1635. Năm 1665 ông mất, tước phong Đại Thắng hầu, được truy tặng Thắng Quận Công.	
51	Nguyễn Hữu Đan	Hoằng Hóa	Nguyễn Hữu Đan (1864 - 1927), quê huyện Hoằng Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Cử nhân (1903), được bổ nhiệm giữ chức huấn Đạo rồi tri huyện Kỳ Anh. Năm 1924, ông được bầu làm tư vấn huyện Hoằng Hóa.	
52	Trịnh Công Đán	Định Tân	Trịnh Công Đán (1437 - ?), quê ở xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa, trải qua các chức quan: Thượng Kỵ úy, từng trải chức quan Võ, Đồng tri Phó quản lĩnh Tổng tri. Lại ban cho nhận Tuyên úy sứ, quyền nắm chức Thị lang Bộ Công.	
53	Tư Mã Hai Đào	Điền Quang	Tư Mã Hai Đào (? - ?), quê làng Đào, xã Điền Quang, tỉnh Thanh Hóa. Theo truyền thuyết vào thế kỷ XV, ông tham gia bảo vệ biên cương ở huyện Mường Lát. Ông được triều đình phong quận công và Tư Mã trấn ải biên cương. Ông đã quyết định chọn Mường Xia xây dựng thủ phủ sinh sống đến cuối đời. Đền thờ Tư Mã Hai Đào ở bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, hiện đang đề nghị tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
54	Vũ Đạo	Thiệu Trung	Vũ Đạo (thế kỷ XVIII - XIX), quê ở làng Trà Đông, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa, là ông tổ nghề đúc đồng ở Trà Đông, Thiệu Hóa, Thanh Hóa.	
55	Nguyễn Trí Đạo	Thạch Thành	Nguyễn Trí Đạo (Quận Đạo) (1916 - 1991), quê huyện Thạch Thành (cũ). Ông là lão thành cách mạng, ông tham gia đội du kích Ngọc Trạo năm 1941. Ông là Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa, Ủy ban cách mạng lâm thời, Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến huyện Thạch Thành từ 1945 - 1949.	
56	Bùi Đạt	Hậu Lộc	Bùi Đạt (1903 - 1977), quê xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa.	
57	Hà Duyên Đạt	Xuân Lập	Hà Duyên Đạt (1888 - 1960), quê làng Canh Hoạch, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
58	Trần Hưng Đạt	Thanh Hóa	Trần Hưng Đạt (? - 1810), ông có tên khác là Trần Hưng Thân, người Thanh Hóa, tổ tiên ông là Trần Phúc Tư, ông theo Nguyễn Hoàng vào định cư tại Thuận Hóa. Ông là người có học vấn cao, có con gái gả làm phi tần của Nguyễn Ánh (tức là Thuận Thiên cao Hoàng hậu). Ông làm việc tại Hàn Lâm viện, sau thăng làm Hữu Tham tri bộ Lễ. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) ông được truy tặng Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Thượng trụ quốc, Thiếu phó, Hà Hoa quận công, ban tên thụy là Ôn Cẩn. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), Trần Hưng Đạt được gia tặng cần chính điện Đại học sĩ, Thái phó, đổi phong là Thọ Quốc công.	
59	Đỗ Tuấn Dẫy	Trung Chính	Đỗ Tuấn Dẫy (? - ?), quê làng Ngọc Tháp, xã Cổ Đôi, nay là xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa. Ông từng làm Cai tổng Văn Xá nên Nhân dân gọi là Cai Văn, sau thăng chức làm Bang Tá Nông Cống nên gọi ông là Bang Văn. Khi phong trào Cần Vương nổi lên, ông cùng Tri huyện Tôn Thất Hàm và một số quan chức khác bỏ huyện đường về mộ quân Cần vương. Ông đóng căn cứ ở núi Hoàng Nghiêu, phục kích đánh địch ở Thị Long và nhiều trận khác khiến giặp Pháp chịu nhiều tổn thất. Năm 1886 ông bị bắt và quân Pháp đem ra chém ở cầu Hạc.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
60	Trịnh Cao Đệ	Thiệu Hóa	Trịnh Cao Đệ (1630 - 1706) tức là Trịnh Đăng Đệ, quê xã Vãn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Năm 21 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa xuất thân khoa thi Canh Dần, niên hiệu Khánh Đức thứ 2 (1650), đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Thái thường Tự khanh. Sau khi mất, ông được tặng Tả Thị lang, tước Hầu.	
61	Đào Duy Dếnh	Trung Chính	Đào Duy Dếnh (1920 - 1996), quê xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
62	Lê Văn Điếm	Biện Thượng	Lê Văn Điếm (1850 - 1883), hay còn gọi là Lê Điếm, quê ở xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Phó bảng, là Đề đốc thời Nguyễn, từng đi theo quân Thứ Bắc Ninh để dẹp giặc, chiến đấu anh dũng đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ thành Nam Định.	
63	Trịnh Ngọc Điệt	Xuân Lập	Trịnh Ngọc Điệt (1917 - 1993), quê ở làng Ngọc Trung, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
64	Nguyễn Tắc Dĩnh	Nguyệt Viên	Nguyễn Tắc Dĩnh (1447 - ?), quê xã Lam Cầu, nay là thôn Sơn Hà, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức 9 (1478) vào năm 32 tuổi, làm quan đến chức Hộ bộ Tả thị lang.	
65	Đặng Quốc Đỉnh	Hoằng Sơn	Đặng Quốc Đỉnh (1669 - 1727), quê Làng Cát Xuyên, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, là Hiến sát sứ thời Lê Trung hưng.	
66	Lê Định	Thường Xuân	Lê Định (? - 1459), quê xã Nông Vụ, tổng Bái Dương, huyện Lôi Dương (nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa), tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu, lập được rất nhiều công trạng, được xếp vào hàng những người có công đầu (đệ nhất công thần). Khi Lê Lợi ban thưởng, ông được liệt vào hàng Bình Ngô khai quốc công thần và phong làm Tả Kim Ngô vệ Thượng tướng quân, tự hiệu hầu, sau thăng Bảo chính công thần, Nhập nội thiếu úy, Đại tư mã. Khi mất, được truy phong Mậu Liệt hầu, rồi Hoàng tông Cường quận công, có lăng mộ tại đồi Công Phủ, điện thờ tại thôn Thống Nhất 2, xã Xuân Dương.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
67	Lưu Đô	Nga Thắng	Lưu Đô (1923 - 1984), quê xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
68	Trịnh Đồ	Tân Ninh	Trịnh Đồ (? - 1447), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1428, do lập được nhiều công, ông được phong Ngân Thanh quang lộc đại phu, Tả xa kỵ, vệ đại tướng quân, quan nội hầu, Thiếu bảo Dũng quận công. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) được truy phong Thái bảo Á liệt hầu.…	
69	Nguyễn Đốc	Thắng Lợi	Nguyễn Đốc (1479 - 1551), quê làng Thổ Giá, nay là thôn Thổ Vị, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa, đậu Hoàng Giáp khoa Nhâm Tuất, là Tả thị lang Bộ Lại thời Lê sơ và thời nhà Mạc.	
70	Mai Lập Đôn	Nga Thắng	Mai Lập Đôn (1898 - 1946), quê ở làng Thạch Giản, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Ông là lão thành cách mạng, Ủy viên Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường
71	Đỗ Phúc Đồng	Đông Thành	Đỗ Phúc Đồng (? - ?), quê làng Thiều Xá, tổng Chi Nê (nay là làng Thiều Xá, xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa). Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Tháng 2 năm 1429, ông được phong Phụ quốc Vĩnh lộc Đại phu tướng quân. Vua Khải Định năm thứ 9 sắc phong "Dực bảo Trung hưng Linh phù, phụ quốc Vinh Lộ Đại phu Đỗ tướng quân.	
72	Lương Đại Đồng	Hoằng Châu	Lương Đại Đồng (? - ?), quê làng Hội Triều, nay thuộc xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thân sinh của ông là người gốc Trung Quốc sang Việt Nam từ năm 1311. Ông đỗ thái học sinh, được phong tước Thái bảo thái văn hầu.	
73	Đinh Công Đột	Ngọc Lặc	Đinh Công Đột (? - ?), quê gốc ở huyện Ngọc Lặc (cũ). Ông còn có tên là Đinh Công Nhiếp, ông là con trai Đinh Liệt, được cha phái vào Nông Cống tìm đất lộc điền vua ban. Ông và con nuôi là Đào Khắc Thành đến đất cầu Quan dự định khai khẩn ở đây. Sau ba năm khai phá do đất cầu Quan chật hẹp cho nên tìm đến chân núi Nưa khai hoang. Vùng đất này gần làng Đống Cải (Nay là Đông Cao - Trung Chính) và ông đã dựa vào đất này để làm cơ sở ban đầu cho họ Đinh gọi là Đống	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Cải Đinh tộc (tức tộc họ Đinh làng Đống Cải). Ông cùng con cháu họ Đinh ở Kiên Thọ, Ngọc Lặc kiến tạo làng xóm ở Đông Cao - Nông Cống trở nên trù phú. Đinh Công Đột là quan võ thời Lê Sơ, chức Tả Thị Lang bộ Binh kiêm lãnh Tông Nhân phủ, tước Văn Thắng hầu, sau khi mất được vinh phong Trung hưng Dực bảo công thần, tước Thắng Quận công.	
74	Lê Huy Du	Hoằng Lộc	Lê Huy Du (1757 - 1835), quê xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn có nhiều đóng góp cho việc xây dựng chính quyền nhà Nguyễn và là một nhà giáo nổi tiếng.	
75	Lê Quang Du	Xuân Lập	Lê Quang Du (1437 - ?), quê ở xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Hoàng giáp năm 1475, là Giám sát Ngự sử thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh.	
76	Lê Văn Du	Hoằng Phú	Lê Văn Du (thế kỷ XVII), quê ở xã Xa Vệ, nay là xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa, là Tổ nghề đục đá ở Xa Vệ.	
77	Lê Quảng Du	Thiệu Toán	Lê Quảng Du (1437 - ?), quê làng Lỗ Hiền, huyện Lôi Dương (nay là xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa). Năm 39 tuổi, ông đỗ Hoàng giáp khoa Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475), đời vua Lê Thánh Tông. Ông từng đi sứ sang nhà Minh (năm 1492), sau được thăng đến chức Giám sát Ngự sử.	
78	Vũ Như Du	Thiệu Quang	Vũ Như Du (? - ?), quê làng Chí Cường, tổng Phùng Cầu (nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa). Nhập ngũ vào lúc các chúa Trịnh lo tuyển lựa, luyện tập và ưu đãi tướng tá và binh sĩ nên đã tạo được đội quân thường trực mạnh, đánh trận dẻo dai, rất trung thành với triều đình. Việc phong tước cho các tướng võ và binh sĩ có công khá rộng rãi, quan võ cũng được hưởng đặc quyền như quan văn bởi Nhà nước Lê Trịnh phải nắm quân đội mới tồn tại được lâu dài. Năm 1747, Vũ Như Du trong đội quân của Triều đình do Hoàng Ngũ Phúc chỉ huy đi lập lại an ninh phía bắc kinh thành Thăng Long.	
79	Nguyễn Dục	Thiệu Quang	Nguyễn Dục (1455 - ?), quê ở làng Phùng Cầu, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa, đỗ tiến sỹ khoa Canh Tuất (1490), làm đến chức Tự Khanh.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
80	Trương Huy Dực	Hoằng Thanh	Trương Huy Dực (1761 - 1832), quê ở xóm Xoang, xã Khúc Phụ, tổng Ngọc Chuế (nay là thôn Phú Xuân, xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa), là Tổng đốc thời nhà Nguyễn, từng được Vua Quang Trung giao làm Trấn thủ Thanh Hóa (1789 - 1793).	
81	Ngô Đức	Thiệu Toán	Ngô Đức (1905 - 1981), quê làng Ngò, tổng Xuân Lai, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa), từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
82	Mai An Dũng	Biện Thượng	Mai An Dũng (1512 - 1602), quê làng Đông Biện (nay là xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa), là người có công an táng mẹ của Trịnh Kiểm. Sau này nhà Trịnh hưng vượng, Trịnh Tùng phong cho ông tước Quận Công, trông coi mồ mả cho nhà Trịnh, được dân làng lập miếu thờ, tôn làm Thành Hoàng làng.	
83	Mai Hữu Dụng	Nga Sơn	Mai Hữu Dụng (1871 - ?), quê làng Nga Lộ (xã Nga Mỹ cũ), nay thuộc xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu, niên hiệu Duy Tân thứ 7 (1913)[254].	
84	Nguyễn Xuân Dương	Nguyệt Viên	Nguyễn Xuân Dương (1440 - ?), quê phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Năm 24 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1463) đời vua Lê Thánh Tông. Ông làm quan Tri huyện, sau đó làm quan ở kinh đô.	
85	Mai Duyên	Nga Thắng	Mai Duyên (1892 - ?), người làng Hậu Trạch, nay thuộc xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Cử nhân khoa Mậu Ngọ, niên hiệu Khải Định thứ 3, làm quan đến chức Thừa phái Bộ Lễ.	
86	Lê Duyên	Hàm Rồng	Lê Duyên (? - ?), quê phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa. Ông cùng Lê Thùy và Lê Trung là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại đền thờ Tướng quân Lê Thành, làng Định Hòa, phường Đông Cương.	

[254] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
87	Đỗ Văn Gạo	Hoằng Sơn	Đỗ Văn Gạo (? - ?), quê xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông gốc họ Đỗ, từ ngoài Bắc vào, sinh sống ở làng Xuân Sơn, xã Dương Sơn (nay là làng Xuân Sơn, xã Hoằng Sơn). Dưới triều vua Lê Hiển Tông (1740-1786), ông gia nhập quân đội, vì lập được công lao nên ông được ban Bá hộ, là bậc Phấn lực tướng quân. Sau này, ông được vua Lê Hiển Tông ban cho chức Thống lĩnh tiền Kỳ tướng quân, ban cho họ của nhà vua là Lê Gạo.	
88	Lê Bá Giác	Lam Sơn	Lê Bá Giác (thế kỷ XV - XVI), người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp năm Mậu Thìn (1508), là Đô Ngự sử thời Lê sơ.	Phố
89	Phan Độc Giác	Đông Sơn	Phan Độc Giác (? - ?), quê làng Cẩm Tú, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Phan Độc Giác là tướng quân dưới triều nhà Lý có công đánh đuổi giặc Chiêm Thành giữ vững bờ cõi giang sơn, được phong Thành Hoàng làng. Đình - Nghè Tướng quân Phan Độc Giác được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 1993. Trải qua các triều đại phong kiến, ông được vua ban 21 đạo sắc phong, hiện di tích đền thờ ông còn lưu giữ 17 đạo sắc phong ở các triều Lê - Nguyễn.	
90	Lê Doãn Giai	Vạn Lộc	Lê Doãn Giai còn gọi là Doãn Bưu (1714 - ?), quê làng Y Bích, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ năm Quý Hợi (1743), chức Hàn lâm Hiệu lý. Ông là người có công trong việc phát triển làng, xã như đã cho làng Vích tiền của để xây dựng lại nghè từ tranh tre nứa lá bằng gạch ngói khang trang.	
91	Trịnh Đồng Giai	Thiệu Tiến	Trịnh Đồng Giai (1697 - ?), quê xã Ngọc Hoạch, huyện Thụy Nguyên (nay là thôn Tân Sơn, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Năm 25 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi Tân Sửu, niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721), đời vua Lê Dụ Tông. Ông làm quan đến chức Hàn Lâm viện Đãi chế.	
92	Đặng Kim Giám	Vạn Lộc	Đặng Kim Giám (1796 - 1857), quê xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa đỗ Hương Cống (Cử nhân) năm Tân Tỵ 1821 đời Vua Minh Mạng năm thứ 2, làm Án sát Quảng Bình.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
93	Lê Trần Giám	Hoằng Phú	Lê Trần Giám (1725 - 1804), quê làng Phú Khê, xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1745 nhờ tài văn võ song toàn ông được tuyển dụng vào làm quan giữ chức phủ quân Khâm Phụng, sau ông được thăng lên chức Thượng tướng quân làm Đô chỉ huy Sứ, rồi lên chức Thị Vệ Lang tước trung võ hầu.	
94	Lê Giám	Đông Sơn	Lê Giám (? - ?), quê phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm quan dưới triều Lê Trung Hưng, đến chức Thái Phó Thanh Quốc Công. Khi ông mất, vua gia phong là "Kiệt Tiết tuyên lực, Dương võ uy dũng công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ Thị vệ sứ lễ thành hầu trụ quốc trung trật", ban tên thụy là Trung Mẫn Quận Công. Đền thờ Lê Giám tại làng Hữu Bộc, xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2013.	
95	Nguyễn Đình Giản	Nguyệt Viên	Nguyễn Đình Giản (thế kỷ XVIII), quê ở làng Vĩnh Trị, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Đô ngự sử, Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.	
96	Phạm Văn Giản	Vĩnh Lộc	Phạm Văn Giản (1919 - 1979), quê thôn Cẩm Bào, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông nguyên là chiến sỹ du kích Ngọc Trạo thời kỳ 1941, là Bí thư Huyện ủy đầu tiên của Đảng bộ huyện Thạch Thành từ tháng 11/1945 đến cuối năm 1946. Ông nguyên là Vụ trưởng Vụ Thanh tra Nông nghiệp.	
97	Lê Trung Giang	Hoằng Thanh	Lê Trung Giang (? - 1600), quê ở xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, Đề đốc Tĩnh quận công thời Lê Trung hưng.	
98	Lê Quang Giáp	Hoằng Lộc	Lê Quang Giáp (1584 - 1669), quê ở xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, làm Tham tán trị thừa chánh sứ ty và là nhà ngoại giao tài năng dưới thời Lê Trung hưng.	
99	Nguyễn Giới	Nga Thắng	Nguyễn Giới (? - ?), quê xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Mậu Tuất (1598), dưới triều Lê Thế Tông, làm quan đến chức Hiến sát sứ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
100	Doãn Bang Hiến	Tân Ninh	Doãn Bang Hiến[255] (1271 - 1332), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư và là nhà ngoại giao thời Trần.	
101	Lê Thì Hải	Thọ Phú	Lê Thì Hải (1641 - 1710), quê làng Phú Hào, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng đời Lê Gia Tông là Tả Đô đốc hàm Thiếu bảo, tước Thạc quận công thời Lê Trung hưng.	
102	Nguyễn Hữu Hanh	Đông Tiến	Nguyễn Hữu Hanh (? - 1930), quê làng Kim Bôi, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Năm Nhâm Ngọ (1882) ông thi đậu cử nhân võ, được triều đình Huế triệu vào làm quan. Ông được Tôn Thất Thuyết giao trông coi xây dựng căn cứ Tân Sở ở Quảng Trị. Sau này ông đi theo Tống Duy Tân tham gia xây dựng căn cứ Vân Đồn. Ông tham gia nhiều trận đánh ở Vân Đồn gây cho địch nhiều thiệt hại.	
103	Lương Hay	Hoằng Châu	Lương Hay (1420 - 1484), quê làng Hội Triều, xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, là một nho sĩ có học vấn cao, thầy giáo lỗi lạc có công đào tạo cho đất nước nhiều nhân tài như: Lương Thế Vinh, Lương Đắc Bằng, Lương Hữu Khánh…	
104	Nguyễn Chí Hiền	Hoa Lộc	Nguyễn Chí Hiền (1905 - 1933), quê làng Trường Trung, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
105	Lê Văn Hiển	Đông Tiến	Lê Văn Hiển (1480 - ?), quê làng Đại Bối, huyện Đông Sơn (nay phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Hoàng giáp khoa Mậu Thìn (năm 1508), là Hữu Thị Lang.	
106	Cầm Bá Hiển	Thường Xuân	Cầm Bá Hiển (? - ?), quê huyện Thường Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là người dân tộc Thái, vốn sinh ra trong một dòng tộc lớn, nối đời làm lang đạo cai quản vùng miền núi phía tây tỉnh Thanh Hóa. Sau khi mất, được triều đình ban hai chữ "Trung Tiết" để nêu cao tấm lòng trung thành, tiết nghĩa. Ông được triều đình cho xây dựng nhà thờ ông tại quê hương xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân. Cầm Bá Hiển là một trong số 152 người được đặt linh vị ở bàn thờ hai bên gian giữa tại đền Trung Nghĩa,	

[255] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			kinh thành Huế. Hiện nay, đền thờ ông được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.	
107	Bùi Hữu Hiếu	Thăng Bình	Bùi Hữu Hiếu (thế kỷ XVIII - XIX), quê ở xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Đại Đô đốc thời Tây Sơn, từng đi sứ Trung Quốc, từng đánh Nam dẹp Bắc, sát cánh cùng Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, giữ yên bờ cõi.	
108	Hoàng Văn Hiều	Hậu Lộc	Hoàng Văn Hiều (1931 - 2011), quê quán ở thôn Do Trung, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
109	Lê Văn Hiểu	Ngọc Sơn	Lê Văn Hiểu (1601 - ?), quê ở thôn Năng Cải, xã Hải Châu, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay là tổ dân phố Hạnh Phúc phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Tả trấn quân doanh thời Lê Trung hưng.	
110	Lê Văn Hiểu	Nguyệt Viên	Lê Văn Hiểu (1477 - ?), quê làng Vĩnh Trị, nay là thôn Vĩnh Trị, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, nay thuộc thành phố Thanh Hóa. Ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508) niên hiệu Đoan Khánh 4, đời Lê Uy Mục, khi ông 32 tuổi và làm quan đến chức Thiêm đô Ngự sử.	
111	Minh Hiệu	Trường Văn	Minh Hiệu (1924 - 2000), quê xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa lớn của tỉnh Thanh Hóa, được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.	
112	Trần Lê Hiệu	Thiệu Vận	Trần Lê Hiệu (1784 - 1850), quê làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn 4, xã Thiệu Vận, tỉnh Thanh Hóa). Trong kỳ thi Hương, ông đỗ Cử nhân khoa Kỷ Mão, niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), tại trường thi Thanh Hóa. Ông đỗ đồng Tiến sĩ năm 38 tuổi khoa Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 3 (1822). Ông làm quan đến chức Lang trung ở Bộ công.	
113	Trương Hữu Hiệu	Quảng Yên	Trương Hữu Hiệu (1632 - 1696), quê làng Thiên Linh, huyện Ngọc Sơn, nay là thôn Yên Cảnh, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa. Năm 45 tuổi, Trương Hữu Hiệu dự thi khoa Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 1 (1676) đời vua Lê Huy Tông, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
114	Nguyễn Duy Hinh	Nguyệt Viên	Nguyễn Duy Hinh (1831 - 1897), người làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa), là một trong những lãnh tụ của Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	
115	Phạm Văn Hinh	Tây Đô	Phạm Văn Hinh (1914 - 1941), quê làng Cẩm Bào, tổng Cổ Tế, huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa (nay thuộc làng Cẩm Bào, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố
116	Nguyễn Văn Hồ	Xuân Lập	Nguyễn Văn Hồ (1908 - 1984), quê làng Phong Cốc (nay thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
117	Nguyễn Hoa	Hoằng Lộc	Nguyễn Hoa (1701 - 1783), quê ở làng Bột Thượng (nay là xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Hương cống, làm quan đến chức Hiến sát sứ thời Lê Trung hưng.	
118	Hà Trọng Hòa	Xuân Tín	Hà Trọng Hòa (1928 - 2006), bí danh là Thắng, quê quán ở xóm 21, xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
119	Lưu Cộng Hòa	Hậu Lộc	Lưu Cộng Hòa (1915 - 1988), còn có tên gọi khác Lưu Văn Bân, quê xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
120	Nguyễn Gia Hòa	Nguyệt Viên	Nguyễn Gia Hòa (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoằng Long cũ, nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Thuở nhỏ có dũng khí, mưu lược, lớn lên ông tòng quân, được vào đội Túc vệ, có tài thao lược nên thăng chức Chỉ huy sứ, nhiều lần lập công, đương thời nổi danh là bậc tướng giỏi. Thời Lê niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1629), ông được phong tước Thủy Quận Công, được Nhân dân trong làng lập đền thờ và có bia ghi công trạng của ông (Đền thờ đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2011).	
121	Nguyễn Chí Hòa	Đông Sơn	Nguyễn Chí Hòa (1755 - 1818), quê huyện Đông Sơn (cũ), ông làm quan dưới triều Vua Gia Long, trải qua thời gian được nhận chức hiệp trấn các xứ Tuyên Quang, Sơn Nam, Hải Dương .... Ông mất ở Hải Dương, thọ 63 tuổi. Khi mất được phong tặng Đoan Nha Công Thần, Thông Chương Đại Phu, Tư chính thương khanh.... Tước Thọ Như Hầu, tên Thụy là Trung Thanh. Đền thờ Thọ Như Hầu Nguyễn Chí	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Hòa nằm ở thôn Phúc Triền, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2011.	
122	Lê Phúc Hoạch	Đồng Lương	Lê Phúc Hoạch (? - ?), sống vào thời Lê, quê ở làng Chiềng Khạt, xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa, là một vị tướng tài từ thời Lê lợi, do có công phò vua, diệt giặc Minh nên được trọng dụng, thăng chức, hưởng bổng lộc triều đình.	
123	Hoàng Bùi Hoàn	Quảng yên	Hoàng Bùi Hoàn (1664 - ?), quê làng Câu Đồng Nội, xã Lưu Vệ, tổng Lưu Vệ, huyện Quảng Xương (nay là thôn Câu Đồng, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa), một võ tướng, làm quan suốt 3 triều vua Lê, được phong chức Quận Công, Tả Đô Đốc lưu thủ Trấn Thanh Hoa thời Lê Trung hưng.	
124	Lý Công Hoằng	Hậu Lộc	Lý Công Hoằng (? - ?), quê huyện Hậu Lộc (cũ), là một trong 03 ông tướng họ Lý tham gia khởi nghĩa Bà Triệu năm 248. Hiện tại, mộ của 3 ông vẫn còn ở chân núi Tùng, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - là một trong những điểm của quần thể di tích lịch sử văn hóa và kiến trúc nghệ thuật đền Bà Triệu.	
125	Trần Hoành	Xuân Hòa	Trần Hoành (? - ?), người vùng Quần Lai, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là Cha vợ của Lê Lợi, tham gia giúp nghĩa quân Lê Lợi, góp phần vào sự thành công của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	
126	Nguyễn Hoành	Quảng Yên	Nguyễn Hoành (1741 - ?), quê làng Thiên Linh Đông (nay thuộc thôn Phú Ninh và thôn Khang Bình, xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa). Nguyễn Hoành tức Nguyễn Viết Hoành, năm Bính Ngọ (1786), ông thi trường Nghệ An, đỗ Hương Cống, làm Cai huyện Nông Cống. Năm 1790, ông vào kinh đô Phú Xuân thi Y khoa và đỗ đầu. Ông được vua Quang Trung sai giữ y vụ kiêm Ngự y chính rồi Chánh cục Nam dược cục. Ông có công biên soạn sách "Nam dược bản thảo", chỉnh lý tập "Y học nhập môn ca" của Viện Thái y đời Hậu Lê thành "Y học toát yếu quốc ngữ ca".	
127	Nguyễn Gia Hoành	Nguyệt Viên	Nguyễn Gia Hoành (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoằng Long cũ, nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Ân khoa năm Mậu Thân (1848) đời Vua Tự Đức. Ông làm quan Tri huyện.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
128	Nguyễn Trọng Hoành	Hoằng Lộc	Nguyễn Trọng Hoành (? - ?), quê xã Bột Thái (nay thuộc xã Hoằng Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là con thứ của Tiến sĩ, Tham tụng, Quận công Nguyễn Ngọc Huyền. Nguyễn Trọng Hoành thi đỗ Hương cống khoa Ất Mão, niên hiệu Long Đức thứ 4 (1735). Ông có công dẹp cuộc nổi dậy của Hoàng Công Toản, được điều về kinh, thăng Thượng thư bộ Hộ, tước Tình Phái hầu. Khi ông mất được tặng phong Thái tử Thái bảo, Thượng trụ quốc, Thượng trật.	
129	Trần Hữu Hỡi	Vĩnh Lộc	Trần Hữu Hỡi (1920 - 1950), bí danh là Thép Luyện, quê ở làng Hồ Nam, tổng Hồ Nam (nay là xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
130	Nguyễn Hữu Hồng	Nghi Sơn	Nguyễn Hữu Hồng (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn (cũ), ông có công phò vua Lê Trung Hưng, đời Lê Cảnh Hưng, được phong Dũng lực tướng quân, Trung liệt Đại tướng quân, hiệu Tư tráng sỹ. Ông có công khai cơ lập nghiệp, đắp đê ngăn mặn, lấy đất cấy lúa nên được dân làng phụng thờ. Đền thờ ông nay thuộc thôn Phượng Cát, xã Thanh Thủy. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.	
131	Vũ Thị Huệ	Nguyệt Viên	Vũ Thị Huệ (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoằng Long cũ, nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Bà là Cung Phi dưới triều vua Lê Thánh Tông, là vú nuôi của Vua Lê Hiến Tông và các công chúa, hoàng tử triều Vua Lê Thánh Tông. Bà còn có công xây dựng cho làng Từ Quang 12 bến nước để tạo cảnh đẹp cho làng và tạo sự giao lưu giữa làng quê và sông nước. Lúc bà mất được ban sắc phong làm Phúc thần. Nhớ công ơn bà, Nhân dân trong làng lập Phủ thờ Đức Bà với Duệ hiệu "Cố mẫu nhũ hương Vũ Thị Huệ".	
132	Lê Hưng	Đông Quang	Quận công Lê Hưng (thế kỷ XV), quê ấp Vệ Đà, giáp Vệ Yên, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. Ông là người tham gia phò Lê diệt Mạc (thế kỷ XVI) và lập nhiều công lớn.	Đường
133	Phạm Văn Huy	Hà Long	Phạm Văn Huy (1811 - ?), quê làng Quan Chiêm, huyện Tống Sơn (nay là thôn Quan Chiêm, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Cử nhân khoa Giáp Ngọ (1834), làm quan đến chức Thị lang, sung Sử quán Tổng tài.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
134	Trần Quang Huy	Hạc Thành	Trần Quang Huy (1922 - 1995), quê ở làng Quảng Xá, tổng Bố Đức, huyện Đông Sơn (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa), từng giữ chức Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội.	Phố
135	Nguyễn Huy	Biện Thượng	Nguyễn Huy (? - ?), quê xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) ông thi đỗ Hương tiến tại trường thi Thanh Hóa. Sau đó ông được bổ dụng làm Tri huyện Bảo Lộc và Thanh Sơn rồi chuyển sang làm Tri phủ Quảng Ninh. Trải qua nhiều năm làm Tri phủ nhiều nơi, ông được về kinh thành giữ chức Giám sát Ngự sử. Năm Tự Đức thứ 17 (1864) ông được phong Biện lý bộ Công, thăng chức Quang lộc tự khanh.	
136	Hà Phạm Huy	Quý Lộc	Hà Phạm Huy (? - ?), quê làng Đan Nê (nay thuộc xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa), đậu cử nhân năm 27 tuổi, khoa Nhâm Tý 1912, từng làm quan trong Quốc sử quán triều Nguyễn, sau ra làm tri huyện. Vì có tính cương trực và hay châm biếm nên cả thực dân Pháp và Nam triều đều không ưa. Vì chán cảnh đời no thuộc, ông từ quan để sáng tác thơ văn để chế giễu cảnh đời éo le, giả dối lúc đương thời. Nhiều bài thơ mà con cháu trong dòng họ sưu tầm, tập hợp qua nhiều sách, báo cũ rất ý nghĩa.	
137	Trịnh Cảnh Huy	Yên Trường	Trịnh Cảnh Huy (? - ?), quê làng Chân Bái (nay thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa). Ông đã làm tới chức Tả đô đốc vệ cẩm y để bảo vệ hành cung Vạn Lại - Yên Trường (hồi thế kỷ XVI). Trong một lần nhà Mạc mang 700 chiến thuyền vào đánh căn cứ Biện Thượng (Vĩnh Lộc nay) với ý đồ mở đường đánh chiếm kinh đô Vạn Lại - Yên Trường của nhà Lê - Trịnh, ông được giao trọng trách chỉ huy một lực lượng lớn án ngữ mai phục ở hai bờ sông Lèn (gần ngã ba Bông) để chờ khi quân địch đến thì đánh tập kích bất ngờ làm lực lượng thủy quân nhà Mạc tan tác tháo chạy hỗn loạn. Vì vậy, ông được phong đến chức Phụ quốc thượng tướng quân, tước Hoàng Quận công. Khi mất được thờ ở đền Hàn Sơn (Hà Sơn, Hà Trung).	
138	Vũ Văn Huyền	Tây Đô	Vũ Văn Huyền (1894 - 1935), còn có tên là Vũ Công Huyền, quê làng Thổ Sơn, tổng Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa (nay là làng Thổ Phụ, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
139	Đặng Văn Hỷ	Vĩnh Lộc	Đặng Văn Hỷ (1916 - 2003), quê ở làng Cao Mật (nay thuộc xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là lão thành cách mạng, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
140	Nguyễn Quang Ích	Hoằng Sơn	Nguyễn Quang Ích (1620 - 1690), quê ở làng Cát Xuyên (nay là xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Ông là Đông quân Đô đốc phủ, Đô đốc Thiêm sự Thượng trụ quốc Thượng giai thời Lê Trung hưng, tham gia quân ngũ chiến đấu bảo vệ triều đình Nhà Lê - Trịnh.	
141	Doãn Anh Khái	Tân Ninh	Doãn Anh Khái (thời Lý), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, có tài biện thuyết, được mời vào triều làm quan theo nghi thức cầu hiền, được thăng đến chức Thượng thư. Năm 1080, được cử làm Chánh sứ dẫn đoàn đi sứ nhà Tống.	
142	Hoàng Văn Khải	Thiệu Toán	Hoàng Văn Khải (1876 - 1943), tức Cử Ngò, quê xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân (1904), tham gia Phong trào Duy Tân, theo khuynh hướng dân chủ tư sản do Phan Chu Trinh khởi xướng.	
143	Đỗ Khải	Thiệu Quang	Đỗ Khải (? - ?) quê làng Phùng Thịnh, huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa). Trong kỳ thi Hương, ông đỗ cử nhân khoa Mậu Thân, niên hiệu Tự Đức thứ 1 (1848), tại trường thi Thanh Hóa. Ông đỗ Phó bảng khoa Kỷ Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 2 (1849). Ông làm quan đến chức Tri huyện.	
144	Nguyễn Khải	Đông Tiến	Nguyễn Khải (? - ?), quê phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là người có công giúp nhà Lê diệt nhà Mạc. Dưới thời Vua Lê Kính Tông (1600-1619), Nguyễn Khải được phong "Hiệp mưu dương võ công thần, trung quân đô đốc phủ, phó tướng Đăng Quận Công", rồi thăng lên Thái Bảo, Binh bộ Thượng Thư. Đến thời vua Lê Thần Tông (1619 - 1643), ông giữ chức Thái phó, Binh bộ Thượng thư, bậc "quốc lão tham dự triều chính". Đền thờ Nguyễn Khải được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2011.	
145	Trịnh Tứ Khải	Yên Trường	Trịnh Tứ Khải (? - ?), quê thôn Hổ Bái, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa, ông là con trai của Trịnh Mãi. Thời vua Lê Tương Dực (1509 - 1516), Trịnh Tứ Khải được giữ chức quan Xa Vệ thần vũ, điện tiền chỉ huy lực lượng thiện nghệ bảo vệ kinh	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đô. Đến đời vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1522), ông được phong là phụ quốc thượng tướng quân. Khi mất ông được gia phong là Thái Bảo quốc công, thọ 67 tuổi, được triều đình cho lập đền thờ để dân thờ tự.	
146	Lê Bá Khang	Thiệu Trung	Lê Bá Khang (? - ?) quê Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn 4, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Thuận thứ 3 (1511), đời vua Lê Tương Dực. Ông làm quan đến chức Tham chính.	
147	Hoàng Hối Khanh	Yên Định	Hoàng Hối Khanh (1362 - 1407), quê làng Bái Trại (nay là thôn Bái Trại), xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tý, là An phủ sứ thời Trần, Hành khiển Tả thị lang thời Hồ.	
148	Lại Thế Khanh	Hà Trung	Lại Thế Khanh (? - 1597), quê ở làng Quang Lãng, huyện Hà Trung (cũ), tỉnh Thanh Hóa), là Võ tướng, Thái phó thời Lê Trung hưng.	
149	Nguyễn Phúc Khê	Hà Long	Nguyễn Phúc Khê (1589 - 1646), quê Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa), là Tổng trấn Chính dinh thời chúa Nguyễn.	
150	Lê Khiêm	Thọ Phú	Lê Khiêm (1541 - 1623), quê xã Bảo Đà, huyện Lôi Dương (nay là xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa), ông đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa Ất Tỵ (1565) đời vua Lê Anh Tông, làm chức Tham chính, tước Hầu (đây là Chế khoa niên cũng có sách ghi đỗ Tiến sĩ).	
151	Nguyễn Đăng Khoa	Đông Sơn	Nguyễn Đăng Khoa (? - ?), quê phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, làm quan dưới triều Lê Trung Hưng, được phong là Bậc Đôn hậu dực vận tán trị công thần; sau tiến phong là bậc kim tử vinh lộc đại phu, ty lễ giám, chưởng giám kiêm các giám ty sứ, trung quân đô đốc, phủ tả đô đốc, trấn thủ xứ Thanh Hoa, tước Thọ Quận Công. Từ đường họ Nguyễn Đăng thờ Quận Công Nguyễn Đăng Khoa trên địa phận xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 1999.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
152	Nguyễn Văn Khuê	Quảng Phú	Nguyễn Văn Khuê (? - ?), quê xã Bất Quần, huyện Quảng Xương (cũ) (nay là phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa). Năm 1610, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân.	
153	Lê Bá Khuê	Hạc Thành	Lê Bá Khuê (? - ?), quê xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa sau chuyển xuống làng Bố Vệ nay thuộc phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa tiến sĩ xuất thân khoa thi Mậu Thìn (1508) thời vua Lê Uy Mục, là người có công xây cầu Anh (nay là cầu Kiều Đại 1) bắc qua sông nhà Lê, được ghi công như một phúc thần của làng.	
154	Lại Văn Khuông	Hà Long	Lại Văn Khuông (? - ?), quê xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Ông sống cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, làm quan dưới thời chúa Nguyễn và là người có công được phong tới chức Khiêm Võ Hầu.	
155	Bình Khương	Tây Đô	Nàng Bình Khương (? - ?), quê huyện Vĩnh Lộc cũ. Đền nàng Bình Khương thuộc thôn Đông Môn, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa có sự tích liên quan trực tiếp đến lịch sử xây dựng Thành nhà Hồ. Tương truyền, nàng Bình Khương khi nghe tin chồng đã bị chôn sống liền tìm tới động An Tôn. Khi biết chồng đã chết, nàng Bình Khương đau khổ và uất hận vô cùng đã đập đầu vào đá để kêu oan cho chồng. Trước cái chết tiết liệt của nàng Bình Khương, triều đình xem xét tìm nguyên nhân tại sao bức tường thành phía Đông cứ xây lên cao lại bị đổ và nguyên nhân chính là do dưới chân đoạn tường thành phía Đông có địa chất không ổn định, có mạch nước ngầm lớn thường có cát đùn nên đoạn tường cứ xây xong lại bị sụt lở. Để khắc phục sự cố đó, Hồ Nguyên Trừng con trai của Hồ Quý Ly, tổng chỉ huy xây thành đã cho lát một phiến đá to, rộng dưới chân móng và xây lên. Năm 1903, tổng đốc Thanh Hóa là Vương Duy Trinh một đêm nằm mộng gặp một người con gái khóc lóc kêu oan cho chồng mình. Tỉnh giấc, ông bèn hỏi thăm trong vùng và được biết người con gái đó là nàng Bình Khương vì vậy ông đã cho quyên tiền xây dựng ngôi đền khang trang, đồng thời cho dựng bia tại đền ghi lại sự tích Cống Sinh - Bình Khương cùng với vần thơ ca ngợi: Tấm lòng trinh tiết in vào đá/ Lưu mãi muôn đời vạn tiếng thơm.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
156	Vũ Kiêm	Thiệu Trung	Vũ Kiêm (1615 - 1683), quê làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn 4, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa). Năm 22 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất, niên hiệu Phúc Thái thứ 4 (1646), đời của Lê Chân Tông. Ông làm quan đến chức Tham chính Sơn Tây. Trải qua 4 đời vua Chân Tông, Thần Tông, Huyền Tông, Gia Tông, ông chủ yếu làm việc ở ngoài triều, được sử sách đánh giá là người mẫn cán, xử việc công minh, có lối sống giản dị được Nhân dân kính trọng.	
157	Phan Huy Kiêm	Ngọc Sơn	Phan Huy Kiêm (? - ?), quê xã Hải Châu, huyện Ngọc Sơn (nay là phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Tên tự là Kỷ Chi, ông đỗ kỳ thi hương năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), được đưa vào giữ chức Kiểm thảo Hàn Lâm viện. Ông là vị quan có năng lực, trải qua các chức. Sau được thăng lên chức Thị lang Bộ hộ, kiêm quản Ấn triện Đô sát viện. Sau khi mất, được truy thụ là Tả phó đô Ngự sử.	
158	Nguyễn Mậu Kiện	Thọ Xuân	Nguyễn Mậu Kiện (1919 - 2008), tức Nguyễn Kiện, quê làng Quần Kênh, tổng Kiên Thạch (nay là xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
159	Lê Tuấn Kiệt	Tân Ninh	Lê Tuấn Kiệt (thế kỷ XV - XVI), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tể thời Lê sơ, được truy tặng là Bậc tiết nghĩa, phong là Phúc thần Thượng đẳng.	
160	Nguyễn Di Kiệt	Vạn Lộc	Nguyễn Di Kiệt (1459 - ?), quê làng Y Bích, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân năm Canh Tuất, đời vua Lê Thánh Tông (1490), làm quan đến chức Lại bộ Tả Thị lang.	
161	Lê Nhân Kiệt	Tây Ninh	Lê Nhân Kiệt (1635 - ?), quê xã Cổ Định, huyện Nông Cống (cũ) (nay là xã Tây Ninh, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) đời vua Lê Thần Tông lúc 24 tuổi, làm chức Hình khoa đô cấp sự trung, Tước nam.	
162	Lê Kim	Hải Bình	Lê Kim (? - ?), quê làng Kim Cốc, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Ông là con trai Lê Nhân Quý, làm quan hàng Tam phẩm rồi phó tướng, Kim đô chỉ huy sứ, tước Nam khi mất được vua phong Minh nghĩa công thần trụ quốc Thượng tướng quân. Ông còn có công khai hoang mở ấp, đắp đê ngăn mặn (đê Hoàng Các) góp phần hưng thịnh cả một vùng rộng lớn.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
163	Nguyễn Kính	Nguyệt Viên	Nguyễn Kính (1629 - ?), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, nay là thành phố Thanh Hóa. Năm 33 tuổi ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Sửu (1661) đời Vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát.	
164	Phạm Đức Kỳ	Nguyệt Viên	Phạm Đức Kỳ (thế kỷ XVI), quê ở làng Tào Trụ, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là một Võ tướng, Thủy quân hầu thời thời Lê Trung hưng.	
165	Đỗ Huy Kỳ	Xuân Lập	Đỗ Huy Kỳ (1695 - 1748), quê ở xã Thử Cốc, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên (nay là xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Thám hoa (1731), là Thừa chính sứ, tước hoa Nhạc bá thời Lê Trung hưng.	
166	Lê Như Kỳ	Thiệu Quang	Lê Như Kỳ (1684 - 1772), quê làng Yên Xá, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân Mậu Tuất (1718), là Tả thị lang bộ Hình dưới thời Lê Trung hưng.	
167	Lê Khắc Kỷ	Nguyệt Viên	Lê Khắc Kỷ (1610 - ?), quê làng Phù Quang, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, nay là thành phố Thanh Hóa (cũ). Ông đỗ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1646) niên hiệu Phúc Thái thứ 4 đời Lê Nhân Tông, sau được phong làm Giám sát Ngự Sử.	
168	Lê Khắc Khuyến	Nguyệt Viên	Lê Khắc Khuyến[256] (1879 - ?), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ, là một nho sĩ yêu nước, được bổ dụng vào chức Tri huyện Thạch Thành (cũ), Thanh Hóa.	
169	Nguyễn Lại	Hoằng Hóa	Nguyễn Lại (1581 - ?), quê ở xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Thị lang, Bồi tụng thời Lê Trung hưng.	
170	Lương Lâm	Ngọc Sơn	Lương Lâm (1689 - ?), quê làng Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn (nay là thôn Tào Sơn, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), làm quan tới chức Giám sát Ngự sử.	

[256] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
171	Thiều Sỹ Lâm	Đông Tiến	Thiều Sỹ Lâm (1624 - ?), quê làng Phúc Triều, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Thám hoa (1670), được bổ dụng làm quan, về sau được cất nhắc lên chức Tham chính.	
172	Nguyễn Đồng Lâm	Thiệu Tiến	Nguyễn Đồng Lâm (1679 - ?) quê làng Ngọc Hoạch, huyện Thụy Nguyên (nay là thôn Tân Sơn, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710), đời vua Lê Dụ Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát Ngự sử.	
173	Đào Xuân Lan	Nông Cống	Đào Xuân Lan (1711 - ?), quê huyện Nông Cống (cũ), đỗ Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736), từng đi sứ nhà Thanh, làm quan đến chức Công bộ Tả thị lang.	
174	Lê Xuân Lan	Hoằng Tiến	Lê Xuân Lan (1916 - 1983), quê thôn Đông Thành, xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa là một nhà giáo tâm huyết, được các thế hệ học sinh và Nhân dân quý trọng. Ông thuộc tốp người đầu tiên của tổng Ngọc Chuế đậu Prime (tiểu học) và đậu Đíp - lôm (Trường học cơ sở) thời Pháp thuộc. Không chỉ là thầy giáo giỏi, ông còn là cán bộ cách mạng kiên trung, là một trong những lãnh đạo chủ chốt tiền bối của quê hương Hoằng Hóa (cũ), Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện từ tháng 6 năm 1950 - tháng 7 năm 1954. Tên ông được đặt cho Quỹ Khuyến học Lê Xuân Lan được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 2008 theo Quyết định số 1883/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa (cũ) nhằm mục đích, ý nghĩa khuyến học, khuyến tài, đặc biệt là những học sinh nghèo vượt khó, góp phần ươm mầm tài năng, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao xây dựng quê hương, đất nước.	
175	Đinh Chương Lân	Vạn Lộc	Đinh Chương Lân (1920 - 1998), quê ở xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
176	Trần Lê Lân	Thọ Ngọc	Trần Lê Lân (1694 - ?), quê xã Tam Lộng, huyện Lôi Dương (nay là xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa), ông đỗ Tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) đời vua Lê Duy Phường khi 38 tuổi, làm quan đến chức Hàn lâm đãi chế.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
177	Đặng Quốc Lang	Hoằng Sơn	Đặng Quốc Lang (1805 - 1869), quê làng Cát Xuyên, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Lang trung, Hồng Lô Tự khanh, Án sát sứ Bắc Ninh, Lang trung bộ Lễ thời nhà Nguyễn.	
178	Nguyễn Văn Lang	Hà Long	Nguyễn Văn Lang (thế kỷ XV - XVI), quê xã xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, được phong tước Nghĩa Quốc công thời Lê sơ.	
179	Đào Lang	Yên Phú	Đào Lang (? - ?), quê làng Bùi Đỉnh nay thuộc xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa. Theo thần tích ở nghè thờ ông tại làng cho biết ông là vị tướng dưới 2 triều Đinh - Tiền Lê. Người có công dẹp loạn 12 sứ quân cho Đinh Bộ Lĩnh và có công giúp Lê Hoàn đánh Tống Bình Chiêm. Năm 983, ông được Lê Hoàn giao trọng trách chỉ huy việc đào kênh Đồng Cổ để mở đường Nam tiến như sử sách xưa ghi chép. Chính Đào Lang cũng là người có công lập ra làng Bùi Đỉnh nên khi mất được dân lập đền thờ và tôn vinh là Thành Hoàng làng.	
180	Lý Lăng	Lam Sơn	Lý Lăng (? - 1462), quê ở làng Bái Đô (nay là xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa), tham gia Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	
181	Lê Khả Lãng	Xuân Hòa	Lê Khả Lãng (? - ?), quê ở thôn Hương Nhượng, xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy Nam sách thượng vệ Tổng quản, tước huyện hầu dưới thời Lê sơ.	
182	Nguyễn Nhân Lễ	Hoằng Lộc	Nguyễn Nhân Lễ (1461 - 1522), quê làng Bột Thượng (nay thuộc xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khi mới 21 tuổi, làm quan tới chức Lại khoa Cấp sự trung thời Lê sơ.	
183	Yên Đôn Lễ	Yên Định	Yên Đôn Lễ (1512 - 1574), quê thôn Phúc Thôn, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ông thi đỗ tiến sĩ niên hiệu Đại Chính thứ 3 (1532) đời Mạc Đặng Dung. Ông làm quan đến chức thượng thư bộ binh, được phong tước hầu. Năm 63 tuổi, ông mất được triều đình ban tước Khuông quận công vào thế kỷ XVI.	
184	Phạm Len	Tống Sơn	Phạm Len (1921 - 1991), tên khác là Phạm Nguyễn Len, Việt Lam, quê xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
185	Nguyễn Huy Lịch	Hoằng Lộc	Nguyễn Huy Lịch (1800 - 1884), quê xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân (1831), giữ chức Hàn Lâm Viện Thị độc, sung làm Biên tu ở Quốc sử quán.	
186	Đinh Văn Liên	Sầm Sơn	Đinh Văn Liên (1904 - 1974), quê xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là một nhà giáo tận tụy trong công việc truyền bá học vấn, mở mang dân trí, được Triều đình Huế tặng thưởng hàm "Hàn lâm thị độc".	
187	Nguyễn Hữu Liêu	Nguyệt Viên	Nguyễn Hữu Liêu (thế kỷ XVIII), quê ở làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Thái úy thời Lê Trung hưng.	
188	Lê Quang Liệu	Sầm Sơn	Lê Quang Liệu (1917 - 2004), quê làng Hòa Chúng, tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương (nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
189	Thiều Quy Linh	Đông Quang	Thiều Quy Linh (? - ?), quê làng Doãn Xá, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505), làm Tả Thị lang Bộ Lại, từng đi sứ Trung Quốc.	
190	Nguyễn Sư Lộ	Hoằng Lộc	Nguyễn Sư Lộ (1519 - ?), quê ở làng Bột Hưng, tổng Hành Vỹ (nay là xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là Hữu Thị lang thời Lê Trung hưng và là thầy dạy học nổi tiếng làng Bột Thượng.	
191	Trần Nghĩa Lộ	Hoa Lộc	Trần Nghĩa Lộ (? - ?), quê Bái Hà Xuân, nay thuộc xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ năm Kỷ Mùi (1499) làm quan chức Tự Khanh.	
192	Tống Sư Lộ	Triệu Sơn	Tống Sư Lộ (1473 - ?), quê Tân Mộc, huyện Nông Cống (nay là xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) đời vua Lê Uy Mục lúc 33 tuổi, từng giữ chức Tham chính.	
193	Phạm Phúc Lộc	Cẩm Thủy	Phạm Phúc Lộc (? - ?), quê huyện Cẩm Thủy (cũ), Lê triều Thái Bảo điện tiền tả tướng quân là Tả Đô đốc Phủ Khải Minh hầu Phạm Tướng công, vì có công trung hưng lại nhà Lê nên được triều đình nhà Lê Trung Hưng phong tước hầu.	
194	Lê Quang Lộc	Vĩnh Lộc	Lê Quang Lộc (? - ?), quê huyện Vĩnh Lộc (cũ). Theo thần phả Đền Đề Lĩnh, di tích đã được xếp hạng Quốc gia, gia phả dòng họ Lê ở làng Bồng Báo, xã Biện	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thượng, tỉnh Thanh Hóa; Tướng công Đền Đề Lĩnh Lê Công Quang Lộc tên là Lê Quang Lộc, người làng Bồng Báo, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là một võ tướng thời Lê, có tước quan được xếp hạng "Tứ trụ triều đình" thời vua Lê Tương Dực (1510 - 1516). Năm 25 tuổi, ông được Vua giao khai phá và trấn giữ vùng cửa biển xung yếu Sầm Sơn. Ông dựng làng, khai mở đất luyện binh, dạy võ và lập gia thất. Vì vậy, ông được phong là Tổ sư lò võ vật làng Lương Trung nổi tiếng xứ Thanh; ngoài ra, ông còn dạy cho Nhân dân trong vùng làm bánh dày. Khi ông mất, vua cho lập đền thờ trên vùng đất tối linh từ của làng Lương Trung, giao cho Nhân dân bốn mùa cúng tế và mở hội làng tưởng niệm hàng năm vào ngày giỗ chính kỵ của Ngài. Ngôi đền thờ tướng công Lê Quang Lộc chính là đền Đề Lĩnh thuộc thôn Trung, xã Lương Niệm, phủ Quảng Xương, nay là tổ dân phố Khanh Tiến, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn.	
195	Nguyễn Lỗi	Xuân Hòa	Nguyễn Lỗi (? - ?), người làng Thịnh Mỹ (làng Mía) huyện Cổ Lôi (nay thuộc xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	
196	Trịnh Thế Lợi	Thanh Hóa	Trịnh Thế Lợi (? - ?), quê Thanh Hóa, là một Danh tướng thời Lê - Trịnh.	Đường
197	Đinh Chương Long	Vạn Lộc	Đinh Chương Long (1912 - ?), quê ở thôn Lộc Tiên, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là con trai đầu của nhà cách mạng Đinh Chương Dương. Năm 1925, khi còn là niên thiếu được Bác Hồ chọn là một trong 8 thiếu niên tham gia huấn luyện theo chương trình của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và được Bác đặt bí danh là Lý Văn Minh. Năm 1938, được Đảng và Bác cử đi học ở trường Đại học Phương Đông ở Liên Xô. Năm 1941, Liên Xô bị Đức tấn công, phong tỏa, ông cùng với các chiến sỹ quốc tế gồm những người đến từ nhiều Quốc gia khác nhau: Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Việt Nam, Braxin… tham gia "Lữ đoàn quốc tế" chiến đấu bảo vệ Matxcơva[257].	

[257] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
198	Hoàng Việt Long	Hoằng Hóa	Hoàng Việt Long (? - ?), quê ở xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia cách mạng từ năm 1946, được bầu làm Bí thư Chi bộ Trương Ngọc Thụ, còn gọi là Chi bộ lâm thời huyện Nga Sơn.	Đường
199	Lê Thế Long	Đông Sơn	Lê Thế Long (1893 - 1936), quê làng Hàm Hạ, tổng Kim Khê (nay thuộc phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường
200	Lê Thị Lự	Nghi Sơn	Lê Thị Lự (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn (cũ), hiệu là Khánh Duyên, là công chúa hiển linh được Nhân dân làng Lê (phường Tĩnh Gia) thờ phụng. Sinh thời, bà nổi tiếng là một người vợ đảm đang, trinh thục, giữ trọn trinh tiết với chồng. Sau khi mất, vì bà rất linh ứng, thường giúp đỡ, phù hộ che chở cho Nhân dân sống yên ổn làm ăn, mùa màng tươi tốt nên bà được Nhân dân tôn làm Thành Hoàng làng. Năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753), bà được vua Lê Hiển Tông phong sắc: "Đại Quận nhu thuận địch huệ phu hữu hiển linh diên huống từ nhân thụy Khánh Duyên công chúa hiển linh tôn thần". Đến thời Nguyễn, niên hiệu Khải Định thứ 2 (1918) bà được phong "Trai tĩnh trung đẳng thần", niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924) được gia phong: "Trang hy thượng đẳng thần. Bà có công trong việc khai canh, định cư, lập làng mở mang làng Lê để khai cơ lập nghiệp. Bà còn giúp dân trồng trọt, làm ăn sinh sống góp phần xây dựng và phát triển vùng đất Lê Xá nay là tổ dân phố Vinh Tiến, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.	
201	Lê Luân	Thọ Lập	Lê Luân (? - 1454) quê xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa. Một võ quan có đóng góp cho khởi nghĩa Lam Sơn. Từ năm Giáp Thìn (1424) đến năm Đinh Mùi (1427), ông là một võ tướng luôn xông pha trên các chiến trường như: Trận đánh Khả Lưu (Nghệ An), Tốt Động (Hà Nội), Chi Lăng, Xương Giang (Lạng Sơn, Bắc Giang). Tháng 2 năm Mậu Thân (1428), vua ban thưởng, Lê Luân được phong Thiếu úy đồng tổng quan, Vệ Thiên Quan đại tri phủ.	
202	Trịnh Minh Lương	Yên Trường	Trịnh Minh Lương (1644 - ?), quê làng Chân Bái (thôn Hổ Bái), xã Yên Bái, nay thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ khoa thi Hương năm 1679, đỗ đầu	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			kỳ thi tỉnh, thi Hội ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân 1680 đời vua Lê Huy Tông. Làm quan đến chức Hiến sát sứ. Khi mất được phong phúc thần.	
203	Lê Bá Ly	Đông Tiến	Lê Bá Ly (thế kỷ XV - XVI), quê ở làng Cổ Phạm (nay thuộc phường Đông Tiến), tỉnh Thanh Hóa, là Bình chương quận quốc trọng sư, tước Diễn quốc công dưới thời Lê Trung hưng.	
204	Nguyễn Sỹ Lý	Hà Trung	Nguyễn Sỹ Lý (? - 1593), quê xã Bình Lâm huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng Tướng quân, tước Thái quận công thời Lê Trung hưng.	
205	Nguyễn Thất Lý	Hà Trung	Nguyễn Thất Lý (? - 1592), quê làng Bình Lâm, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Ông theo Tổng tiết chế Trịnh Tùng, đánh dẹp Mạc được phong Thượng tướng quân, tước Thái Quận công. Năm 1591, ông được phong chức Đề đốc thân quân thần vũ, Tứ vệ quân vụ, Khâm sai tiết chế thủy binh, Thái bảo. Năm 1592, Nguyễn Thất Lý được thăng chức tả thủy vệ kiêm Tứ vệ quân vụ.	
206	Hoàng Văn Mạch	Yên Ninh	Hoàng Văn Mạch (1904 - 1973), quê làng Ngọc Vực, tổng Bái Châu (nay thuộc xã Yên Ninh), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa	
207	Lê Xuân Mai	Thiệu Quang	Lê Xuân Mai (1871 - 1913), người làng Đương Phong, tổng Phùng Cầu, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Quang), tỉnh Thanh Hóa, là nho sĩ yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, đỗ "Giải Nguyên", làm quan tới chức Huấn đạo huyện Quảng Xương.	
208	Lê Mạnh	Quảng Xương	Lê Mạnh (? - ?), quê Quảng Xương (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Đại Toát chỉ huy hương binh địa phương đánh chặn Toa Đô trong cuộc kháng chiến năm 1285 tại Bến đò Cổ Bút (phường Nam Sầm Sơn ngày nay).	
209	Đỗ Đức Mậu	Lưu Vệ	Đỗ Đức Mậu (? - 1886), quê ở xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam trường, tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp, được phong chức Tán Tương quân vụ của đạo quân Cần Vương huyện Quảng Xương.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
210	Mai Xuân Minh	Ngọc Trạo	Mai Xuân Minh (1942 - 1999), quê quán tại thôn Đồng, xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
211	Trịnh Minh	Ba Đình	Trịnh Minh (? - ?), quê ở làng Ngũ Kiên, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, là một vị tướng thời Trần tham gia cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258), là Quyền Thủy bộ Đại tướng quân thời Trần.	Đường
212	Nguyễn Quang Minh	Thiệu Hóa	Nguyễn Quang Minh (1584 - 1655), quê ở xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ, là Tả Thị lang, tước Mỹ Thọ hầu thời Lê Trung hưng.	
213	Trình Minh	Xuân Lập	Trình Minh (? - ?), quê làng Trung Lập, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, ông là người ham học, tinh thông võ nghệ, là khởi tổ của dòng họ Trình ở làng Chuế Khu xưa và là người có công lập nên làng Ngọc Xuyết Khu (còn gọi là Kim Xuyết, Ngọc Xuyết) ngày nay gọi là là thôn Ngọc Chuế, xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa. Người có công giúp vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân ở thế kỷ thứ X, được triều Lý phong cho chức "Tự khanh, tên chữ là Phúc Nhạc, Trung đẳng thần". Dưới thời Lê - Nguyễn, ông còn được nhà vua phong sắc ca ngợi công đức, đặc biệt còn được phong Thần Hoàng làng Ngọc Xuyết.	
214	Hoàng Văn Môn	Yên Định	Hoàng Văn Môn (? - ?), quê ở huyện Yên Định (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ tự vệ huyện Yên Định, được cử đi Chiến khu Ngọc Trạo năm 1941, là một trong những tấm gương chiến đấu, hy sinh tại chiến khu.	
215	Đỗ Tế Mỹ	Trung Chính	Đỗ Tế Mỹ (1535 - 1569), quê làng Cổ Đôi, huyện Nông Cống (cũ), nay là thôn Văn Đôi, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa Ất Sửu (1565), làm quan đến chức Tả Thị lang Bộ Hộ, tước Sùng tỉnh hầu thời Lê Trung hưng, khi mất được tặng hàm Thượng thư, gia phong Thái bảo, tước Quận công.	
216	Lý Công Mỹ	Hậu Lộc	Lý Công Mỹ (? - ?), quê huyện Hậu Lộc (cũ), là một trong 03 ông tướng họ Lý tham gia khởi nghĩa Bà Triệu năm 248. Hiện tại mộ của 3 ông vẫn còn ở chân núi Tùng, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc.	
217	Trương Công Mỹ	Yên Định	Trương Công Mỹ (? - ?), quê huyện Yên Định (cũ), là người có công trong hai lần kháng chiến chống Nguyên Mông, được vua Trần gả con gái là công chúa Bạch	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Mã. Hai người được phong đất ở vùng Kiểu (nay thuộc xã Yên Trường, huyện Yên Định). Khi mất, ông được dân lập đền thờ và phong làm Thành Hoàng của làng.	
218	Phạm Tiến Năng	Tiên Trang	Phạm Tiến Năng (1900 - 1953), quê làng Thủ Lộc, tổng Thủ Chính (nay thuộc xã Tiên Trang), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
219	Nàng Nga	Thạch Bình	Nàng Nga Hai Mối (? - ?), thuộc thôn Án Long xã Thạch Bình, tỉnh Thanh Hóa, là nhân vật huyền thoại, gắn với truyền thuyết về Nàng Nga Hai Mối của người Mường.	
220	Lê Ngân	Thọ Lập	Lê Ngân (? - 1437), quê ở xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.	
221	Nguyễn Đình Ngân	Nguyệt Viên	Nguyễn Đình Ngân (1890 - 1967), bút danh Châu Nham, quê ở làng Phượng Đình, tổng Từ Quang, xã Hoằng Anh (nay là phường Nguyệt Viên), tỉnh Thanh Hóa, là chí sĩ yêu nước, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Kháng chiến Liên khu IV.	
222	Lương Nghi	Ngọc Sơn	Lương Nghi (1614 - 1694), quê ở tổ dân phố Tào Sơn[258], phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Quý Mùi (1643), làm quan tới chức Đốc đồng nội tán tham đồng, được cử đi sứ Trung Quốc.	Đường
223	Lê Trung Nghĩa	Đông Quang	Lê Trung Nghĩa (? - 1786), người làng Tu, thôn Nhuệ, thuộc xã An Hoạch, tổng Quảng Chiếu, huyện Đông Sơn (cũ) (nay là phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa), là quan thời Lê Trung hưng lãnh đạo quân dân Thanh Hóa chống lại quân Tây Sơn, tước là Mãn Trung Hầu giữ chức Tả đô đốc đời Lê Cảnh Hưng, có công dẹp giặc phương Nam.	
224	Nguyễn Trung Nghĩa	Đông Quang	Nguyễn Trung Nghĩa (? - ?) quê phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, ông là người có công tham gia khởi nghĩa Lam Sơn cùng Lê Lợi chống giặc Minh thế kỷ XV. Kháng chiến thắng lợi, ông được phong ấp tại Mộc Nhuận cùng Tuy Quốc Công Nguyễn Nhữ Soạn. Ông là người có công khai hoang lập ấp lập ra làng Trung Bình Đông (thôn Yên Bằng, xã Đông Yên ngày nay). Khi ông mất, được Nhân dân	

[258] Phường Tào Sơn đề nghị sửa thôn thành Tổ dân phô.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tôn thờ là Thành Hoàng làng. Đền thờ Nguyễn Trung Nghĩa được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2006.	
225	Tôn Viết Nghiệm	Ngọc Trạo	Tôn Viêt Nghiệm (1918 - 1995), quê làng Ngọc Trạo (tổng Trạc Nhật cũ), xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hóa, tham gia cách mạng trước năm 1945, nguyên là chiến sĩ du kích chiến khu Ngọc Trạo, từng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa.	
226	La Thế Nghiệp	Hoa Lộc	La Thế Nghiệp (1485 - ?), quê xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi năm 1511 đời vua Lê Tương Dực, làm quan đến chức Hiến sát sứ.	
227	Lê Ngọc	Thanh Hóa	Lê Ngọc (? - ?), còn có tên là Lê Cốc, quê tỉnh Thanh Hóa, làm quan từ đời Tấn, đời Tùy được bổ Thái úy quận Cửu Chân, khi nhà Tùy bị nhà Đường tiêu diệt, ông lập căn cứ ở Đồng Pho, xưng Hoàng Đế, cùng các con kháng chiến chống nhà Đường.	
228	Lê Thị Ngọc Ngỗi	Hoằng Thanh	Chính vương Lê Thị Ngọc Ngỗi (1606-?), quê xã Phú Vinh nay là xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa, tên huý là Bảo Đức, năm 19 tuổi được dâng vào phủ Chúa làm Vương phi chúa Thanh Đô vương Trịnh Tráng. Năm Đức Long 3 (1631), bà sinh ra Phó đô tướng Thái úy Ninh Quốc công Trịnh Toàn. Bà cho hưng công tu tạo cầu Cộng ở quê hương.	
229	Lê Thận Ngôn	Hoằng Sơn	Lê Thận Ngôn (1834 - 1897), tên tự là Cổ Đam, tên húy là Thận Ngôn, người làng Cát Xuyên, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ cử nhân khoa thi năm Tân Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1861) được bổ làm Giáo thụ phủ Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng sau được bổ chức Giáo thụ phủ Quảng Hóa.	
230	Hoàng Văn Ngữ	Thọ Phú	Hoàng Văn Ngữ (1914 - 1994), quê làng Mỹ Hào, tổng Bất Náo, phủ Thọ Xuân (nay thuộc xã Thọ Phú), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
231	Nguyễn Xuân Nguyên	Nam Sầm Sơn	Nguyễn Xuân Nguyên (1907 - 1975), quê ở phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Giáo sư, Tiến sỹ Y học, có nhiều đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu và chữa trị trực tiếp trong ngành Nhãn khoa của Y khoa Việt Nam.	Công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
232	Nguyễn Bá Nhạ	Hoằng Lộc	Nguyễn Bá Nhạ (1822 - 1848), quê xã Hoằng Đạo (nay là xã Hoằng Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Phó bảng - Tri phủ thời Nguyễn.	
233	Hồ Sỹ Nhân	Xuân Hòa	Hồ Sỹ Nhân (1916 - 1982), quê xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những Chiến sĩ cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	
234	Lê Trọng Nhị	Tân Ninh	Lê Trọng Nhị (1880 - 1953), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là sĩ phu yêu nước tích cực hưởng ứng phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908, bị thực dân Pháp bắt giam giữ tại nhà tù Côn Đảo.	
235	Hà Văn Nho	Văn Nho	Hà Văn Nho (? - 1892), quê xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hóa, là Cai tổng thời nhà Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
236	Trần Hữu Nho	Thiệu Trung	Trần Hữu Nho (? - ?) quê làng Cổ Đô, huyện Đông Sơn (nay thuộc xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Hoàng giáp khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490), đời vua Lê Thánh Tông. Làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang.	
237	Tống Nho	Triệu Sơn	Tống Nho (1638 - ?), quê Tiên Mộc, huyện Nông Cống nay là xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa Ông đỗ Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) đời vua Lê Huyền Tông lúc 33 tuổi, từng giữ chức Tham chính.	
238	Lê Đình Nhơn	Yên Định	Lê Đình Nhơn[259] tức Quản Phơn (? - ?), quê làng Thiết Đanh nay thuộc xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Khi vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương chống Pháp xâm lược, ông trở về quê tập hợp lực lượng để hưởng ứng. Sau hội nghị Bồng Trung (1885), ông được phân công đi xây dựng căn cứ Mã Cao dưới sự chỉ huy của Hà Văn Nhất và Trần Xuân Soạn rồi được phân công phụ trách chỉ huy đồn "Đa Nẫm" (nay thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Định). Từ Đa Nẫm, ông được lệnh mang quân đi tập kích địch ở Dọc Nghè (Định Tường) rồi thừa thắng tấn công đồn Si (Định Bình) nhưng vì lực lượng chênh lệch, ông bị giặc pháp bắt và chém đầu ở vườn quýt (bêu đầu cầu Si).	

[259] Theo sách Địa chí Thanh Hóa tập IV. Nhân vật chí trang 637.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
239	Lê Thị Nhu	Hoằng Giang	Lê Thị Nhu (1848 - 1917), tên húy là Nhua, quê xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa, là người tham gia và có nhiều đóng góp cho cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	
240	Đội Nhữ	Nam Sầm Sơn	Đội Nhữ (18?? - 18??), quê làng Trường Lệ nay thuộc phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đội Nhữ hay còn gọi là Đề Đởn, tên thật là Hoàng Đình Đởn là cử nhân võ thời vua Tự Đức. Năm 1885, sau khi cuộc phản công tại kinh thành Huế thất bại, ông là người đã hộ giá vua Hàm Nghi bỏ kinh thành ra vùng rừng núi, phát chiếu Cần Vương chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt trở về kinh thành, ông theo Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn chạy về Thanh Hóa. Cuối thế kỷ XIX, Thanh Hóa là một trong những địa phương có phong trào Cần Vương bùng nổ mạnh mẽ khắp nơi, các trung tâm khởi nghĩa phát triển rộng khắp với việc hình thành các đội nghĩa quân dưới sự chỉ huy của các sĩ phu, văn thân yêu nước. Đội Nhữ được Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn giao nhiệm vụ liên hệ để hợp nhất các cánh quân của Quảng Xương như cánh quân của Đề đốc Mậu Quang Tiền, cánh quân của Quảng Nham, Cự Nham…	
241	Lê Khắc Nhượng	Nông Cống	Lê Khắc Nhượng (1476 - ?), quê huyện Nông Cống (cũ). Ông là anh Hoàng giáp Lê Đình Vệ, người làng Thổ Giá huyện Nông Cống (cũ), nay là Thổ Vị, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa thi Mậu Thìn niên hiệu Đoan Khánh thứ 4 (1508) đời Lê Uy Mục, làm quan chức Hữu thị lang. Về sau, con cháu có di dời lên sống tại Bồng Thượng, xã Vĩnh Hùng, thành lập chi họ Lê Đình trên vùng đất này.	
242	Nguyễn Duy Nịnh	Ngọc Sơn	Nguyễn Duy Nịnh (? - ?), quê phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tham gia triều chính đời vua Lê Thần Tông, có công phò vua giúp nhà Lê mở mang đất nước, củng cố bờ cõi. Ông làm quan đến chức thị hầu nội tiếp, làm Tổng trấn Thanh Hóa, được phong Phấn lực tướng quân, chức quan "Thiên hộ". Ông có công phá giặc ở Sơn Nam được triều đình ban thưởng, được triều đình phong kiến ban tặng 6 sắc phong, được phụng thờ theo điển lễ. Đền thờ Nguyễn Duy Nịnh được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
243	Tu Nưa	Thanh Hóa	Tu Nưa (? - ?), quê Thanh Hóa, theo truyền thuyết gắn ông với núi Na Sơn, là nhân vật có nhiều kỳ tích vào cuối đời Trần, người đã có công đã tạo nên đất Nông Cống.	
244	Trần Oanh	Đào Duy Từ	Trần Oanh (1927 - 1986), quê ở làng Ngọc Đường, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa. Ông là cố xạ thủ[260] bắn súng giỏi nhất thế giới ở thế kỷ XX tại Tiệp Khắc, đã được phong danh thủ thể thao thế giới. Tên ông đã được đặt tên cho một con đường ở thành phố Thanh Hóa (cũ).	Đường, phố
245	Hoàng Sĩ Oánh	Thọ Phú	Hoàng Sĩ Oánh (1911 - 2003), còn có tên gọi là Bản Toàn, quê làng Phú Hào, tổng Bất Nạo, huyện Thọ Xuân (cũ) (nay thuộc xã Thọ Phú), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
246	Yên Đôn Phác	Yên Định	Yên Đôn Phác (1512 - ?), quê huyện Yên Định (cũ). Ông đỗ tiến sĩ năm Tân Sửu 1541 niên hiệu Quảng Hòa thứ 1 đời Mạc Phúc Hải. Ông làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư và được ban tước Ninh Khê Hầu.	
247	Lê Huy Phan	Hoằng Hóa	Lê Huy Phan (1838 - 1896), quê làng Thọ Vực, xã Bút Sơn, nay thuộc xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân khoa thi Hương (1861), chủ sự ở Bộ Lại, làm Hàn lâm viện Điển Tịch, lại sung vào làm Hàn lân viện cơ mật, năm 1887 được làm Quyền chánh sứ Sơn Phòng, Thường vụ tỉnh Thanh Hóa.	
248	Nguyễn Phan	Hoằng Hóa	Nguyễn Phan (1711 - 1784), quê Hà Dương, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông là một công thần cuối thời Lê - Trịnh, một nhà quân sự có tài, đánh đâu thắng đó, góp phần vào sự ổn định tình hình xã hội phong kiến Đàng Ngoài trong những năm giữa thế kỷ XVIII. Trong 37 năm theo cuộc đời binh nghiệp, ông đã được triều đình phong kiến Lê - Trịnh phong chức 34 lần và tặng thưởng 24 ngân bài.	
249	Lãnh Phiên	Sầm Sơn	Lãnh Phiên (1826 - 1887), còn có tên gọi khác Vũ Đình Phiên, sinh tại làng Xuân Phương, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay là phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là lãnh tụ Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	

[260] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
250	Phạm Phổ	Hoa Lộc	Phạm Phổ (? - ?), quê xã Trương Xá cũ, nay là xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ cử nhân (Hương Cống) năm 1821, làm tới chức Bố Chánh Tuyên Quang. Ông là cha Phạm Thanh, Phạm Bành.	
251	Nguyễn Đình Phổ	Thiệu Hóa	Nguyễn Đình Phổ (? - ?), quê huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa), ông còn có tên là Nguyễn Đình Định. Xuất thân trong gia đình dòng dõi binh nghiệp, năm 1802 ông tham gia quân thứ giữ chức Cai Đội. Nguyễn Đình Phổ từng được bổ dụng chức Trấn thủ 2 trấn Hải Dương và Thanh Ba (Thanh Hóa). Sau làm Tổng đốc Ninh - Thái, năm 1834 đánh dẹp loạn đảng, sau đó ốm mất tại lỵ sở.	
252	Hoàng Xung Phong	Biện Thượng	Hoàng Xung Phong (1910 - 2002), quê làng Bồng Trung, tổng Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa (nay thuộc xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
253	Đỗ Xuân Phong	Thiệu Hóa	Đỗ Xuân Phong (1877 - 1951), quê làng Đoán Quyết, huyện Thụy Nguyên, nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trong kỳ thi Hương, ông đỗ Cử nhân khoa Nhâm Tý, niên hiệu Duy Tân thứ 6 (1912), tại trường thi Thanh Hóa. Ông đỗ Phó bảng khoa Quý Sửu, niên hiệu Duy Tân thứ 7 (1913), lúc 37 tuổi. Ông làm tri huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	
254	Hoàng Sằn Phu	Biện Thượng	Hoàng Sằn Phu (1415 - ?), quê ở xã Tiên Kiều, tổng Hoàng Xá (nay thuộc xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, là Chánh phó Tổng tài thời Lê sơ.	
255	Trần Văn Phú	Thiệu Hóa	Trần Văn Phú (1749 - 1830), quê Vãn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông làm quan thời Lê Trung Hưng, chức Phó Thiên hộ, Trì uy Tướng quân, Thủ ngự Tổng tri Phi kỵ úy kiêm Tổng Tri, hạng Trung chế, đồng thời là cha của Vệ úy Túc Vũ vệ Trần Văn Vĩnh quan thời Nguyễn, được phong "Tín nghĩa Đô uý Phó quản cơ, tên thuỵ là Tráng Nghĩa".	
256	Lê Xuân Phủ	Thiệu Hóa	Lê Xuân Phủ (1880 - 1936), quê ở huyện Thiệu Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa, tham gia phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, sau về quê làm nghề dạy học cùng với	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			anh trai, sáng tác nhiều thơ, văn tiến bộ để khích lệ tinh thần yêu nước, thương nòi của Nhân dân.	
257	Lê Phụ	Thanh Hóa	Lê Phụ (1446 - 1525), quê Thanh Hóa, làm quan dưới triều Lê Thánh Tông, giữ chức Thượng thư bộ binh coi việc tùy binh, dân binh kiêm thái sử, Thái sư.	
258	Lê Công Phụ	Hoằng Giang	Lê Công Phụ (Linh Quang tôn Thần) (? - ?), quê thôn Phượng Mao, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Là danh tướng có công lao to lớn giúp vua Lê chống lại giặc Minh, sau đó cùng vua Lê Nhân Tông dẹp giặc Đồn Bàn, được triều đình ban thưởng và ban đất ở vùng Phượng Mao để lập đồn điền, khai hoang lập ấp. Vì vậy, sau khi mất, được dân làng thờ phụng và tôn làm Thành Hoàng làng. Trải qua thời gian và chiến tranh, nghè thờ thần bị phá hủy, người dân rước thần về thờ phụng tại đình làng. Năm 1991, đình làng Phượng Mao đã được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 35/VHQĐ ngày 24 tháng 12 năm 1991.	
259	Trịnh Ngọc Phước	Thọ Xuân	Trịnh Ngọc Phước (1916 - 1993), quê xã Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
260	Nguyễn Phương	Trường Văn	Nguyễn Phương (1832 - ?), hay còn gọi là Nguyễn Ngọc Phương, quê ở thôn Yên Minh, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa, là Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng.	Phố
261	Nguyễn Xuân Phương	Hà Trung	Nguyễn Xuân Phương (? - ?), quê xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, ông là Bí thư chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên huyện Hà Trung được thành lập ở Gác chuông chùa Trần (xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), thành lập vào ngày 10 thán 10 năm 1930. Ông là tri thức yêu nước tham gia vào hội Xích sinh (tức hội Học sinh đỏ), là một trong những người đầu tiên của huyện tuyên truyền đường lối cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.	
262	Đinh Chương Phượng	Vạn Lộc	Đinh Chương Phượng (1918 - 1980), quê xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là con thứ 2 của nhà cách mạng Đinh Chương Dương, là lão thành cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa hoạt động nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Bí thư chi bộ đầu tiên của huyện Hậu Lộc, Chi bộ Lộc Tiên - Y Bích (thành lập ngày 6 tháng 01 năm	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			1935). Sau cách mạng, ông giữ chức Trưởng ty công an Hà Đông, chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Đông, thẩm phán của Tòa án Nhân dân tối cao.	
263	Lê Thế Quán	Đông Tiến	Lê Thế Quán (? - ?) quê làng Bái Giao, huyện Đông Sơn (nay là thôn Bái Giao, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Trong kỳ thi Hương, ông đỗ Cử nhân khoa Canh Tý, niên hiệu Minh Mạng thứ 21 (1840), tại trường thi Nghệ An. Ông đỗ Phó bảng khoa Nhâm Dần, niên hiệu Thiệu Trị thứ 2 (1842). Ông làm quan đến chức Đồng tri phủ.	
264	Trần Tiến Quân	Vĩnh Lộc	Trần Tiến Quân (1917 - 1993), tên thật là Trịnh Huy Lãng, quê ở làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn (nay thuộc nay thuộc làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là lão thành cách mạng, Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
265	Lưu Ngạn Quang	Đông Tiến	Lưu Ngạn Quang (1457 - ?), quê làng Thanh Oai, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đỗ đệ Nhị giáp Tiến sĩ khoa thi Tân Sửu 1481 đời vua Lê Thánh Tông, làm quan dưới triều Lê sơ đến chức Tả Thị Lang.	
266	Trịnh Huy Quang	Vĩnh Lộc	Trịnh Huy Quang (1909 - 1974), quê làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn, phủ Quảng Hóa (nay thuộc làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố
267	Lương Tuyên Quang	Hoằng Châu	Lương Tuyên Quang (1556 - 1632), quê thôn Hội Triều, xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa. Ông về thôn Đông Lý, xã Sen Hồ, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa sinh cơ lập nghiệp. Ông là một công thần thời Lê -Trịnh được tiến phong Kim tử Vinh lộc đại phu, tước là Phó Nghĩa Tử, được triều đình phong sắc làm phúc thần cho thôn Đông Lý, xã Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa phụng thờ. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.	
268	Trương Đức Quang	Hoằng Tiến	Trương Đức Quang (1478 - ?), quê Chuế Thôn, xã Ngọc Xuyết, sau là Kim Xuyết, tổng Kim Xuyết nay là thôn Hùng Tiến, xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Năm 25 tuổi đỗ Đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng Giáp), khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống năm 1502 đời Lê Hiến Tông. Ông làm quan đến chức Đề hình giám	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			sát ngự sử, ông là tấm gương tiêu biểu trong số những người "khổ học", "cần học" của truyền thống hiếu học huyện Hoằng Hóa (cũ).	
269	Lê Đình Quát	Thiệu Hóa	Lê Đình Quát (? - ?) quê làng Kim Hoạch, huyện Lương Giang (nay là thôn Minh Thượng, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21(1490), đời vua Lê Thánh Tông. Ông làm quan đến chức Đô Ngự sử.	
270	Phong Quế	Yên Định	Phong Quế (? - ?), quê huyện Yên Định (cũ), tỉnh Thanh Hóa, có tài đàn hát, được Nhân dân kính trọng, tôn thờ, sau khi mất dân làng đã lập Đền thờ ông.	
271	Đỗ Đan Quế	Xuân Lập	Đỗ Đan Quế (1910 - 1955), người làng Xá Lê (nay thuộc xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
272	Nguyễn Đan Quế	Vĩnh Lộc	Nguyễn Đan Quế (1891 - 1949), quê ở huyện Vĩnh Lộc (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là chí sỹ yêu nước đã cống hiến cả cuộc đời mình cho cách mạng, có nhiều đóng góp trong việc giáo dục thanh niên yêu nước thời Pháp thuộc.	
273	Lê Hồng Quế	Yên Trường	Lê Hồng Quế (1916 - 1974), quê thôn Phù Hưng (nay thuộc xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa), là một trong số những Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
274	Hoàng Văn Quế	Thiệu Tiến	Hoàng Văn Quế (1903 - 1946), còn có tên gọi là Hoàng Văn Quý và Nguyễn Thế Quý, quê làng Yên Lộ, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
275	Nguyễn Đình Quế	Thiệu Tiến	Nguyễn Đình Quế (1637 - ?), quê làng Lam Vĩ, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, ông còn có tên là Nguyễn Đình Tường, là con trai duy nhất, lại mồ côi cha mẹ từ nhỏ, song là người học hành chăm chỉ, siêng năng luyện tập võ nghệ. Ông còn là người phong tư hùng dũng, sức mạnh hơn người, lỗi lạc và có chí lớn. Ông thường nói rằng: "người con trai mà không làm được công việc oanh liệt, chỉ làm một tên phu ở hương thôn, như thế là sống thừa mà thôi" rồi ông tham gia quân đội, giúp vua Lê đánh giặc lập công và được làm đến chức Phụ Quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ, Tả Đô đốc đồng Tri Thái bảo, tước Tường Quận công (sau khi mất	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			được Nhân dân bầu hậu Phúc thần, triều đình ban sắc cho Nhân dân thờ cúng và phong cho thần là Dũng lược Đại Vương).	
276	Lê Nhân Quý	Hải Bình	Lê Nhân Quý (thế kỷ XV), quê thôn Kim Cốc, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa, người được Vua Lê Thánh Tông lựa chọn là một trong những viên tướng thân cận đi đánh Chiêm thành, là Tổng tri Ngự tiền trung quân Quan nội hầu dưới thời Lê sơ.	
277	Đỗ Tất Quý	Hậu Lộc	Đỗ Tất Quý (thế kỷ XVI), quê ở huyện Hậu Lộc (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, hàm Thái bảo dưới thời Lê Trung hưng.	
278	Võ Quyết	Tây Đô	Võ Quyết (1921 - 1979), tên thật là Vũ Đình Thờn, quê thôn Mỹ Xuyên, tổng Cao Mật, phủ Quảng Hóa (nay là xã Tây Đô), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
279	Ngô Xuân Quỳnh	Thanh Hóa	Ngô Xuân Quỳnh (1815 - 1887), quê Thanh Hóa, đỗ Cử nhân, được Triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm làm Quan Tri phủ ở các huyện Tĩnh Gia, Hà Trung, Yên Định và nhiều tỉnh thành khác, làm quan trong triều đình Huế, sau là quân sư cho Phong trào Cần Vương chống Pháp của nghĩa quân Tú Phương ở Nông Cống.	
280	Lê Đình Sằn	Ngọc Sơn	Lê Đình Sằn (? - ?), quê phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1948 – 1954, ông được giữ chức Bí thư Huyện ủy Tĩnh Gia, rồi Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Ban miền Tây trực tiếp chỉ đạo Đại hội thành lập Đảng bộ huyện Như Xuân tại doanh trại của An toàn khu Đồng Ớt, xã Yên Cát (nay là xã Hóa Quỳ, tỉnh Thanh Hóa) năm 1949. Từ năm 1957 - 1958, ông làm Phó trưởng ban Tổ chức khu ủy IV. Từ năm 1960, ông là Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Tĩnh Gia. Từ năm 1960 - 1963, ông là Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy, được truy nhận lão thành cách mạng.	
281	Trịnh Duy Sản	Thắng Lộc	Trịnh Duy Sản (? - 1518), quê ở xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, có công phò tá Vua Lê Tương Dực lên ngôi, được phong là Mỹ Huệ hầu.	
282	Trịnh Khắc Sản	Xuân Lập	Trịnh Khắc Sản (1903 - 1976), quê làng Long Linh Ngoại (nay thuộc xã Xuân Lập), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
283	Lê Quan Sát	Xuân Lập	Lê Quan Sát (thế kỷ X), húy là Đột, quê ở làng Phong Mỹ, tên Nôm là Kẻ Mía (nay thuộc xã Xuân Lập), tỉnh Thanh Hóa, là Công thần dưới triều Tiền Lê, được phong là Lê Quan Sát tôn thần.	
284	Nguyễn Đăng Sĩ	Biện Thượng	Nguyễn Đăng Sĩ (? - 1862), người làng Biện Thượng, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân và được Triều đình bổ làm tri huyện Thạch Thất, sau giữ chức Thái bộc tự khanh lĩnh Thái Nguyên Bố chính sứ.	
285	Lưu Xuân Sinh	Tống Sơn	Lưu Xuân Sinh (1910 - 1953), còn gọi là Khóa Sinh, quê Sơn Thôn, xã Tiên Hòa, tổng Thanh Xá, huyện Vĩnh Lộc (nay thuộc xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
286	Nguyễn Soạn	Triệu Sơn	Nguyễn Soạn (1871 - 1948), quê huyện Triệu Sơn (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là người tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa, bị thực dân Pháp bắt đầy đi Côn Đảo, ra tù ông trở về thành phố Thanh Hóa (cũ) lập nên Chùa Đảo Viên.	
287	Lê Thế Sơn	Hoằng Hóa	Lê Thế Sơn (1924 - 1989), quê thôn Bút Cương, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	Đường
288	Lê Văn Sứ	Nông Cống	Lê Văn Sứ (? - ?), quê xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nhân dân gọi ông là Bát Thuận, người làng Tiền Hậu, xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống (cũ). Ông là nhân vật tham gia phong trào Cần Vương, đóng căn cứ ở núi Chay và cho nghĩa quân canh giữ đồn Mả Cật ở làng Tiền Hậu và cồn Vừng ở làng Trường Quang, xã Minh Nghĩa. Ông là người chỉ huy Nghĩa quân cả một vùng, tham gia đánh trận Đồn Mưng (nay xã Trung Thành).	
289	Nguyễn Mậu Sung	Thọ Xuân	Nguyễn Mậu Sung (1902 - 1950), quê thôn Quần Kênh, xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
290	Lê Văn Sỹ	Thọ Lập	Lê Văn Sỹ (1901 - 1990), quê làng Yên Trường, tổng Quảng Yên, phủ Thiệu Hóa (nay là làng Yên Trường, xã Thọ Lập), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
291	Doãn Đình Tá	Tân Ninh	Doãn Đình Tá (1478 - ?), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời vua Lê Hiến Tông lúc 22 tuổi, ông làm quan đến chức Công Bộ	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thượng thư, hàm Thiếu bảo. Là người có công, khi Trịnh Tráng lên ngôi coi ông là ân nhân ban cho ông chức Hiến sát sứ, tước nhân quận công.	
292	Trịnh Tạc	Vĩnh Lộc	Trịnh Tạc (1606 - 1682), quê ở làng Sóc Sơn (nay thuộc xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ ba của Dòng họ Trịnh.	
293	Nguyễn Tái	An Nông	Nguyễn Tái (1833 - 1883), quê Hương Khê, huyện Nông Cống (cũ) (nay là làng Phương Khê, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sỹ, được bổ nhiệm làm Án sát dưới thời Nhà Nguyễn.	
294	Lê Xuân Tại	Thọ Xuân	Lê Xuân Tại (1915 - 1994), quê làng Vân Lộ, tổng Nam Dương (nay thuộc xã Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là người có chí khí và lòng yêu nước, tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm.	
295	Quản Tâm	Kim Tân	Quản Tâm (? - ?), quê xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa. Trong phong trào Cần Vương, ông đã chiêu tập binh sĩ, làm lễ tế cờ, đóng quân tại đồi lau chống địch. Giặc Pháp đã đưa quân từ đồn Phong Ý (Cẩm Thủy) và đồn Bỉm Sơn lên đàn áp, Quản Tâm và nghĩa quân chống trả quyết liệt nhưng bị thất bại và đã anh dũng hy sinh.	
296	Lưu Thế Tán	Định Tăng	Lưu Thế Tán (? - ?), quê làng Chân Bái, xã Định Tăng, tỉnh Thanh Hóa. Theo gia phả họ Lưu và văn bia dựng năm Cảnh Trị thứ 4 (1666) cho biết thì Lưu Thế Tán từng đi theo Trịnh Tùng phù Lê, diệt Mạc, lập được nhiều chiến công trong việc bảo vệ vùng căn cứ Biện Thượng, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc - quê hương nhà Trịnh. Ông được phong tới chức Phụ quốc thượng tướng quân. Khi mất, ông được triều đình truy tặng chức Thái Phó Đại Tư Mã và cho dân quê nhà lập đền để thờ tự.	
297	Lê Tân	Lam Sơn	Lê Tân (1466 - 1502), quê xã Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa, nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI.	
298	Trần Bá Tân	Đông Sơn	Trần Bá Tân (1710 - ?), còn có tên khác là Huy Bật, quê phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
299	Nguyễn Lệnh Tân	Thiệu Hóa	Nguyễn Lệnh Tân (1726 - 1778), quê xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763), là người trung vua, yêu nước, thương dân, liêm chính, thanh đạm.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
300	Lê Văn Tân	Tây Đô	Lê Văn Tân (1900 - 1982), quê làng Xuân Áng, tổng Cổ Tế, huyện Thạch Thành (nay thuộc xã Tây Đô), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
301	Đỗ Phi Tần	Trung Chính	Đỗ Phi Tần (1508 - ?), còn có tên là Đỗ Phi Tán, quê làng Cổ Đôi, nay là thôn Văn Đôi, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sỹ xuất thân, là Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
302	Nguyễn Phúc Tần	Hà Long	Nguyễn Phúc Tần (1620 - 1687), quê ở Gia Miêu Ngoại Trang, nay thuộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là Chúa thứ tư của Dòng họ Nguyễn.	
303	Hoàng Tạo	Biện Thượng	Hoàng Tạo (? - 1867), quê làng Bồng Trung, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là Giám sát Ngự sử, Án sát thời Nhà Nguyễn.	
304	Lê Viết Tạo	Nguyệt Viên	Lê Viết Tạo (1876 - 1925), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Thừa phái Bộ Binh thời Nhà Nguyễn.	
305	Phạm Ngưu Tất	Cẩm Thạch	Phạm Ngưu Tất (? - ?), quê thôn Thạch Lẫm, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa. Tả dực phấn tướng quân Phạm Tương Công (tên tục Ngưu Tất), theo gia phả dòng họ Phạm ở Thạch Lẫm thì Phạm Tướng Công (tức Ngưu Tất) là người theo Trần Khát Chân đánh quân Chiêm Thành xâm lấn Đại Việt thế kỷ XIV, vì có công đã được phong tước hầu.	
306	Lê Nhân Tế	Hoằng Châu	Lê Nhân Tế (1480 - ?), quê làng Đại Nhuệ, nay là thôn Đông Nhuệ, xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng Giáp khoa Nhâm Tuất (1502), làm quan đến chức Đông Các Hiệu thư.	
307	Trịnh Thì Tế	Thọ Phú	Trịnh Thì Tế (1621 - 1668), tức Thế Tế, quê làng Nhật Cảo, huyện Lôi Dương, nay là thôn Nhật Quả, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650), làm quan chức Tự khanh, tước Nam, làm Phó sứ sang nhà Thanh.	
308	Lê Văn Thạc	Thiệu Quang	Lê Văn Thạc (1782 - 1876), quê thôn Đương Phong, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn và là nhà giáo, nhà thơ của Việt Nam thế kỷ XIX.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
309	Hà Công Thái	Điền Lư	Hà Công Thái (? - ?), quê ở sách Kim Lư, tổng Kim Lữ, huyện Cẩm Thủy (nay là xã Điền Lư), tỉnh Thanh Hóa, là Thổ tù vùng miền núi, tích cực tham gia theo Nguyễn Văn Thụy đi đánh giặc, được triều đình Nguyễn phong chức Khâm sai chánh Thống lĩnh thượng đạo trấn Thanh Hóa, tước Hộ Quận Công.	
310	Nguyễn Hữu Thái	Hoằng Hóa	Nguyễn Hữu Thái (1792 - 1855), quê Đại Lộc, xã Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa (cũ). Năm Ất Dậu Minh Mệnh thứ 6 (1825) ông thi Hương đỗ Cử nhân. Ông là vị quan tài năng, rất mực thanh liêm, từng giữ nhiều trọng trách trong triều. Lúc đương triều được triều thần ngưỡng vọng, về hưu được quê hương mến mộ. Ông làm quan đến chức: Phụng Nghị đại phu, Giám sát ngự sử đạo Nam Nghĩa Quảng Nam - Quảng Ngãi.	
311	Nguyễn Phúc Thái	Hà Long	Nguyễn Phúc Thái (1649 - 1691), quê gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa, nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Đây là Chúa Nguyễn thứ 5 của chính quyền Đàng Trong trong lịch sử Việt Nam (ở ngôi 1687-1691), nối ngôi Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần. Trong những năm trị vì, chúa Nguyễn Phúc Thái nổi tiếng là người có tính tình rộng lượng, khoan hòa, biết chiêu hiền đãi sỹ, cho mở các khóa thi để tìm kiếm tuyển chọn nhân tài cho đất nước, đặc biệt, Chúa rất quan tâm đến đời sống Nhân dân, đưa ra những chích sách khai khẩn đất đai, khuyến khích phát triển nông nghiệp.	
312	Nguyễn Đức Thân	Hoa Lộc	Nguyễn Đức Thân tức Nguyễn Văn Sen (1911 - 1984), quê xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông hoạt động cách mạng chủ yếu ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Tháng 4/1948, ông làm Bí thư tỉnh ủy tỉnh Long Châu Hậu, năm 1950, Bí thư Tỉnh ủy của tỉnh Long Châu Hà. Sau đó giữ nhiều chức vụ quan trọng khác của tỉnh này. Ông mất năm 1984.	
313	Hoàng Khắc Thận	Triệu Lộc	Hoàng Khắc Thận (1505 - ?), quê xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529) đời Mạc Đăng Dung, làm quan chức Lại Bộ Thượng thư, tước Hoành Trung Hầu.	
314	Nguyễn Chiến Thắng	Nga Thắng	Nguyễn Chiến Thắng (1919 - 2007), quê xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, là lão thành cách mạng - Bí thư Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của huyện Nga Sơn (cũ)	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			được thành lập tháng 10 năm 1945. Di tích Vườn Chè - nơi thành lập Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của huyện Nga Sơn (cũ) là khu đất của gia đình ông.	
315	Nguyễn Thanh	Hoằng Lộc	Nguyễn Thanh (1506 - 1545), quê ở làng Bột Thái, nay là xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ Tiến sỹ dưới triều Mạc Phúc Hải (1541), là Hiến sát Phó sứ thời Mạc.	
316	Phạm Thanh	Hòa Lộc	Phạm Thanh (1822 - 1863), quê xã Hòa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ tiến sỹ năm 1851, làm tới chức Tham tri thời Nguyễn.	
317	Lê Công Thanh	Thiệu Toán	Lê Công Thanh (1900 - 1975), quê làng Mao Xá, nay thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, là lão thành cách mạng, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.	
318	Phạm Minh Thanh	Nga Sơn	Phạm Minh Thanh (1918 - 1985), quê ở xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là ủy viên của Ủy ban khởi nghĩa huyện Nga Sơn và chỉ đạo đánh chiếm Điền Hộ giành thắng lợi, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Nga Sơn.	Đường
319	Quách Lê Thanh	Cẩm Thạch	Quách Lê Thanh (1947 - 2010), quê xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa, nguyên là Tổng Thanh tra Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	
320	Lê Phúc Thành	Như Xuân	Lê Phúc Thành (thế kỷ XV), quê ở làng Trung Thành, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng, có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	
321	Lê Nguyên Thành	Hạc Thành	Lê Nguyên Thành (1868 - 1951), quê phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi đỗ tú tài, chính quyền Nam Triều dụ dỗ cụ ra làm quan nhưng cụ khước từ và ở nhà dạy học. Ông là chiến sĩ yêu nước, là lãnh tụ phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908.	
322	Lý Công Thành	Hậu Lộc	Lý Công Thành (? - ?), quê xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là một trong 03 ông tướng họ Lý tham gia khởi nghĩa Bà Triệu năm 248. Hiện tại mộ của ba ông vẫn còn ở chân núi Tùng, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	
323	Nguyễn Trọng Thao	Thiệu Hóa	Nguyễn Trọng Thao (1801 - 1860), quê huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa) Xuất thân trong gia đình dòng dõi binh nghiệp, năm Gia Long 14 (1815), ông gia nhập quân đội. Sau này được thăng lên chức Đề đốc quân vụ, ông mất tại nơi đóng quân. Bài vị của ông được thờ ở đền Hiền Lương.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
324	Lê Khắc Tháo	Đông Tiến	Lê Khắc Tháo[261] (1859 - 1887), hay gọi là Tám Tháo, Lê Khắc Tháo, quê làng Bái Giao, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tham gia khởi nghĩa Ba Đình, giữ chức Tán tương quân vụ.	Đường
325	Hoàng Phụng Thế	Hoằng Sơn	Hoàng Phụng Thế (? - 1399) quê ở Cát Xuyên, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng, có công đánh Chiêm Thành cuối thời Trần.	
326	Hoàng Đình Thể	Hậu Lộc	Hoàng Đình Thể (? - 1786), quê làng Bộ Đầu, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Danh tướng có đóng góp ở triều đại Lê - Trịnh. Hoàng Đình Thể đỗ Đồng Tạo sĩ ưu trúng hạng khoa (tiến sỹ võ) năm Nhâm Thân niên hiệu Cảnh Hưng 13 đời vua Lê Hiển Tông (1752). Tháng 9 năm Kỷ Sửu (1769), khi Lê Duy Mật - một tôn thất nhà Lê khởi binh chống lại triều đình Lê - Trịnh ở Trấn Ninh (Nghệ An), Hoàng Đình Thể giữ ấn Binh, đốc quân Tuyên Quang và Hưng Hóa cùng Nguyễn Phan, Bùi Thế Đạt tấn công Lê Duy Mật để bảo vệ triều đình Lê - Trịnh.	
327	Nguyễn Nhân Thiệm	Hoằng Lộc	Nguyễn Nhân Thiệm (1534 - 1597), quê xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là nhà ngoại giao thời Lê sơ, làm tới chức Thái Thường tự khanh.	
328	Lê Tán Thiện	Thọ Phú	Lê Tán Thiện (1488 - ?), quê làng Thượng Cốc, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sỹ khoa Kỷ Mùi (1499), ông làm quan đến chức Thượng thư bộ Hình.	
329	Trần Văn Thiện	Thiệu Trung	Trần Văn Thiện (1438 - ?), quê làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn Phủ Lý Trung, xã Thiệu Trung), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1463), làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư.	
330	Nguyễn Lợi Thiệp	An Nông	Nguyễn Lợi Thiệp (1867 - 1914), quê ở làng Phương Khê, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa, tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa, bị thực dân Pháp bắt và bị giết hại tại nhà tù Côn Đảo.	
331	Lê Văn Thiệp	Tây Đô	Lê Văn Thiệp (1899 - 1956), quê làng Phương Giai (nay thuộc xã Tây Đô), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

[261] Phường Đông Sơn đề nghị sửa tên Lê Khắc Thảo thành Lê Khắc Tháo.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
332	Trương Hữu Thiệu	Quảng Yên	Trương Hữu Thiệu (1687 - ?), người làng Thiên Linh, huyện Ngọc Sơn (nay là thôn Yên Cảnh, xã Quảng Yên), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1716), làm quan đến chức Giám sát.	
333	Nguyễn Khắc Thiệu	Hà Long	Nguyễn Khắc Thiệu (1764 - 1816), quê Gia Miêu, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa. Ông làm quan dưới triều Nguyễn, tháng 10 năm 1795 ông được vào Viện Thị thư, lại thăng chức Nội thị thư viện. Tháng 10 năm 1807, nhà Nguyễn mở khoa thi Hương ông được cử làm Đề điều trường thi Bắc Thành, rồi làm Đề điều trường thi Hải Dương. Năm 1809, ông tham gia vào việc trông coi đê chính ở Bắc Thành.	
334	Ngô Văn Thông	Đông Tiến	Ngô Văn Thông (1475 - ?), người làng Sơn Viện (nay thuộc phường Đông Tiến), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508), làm quan đến chức Thượng thư.	
335	Nguyễn Trinh Thụ	Ngọc Sơn	Nguyễn Trinh Thụ (1897 - 1943), quê làng Cầu Đông, xã Liên Trì, tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia, nay là tổ dân phố Thống Nhất, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
336	Nguyễn Thứ	Hoằng Hóa	Nguyễn Thứ (1572 - ?), quê ở huyện Hoằng Hóa (cũ), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1598), làm quan tới chức Thái Thường Tự khanh thời Lê Trung hưng.	
337	Nguyễn Đình Thuần	Đông Sơn	Nguyễn Đình Thuần (1636 - 1672), quê làng Phù Lưu, xã Phù Lưu, tổng Quảng Chiếu, phủ Đông Sơn, nay thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Hữu Đô Đốc Thượng tướng quân Thiện Quận công thời Lê Trung hưng.	
338	Lê Khắc Thuần	Nguyệt Viên	Lê Khắc Thuần (1668 - 1730), quê làng Phù Quang, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Năm 43 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, khoa Canh Dần (1710) đời Lê Hy Tông. Ông làm quan đến chức Hình khoa cấp sự trung.	
339	Lê Thức	Thọ Ngọc	Lê Thức (1628 - ?), quê Tam Lộng, huyện Lôi Dương (nay là xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) đời Lê Thần Tông lúc 32 tuổi, làm chức Hiến sứ. Ông có một bài thơ chữ Hán chép trong Toàn Việt thi lục…	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
340	Hoàng Quốc Thực	Quảng Phú	Hoàng Quốc Thực (1534 - ?), quê làng Đức Thượng, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa (có sách ghi hiện nay là xã Quảng Đức, có sách ghi nay là xã Quảng Cát), đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân, chế khoa (1565), là Tham hình Hiến sát sứ ở Nghệ An thời Lê Trung hưng.	
341	Lê Nhân Thực	Thị xã Nghi Sơn	Lê Nhân Thực (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn (cũ), ông là công thần thời Lê sơ, được phong chức Quản lĩnh hầu, kiêu kị úy trí thắng, ông là một võ quan, do lập được công trạng ông được Nhà Lê ban tước hầu. Theo sắc phong Quản lĩnh hầu là chức quan võ chỉ huy một sở, hàm ngũ phẩm sau đó được phong tước đặc tiến Kim tử Vinh Lộc.	
342	Lê Quốc Thực	Định Hòa	Lê Quốc Thực (? - 981), quê thôn Cẩm Trướng, xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa. Lê Quốc Thực hay còn gọi là Lê Tướng Công, là bộ tướng của Đinh Bộ Lĩnh có nhiều công lao trong việc dẹp loạn 12 sứ quân. Khi Đinh Bộ Lĩnh mất, ông lại tiếp tục ủng hộ Lê Hoàn đánh Tống, bình Chiêm. Ông từng được nhà Đinh phong 3 chữ vàng là "Đinh Can Thành" (Vị tướng giỏi can trường của nhà Đinh). Ông mất ngày mùng 5 tháng 10 năm 981 trong trận chiến với quân nhà Tống. Đền thờ ông tại thôn Cẩm Trướng, xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 230/VH-QĐ ngày 08 tháng 7 năm 1995 và được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011.	
343	Nguyễn Hữu Thường	Đào Duy Từ	Nguyễn Hữu Thường (1574 - 1661), quê làng Hải Yến (nay là phường Đào Duy Từ), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1637), là Tả Thị lang, Hữu Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được phong Thượng thư, tước Quận công.	
344	Trịnh Hữu Thường	Thọ Xuân	Trịnh Hữu Thường (1910 - 2004), quê ở làng Vực Thượng, tổng Nam Dương (nay thuộc xã Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là lão thành cách mạng, Chủ tịch Mặt trận Việt Minh tỉnh, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
345	Nguyễn Xuân Thúy	Xuân Lập	Nguyễn Xuân Thúy (1900 - 1989), quê làng Phong Cốc, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Xuân Lập), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
346	Võ Danh Thùy	Thắng Lợi	Võ Danh Thùy (1897 - 1976), quê ở làng Vìn, tổng Cao Xá, phủ Nông Cống (nay là xóm Thổ Bắc, làng Thổ Vị, xã Thắng Lợi), tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ cách mạng lớp đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
347	Lê Thùy	Hàm Rồng	Lê Thùy (? - ?), quê phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa. Ông cùng Lê Duyên và Lê Trung là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong Tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại Đền thờ Tướng quân Lê Thành, làng Định Hòa, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	
348	Nguyễn Thụy	Hoằng Lộc	Nguyễn Thụy (1784 - 1852), quê xã Bột Thái (nay là xã Hoằng Lộc), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam trường, làm quan đến chức hành khiển ở bộ Hình, Đốc học Bình Định.	
349	Trịnh Cảnh Thụy	Yên Trường	Trịnh Cảnh Thụy (1545 - 1617), người xã Chân Bái, huyện Yên Định (nay thuộc xã Yên Trường), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Nhâm Thìn (1592), từng giữ chức Đô Ngự sử thời Lê Trung hưng.	
350	Lê Thuyên	Lam Sơn	Lê Thuyên (thế kỷ XV - XVI), quê ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa, nay thuộc xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI, ông có 5 bài thơ chép trong Toàn Việt thi lục.	
351	Ngô Thuyền	Thiệu Tiến	Ngô Thuyền (1910 - 1994), tức Ngô Văn Tuyển, quê quán ở làng Tân Bình, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, có giai đoạn là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
352	Lại Đăng Tiến	Đông Quang	Lại Đăng Tiến (1637 - 1722), quê phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661), làm quan đến chức Đề hình giám sát ngự sự. Khi mất, được tặng chức Tham chính.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
353	Lê Văn Tiến	Hoằng Giang	Lê Văn Tiến (1821 - 1876), tên húy là Văn Tiến, quê làng Quỳ Chữ, xã Hoằng Giang, là viên ngoại lang Ty tu tạo Bộ Công thời Nguyễn.	
354	Lê Văn Tiến	Đông Tiến	Lê Văn Tiến (1868 - ?) còn gọi là Lê Văn Tấn, quê ở thôn Đại Bái, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, là nhà chí sỹ yêu nước.	
355	Mai Thị Ngọc Tiến	Nga Thắng	Mai Thị Ngọc Tiến (? - 1717), quê làng Thạch Tuyền, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa. Bà là người học rộng tài cao có thể giúp Vua trong việc trị nước, bà được phong là "Chiêu Dung Công Chúa", được ở lại trong cung để dạy bảo các Hoàng Tử, Công Chúa vào đời Vua Lê Hy Tông hiệu Vĩnh Trị đệ nhất niên (năm Bính Thân 1676). Khi bà mất vào đời Vua Lê Dụ Tông đệ tam niên (năm Đinh Dậu 1717), Vua Lê Dụ Tông rất nhớ công ơn của bà đã dạy bảo chăm sóc mình từ nhỏ, Vua coi bà như mẹ mình và phong sắc cho bà là bậc Hoàng Thái Hậu, coi bà như Quốc mẫu, cho tạc tượng và lập đền thờ tại quê nhà.	
356	Trương Quang Tiền	Thiệu Hóa	Trương Quang Tiền (tức Trương Luân Đạo) (1615 - 1677), quê làng Kim Hoạch, huyện Thuỵ Nguyên (nay là xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Năm 26 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ 6 (1640), đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Đông các hiệu thư, tước Mai lâm tử.	
357	Nguyễn Tĩnh	Hà Long	Nguyễn Tĩnh (? - 1880) tự Hành Đạo, hiệu Nông Hà, người làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, là Tổng đốc Thanh Hóa dưới thời Nguyễn, có nhiều đóng góp đối với thủy lợi và Y học.	Đường
358	Nguyễn Viết Toại	Lĩnh Toại	Nguyễn Viết Toại (thế kỷ XIX), hay còn gọi là Lãnh Toại, quê làng Trị Cụ, xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa, là Chánh đội trưởng Vệ Tinh binh thời nhà Nguyễn, lãnh tụ phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	
359	Lê Huy Toán	Thiệu Toán	Lê Huy Toán (1890 - 1942), quê quán ở làng Mao Xá, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
360	Phan Kiêm Toàn	Thiệu Tóan	Phan Kiêm Toàn[262] (1615 - ?), quê huyện Thụy Nguyên sau thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa. Ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1643), làm đến chức Thượng thư Bộ hình.	
361	Ngô Ngọc Toản	Thiệu Tiến	Ngô Ngọc Toản (1897 - 1963), bí danh Ngọc, quê làng Yên Lộ, tổng Phù Chẩn, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Thiệu Tiến), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
362	Lê Ngọc Toản	Tân Ninh	Lê Ngọc Toản (1845 - 1924), quê Thôn Ất, xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân, được triều đình bổ dụng làm Tri phủ Đoan Hùng, làm quan Án sát ở 3 tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang, tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp với chức Tán tương quân vụ.	
363	Mẹ Tơm	Vạn Lộc	Mẹ Tơm (1880 - 1953), tên là Nguyễn Thị Quyển, quê thôn Đông Thành, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là người tận tình giúp đỡ, đùm bọc, che chở nuôi dấu cán bộ cách mạng trong thời gian trước cách mạng tháng Tám, năm 1945.	
364	Nguyễn Thọ Tốn	Hoằng Giang	Nguyễn Thọ Tốn (1834 - ?), quê làng Hợp Đồng, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa, là Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
365	Phạm Trác	Thắng Lợi	Phạm Trác (1520 - ?), quê làng Trang Liệt, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Thắng Lợi), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sỹ xuất thân, khoa Đinh Mùi (1547), làm tới chức Thượng thư tước Ninh xuyên bá thời Mạc.	
366	Vũ Bá Trác	Thanh Hóa	Vũ Bá Trác (? - ?), quê Thanh Hóa, làm quan dưới Triều Lê Trung Hưng. Ông thi Hương năm Quý Mão (1783) đậu Cử nhân, giữ chức Thống đốc chi binh. Ông được thờ tại đình Xuân Lưu, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đình đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh.	
367	Lê Viết Trạc	Hoằng Hóa	Lê Viết Trạc (1853 - 1887), quê ở làng Mỹ Đà, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Bang tá quân vụ trong Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	

[262] Phan Kiêm Toàn (theo sách Danh sĩ Thanh Hóa và việc học thời xưa, trang 61).

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
368	Lê Nghĩa Trạch	Trung Chính	Lê Nghĩa Trạch (1536 - 1614), quê làng Phu Huệ, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ nhị giáp đồng chế khoa, làm quan tới chức Tả Thị lang thời Lê Trung hưng.	
369	Nguyễn Khắc Tráng	Hoằng Lộc	Nguyễn Khắc Tráng (1753 - 1822), quê ở xã Bột Thượng (nay là xã Hoằng Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học trấn Nghệ An thời nhà Nguyễn, là nhà giáo mẫu mực, nghiêm khắc, tài năng và đức độ.	
370	Đặng Xuân Tráng	Tống Sơn	Đặng Xuân Tráng (? - ?), quê xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một trong hai vị thủ lĩnh (Nguyễn Viết Toại, Đặng Xuân Tráng) tiêu biểu của huyện Hà Trung trong phong trào Cần Vương chống thực dân pháp, có nhiều đóng góp quan trọng trong xây dựng và chiến đấu ở cứ điểm Ba Đình nổi tiếng.	
371	Lê Tranh	Lam Sơn	Lê Tranh (1467 - 1500), quê Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI.	
372	Nguyễn Trật	Nguyệt Viên	Nguyễn Trật (1581 - 1661), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Năm 20 tuổi (1600) ông thi đỗ Hương cống. Năm 51 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Hợi (1623) đời Vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Công khoa đô cấp sự trung.	
373	Vũ Trật	Thiệu Toán	Vũ Trật (1463 - ?), quê làng Lỗ Hiền, huyện Lôi Dương, sau thuộc xã thuộc xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa. Năm 25 tuổi, ông đỗ Hoàng giáp khoa Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), đời vua Lê Thánh Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát ngự sử.	
374	Lê Bá Trí	Lưu Vệ	Lê Bá Trí (thế kỷ XVIII), còn có tên là Lê Bùi Vị, quê làng Nhân Hậu, xã Lưu vệ, tổng Lưu vệ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia (nay là xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa), là Đô đốc Thái giám, Tả Đô đốc thời Lê Trung hưng, được ban chức Tả Đô đốc, tước Quận Công.	
375	Lê Huy Trì	Tân Dân	Lê Huy Trì (1822 - 1862), quê phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân (1843), được bổ làm quan Hành Tẩu, giữ chức Tri phủ Lạng Giang.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
376	Trần Ân Triêm	Yên Định	Trần Ân Triêm (1673 - ?), quê xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (1715), làm tới chức Tả Thị lang thời Lê Trung hưng và là thầy dạy học nổi tiếng đất Yên Định.	
377	Lê Công Trinh	Hoằng Giang	Lê Công Trinh (? - ?) (Linh Thông Tôn Thần), quê thôn Phượng Mao, xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Là vị tướng nhà Lê, có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, sau phò vua Lê Nhân Tông, có công lớn trong dẹp giặc Đồn Bàn, được triều đình ban thưởng và cho phép lập đồn điền, khai khẩn đất hoang, chiêu dân lập ấp. Theo truyền thuyết, sau khi Ngài qua đời thường hiện thánh giúp đỡ Nhân dân địa phương, hiển linh âm phù vua Lê đánh Nhà Mạc. Những công lao to lớn của Ngài đối với quê hương, đất nước đều vang danh qua các triều đại.	
378	Nguyễn Cửu Triêm	Hà Long	Nguyễn Cửu Triêm (thế kỷ XVII - XVIII), quê gốc ở làng Gia Miêu (nay là xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, là Phó tướng, trấn thủ dưới thời Chúa Nguyễn.	
379	Lê Nhân Triệt	Trung Chính	Lê Nhân Triệt tức Lê Sĩ Triệt (1612 - 1687), quê làng Cổ Đôi, (nay gọi là thôn Văn Đôi), xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) làm tới chức Bồi tụng, Hữu Thị lang bộ Hình, tước Quế hải hầu thời Lê Trung hưng.	
380	Bà Triều	Sầm Sơn	Bà Triều (? - ?), quê thành phố Sầm Sơn (cũ), tương truyền Bà là tổ sư nghề dệt săm xúc và tơ lụa, có sắc phong từ đời Vua Lê Thánh Tông (giai đoạn 1460 - 1497) với Thánh vị "Hùng Triều thánh tổ, Ưng đồ đại vương, Thượng đẳng tối linh thần". Bà được Nhân dân thành kính, tôn thờ vì đã có công truyền dạy cho Nhân dân Sầm Sơn cách dệt xăm xúc đánh moi và lưới rùng để đánh bắt cá đem lại cuộc sống ấm no cho dân làng. Để tưởng nhớ công ơn của bà, Nhân dân Sầm Sơn đã lập đền thờ Bà Triều tại khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư và khu phố Vĩnh Thành, phường Trung Sơn. Đền thờ Bà Triều, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 316/VHQĐ ngày 04 tháng 9 năm 1995.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
381	Mai Thị Triều	Hải Lĩnh	Bà Mai Thị Triều (? - ?), quê thôn Thượng Thọ, Giáp Mai (làng Mai) xã Hào Môn, huyện Ngọc Sơn nay là tổ dân phố Thống Nhất, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa. Bà Mai Thị Triều thụy là Mẫu Khanh phu nhân hay còn gọi là Quý Thanh Tuyên từ ngọc nữ. Bà là con người nhân hậu, tài đức hơn người, có công hộ quân đánh giặc, hộ lương nuôi quân, phát chẩn cứu bần, được phong Hậu Thần. Đền thờ Mai Thị Triều được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.	
382	Lê Bật Triệu	Hoằng Châu	Lê Bật Triệu (1771 - 1846), quê xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa, là người hay chữ, một thầy giáo giỏi của đất Xứ Thanh, ông có 02 tập thơ nổi tiếng là Bắc hành thi tập và Nam hành thi tập.	
383	Hoàng Tiến Trình	Thiệu Hóa	Hoàng Tiến Trình (1915 - 1983), quê xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	
384	Nguyễn Nhân Trứ	Nguyệt Viên	Nguyễn Nhân Trứ (1612 - ?), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Giáp Tuất (1634), đời Lê Thần Tông, giữ chức công bộ Tả Thị Lang, tước Hoằng Phái hầu khi mất được tăng chức Thượng Thư.	
385	Lê Khả Trù	Đông Tiến	Lê Khả Trù[263] (1582 - ?), quê ở thôn Phúc Triền, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sỹ khoa Mậu Tuất (1628), làm tới chức Hộ khoa Cấp sự trung thời Lê Trung hưng.	
386	Lê Công Trực	Hoằng Thanh	Lê Công Trực (1750 - 1835), quê ở xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa, là Tả kích cơ, Quản cơ tượng quân dưới thời nhà Nguyễn, có nhiều công lao đóng góp vào việc giữ gìn giang sơn, bờ cõi.	
387	Lê Trí Trực	Hoằng Phú	Lê Trí Trực (? - 1888), quê làng Trung Hậu (nay là xã Hoằng Phú), tỉnh Thanh Hóa, là Tri huyện thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
388	Hoàng Khắc Trung	Thiệu Hóa	Hoàng Khắc Trung (? - ?), quê xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

[263] Phường Đông Sơn đề nghị sửa tên Lê Khả Trừ thành Lê Khả Trù.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
389	Lưu Trung	Thọ Lập	Lưu Trung (? - ?), quê xã Đàm Thi, huyện Lương Giang, nay là làng Quảng Thi, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa. Lưu Trung đến Lam Sơn tụ nghĩa tháng 3 năm Đinh Dậu (1417), ông cùng 13 người khác đội cỏ khô bơi theo dòng nước lấy được Linh Xa của bố vua (Lê Lợi) về tang ở Động Chiêu Nghi như cũ. Lưu Trung tham gia nhiều trận đánh góp phần cùng nghĩa quân Lam Sơn giải phóng đất nước. Năm Thuận Thiên Thứ nhất Mậu Thân (1428) Lưu Trung được giữ chức Đồng Tổng quản vệ Quy hóa. Năm thuận thiên thứ 5 (1432) ông được thăng bảo chính công thần nhập nội, hạ quốc oai vệ chủ quân sự. Sau được phong chức Tư Mã.	
390	Lê Trung	Hàm Rồng	Lê Trung (? - ?), quê phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa. Ông cùng Lê Thùy và Lê Duyên là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong Tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại Đền thờ Tướng quân Lê Thành, Làng Định Hòa, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.	
391	Nguyễn Trừng	Đông Tiến	Nguyễn Trừng (? - ?), quê phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Ông làm quan dưới triều Lê Thần Tông được phong Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, nhập thị kinh diên bộ tòng, hình bộ Tả thị lang, tức Lộc Diên Hầu, tên thụy là Thuần Trung tướng công ... Đền thờ Nguyễn Trừng được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2011.	
392	Nguyễn Cửu Trường	Hà Long	Nguyễn Cửu Trường (1807 - 1853), quê Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn (nay thuộc xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng Giáp khoa Mậu Tuất (1836), từng giữ chức Tuần phủ tỉnh Biên Hòa.	
393	Mai Phúc Trường	Hoa Lộc	Mai Phúc Trường (? - ?), quê xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là người tham gia Hội nghị Diên Hồng năm 1284, tham gia cánh quân của Thượng tướng Trần Quang Khải chống quân Nguyên ở Thanh Hóa.	
394	Ngô Xuân Trường	Thanh Hóa	Ngô Xuân Trường (1815 - 1887), quê Thanh Hóa, đỗ Cử nhân, được Triều đình nhà Nguyễn bổ làm quan Tri phủ ở các huyện Tĩnh Gia, Hà Trung, Yên Định và là quân sư cho Phong trào Cần Vương chống Pháp của nghĩa quân Tú Phương ở Nông Cống.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
395	Lê Văn Tu	Hoằng Phú	Lê Văn Tu (1936 - 1998), quê quán xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa, có thời gian giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
396	La Tu	Hoa Lộc	La Tu (? - ?), quê xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ (Hoàng Giáp), khoa Giáp Dần (1374) đời Trần Duệ Tông (cùng khoa với Nguyễn Ứng Long - cha đẻ Nguyễn Trãi), từng làm tri phủ Thanh Hóa. Ông là hậu duệ của Áp lãng chân nhân La Viện.	
397	Nguyễn Đình Tú	Yên Định	Nguyễn Đình Tú (1512 - 1574), người làng Tân Ngữ, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa thi Nhâm Thìn (1532), làm quan đến chức Thượng thư Bộ binh, khi mất được phong tặng Khuông quận công.	
398	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Quang Trung	Nguyễn Thị Ngọc Tú (? - ?), là con gái của Đoan Quận công Nguyễn Hoàng và là Chính phi Thanh Đô vương Trịnh Tráng. Sau khi làm nội cung của Trịnh Tráng (1623), bà về thăm quê hương ở huyện Tống Sơn, nhân đó bỏ tiền công đức dựng chùa Khánh Quang (Trạch Lâm). Trong chùa có tượng Vương phi tức là bà.	
399	Cao Tư	Hoằng Hóa	Cao Tư (thế kỷ XVI), quê ở thôn Thọ Lộc, xã Bút Sơn (nay là thôn Hoằng Lộc, xã Hoằng Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Tả Đô đốc dưới thời Lê Trung hưng.	
400	Doãn Tử Tư	Tân Ninh	Doãn Tử Tư (thế kỷ XI), quê xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư và là nhà ngoại giao thời Lý, từng đi sứ nhà Tống, được ban tặng tước Quận Công.	
401	Trịnh Văn Tuấn	Thiệu Hóa	Trịnh Văn Tuấn (1585 - ?), quê làng Tuấn Kiệt, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Năm 56 tuổi, ông đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ 6 (1640), đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Hàn lâm Hiệu thảo (Bài ký bia Tiến sĩ khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hoà thứ 6 (1640), được khắc và dựng bia tại Văn miếu, vào ngày 16 tháng 11, niên hiệu Thịnh Đức thứ 1 (1653), đời vua Lê Thần Tông).	
402	Lê Huy Tuần	Tân Dân	Lê Huy Tuần (1892 - 1955), quê làng Đông Thái, tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia (nay là thôn 3, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường
403	Lê Đình Túc	Trung Chính	Lê Đình Túc (1542 - 1623), quê làng Nhân Lãng (cũ), nay thuộc xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1589), làm quan tới chức Thượng thư	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thời Lê Trung hưng. Khi mất, ông được tặng chức Binh bộ Thượng thư, tước Triệu quận công.	
404	Lê Bá Tùng	Đông Sơn	Lê Bá Tùng (1892 - 1948), quê làng Hàm Hạ, nay thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một trong ba Đảng viên đầu tiên của Chi bộ Hàm Hạ (Chi bộ Đảng đầu tiên ở tỉnh Thanh Hóa).	
405	Đỗ Văn Tước	Thọ Xuân	Đỗ Văn Tước (? - ?), quê ở huyện Thọ Xuân (cũ), tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ tự vệ huyện Thọ Xuân được cử đi Chiến khu Ngọc Trạo năm 1941 và là một trong những tấm gương tiêu biểu chiến đấu hy sinh tại Chiến khu.	
406	Bùi Kim Tương	Quảng Bình	Bùi Kim Tương (1716 - 1774), người làng Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, là bậc hào trưởng trong vùng, giúp đỡ triều đình đắp lũy, góp phần đánh dẹp quân phản loạn ở Nghệ An, Bang Giang, Đá Mai giành thắng lợi.	
407	Lê Tán Tương	Thọ Phú	Lê Tán Tương (1482 - ?), hay còn gọi là Lê Tán Tượng, quê Thượng Cốc, huyện Lôi Dương, (nay thuộc xã Thọ Phú), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (1499), làm quan đến Thượng thư bộ Hình.	
408	Đỗ Tương	Trúc Lâm	Đỗ Tương (? - ?) (Đậu Đình Tương), quê làng Giản Tín, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Tiến sỹ khoa Ất Mùi năm 1475.	
409	Nguyễn Mậu Tuyên	Xuân Hòa	Nguyễn Mậu Tuyên (1518 - 1599), quê làng Thịnh Mỹ, xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan, Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
410	Nguyễn Quang Tuyền	Hoằng Sơn	Nguyễn Quang Tuyền (? - 1665), quê làng Cát Xuyên, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đầu quân theo Trịnh Tùng "phù Lê diệt Mạc", làm quan tới chức Đề đốc thời Lê Trung hưng.	
411	Lê Xuân Tuyển	Hoằng Tiến	Lê Xuân Tuyển (1831 - 1909), quê ở thôn Đông Thành (nay thuộc xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa), là suất đội thời nhà Nguyễn và là Lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Hoằng Hóa và Hậu Lộc.	
412	Chàng Út	Nông Cống	Chàng Út (? - ?), quê huyện Nông Cống (cũ). Họ Lê tên húy là Hữu, hiệu Chàng Út, tôn phong Tham Xung Tá Quốc, là con trai của Thái Thú Cửu Chân Lê Ngọc.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thời Tùy Đại Nghiệp (603 - 617), khi nhà Đường tiêu diệt nhà Tùy, ngài cùng cha và ba anh em đứng lên chọn vùng Đông Sơn - Nông Cống làm chiến khu riêng chống lại nhà Đường. Trong ba anh em, ngài là con út xuất chúng hơn cả. Về sau, thất trận ngài hóa ở đền Mưng, xã Trung Thành bên bờ sông Lãng Giang (nay là sông Cầu Quan thuộc Nông Cống), Nhân dân tôn là Thánh Lưỡng (đọc chệch âm là Lãng thành Lưỡng). Ngày nay, dân hai bên tả hữu sông Cầu Quan có rất nhiều làng thờ ông, toàn tỉnh có 57 nơi thờ riêng (Nông Cống 43 nơi).	
413	Đỗ Đông Uyên	Xuân Lập	Đỗ Đông Uyên (1908 - 1986), quê làng Trung Lập, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa, nay là xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
414	Nguyễn Đình Văn	Nguyệt Viên	Nguyễn Đình Văn (1860 - ?), có tên húy là Khang, hiệu là Ích Xuyên, quê ở làng Phượng Đình, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Phó bảng (1892), từng làm quan tới chức Án sát tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hòa, giữ chức Quang lộc tự Thiếu khanh.	
415	Hoàng Duy Văn	Hoằng Hóa	Hoàng Duy Văn (? - ?), quê Phú Vinh, Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa (cũ). Ông làm quan cuối thời Lê - Trịnh, năm niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), vì lập được nhiều công tích được triều đình nghị bàn thăng cho hai cấp Bá hộ Phó Thiên hộ. Về sau thăng chức Phó Vệ úy.	
416	Lê Vãn	Xuân Hòa	Lê Vãn (? - 1436), quê thôn Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Hòa, tỉnh Thanh Hóa), là Khai quốc công thần thời Lê sơ.	Phố
417	Lê Đình Vệ	Thắng Lợi	Lê Đình Vệ (1448 - ?), quê làng Thổ Giá, huyện Nông Cống (cũ), nay là Thổ Vị, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa. Ông là em Hoàng giáp Lê Khắc Nhượng, thi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa thi Mậu Thìn niên hiệu Đoan Khánh thứ 4 (1508) đời Lê Uy Mục (hai anh em thi đỗ đồng khoa). Khi làm quan văn ông giữ chức Đông các Đại học sĩ. Còn quan võ là Phụ quốc Thượng tướng quân, hàm chánh tam phẩm.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
418	Nguyễn Vi	Nguyệt Viên	Nguyễn Vi (1608 - ?), quê làng Nguyệt Viên, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu 1637 đời Lê Thần Tông. Ông được ban chức lại khoa đô đốc sư trung thành Lại khoa Đô cấp sự trung.	
419	Lê Viêm	Sầm Sơn	Lê Viêm (1849 - 1889), quê thành phố Sầm Sơn (cũ), tự Lê Văn Hân, hiệu Quả Nghị. Ông sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước. Theo các tài liệu, trong phong trào văn thân giữa thế kỷ XIX, làng Hòa Chúng có ông Lê Viêm, thường gọi là Hương Thộ và Vũ Kim Huy, thường gọi là Đường Hiêng liên kết với lãnh tụ Lãnh Phiên (Vũ Đình Phiên, người làng Xuân Phương, phường Sầm Sơn) chiêu tập nghĩa quân đánh Pháp. Riêng làng Hòa Chúng, Lê Viêm đã tập hợp được trên 80 dân binh địa phương đứng lên chống Pháp trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX và hợp sức với đội quân của Lãnh Phiên. Lê Viêm được giao phụ trách quân lương. Ông tham gia nhiều trận đánh, trong đó lớn nhất là trận đánh tại chợ Cầu Trỏi thuộc làng Hòa Chúng ngày 8/3/1886 khiến cho quân địch hoang mang dao động. Sau đó, Lê Viêm tham gia nghĩa quân Ba Đình được giữ chức "Đốc vận quân lượng" lo vận chuyển lương thực, vũ khí. Khi căn cứ Ba Đình bị vỡ, Lê Viêm cùng một số nghĩa quân khác rút lên vùng trung du tiếp tục đánh Pháp. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tên Lê Viêm còn được đặt cho tên một xã trước khi có tên xã Quảng Thọ (nay là phường Sầm Sơn).	
420	Nguyễn Viên	Hoằng Lộc	Nguyễn Viên (1752 - 1804), người xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Cần chính điện Học sỹ kiêm Thái thường Tự khanh thời Nguyễn.	
421	La Viện	Nga Sơn	La Viện (? - ?), người họ La, huyện Nga Sơn (cũ), tỉnh Thanh Hóa, đã có tài dẹp sóng giúp vua, được vua phong là Áp lãng chân nhân (vị tiên có tài dẹp sóng).	
422	Lê Viện	Hoằng Lộc	Lê Viện (1363 - 1426), quê ở làng Dương Thành, xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn, được Lê Lợi giao chỉ huy nhiều trận đánh ở Nghệ An, phía Bắc, khi khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, ông được Lê Lợi ban là Hoàng Triều Trận Vương, truy tặng tước Lê Triều quận công.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
423	Hoàng Xuân Viện	Hậu Lộc	Hoàng Xuân Viện (1871 - 1936), người làng Bổ Đầu, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là sĩ phu yêu nước tiến bộ. làm Phó tướng phụ trách Đồn Mỹ Khê trong Cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	Đường
424	Lê Vinh	Đông Quang	Lê Vinh (1615 - 1684), quê phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam Giáp đông Tiến sĩ, đời Lê Thánh Tông, là Tả Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được thăng Binh Bộ Thượng thư.	
425	Nguyễn Vĩnh	Nguyệt Viên	Nguyễn Vĩnh (? - ?), quê xã Lam Cầu, tổng Bái Cầu, huyện Hoằng Hóa, nay là thôn Sơn Hà, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1646), niên hiệu Phúc Thái 4, đời Lê Chân Tông, ông làm quan chức Tham chính, tước Nam.	
426	Nguyễn Trọng Vĩnh	Tây Đô	Nguyễn Trọng Vĩnh (1916 - 2019), quê xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa. Ông tham gia cách mạng từ sớm, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, được công nhận là lão thành cách mạng. Là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa đầu những năm 1970, là Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam và là Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc từ năm 1974 đến 1987. Ông được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.	
427	Trần Văn Vĩnh	Thiệu Hóa	Trần Văn Vĩnh (1783 - 1876), quê xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông có chí tang bồng, có tài thao lược cung kiếm, tung hoành vó ngựa xa trường, võ nghệ tinh tường theo hầu phủ soái, trù liệu luyện binh góp công lao cho quân đội dưới thời vua Minh Mệnh được quân hùng tướng mạnh, đánh đâu thắng đó. Cụ Vĩnh cũng được vua khen tặng về lòng trung nghĩa, hết lòng trung quân ái quốc và đặc biệt thăng cho chức Phấn Dũng tướng quân thần sách quân Hậu doanh, tuyển Phong hậu vệ phó vệ uý, trật tòng tam phẩm. Cụ được vua Minh Mệnh ban cho cáo mệnh, tôn sùng nhất tâm nhất đức, hết lòng vì binh nhung, chẳng quản gian khó, công lao càng thêm rạng rỡ, lan toả muôn phương. Báo đáp công lao, để lại tiếng thơm muôn thuở.	
428	Nguyễn HuyVõ	Hoằng Lộc	Nguyễn Huy Võ (thế kỷ XIX), quê làng Bột Thượng, xã Hoằng Lộc, là Tri huyện thời Nguyễn, lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
429	Ngô Ngọc Vũ	Thiệu Tiến	Ngô Ngọc Vũ (? - 1945), quê ở xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Chiến khu Ngọc Trạo, là Ủy viên Phủ ủy Thiệu Hóa thời kỳ trước 1945, trong cuộc chiến đấu chống Nhật về khủng bố, ông chỉ huy tự vệ phục kích địch và đã anh dũng hy sinh.	
430	Hoàng Doãn Vũ	Đông Tiến	Hoàng Doãn Vũ (1475 - ?), quê làng Đại Bối, huyện Đông Sơn (nay là thôn Đại Bái, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn, năm 34 tuổi niên hiệu Đoan Khánh 4 (1508), đời vua Lê Uy Mục. Ông làm quan đến chức Hữu thị lang.	
431	Nguyễn Thời Vụ	Hải Bình	Nguyễn Thời Vụ (? - ?), quê làng Kim Cốc, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa. Vào những năm đầu thế kỷ XVIII, ông cùng Trần Công Sủng và Lê Nhân Quý (người cùng làng Kim Cốc) có công trong việc đắp đê ngăn mặn, đắp đường, khai phá rừng rậm thành cánh đồng, xây dựng đình làng, chiêu dân lập ấp. Ông được tặng sắc phong là "Yên Trung Tôn Thần" thời Long Đức Lê Thần Tông. Hiện nay nhà thờ ông và dòng họ Nguyễn Tông đã tồn tại hơn 400 năm tại làng Kim Cốc (nay là tổ dân phố Kim Phú, phường Mai Lâm).	
432	Phong Xà	Xuân Lập	Phong Xà (? - ?), quê làng Ngọc Trung, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa, tương truyền ông là ông tổ nghề ca công của nước ta. Tại đây từng có đền thờ ông. Hàng năm, các phường ca khắp mọi miền đất nước đều về dự ngày giỗ để tỏ lòng biết ơn.	
433	Lê Ngọc Xích	Hoằng Hóa	Lê Ngọc Xích (1568 - 1640), quê ở xã Hoằng Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, Đô chỉ huy sứ Cẩm Y thời Lê Trung hưng.	
434	Nguyễn Xuân	Nguyệt Viên	Nguyễn Xuân (1831 - ?), quê làng Tào Trụ, phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là Án sát thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
435	Nguyễn Xuân	Hà Long	Nguyễn Xuân (? - 1835), người huyện Tống Sơn, nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam	Đường
436	Hoàng Đăng Xuân	Triệu Lộc	Hoàng Đăng Xuân (1678 - ?), quê xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Tiến sĩ năm Ất Mùi (1715), làm đến chức Thừa chính sứ. Khi mất tặng chức Tả Thị Lang.	
437	Nguyễn Xứng	An Nông	Nguyễn Xứng (1867 - 1914), có tên còn gọi là Cử Xứng, quê làng Phương Khê, Tổng Cổ Định (nay là xã An Nông), tỉnh Thanh Hóa, đậu Cử nhân năm 1894, tham	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			gia phòng trào yêu nước từ năm 1905.Năm 1908, tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa và bị Pháp bắt tù đày đi Côn Đảo.	
438	Lê Văn Xuyên	Tĩnh Gia	Lê Văn Xuyên (1806 - 1841), quê phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, có công trong việc thiết kế, chỉ đạo thi công Kinh Đô nhà Nguyễn ở Huế, khi mất được phong Ngũ Phẩm triều đình.	Đường
439	Lương Văn Yên	Tĩnh Gia	Lương Văn Yên (? - ?), quê ở huyện Tĩnh Gia (cũ), tỉnh Thanh Hóa, tham gia Khởi nghĩa Lam sơn ngay buổi đầu, có công trong trận đánh năm Ất Tỵ cùng Lê Lợi thu lại Thành Tây Đô.	Đường

2.3. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

Tổng số: 48 Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, trong đó 05 tên của anh hùng đã dùng đặt tên.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Lương Văn Biêng	Nam Xuân	Lương Văn Biêng (1949 - 1993), quê Bản Ken, xã Nam Động (nay là Bản Ken 1, xã Nam Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Ông nhập ngũ tháng 7 năm 1967 khi ông 18 tuổi, trong thời gian tham gia kháng chiến do có nhiều thành tích trong chiến đấu ông được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ vào ngày 15 tháng 01 năm 1976 khi ông 27 tuổi. Sau đó, ông cùng gia đình chuyển vào Nam sinh sống. Do vết thương cũ tái phát và mắc bệnh hiểm nghèo, ông đã mất năm 1993 tại Đăk Lăk khi ông mới 44 tuổi.	
2	Lê Xuân Bồng	Hoằng Lộc	Lê Xuân Bồng (1947 - 1995), quê xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nhập ngũ tháng 2 năm 1965, có nhiều thành tích trong chỉ huy và chiến đấu, ngày 15 tháng 01 năm 1976, ông được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ. Ông mất năm 1995.	
3	Lê Thế Bùi[264]	Quảng Yên	Lê Thế Bùi (1948 - 1980), quê xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng Công an nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	

[264] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
4	Lò Văn Bường	Xuân Chinh	Lò Văn Bường (1924 - 2019), quê thôn Cộc Chẻ, xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hóa, ông là người dân tộc Thái. Năm 1948, ông tham gia kháng chiến chống Pháp, là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ông từng giữ chức Trung đội Phó bộ binh thuộc đoàn 335, bộ đội tình nguyện, hoạt động tại miền Tây giúp bạn. Năm 1956, ông được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ông là cựu chiến binh lao động sản xuất giỏi. Ông mất năm 2019.	
5	Lê Đình Chinh[265]	Nguyệt Viên	Anh hùng liệt sĩ Lê Đình Chinh (1960 - 1978), quê ở phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Lê Đình Chinh sớm tham gia lực lượng công an vũ trang, ông hy sinh trong trận gây rối ở biên giới phía Bắc, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên phòng Ải Bắc. Ông là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ. Ngày 31 tháng 12 năm 1978, được truy tặng danh hiệu là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	Đường, phố
6	Lê Văn Đa	Thạch Thành	Lê Văn Đa (1948 - 1969), quê huyện Thạch Thành (cũ). Ông nhập ngũ tháng 4 năm 1967, hy sinh ngày 22 tháng 02 năm 1969. Cấp bậc, chức vụ khi hy sinh: Thượng sĩ - Trung đội trưởng đội đặc công nước Thị đội Hội An (Quảng Nam), hy sinh trong trận đánh vào trung tâm nội ô tiêu diệt cơ quan đầu não của Mỹ ngụy tại Hội An, Quảng Nam. Ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2018.	
7	Trần Quang Đắp	Thiệu Quang	Trần Quang Đắp (1946 - 1967), quê xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa. Nhập ngũ tháng 4 năm 1965; Đơn vị đại đội 21 trinh sát, Trung đoàn 165, sư đoàn 7, Quân đoàn 4. Hy sinh ngày 21 tháng 11 năm 1967. Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 803/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch nước.	

[265] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
8	Mai Văn Dậu	Ba Đình	Mai Văn Dậu (1923 - 2018), quê thôn Hợp Long 1, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa, được phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Ông mất năm 2018.	
9	Bùi Ngọc Đủ	Quảng Bình	Bùi Ngọc Đủ (1942 - 2017), quê xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1961, ông nhập ngũ đi B và được biên chế vào Tiểu đoàn 10, Trung đoàn 821, Sư đoàn 324. Suốt từ đó đến năm 1969, ông cùng đồng đội tham gia gần 100 trận đánh trên các chiến trường, lập nhiều chiến công, được tặng nhiều huân - huy chương các loại. Năm 1970, ông vào chiến trường Tây Nguyên. Ngày 24 thán 02 năm 1972, ông chỉ huy tiểu đoàn pháo binh 2 đánh vào Đăk Tô - Tân Cảnh. Ngày 20 tháng 4 năm 1975, ông cùng sư đoàn tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đánh vào Bình Phước, Củ Chi và giải phóng Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975. Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, là Thiếu tá làm Phó ban Tổ chức huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Sau đó, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau và chỉ huy 17 trận đánh với Fulrô. Năm 1995, ông nghỉ hưu, làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội khuyến học huyện Mang Yang. Ông Bùi Ngọc Đủ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2000. Ông mất năm 2017.	
10	Nguyễn Minh Đức	Hoằng Châu	Nguyễn Minh Đức (1918 - 1967), quê xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ.	
11	Phạm Viết Đức	Hoằng Phú	Phạm Viết Đức (1936 - 2022), quê xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa. Nhập ngũ năm 1956, công tác trong Nhà máy Q159 chuyên sản xuất phụ tùng sửa chữa xe máy. Với tinh thần lao động hăng say, đồng chí đã có nhiều sáng kiến tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật liệu và bảo vệ trang thiết bị nhà máy. Ngày 01 tháng 10 năm 1971, đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
12	Trần Đức[266]	Đào Duy Từ	Trần Đức (1917 - 1950), quê ở phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường, phố

[266] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
13	Lưu Thế Hà	Yên Trường	Lưu Thế Hà (1961 - 1981), quê xã Yên Bái, nay là xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa. Ông sinh ra trong gia đình cán bộ (Bố là phó hiệu trưởng trường cấp 3, các anh chị là cán bộ ở nhiều ngành). Học xong cấp 3, ông tham gia lực lượng an ninh vũ trang và công tác tại tỉnh Lâm Đồng. Qua quá trình công tác, ông được bầu là chiến sỹ thi đua của đơn vị. Năm 1981, ông được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
14	Lê Hữu Hãnh	Vĩnh Lộc	Lê Hữu Hãnh (1948 - 2018), quê huyện Vĩnh Lộc (cũ). Ông nguyên là phó tham mưu trưởng lữ đoàn 229 - Bộ tư lệnh công binh. Ông được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, huân chương chiến công hạng Nhất, huân chương chiến công hạng Nhì, huân chương chiến công hạng Ba, huy chương quân kỳ chiến thắng, huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.	
15	Nguyễn Văn Hiền[267]	Thiệu Hóa	Nguyễn Văn Hiền (1950 - 1979), quê ở xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
16	Lê Minh Huân[268]	Tĩnh Gia	Lê Minh Huân (1936 - 1965), quê ở phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Ông nhập ngũ tháng 3 năm 1953, là trung úy, trung đội trưởng, thuộc Đại đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371 không quân, Bộ Tư lệnh không quân. Ông được truy tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 30 tháng 8 năm 1995.	Đường
17	Lê Trọng Huyên	Thiệu Tóan	Lê Trọng Huyên (1934 - 1972), quê xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa, là thiếu tá phi công hy sinh trong khi đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu trên bầu trời miền Bắc với máy bay Mỹ. Ông đã được truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tại Quyết định số 161/KT-CTN ngày 28 tháng 4 năm 2020, ông là 1 trong khoảng 20 người là anh hùng liệt sĩ trong số hơn 80 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là người Thanh Hóa.	

[267] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[268] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
18	Lê Hỷ	Kim Tân	Lê Hỷ (1935 - 2022), quê khu phố 1 Liên Sơn, xã Kim Tân (trước đây là Thôn 1 Liên Sơn, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành). Nguyên quán: phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa. Tháng 01 năm 1954, ông nhập ngũ. Năm 1966, ông cùng đơn vị được điều vào chiến trường Quảng Trị (Vĩnh Linh) để nghiên cứu đánh B52. Ngày 17 tháng 9 năm 1967, ông cùng đồng đội thuộc Trung đoàn 238 đã bắn rơi được chiếc B52 đầu tiên, trong đó ông là người trực tiếp đã phóng 02 quả tên lửa vào mục tiêu. Ngày 22 tháng 12 năm 1967, đơn vị ông bắn rơi thêm 01 chiếc B52, tổng cộng đã bắn rơi 6 máy bay ở Vĩnh Linh, trong đó ông tham gia bắn rơi được 04 máy bay B52. Ông đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2015.	
19	Hà Văn Kẹp	Văn Nho	Hà Văn Kẹp (1942 - 2021), quê xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hóa; ông là người dân tộc Thái, nhập ngũ tháng 02 năm 1961. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang ông là Chuẩn úy, Trung đội phó trinh sát thuộc Tiểu đoàn 923, Đoàn 959 (Bộ đội tình nguyện giúp Lào), Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày 01 tháng 01 năm 1967.	
20	Lê Công Khai[269]	Hoằng Phú	Lê Công Khai (1925 - 1954), quê ở xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
21	Cao Văn Khang	Hoằng Giang	Cao Văn Khang (1944 - 1987), quê xã Hoằng Khánh (nay là Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa). Nhập ngũ tháng 4 năm 1963, trong công tác, đồng chí đã không sợ hy sinh, nguy hiểm, cùng tổ công binh 3 người do ông phụ trách tháo gỡ được 715 quả bom và bom nổ chậm, trong đó có 50 quả bom tạ trong vòng 16 tháng, đã thu hàng tấn thuốc nổ cho đơn vị. Đặc biệt là người tìm tòi nghiên cứu, tháo gỡ được loại bom bi, rồi phổ biến kinh nghiệm đi các nơi, trong khi chỉ mới biết trên lý thuyết một số loại bom cũ. Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba và được bầu là chiến sỹ thi đua của đơn vị. Ngày 01 tháng 01 năm 1967,	

[269] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đồng chí Cao Văn Khang được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
22	Nguyễn Đình Khơi	Yên Định	Nguyễn Đình Khơi (1951 - 1978), quê huyện Yên Định (cũ), nay là xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ông là liệt sỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, có hai Huân chương chiến công hạng Ba, một Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba, truy tặng Huân chương chiến công hạng Nhì, đã hy sinh ngày 17 tháng 11 năm 1978 tại mặt trận Tây Nam Tổ quốc.	
23	Nguyễn Ngọc Khuyến	Vạn Lộc	Nguyễn Ngọc Khuyến (1949 - 2007), quê xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là người lính cao xạ, có mặt trên nhiều chiến trường trong kháng chiến chống Mỹ, ở những trận địa ác liệt nhất như Cầu Ghép, Hoàng Mai, Bến Thủy, Ngã Ba Đồng Lộc, đường 9 Nam Lào, Huế, Quảng Trị, chiến dịch Hồ Chí Minh 1975, biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông cùng đồng đội bắn rơi 12 máy bay Mỹ, bắt sống 2 phi công, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba, Huy hiệu Bác Hồ, ba lần là Chiến sỹ quyết thắng. Ngày 01 tháng 11 năm 1971, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông mất năm 2007.	
24	Lê Hữu Kiển	Quảng Ngọc	Lê Hữu Kiển tức Lê Quốc Bảo (1925 - 2006), quê xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa. Ông nhập ngũ tháng 10 năm 1954 liên tục chiến đấu ở chiến trường khu V đến tháng 5 năm 1959 trở lại chiến trường Tây Nguyên. Từ năm 1959 - 1965 phụ trách đội vũ trang tuyên truyền, với cương vị chỉ huy trưởng đã chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng phát triển lực lượng, tích cực đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên, hỗ trợ đắc lực cho phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác ôn. Lê Hữu Kiển được tặng 02 Huân chương chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua. Lê Hữu Kiển được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông mất tại Đắc Lắk.	
25	Hoàng Văn Kỹ	Hoằng Lộc	Hoàng Văn Kỹ (1939 - 1967), quê quán xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông bắn rơi 4 máy bay Mỹ, hy sinh trong trận đánh không cân sức ngày 05 tháng 6 năm	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			1967 với máy bay Mỹ trên vùng trời Vĩnh Phúc, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ.	
26	Nguyễn Hùng Lễ[270]	Quảng Chính	Nguyễn Hùng Lễ (1942 - 1968), còn có tên là Nguyễn Hồng Lễ, quê ở xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa, nay là khu phố Trung Kỳ, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường
27	Đặng Đình Lống	Ngọc Sơn	Đặng Đình Lống (1942 - 1964), quê phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông là liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2005.	
28	Trương Công Man[271]	Cẩm Tân	Trương Công Man (1930 - 1952), quê ở xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
29	Lê Trần Mẫn[272]	Hoằng Phú	Lê Trần Mẫn (1961 - 1985), quê ở xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
30	Phan Bá Mạnh	Thắng Lợi	Phan Bá Mạnh (1952 - 1979), quê huyện Nông Cống (cũ) nay là xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa. Liệt sĩ Phan Bá Mạnh, trung úy, đại đội trưởng Đại đội 10 bộ binh Lạng Sơn, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông lập được nhiều thành tích trong công cuộc chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống bọn xâm lược mới ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc. Ông được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1979.	
31	Hoàng Quý Nam[273]	Lam Sơn	Hoàng Quý Nam (1950 - 1979), quê ở xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
32	Tống Xuân Nhuận	Trường Văn	Tống Xuân Nhuận (1922 - 1996), quê xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa, được truy ặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu	

[270] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[271] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[272] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[273] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nước. Ông từng giữ Phó Ty Công an Thanh Hóa (1959 -1967), Trưởng Ty Công an Thanh Hóa (4/1979 - 1981), Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa (1981 - 6/1988).	
33	Nguyễn Đình Quân[274]	Thạch Thành	Nguyễn Đình Quân (1950 - 1970), quê huyện Thạch Thành (cũ), là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
34	Ngô Khắc Quyền	Thường Xuân	Ngô Khắc Quyền (1956 - 1978), quê quán xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông là trung sĩ, trung đội trưởng bộ binh, đại đội 2, tiểu đoàn 1, trung đoàn 273, sư đoàn 341, quân đoàn 4. Từ tháng 9 năm 1977 đến ngày 18 tháng 7 năm 1978, ông chiến đấu ở biên giới Tây Nam, tham gia chiến đấu trên 80 trận, diệt 35 tên địch, thu 40 khẩu súng các loại. Ngày 18/7/1978, tại trận đánh ở Búa Lớn (Tây Ninh) ông bị thương nặng hy sinh tại tỉnh Tây Ninh. Năm 1981 ông được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Ông hy sinh ngày 18 tháng 7 năm 1978 tại mặt trận biên giới Tây Nam.	
35	Quách Văn Rạng[275]	Vân Du	Quách Văn Rạng (1956 - 1979), quê ở xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
36	Nguyễn Văn Sáu[276]	Kim Tân	Nguyễn Văn Sáu (1937 - 1968), quê thôn Phú Lộc, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
37	Ngô Văn Tác	Định Hòa	Ngô Văn Tác (1939 - 2014), quê xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1959 nhập ngũ vào bộ đội, là Trung úy, trưởng xe kiêm sỹ quan điều khiển thuộc tiểu đoàn 71 tên lửa, trung đoàn 285, sư đoàn 369, quân chủng phòng không, không quân. Ông tham gia chiến đấu 44 trận ở nhiều tỉnh miền Bắc góp phần bắn rơi 22 máy bay Mỹ, chống lại tên lửa Sơ - rai của địch dùng để phá tên lửa của ta, ba lần đạt Chiến sỹ thi đua, hai lần Chiến sỹ quyết thắng. Năm 1969, ông được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông mất năm 2014.	

[274] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[275] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[276] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
38	Cao Xuân Thăng[277]	Quảng Ngọc	Cao Xuân Thăng (1955 - 1984), quê xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
39	Hà Văn Thanh	Lương Sơn	Hà Văn Thanh (1948 - 2002), quê xã Lương Sơn, tỉnh Thanh Hóa; là người dân tộc Thái. Ông tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ông là Đảng viên, thượng sĩ, Trung đội phó Đại đội 11 ô tô vận tải, Tiểu đoàn 51, binh trạm 34, đoàn 559. Từ năm 1969 đến năm 1972, ông lái xe vận chuyển đến tuyến đường 559. Trong suốt những năm tháng trên chiến trường, ông đã lái 38.221 km an toàn, ông được tặng thưởng 3 huân chương chiến công hạng 3, 2 lần là Chiến sĩ quyết thắng, 5 lần là Chiến sĩ thi đua, 42 bằng khen. Với nhiều chiến công xuất sắc, ngày 3 tháng 9 năm 1973, ông được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong chống Mỹ cứu nước tại Quyết định số 324/SV ngày 03 tháng 9 năm 1973 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ông mất năm 2002.	
40	Nguyễn Văn Thất	Quảng Yên	Nguyễn Văn Thất (1955 - 1975), quê xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Chiến sỹ Đại đội 1, Z23, Lữ đoàn 136, Đặc công biệt động, Bộ Tham mưu Miền Quân khu 7, hy sinh năm 1975. Do lập được nhiều chiến công, nhất là trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2014 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Liệt sỹ Nguyễn Văn Thất tại Quyết định số 2557/QĐ-CTN ngày 09 tháng 10 năm 2014.	
41	Lê Hồng Thịnh[278]	Sầm Sơn	Lê Hồng Thịnh (1937 - 1967), tên khai sinh là Lê Văn Cảo, quê xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, nay thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
42	Lang Sỹ Thủy[279]	Thanh Quân	Lang Sỹ Thủy (1951 - 1973), quê ở xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	

[277] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[278] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.
[279] Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
43	Lê Thụy (tức Lê Hữu Thúy)	Nguyệt Viên	Lê Thụy (1926 - 2000) (tức Lê Hữu Thúy), quê phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa, là một tình báo viên chiến lược trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông đã được nhà nước Việt Nam trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1996.	
44	Phạm Văn Tiềm	Tĩnh Gia	Phạm Văn Tiềm (1952 - 1973), quê phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, ông là liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được truy tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2013.	
45	Vũ Phi Trừ[280]	Quảng Chính	Vũ Phi Trừ (1957 - 1988), quê xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
46	Lê Văn Trung	Thiệu Tiến	Lê Văn Trung (1928 - 2022), quê xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa, nhập ngũ tháng 11 năm 1966. Ông đã từng đảm nhận cấp bậc chuẩn uý, trạm trưởng sửa chữa xe máy thuộc Trung đoàn 216, Bộ tư lệnh công binh. Từ năm 1966 đến 1978, làm nhiệm vụ sửa chữa ô tô, xe máy phục vụ đơn vị chiến đấu và công tác ở nước bạn Lào. Ông được tặng thưởng 1 Huân chương chiến công giải phóng hạng Nhất, 2 Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, 5 lần được bầu là Chiến sĩ quyết thắng, 10 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua, được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 06 tháng 11 năm 1978.	
47	Vũ Tiến Trung[281]	Ngọc Sơn	Vũ Tiến Trung (1944 - 1969), quê phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Ông nhập ngũ năm 1962, là trung đội trưởng bộ binh, bộ đội địa phương Sài Gòn - Gia Định. Ông tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ, đánh sập 02 cầu, đánh chìm 01 tàu, diệt 17 tên địch. Vũ Tiến Trung được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 02 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba[282].	Đường

[280] Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân là liệt sĩ.
[281] Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân là liệt sĩ.
[282] Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
48	Lê Văn Ức	Hoằng Giang	Lê Văn Ức (1950 - 2021), quê xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa. Nhập ngũ năm 1968, có nhiều công lao trong chỉ huy, chiến đấu và bảo vệ lực lượng đảm bảo an toàn khi địch bắn phá ác liệt. Ngày 20 tháng 9 năm 1971, đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	

2.4. Anh hùng Lao động

Tổng số: 08 anh hùng lao động, trong đó 01 tên của anh hùng đã dùng đặt tên.

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Trịnh Xuân Bái	Thọ Xuân	Trịnh Xuân Bái (1911 - 1985), quê ở xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
2	Đỗ Chanh	Ngọc Sơn	Đỗ Chanh (1921 - 1995), quê ở phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	Đường
3	Đỗ Xuân Diễn	Lưu Vệ	Đỗ Xuân Diễn (1932 - 2012), quê ở làng Thần Cốc, tổng Thái Lai (nay là Thôn Thần Cốc, xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa, là Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, Anh hùng Lao động.	
4	Mai Xuân Điểm	Biện Thượng	Mai Xuân Điểm (1935 - 1965), quê ở xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
5	Nguyễn Văn Huê	Trường Văn	Nguyễn Văn Huê (1926 - 2018), quê Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Nhà giáo tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung, Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng ông đã xây dựng Trường cấp 1 Hải Nhân (Tĩnh Gia) trở thành lá cờ đầu phong trào thi đua yêu nước trong hệ thống trường phổ thông toàn miền Bắc, năm 1967, ông vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Ông là Đại biểu Quốc hội Khóa III, IV, V.	
6	Nguyễn Minh Ro	Nga An	Nguyễn Minh Ro (1947 - 1968), quê xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
7	Nguyễn Công Thiệp	Nam Sầm Sơn	Nguyễn Công Thiệp (1904 - 1991), quê làng Trường Tân, phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
8	Nguyễn Xuân Trạc	Đông Thành	Nguyễn Xuân Trạc (1939 - 1992), quê ở xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	

2.5. Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Tổng số: 07 bà mẹ, trong đó 01 tên của bà mẹ đã dùng đặt tên.

STT	Họ Tên Mẹ	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Lê Thị Dệt	Thắng Lợi	Lê Thị Dệt (1912 - 2001), quê xã ở xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	
2	Trương Thị Dư	Quảng Yên	Trương Thị Dư (1916 - 2010), quê ở thôn Cổ Duệ[283], xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có chồng và 03 người con là liệt sĩ.	
3	Lê Thị Mai	Quảng Trị	Lê Thị Mai (1927 - 1962), quê ở Lệ Sơn, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị. Nơi ở: Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	
4	Lâm Thị Lam	Tân Dân	Lâm Thị Lam (1915 - 1980), quê phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 03 người con trai và 01 con dâu là liệt sĩ.	Đường
5	Hoàng Thị Lý	Quảng Ngọc	Hoàng Thị Lý (1913 - 2004), quê xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	
6	Trịnh Thị Tiết	Thiệu Tiến	Trịnh Thị Tiết (1912 - 1987), quê ở xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 4 người con là liệt sĩ.	
7	Nguyễn Thị Thiệp	Trường Văn	Nguyễn Thị Thiệp (1909 - 2001), quê ở xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	

[283] Xã Quảng Yên bổ sung tên thôn Cổ Duệ.